

THƯ QUÁN Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT/PHÁT HÀNH MỖI 2 THÁNG

Chủ đề:

Một tạp chí khó quên: Trước Mặt (Quảng Ngãi)

*Cung Tích Biền, Luân Hoán, Hoàng Lộc, Lâm Chương,
Khắc Minh, Vương Thanh, Phan Như Thức, Trần Hoài Thư*



*Đỗ Hồng Ngọc: Thy Đạo
g Kim Côn: Nhật Ký Di tản
uyễn Bắc Sơn: Trôi Cỏ Xứ
(sưu tầm)*

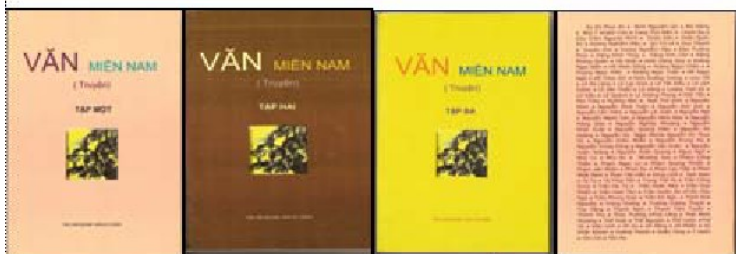
*Khởi đăng
IGU'ỜI GIỮ NHÀ THỜ HỌ
của Khuất Đầu
và
những sáng tác, nhận định
văn học, truyện dịch
của
tác giả quen thuộc hiện nay*

NĂM THỨ 10 TẬP 39 THÁNG 10 - 2009

Nhà xuất bản Thư Ấn Quán xin trân trọng giới thiệu những tác phẩm vừa in xong:

1. VĂN MIỀN NAM Tập I,II, III

(từ sách Di sản văn chương miền Nam)



Sưu tập từ các tạp chí trước 1975 như Văn, Văn học, Giữ Thơm Quê Mẹ, Bách Khoa, Ý Thức, Trình Bày, Văn Đề, Khởi Hành, Thời Tập, Nghệ Thuật, Tiếng Nói, Sáng Tạo, Văn Nghệ v.v...

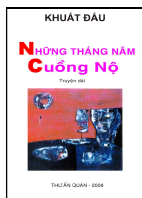
Mỗi tập dày trung bình 550 trang. Được thực hiện theo lối thủ công nghệ. Giá ấn phí tùy theo loại sách. Bìa cứng: \$35 cho mỗi tập. Ba tập giá \$100 (kể luôn cước phí priority). Bìa mềm: \$30 cho mỗi tập (kể luôn cước phí priority). Sách chỉ làm theo yêu cầu (Book-On-Demand),

2. Tuyển truyện Sáng Tạo (từ sách Di sản văn chương miền Nam)



Bảy tác giả, Mai Thảo giới thiệu
Chụp lại từ bản gốc do nguyệt San Tân Văn
xuất bản vào tháng 9-1970 Sách biếu khi có
yêu cầu

3. Những tháng năm cuồng nộ.



Truyện dài của Khuất Đầu. Sách biếu khi có
yêu cầu.

Muốn biết chi tiết xin, xin liên lạc
Thư Ấn Quán
Email: tranhaoithu@verizon.net

MUC LUC

Thư Tòa soạn / 3

Sống và viết:

Đỗ Hồng Ngọc: Thy đạo /5

Trần Hoài Thư: Rong bút /7

Dặng Kim Côn: Cùng Sơn, mai có người quen hỏi / 14

Phần chủ đề:

Tạp chí Trước Mặt

Một năm sinh hoạt văn nghệ tại Quảng Ngãi /29

*Cung Tích Biền: Gặp mặt anh em văn nghệ
miền Trung /31*

Luân Hoán: Tạp chí Trước Mặt /40

Hoàng Lộc (thơ) / 43

Luân Hoán (thơ) /44

Khắc Minh (thơ) / 48

*Phan Nhựt Thức: Quảng Ngãi, Kẽm gai và
những loài chim nhỏ / 49*

Trần Hoài Thư : Trở lại Huế / 52

Vương Thanh: Khu rừng mùa Xuân / 55

Lâm Chương (thơ) / 76

Phần Sáng tác thơ văn

Phạm Cao Hoàng (thơ) / 77

Lê văn Trung (thơ) /78

Nguyễn văn Phương (thơ) / 79

Dặng Kim Côn (thơ) / 81

Nguyễn văn Ngọc (thơ) /82

Hoài Ziang Duy (thơ) /82

Trang Luân: cát bụi bay về (truyện) /84

Bùi văn Cang (thơ) / 95

Phạm văn Nhân: Tiếng leng keng của chiếc

Chuông đồng (truyện) / 96

Nguyễn Lâm Anh (thơ) / 103
Đặng Kim Côn: Thế kỷ nào (truyện) / 104
Lê Nam Phương: Bóng tối của quá khứ (truyện) / 111
Đặng Đình Túy: Nốt ruồi trên cánh tay gầy bả vai
(truyện) / 119
Lê văn Thiện: Ao buồn (truyện) / 131
Khuất Đẩu: Tiểu công chúa (văn) / 136
Nguyễn Minh: Ông bầu (truyện) / 151
Nguyễn thị Thanh Dương: Vị nho chua đầu mùa / 164
Hai truyện dịch cực ngắn (Nguyễn thị Hải Hà dịch) / 173
Trần văn Nam: Nghĩ về kết cấu chặt chẽ ở
Thế truyện ngắn / 179
Khuất Đẩu:
Người giữ nhà thờ họ (truyện dài) / 189
Giới thiệu sách báo / 204
Giữa chúng tôi và bạn đọc / 212

Tranh bìa: Nghiêu Đề
(chụp lại từ bìa tạp chí Trước Mặt Xuân Kỳ Dậu)
Phụ bản dùng trong tạp chí này được trích từ "Ngẫu
hứng" tranh ký họa của Lữ Kiều, Ý thức Bản thảo 2001

Tòa soạn:
PO BOX 58
South Bound Brook
NJ 08880
Email: tranhhoaitu@verizon.net

Thư Tòa soạn



Số TQBT kỳ này đến với quý bạn bằng một tuyển tập mang chủ đề **Những Tạp chí khó quên** - một chủ đề mà chúng tôi đã thực hiện và tiếp tục thực hiện. Lần lượt chúng tôi sẽ cố gắng sưu tầm để gởi về quý bạn những tạp chí trước 1975 - đã đóng góp rất lớn trong việc bồi dựng một thời hoàng kim văn chương thời chiến - không những ở Saigon mà còn ở các tỉnh lẻ.

Diễn hình là số 33 "Một Thời Ý Thức", và số này là tạp chí Trước Mặt (Quảng Ngãi).

Số này còn có sự đóng góp của nhà văn Đặng Đình Túy, Đặng Kim Côn (ĐKC), Nguyễn thị Thanh Dương và nữ dịch giả Nguyễn thị Hải Hà, những người bạn mới của TQBT. Đặc biệt tác giả ĐKC qua nhật ký mới xuất hiện lần đầu về những ngày mà tác giả di tản từ Củng Sơn xuống Tuy Hòa theo quốc lộ 7. Để thấy bên cạnh những thâm kịch có một không hai trong lịch sử di tản, còn có những đóa hoa nhân ái, tình người khó có thể tìm được mà có lẽ từ trước đến nay chưa có tác giả nào đề cập... Đó là tấm lòng của những phi công vô danh bay trên hòng súng địch để cứu người trong số có tác giả.

Truyện dài Những Tháng Năm Cuồng Nộ (NTNCN) của Khuất Đầu (KĐ) đã chấm dứt, chúng tôi tiếp tục đi một truyện "hơi dài" khác của KĐ.

Mặt khác, truyện dài **Những tháng năm cuồng nộ**, chúng tôi đã in thành sách, với sự chấp thuận của tác giả. Nếu quý bạn cần nó, xin cho chúng tôi biết, chúng tôi sẽ thay mặt tác giả biếu tặng.

Đồng thời chúng tôi cũng nhận được từ một thân hữu tác

phẩm "tuyển truyện Sáng Tạo", ấn bản đặc biệt của nguyệt san Tân Văn số 29 tháng 9 năm 1970. với trang đầu có ghi dòng chữ lưu niệm: "Sau nạn đốt sách 1975, bị bỏ tù về sưu tầm lại". Chúng tôi đã layout xong. Nếu quý bạn nào cần nó, chúng tôi sẽ biếu tặng.

Tháng 10 này, TQBT đã bước sang năm thứ 10 rồi đây. Từ 3 tháng ra một kỳ nay còn hai tháng. Từ 100 trang của số 1, 2 nay đã hơn 220 trang. Từ cái chỗ không thành có.

Kỳ diệu. Thật kỳ diệu.

Xin một lần nữa, cảm tạ bạn đọc và thân hữu khắp năm châu.

Thay mặt nhóm chủ trương

Trần Hoài Thư

Sống và Viết

LTS: Mục Sống & Viết được mở ra như những trang tâm tư của tác giả dựa vào kinh nghiệm sống của mình. Đó là chất liệu mà tác giả gìn giữ để tích lũy cho tác phẩm sống của mình. Xin được hiểu đây không phải là diễn đàn chính trị. Mặt khác những quan niệm, ý kiến trong bài viết là của riêng tư tác giả, không nhất thiết phản ánh chủ trương của TQBT.

- Đỗ Hồng Ngọc
- Trần Hoài Thư
- Đặng Kim Côn

“THY ĐẠO”

Đỗ Hồng Ngọc

Nói đến Nguyễn Bắc Sơn không ít người nhắc mấy câu thơ nổi tiếng một thời của anh: *Mai ta đụng trận ta còn sống/ Về ghé Sông Mao phá phách chơi/ Chia sớt nỗi buồn cùng gái điểm/ Vung tiền mua vội một ngày vui...* để chứng minh rằng anh là một nhà thơ lính chiến, ngổ ngáo và ngang tàng... Tôi không thấy vậy. Tôi chỉ thấy trong thơ anh một nỗi chua xót, đắng cay. Nỗi chua xót, đắng cay dâng đặc cho cả một thế hệ dưới màu áo của thời bình lửa. Nỗi đau như lịm hẳn vào trong: *mai ta đụng trận ta còn sống...*

GS Cao Huy Thuần, sống ở Pháp trên 40 năm, tác giả *Thấy Phật*, có lần nói với tôi lâu nay ở xa đọc những bài viết về Nguyễn Bắc Sơn cứ nghĩ anh là một nhà thơ của lính, nay đọc “Nhớ nhớ quên quên” (Đỗ Hồng Ngọc, *Như thị*, Văn Nghệ, 2006) mới nhận ra một Nguyễn Bắc Sơn khác: nhà thơ của thiên nhiên, của tình yêu đầy nhân hậu...

Thật vậy, ở ngoài đời Nguyễn Bắc Sơn hiền như...
bụt, với nụ cười chân chất dễ thương, bởi trong sâu thẳm,
anh là một đạo gia, một thiền sư chính công: “*Những ngày
ăn gạo lứt muối mè/ Những ngày xem Zen là lẽ sống*”.
Trong bài “*Ở đời như một nhà thơ phương Đông*”, anh
viết “*Một ngày kia y chiêm bái đồng lúa chín vàng/ Và
nhìn thấy lòng hảo tâm của trời đất*”.

Anh viết về bạn bè thì:

*Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ
Vì đám đông quây bán nước hồ đời
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn
Để choàng vai ấm áp cuộc rong chơi...*

Và về tình yêu thì:

*Vì người đàn bà nào cũng như người nấy
Nên ta bảo mình thôi hãy quên em
Nhưng đàn bà đâu phải người nào cũng như người nấy
Nên ta suốt đời nhớ nhớ quên quên...*

Mấy năm trước, gặp anh dưới chân núi Tà Cú, tôi viết
tặng anh mấy câu:

*Thơ người hào khí ngất trời
Hơi men ngất đất hơi người ngất mây
Từng phen ta đọc mà cay
Thương người thơ sống một đời cực Đông
Một gùi đây ấp chân không
Lênh đênh xuống núi giữa mệnh mông người*

(ĐHN)

Lần đó anh gởi tôi tập bản thảo lạ: Thy Đạo. Thy viết hoa
với chữ y dài và ghi chú thêm : Essays on the Tao of
Poetry. Anh nói: Đây là vài chương sơ thảo. Đã có Kinh
Thi, lẽ nào không có Thy Đạo? Tôi lật thử trang đầu:

“*Sao gọi là Thy Đạo? Đạo là con đường đưa ta đến
cõi miền Chân Thiện Mỹ, với miền thân tâm thường an
lạc. cõi bờ chân hạnh phúc. Có nhiều con đường đi lên
đỉnh núi, hãy chọn con đường phù hợp với riêng anh,*

nhưng cũng có một con đường chung nhất , là con đường tươi mát lá cây xanh: con đường thý ca, con đường của âm thanh du dương, dịu dặt, của thanh âm hài hòa hảo hợp. Con đường của điệu âm và ẩn ngữ, mật ngữ.

*Thế gian ngôn ngữ nguyên phi chân
Nguyễn ngộ Như lai chân thật ngữ.”*

Tôi biết anh bắt chước người xưa khấn nguyện mỗi khi đọc kinh Phật: *Nguyễn giải Như Lai chân thật nghĩa!*. Với anh là “nguyên ngộ Như lai chân thật ngữ”! Bởi có ngữ rồi mới có nghĩa. Không thể bỏ ngữ mà lấy nghĩa cũng như không thể bỏ nghĩa mà lấy ngữ. Huống chi ngữ còn có điệu âm, linh ngữ... Chỉ một tiếng Om đủ thức tỉnh chàng sa môn của Hermann Hesse sắp vùi mình xuống dòng nước sâu trong *Câu chuyện của dòng sông!* Không lạ, trước khi thuyết kinh Pháp Hoa, Phật đã xuất từ trong định “vô lượng nghĩa xứ” là vậy.



Rong bút
Trần Hoài Thư

1. Nguyễn Bắc Sơn

Trong thời chiến, thường thường có những nhà thơ được biết nhiều, do từ sự phổ thơ của họ. Như Vũ Hữu Định qua Phố núi cao, hay Nguyễn Tất Nhiên qua Em hiền như Ma Soeur, Linh Phương qua Kỹ vật cho em, Phạm văn Bình qua Mười hai tháng quân đi... hay Lê thị Ý với Ngày Mai đi nhận xác chồng... Qua Phạm Duy, thơ họ đã đi vào lòng người nhiều hơn, tên tuổi họ được nhắc nhở nhiều hơn.

Nhưng trường hợp Nguyễn Bắc Sơn là một ngoại lệ. Thơ ông không được phổ nhạc. Bài thơ Chiến Tranh VN và tôi, Thảo Khẩu đầu tiên được đăng trên tuần báo Khời

Hành - cơ quan của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân đội- nhưng đã được truyền tụng mau chóng sau đó. Khởi cần nhờ đến Phạm Duy hay một nhạc sĩ thời danh nào.
Vì sao?

Theo tôi, bởi chúng đã đáp ứng được phần nào tâm trạng của tuổi trẻ thời chiến chúng tôi bấy giờ..

Sau đây, chúng tôi xin cống hiến quý bạn một bài thơ khác, được chúng tôi sưu tầm trên Xuân Sóng Thần năm 1973 chẳng những nói về một người trẻ tuổi mang thân phận lưu đày trên quê hương mình trong thời chiến tranh, mà kỳ lạ thay, bây giờ đọc nó chúng ta cảm thấy như ông nói hộ cho mình - những người viễn xứ - hôm nay.

Ví dụ:

Tôi ngại quê nhà nhưng lại hoài hương

hay:

Các con, thế nào ba cũng dọn nhà đi viễn xứ

Dù tình quê hương rất khó nguôi khuây

Sau đây là toàn bài *Trời Có Xứ*. Chúng tôi tin rằng tác giả sẽ không còn giữ, và người đọc ít ai nhớ hoặc biết.

Trời có xứ

Gởi Thúc, Hoàng và Tân

Trời mưa ở Nha Trang làm tôi nhớ bạn đến rơi nước mắt
Khi thấy rượu tràn sôi vảnh ly
Hoa sứ đỏ rụng nhiều xui tôi nhớ ngày đi trọ học
Nhà em lảng giềng cửa sổ mở đêm khuya
Tưởng tượng có người thanh niên ngồi im trong quán gió
Khi chuyển xe đò tách bến trong mưa
Chuyến xe chở người đàn bà mang áo khoác
Tóc dài như tóc của em xưa
Tôi sợ tình yêu như sợ nhìn về viễn kiếp
Tôi ngại quê nhà nhưng lại hoài hương
Biết đâu mẹ tôi không đang sơn xanh ngôi nhà, mở toang
tùng cánh cửa

Mong bóng tôi bỗng hiện cuối con đường
Nơi cổ thành kia tôi đã lớn khôn đã cười đã khóc
Đã đem lòng thương mến Cúc Hoa em
Đã sống âm thầm những năm bất khuất
Soi chiếu đời với những que diêm
Tưởng tượng giữa trưa có người thanh niên nghe tiếng con
gà trống gáy
Nghĩ đời mình trôi dạt biết bao nhiêu
Máu tôi lẫn máu người du mục
Nhưng lòng tôi e gió thổi đi u hiu
Các con ơi, tưởng tượng ba mỗi ngày ôm theo nón sắt
Đứng chờ xe trước ngã ba đường
Phải lộn xồng theo gái giang hồ và những tay mỡ mặt
Các con sẽ thấy lòng người đen bạc ở quê hương
Cổ thành kia ơi, cổ thành bạc bẽo
Đuổi xua người trai trẻ mến thương người
Vì sao người thành ra bãi rác
Thành ra nơi đi điếm chuột heo ruồi
Các con, thế nào ba cũng dọn nhà đi viễn xứ
Dù tình quê hương rất khó nguôi khuây
Nhưng nghĩ giòng sông đã nhớ, lòng người đã đục
Đâu có người thương tiếc đám mây bay

Nguyễn Bắc Sơn

(trích từ báo *Sóng Thần* số Xuân năm 1973)

2. Sự màu nhiệm của món quà

Trong hai tháng qua, tôi đến hai thành phố cận biên. Một bờ Tây: Bắc Cali. Và một bờ đông: Tampa Bay. Bờ Tây với những luồng hoa hồng chảy suốt con đường từ San Jose lên phi trường Sacramento và bờ đông với xa lộ liên bang số 4, gió biển đầy xe, những đồn điền cam vàng mênh mông bát ngát. Lâu quá không thấy lại Nha Trang, nên về nhìn biển cho đỡ nhớ. Ngồi dưới hiên của một căn nhà trên vịnh, nghe tiếng sóng vỗ đều đều, thấy những áng mây trắng trôi trên nền trời xanh, lòng tự nhiên chùng lại. Ôi biển. Từ một đứa bé suốt ngày lêu lổng, đêm có khi

nằm ngủ quên trên bờ cát, ngày thì mở tung lồng ngực nê với biển xanh, với sóng ì ầm, với nắng lửa đèn nổi tóc vàng cháy, da đen bóng, vậy mà bây giờ thành một ông già trầm tư. Tiếng sóng dội vào kè đá, mà lòng mình cũng dội lại vọng âm. Từ một Nhatrang ngàn trùng.

Hai tháng với hai chuyến đi xa. Mỗi nơi có một niềm vui mới mẻ. Mỗi nơi có những chai bia sủi bọt, những cốc cà phê nồng ấm bạn bè. Mỗi nơi có những lần bắt tay già từ mà bịn rịn, những lần trở lại, ngồi trong phi cơ mà lòng thì bủi ngủi, để nhớ lại câu ca dao nào mà thấm thía ra nỗi chia ly: Chẳng thà không biết thì thôi/Biết rồi mỗi đứa một nơi cũng buồn...

Có một người rất vui trong chuyến đi này. Đó là vợ tôi. Bởi nàng đã gặp được tác giả mà nàng hằng ái mộ. Làm sao ngờ được Trần Bích Tiên, tác giả bài thơ *Nói với em lớp Sáu* đang ngồi trong bàn tiệc ở thành phố miền Bắc Cali này... Và sau khi tôi kể với nàng là Trần Bích Tiên chính là nhà thơ Huệ Thu, người đang ngồi trước mặt em đây, thì nàng sững sờ một lúc. Nàng thốt lên: Vậy cô là Trần Bích Tiên sao ? Bài thơ quá hay, cô ơi. Rồi nàng đọc lên: *Này em lớp sáu này em nhỏ. Gặp em rồi không quên em đâu/Chiều nay hai đứa về qua phố/Rất tự nhiên mà mình quen nhau*

....

*Sách trên tay chị nghe chừng nặng
Sao cặp em đầy vẫn nhẹ tênh?
Thôi nhé em về con phố dưới
Giữ hoài cho chị tuổi Hoa Niên. (1)*

Nàng đọc tron tru, mạch lạc, không hề vấp vấp. Đủ biết là nàng yêu thích bài thơ lớn lao như thế nào.

Vâng, tình độc giả là vậy. Một đăng dâng tặng cho đời những bông hoa. Một đăng nhận món quà miễn phí (hay

quá rẻ, ví dụ giá tiền cuốn văn, tập thơ chẳng hạn) để làm đẹp hay để làm cho cuộc đời thêm ý nghĩa. Và để đổi lại là sự cảm tạ và tri ân.

Riêng tôi, tôi cần phải cảm tạ Tô Vũ, Tuấn Khanh hay Trịnh Công Sơn- những nhạc sĩ mà tôi ưa thích. Tôi nghe những sáng tác của họ biết bao nhiêu lần không chán. Trong cõi đêm yên lặng như một ngôi nhà mồ, lời nhạc của họ làm tôi mê đắm, để tóc bạc tôi trở lại màu xanh, để con tim già nua của tôi trở lại trẻ dại, để nỗi cô đơn của tôi được vượt ve an ủi... Để kỷ niệm nở hoa giữa những tháng ngày hiu quạnh... Ngay cả khi tôi mất ngủ, chúng tôi dành tôi như lời ca dao à ơi ngày còn bé dại để rồi tôi nhắm mắt đi vào trong giấc ngủ lúc nào không hay...

Sự mầu nhiệm này chắc chắn những thứ thuốc tiên cũng không thể mang lại. Thuốc có thể làm sạch máu, tăng cường sinh lực, mang người yếu thành mạnh nhưng làm sao thuốc có thể làm đẹp tâm hồn, làm trái tim ta hạnh phúc ? Như vợ tôi, hạnh phúc được đọc một bài thơ hay, và thêm một nỗi hạnh phúc nữa là có dịp bày tỏ lòng cảm ơn của mình đến với tác giả đã mình hằng mến mộ.

Xin được cảm ơn những người đã cho ta những món quà vô giá.

3. Nhớ về đồng đội

Trong đêm xứ người, nói gì về những người muôn năm cũ. Hai đứa chúng tôi như rung rung để nhớ về những đồng đội cũ của mình. Tôi hỏi anh Hòa về những gì anh biết về đại đội 405 thám kích. Bộ quân sử không nói về 405. (Nếu có, chỉ ba giòng trong trận đánh năm Mậu Thân). Quân đội miền Nam cũng chẳng bao giờ nhắc đến một 405. Nó vô danh. Nó đánh giặc không phi pháo dọn đường, không được yểm trợ tối đa như những lực lượng

tổng trừ bị. Nó là những tổ 3 người, những toán 4 người, mang trên vai những ba lô với mười mấy ngày lương không xâm nhập trong lòng mật khu. Thế giới của nó là những cánh rừng thâm u, những ngôi làng sâu trong rừng, những con đường mòn xâm nhập của địch. Nó không cần ai biết. Nó buồn như thế đó. Lạc loài như thế đó. Nó lầm lì như thế đó. Nhưng tại sao, anh và tôi lại phải giữ gìn như giữ gìn những gì trân quý nhất ?

Viên cựu đại đội trưởng 405 TK nhắc lại một Y Dao như một con sóc rừng. "... Y nhanh lẹ không thể tưởng. Người y, khi mang ba lô 17 ngày lương thực, không thấy người, chỉ thấy cái ba lô. Còn hạ sĩ Nùng Lương văn Tướng, ông ta nói tiếng Việt vẫn còn lắp bắp, mặt lúc nào cũng lầm lì.

Ông ta còn có biệt danh là ông Tướng *giải phóng*. Tại sao là giải phóng, Thù biết không ?." "Thưa đại bàng, tôi không được biết". Tôi trả lời. "Sô là hôm ấy, toán ông bị phát giác. Linh Bắc hỏi : Ai đấy ? Ông Tướng lính quýnh trả lời: Biệt kích Giải phóng. Trời ơi, VC làm gì có biệt kích. Còn trung sĩ Tám, trung sĩ Khoái, trung sĩ Đăng, hạ sĩ Dự, hạ sĩ Lực, còn chuẩn úy Bùi Toàn Hào, chuẩn úy Âu Hoàng Minh, chuẩn úy Phan Thái Gia, chuẩn úy Nguyễn Thái Lâm ..."

Anh kể như thuộc lòng. Đó là điều hiếm hoi cho một người đã trải qua rất nhiều đơn vị. Nó chứng tỏ đại đội 405 là một dấu ấn đậm sâu vào tâm trí của một người lính cũ. Nó chứng tỏ, anh đã có một nơi để tự hào trong đời binh nghiệp của anh.

Rồi anh Hòa nhắc lại hạ sĩ Y Brep và hạ sĩ Ba. VC trỗi lên đánh cận chiến. Hạ sĩ Y Brep quật Thompson bảo vệ anh, hạ sĩ Ba xô anh xuống hố. Và kết quả, Hạ sĩ Ba chết, và Y Brep bị mù một con mắt.

Tôi lắng nghe tiếng anh nghẹn lại. Vâng, tôi cũng vậy. Anh nói rằng, anh chưa bao giờ thấy đơn vị nào mà tất cả đều cùng một lượt xung phong lên đồi cỏ tranh, đứng thẳng mà tiến lên. Anh chưa bao giờ thấy một đại đội lại

đánh tan tành một tiểu đoàn... Vâng, anh kể lại thời của anh từ 1963 đến 1964, và tôi kể lại thời của tôi từ 1967 đến 1971. Anh làm tôi nhớ lại hạ sĩ Đông mang máy truyền tin. Đông cũng cõng tôi mà chạy dưới bao lằn đạn. Và ông Y Suk đã cứu tôi thể nào trên đỉnh Kỳ Sơn.

Đêm nay, quê người, và hơn 30 năm xa cách cho hai cánh diều hâu bỏ đàn bỏ tổ. Những giọt lệ bỗng nhiên lại thêm một lần chảy lạnh cả tâm hồn. Người sống nhớ về người đã chết. Người may mắn nhớ về người không may mắn. Nguồn cội từ một mái nhà được phan ra, để cùng nhau tự hào và cũng để cùng nhau mà khóc thầm. Những con người, không bao giờ nhìn lên, mà chỉ nhìn xuống, cam phận. Có ai còn nghĩ đến họ. Nghĩ đến một người như hạ sĩ Ba chịu hứng đạn thù để cứu một đại đội trưởng, để anh còn sống, để anh được cơ hội nhận hai lần thăng cấp tại mặt trận chỉ trong vòng hai tháng từ một ông tướng khó nhất là tướng Đỗ Cao Trí để tự hào là một sĩ quan được thăng cấp nhanh nhất trong quân đội miền Nam !

"Thư à, lon mình không phải do tướng Đỗ Cao Trí gán mà là do hạ sĩ Y Brep, hạ sĩ Ba gán..."

Tôi cũng vậy. Bởi vì, ngòi viết của tôi chưa bao giờ có một nhân vật như Y Brep trên trang giấy. Và tôi cũng chưa bao giờ mời ông Tướng giải phóng, trung đội phó của tôi một cốc rượu, một lon bia. Ông ta anh hùng như thế, dẫn toán vào mặt khu, hù lính Bắc quân, thế mà mỗi ngày vẫn chào tay tôi, trình diện tôi, giúp đỡ tôi, nâng bước chân tôi lên trên những bãi chiến trường sôi bỏng. Thế mà tôi không có cả một lời. Và dù có viết, thì dám kiểm duyệt ở Sài Gòn lại bôi đen chữ Tướng trong những đoạn tôi chỉ thị người trung đội phó tên Tướng này trong lúc hành quân hay làm ăn. Họ viện dẫn tôi chơi xỏ một ông tướng nào đó. Vâng, tôi đã vô tình quên họ, những người lính của trung đội tôi như Y Dao, Nay Lat, Y Suk, như Nha, Vọng, Tròn, Hường, Nai, Lợi, Ký, Mễ, Ứng Luông. Tôi chỉ bận tâm đến bản thân tôi. Tôi chỉ tìm mọi

cơ hội để được thăng quan tiến chức, hay để được thoát khỏi địa ngục trong lúc họ vẫn tiếp tục cùng chiếc poncho, hay lon cơm gạo sây, coi đơn vị là mái nhà vĩnh viễn của mình mà không một lời ta thán.

(1) Toàn bài thơ được đi trên TQBT số 35 chủ đề Trường Xưa



Nhật Ký
Cũng Sơn, Mai Có Người Quen Hỏi
Đăng Kim Côn

*"Cũng Sơn, mai có người quen hỏi,
Ta ở rừng núi cũng tình thân..."*

Ngày 16 tháng 3 năm 1975

Bên cạnh chúng tôi là tiểu đoàn 237 địa phương quân tỉnh Phú Yên. Họ đã đi hành quân đến 3/4 quân số kể cả tiểu đoàn trưởng và tiểu đoàn phó. Điều đó cũng thường xảy ra và nếu bất thường thì đối với tôi cũng chẳng có gì lạ. Ngay cả cuộc họp quan trọng vừa diễn ra, tôi cũng không hề bận tâm. Cuộc họp tại chi khu Sơn Hòa, Thiếu tá Hiếu, quận trưởng kiêm chi khu trưởng úp úp, mở mở thông báo một cuộc hành quân mở đường lớn nhất từ trước tới nay sẽ ngang qua thị trấn Cũng Sơn, và có thể Việt cộng sẽ lợi dụng tình hình để tấn công. Chúng ta có nhiệm vụ vừa phòng thủ, vừa bảo đảm an ninh cho các đơn vị bạn, vừa bảo vệ đồng bào. Trong trường hợp nghiêm trọng, mỗi đơn vị phải tự lo liệu vũ khí, đạn dược, truyền tin, lương thực, mà trên thực tế, đã từ hơn hai năm

qua, chúng tôi đã được lệnh phải xử dụng rất hạn chế từ đạn dược, thuốc men, đèn xăng dầu. Cuộc họp đơn giản, không có bản đồ hành quân, không có ghi chép, không có ai đưa ý kiến gì, với đông đủ các trưởng ban của chi khu, và các đơn vị trưởng yểm trợ, trong đó tiểu đoàn 237 địa phương quân (chỉ còn một đại đội trừ ở căn cứ) do Trung úy An, bạn tôi, đại diện; và tôi, trung đội trưởng trung đội 201 pháo binh diện địa tiểu khu Phú Yên dự họp. Hầu như xong cuộc họp, chẳng ai còn để ý, mọi người tiếp tục cuộc sống bình lặng của cái thị trấn bé nhỏ, lẻ loi này, cái thị trấn nằm trên liên tỉnh lộ 7, chỉ còn sinh hoạt trong bán kính 10Km, hay đúng hơn, thật sự bình yên trong khu vực thị trấn, có chiều ngang hơn gần 2Km và chiều dài hơn 5Km dọc theo đường 7. Quân dân cán chính cần đi về thành phố (Tuy Hòa) hoàn toàn lệ thuộc vào trục thẳng của không quân, bởi vì đường 7, huyết mạch duy nhất từ Tuy Hòa lên và từ Phú Túc xuống từ nhiều năm không sử dụng được. Việt cộng đã đặt mìn bẫy chỉ chít ở đó, mặc dù có một vài lần quân đội Việt Nam Cộng Hòa khai thông nhưng chỉ tạm thời một lúc nào đó. Cư dân tại Củng Sơn khá đông, vì phần lớn đồng bào từ các xã mất an ninh trong quận đã tị nạn Cộng sản tập trung về đây. Và đặc biệt, trong từ nhiều năm, Củng Sơn chưa xảy ra một trận đánh nào đáng kể, và nếu có một vài trận lẻ tẻ thì Việt cộng cũng nếm mùi thất bại nặng nề. Vị trí của pháo binh và tiểu đoàn 237 đóng cách chi khu khoảng 3Km về phía tây bắc, trên đồi Hòn Ngang, cũng bên cạnh con đường 7.

Ngày 17 tháng 3 năm 75

Chúng tôi vẫn nhớn nhor quanh các bàn bi-da và các quán café. Trời đất vẫn bình yên, các đại đội hành quân của tiểu đoàn 237 địa phương quân vẫn bình yên. Các thi, ca sĩ nhà lính đêm đêm vẫn mượn PRC.25 gửi cho nhau những vần thơ ướt át và những giọng hát lâm ly. Trời có sập ở đâu đó thì chúng tôi cũng chẳng nghe, chẳng biết và cũng không nghĩ có ảnh hưởng gì đến mình hay không?

Sau cuộc họp, từ Chi khu về, tôi và An bàn nhau tổ chức canh phòng kỹ hơn.

Tôi gửi công điện về BCH pháo binh xin thêm đạn chiếu sáng, mìn và được họ trả lời là chờ mấy bay.

Ngày 18 tháng 3 năm 1975

An nói là tiểu đoàn của nó đã di chuyển mỗi lúc một xa hơn về phía đông (phía Tuy Hòa). Trung đội chúng tôi còn 12 người kể cả tôi. Chúng tôi chia làm hai toán, thay nhau, một nửa canh gác bắn quấy rối và một nửa ngủ.

Qua tin tức của ban 3 tiểu đoàn, chúng tôi biết có một số trận đánh lớn ở các quận giáp ranh (Tuy Hòa, Đồng Xuân, Tuy An), chúng tôi bắt đầu cảm thấy khẩn trương. Tiếng động cơ máy bay âm ỉ cả ngày đi đi, về về theo hướng Phú Túc, Tuy Hòa. Chiến tranh mà, có gì là lạ. Chúng tôi cứ như nằm trong trống.

Ngày 19 tháng 3 năm 1975

10 giờ sáng, một chiếc xe tăng lù lù bò lên dốc Hòn Ngang- “Việt Cộng!”, lính gác báo động, cả trung đội nhón nháo, ôm súng đạn ra vị trí chiến đấu, M72 được sẵn sàng ở vị thế “chống chiến xa”, hai nòng 105 ly nạp đạn hạ thấp về chiến xa với các pháo thủ sẵn sàng trực xạ. Phú Yên không có một đơn vị thiết giáp nào yểm trợ, và Sơn Hòa lại càng không thể nào có thiết giáp, thậm chí chúng tôi, nếu không phải là Việt cộng thì nghĩa là tin vui đã tới: con đường duy nhất, liên tỉnh lộ 7 từ Tuy Hòa lên đã được khai thông (từ hàng chục năm nay, một đoạn hơn 20 km giữa chiều dài 60 km Tuy Hòa và Sơn Hòa, đã trở thành nơi mùa gậy vườn hoang của VC). Tôi chưa cho lệnh khai hỏa, dù là mấy “ông lính” hào hứng quá ! Lỡ phe ta thì sao? Chiếc xe tăng vẫn chậm chạp tiến lên. 30 m, 20 m, 15 m, chiếc xe M113 dừng lại, một quân nhân bước xuống, vừa bước tới phía tôi vừa đưa tay lên mũ chào, nói lớn:

- Anh cho tôi hỏi thăm, đây là đâu?

- Anh là ai?

- Tôi là trung úy... từ Pleiku xuống. Còn bao xa nữa về tới quốc lộ?

- Đây là Cùmg Sơn. Còn 60 cây số nữa tới quốc lộ 1 và cũng là Tuy Hòa. Các anh mở đường ?

- Anh không nghe gì sao? Có lệnh bàn giao 6 tỉnh Tây nguyên cho Việt cộng. Phú Yên còn là của mình. Cảm ơn, chào anh.

- Chào anh.

Chiếc xe lùi lại và đi sâu vào thị trấn. Chúng tôi thẳng thốt nhìn nhau. Tôi gọi An sang nói cho nó biết.

Buổi chiều có mấy chiếc xe jeep dân sự chạy vào Củng Sơn. Nửa đêm, một vài vị trí xung quanh (ngoài vòng yểm trợ của tôi) phía quận Tuy An và Hiếu Xương phát lên nhiều ánh chớp kéo dài cả giờ đồng hồ, chúng tôi cũng nghe được cả tiếng nổ của đạn đại liên, lựu đạn và súng cối. Lên máy hỏi thăm, có tin là các lực lượng đồn trú đã thất thủ. Nhưng tôi vẫn nghĩ sẽ đâu vào đó. Phú Yên còn là của mình, Sơn Hòa sẽ là vùng địa đầu, hỏa lực sẽ được tập trung mạnh mẽ hơn.

Ngày 20 tháng 3 năm 1975

Thị trấn bỗng nhộn nhịp khác thường. Số người di tản từ Kontum, Pleiku, Phú Bổn mỗi lúc đổ về một đồng, mọi người về được đây đều thở phào kể như đã thoát khỏi vùng “giao cho Việt cộng”. Họ nghỉ ngơi, cười nói, ăn uống. Các hàng quán ven chợ Củng Sơn trở nên tấp nập. Bãi đáp nhỏ trước chi khu, trực thăng thỉnh thoảng vẫn “hấp tấp” hạ cánh bốc thương binh hoặc tướng tá cao cấp gì đó, rồi hối hả bay lên. Tôi đi tìm thằng em kè, pháo binh biên phòng yểm trợ cho tiểu đoàn 90 Biệt động quân ở Thanh An, Lê Ngọc gì đó, và được nghe nhiều chuyện kể về các trận đánh ở Thanh An, Lê Ngọc (Pleiku), Đèo Chư Sê, Đèo Tô Na (Phú Bổn) và những cảnh hỗn loạn chết chóc trên đường di tản.

Ngày 21 tháng 3 năm 1975

Một vài trận đánh nhỏ xung quanh quận cho mọi người hiểu được ranh giới sẽ không dừng lại ở Sơn Hòa. Những loạt súng nghe được từ Củng Sơn như chuông nhắc nhở mọi người là một trận đại hồng thủy sẽ tới, không chóng thì chầy. Cư dân Củng Sơn nhón nháo. Nhiều người dân ở đây cũng thu xếp và bồng bế ra đi.

Những người bị thương tập trung lại trạm xá Sơn Hòa. ở đây họ được băng bó sơ khởi và cho ăn uống chờ máy bay tải thương, nhưng máy bay mỗi lúc một thưa hơn và rồi họ không thể hạ cánh được nữa. Người di tản đứng, ngồi đông nghẹt sân bay, có một chiếc UH1D và một chiếc trực thăng khác màu trắng đã bị bỏ lại, phi công phải tháo chạy bộ vì người ta đã bu bám quá đông, thậm chí bám cứng cả cánh quạt. Nghe nói chiếc trực thăng màu trắng là của phóng viên một đài truyền thanh quốc tế nào đó.

Chúng tôi không có những tin tức chính xác về tình hình chiến sự các nơi khác, chỉ biết Ban Mê Thuột đã rơi vào tay cộng quân và chính phủ đang tổ chức tái chiếm. Quân dân di tản từ Tây nguyên vẫn tràn ngập trên đường 7 xuyên qua Củng Sơn, cầu sông Nhau, có người gọi là sông Con cắt ngang đường 7 cách Củng Sơn gần 10 cây số về phía đông (hướng Tuy Hòa), chảy ra sông Ba, bị Việt cộng đánh phá và dân di tản ùn tắc ở đó, có vài cuộc chạm súng ở đây, hay đúng hơn Việt cộng đã hung hãn “quyết chiến” với đám người di tản, phần lớn là thường dân, phần nữa là những người lính mồ côi đói khát không còn đơn vị, không người chỉ huy, không còn tinh thần và hầu hết đã không còn vũ khí. Con sông nhỏ, cạn nên nhiều người, xe liều chết và may mắn thì cũng vượt qua được, tiếp tục xuôi về hướng đông, hoặc rẽ qua đường 7B nằm phía nam đường 7, tấp sâu vào trong núi.

Là một người lính ở ngành yểm trợ, tôi chỉ nghĩ đơn giản là khi cần thiết, chúng tôi còn 2 chiếc GMC, một chiếc jeep, có thể công hết trung đội và cũng có thể mang theo đơn vị của An nữa, vù một cái về đến Tuy Hòa, Nếu gặp Việt cộng đoạn nào trên cái khoảng 30 cây số mìn bấy (trừ 30 cây số được coi là an ninh trước đây ở 2 đầu gần Củng Sơn và Tuy Hòa), chúng tôi sẽ bỏ xe và chiến đấu, thế thôi...(chưa hề nghĩ rằng chỉ cần 3 mét đường với một quả b40 hoặc mấy loạt súng phục kích là đủ chết, cần gì tới 30 cây số !)

Ngày 22 tháng 3 năm 1975

Khu vực sầm uất của Củng Sơn chừng 3 cây số vuông gần như đầy đặc những người và xe cộ. Có lớp rời Củng Sơn tiến về Tuy Hòa, có lớp mới tới chưa kịp hoàn hồn, và con đường 7 từ Phú Túc xuống 24/24 giờ bụi mịt mù, người ta tiếp tục đổ về. Không thiếu những cảnh thương tâm trên dọc đường đã được họ kể lại: những cái chết do đói khát, đau yếu, kiệt sức, có cả những người lính tự tử sau khi bắn chết hết vợ con anh ta, nhiều đứa bé cha mẹ bị chết hay bị thất lạc, và nhiều trẻ thơ khác, giữa cái nắng như đốt, nằm vật vã ngậm vú mẹ đã lạnh ngắt tự bao giờ.

Anh em trong đơn vị rất hoang mang, tôi điện về Trung tâm hành quân tiểu khu hỏi thăm và chỉ được họ trả lời là hãy cố gắng phòng thủ, các quận khác cũng đang bị áp lực nặng, lại còn phải lo tổ chức an ninh cho cuộc di tản. Có vẻ như mọi người ở Ban hành quân chi khu cũng như đại đội yểm trợ của tiểu đoàn 237 địa phương quân bên cạnh và hầu hết các lực lượng quân sự trên địa bàn quận cũng không ai biết gì nhiều hơn tôi. Tất cả đều chìm trong một cơn mê với nỗi hoang mang ngột ngạt nặng nề và không ai có một quyết định rõ rệt nào.

Đại đội trừ của Trung úy An bên cạnh tôi, 1/3 quân số là dân của Củng Sơn, họ lo về nhà sắp xếp gia đình, và hầu hết trong số họ đã không trở lại đơn vị. Nhiều người đã tự ý dẫn gia đình theo đoàn người di tản. Tôi bắt đầu nhận nhiều tọa độ yểm trợ của trung tâm hành quân và chi khu. Hai khẩu đại bác 105 ly đã đến lúc phải nóng nòng lên. Tiếng đại bác ầm ỉ gây thêm bất an cho các đơn vị, binh sĩ còn lại cũng như người dân trong khu vực vốn ít khi nghe tiếng súng. Gia đình binh sĩ trên căn cứ lần lượt gồng gánh xuống chân đồi.

Chúng tôi nhận lệnh bắn yểm trợ liên tục dọc theo liên tỉnh lộ 7 về phía tây bắc Sơn Hòa (Đông nam Phú Túc)

Tiếng súng cá nhân cũng rộn ràng hướng đông, đông nam cách chúng tôi trên dưới 15 cây số (nếu trong bán kính 11 cây số nằm trong tầm yểm trợ của tôi chắc chắn là tôi biết rõ hơn, nghĩa là trong khu vực trách nhiệm của Sơn Hòa chưa có giặc gì đáng phải quan ngại. Phần lớn tọa độ yểm trợ là chúng tôi nhận lệnh từ máy bay quan

sát L.19 và từ Trung tâm hành quân Tiểu khu. Đạn nổ pháo binh 105 đã vơi khá nhiều, tôi xin thêm đạn nhưng chỉ được trả lời lửng lơ : chờ !

Có 2 pháo thủ được báo cáo là đã trốn đi. Vài quân nhân có gia đình tại khu gia binh thì vợ con khóc lóc, lo lắng. Tôi tập hợp trung đội ra lệnh phân phối thuốc men, lương thực, thực phẩm cho những quân nhân có “gia đình tại chỗ”, cho phép họ dẫn gia đình ra đi, còn những quân nhân độc thân, hoặc “độc thân tại chỗ” (vợ con, gia đình ở xa), thì phải ở lại với tôi. Một cảnh chia ly cảm động diễn ra, có người đã khóc yêu cầu tôi cùng đi với họ, và cũng có người muốn ở lại với anh em, nhưng tôi đã đóng mặt lạnh, cứng rắn ra lệnh cho họ rời đơn vị.

Buổi chiều chi khu mời họp, trước cổng chi khu, cũng có một bãi đáp trực thăng nhỏ, quân dân cán chính từ Tây nguyên tụ tập ở đây khá đông, có nhiều sĩ quan cao cấp của quân khu II, cũng như nhiều trung tá, thiếu tá, đại úy từ nhiều quân binh chủng của Kontum, Pleiku, Phú Bổn, Tôi gặp lại các bạn bè cũ, các đơn vị trưởng Pháo binh cũ lúc tôi còn ở Phú Bổn, trong đó có cả Trung Tá Lò Văn Bảo, tỉnh trưởng Phú Bổn, cùng các sĩ quan các ban ngành thuộc Tiểu khu. Họ bàn tán xôn xao về thời cuộc, Nhiều người đã không còn tin là chỉ “bàn giao 6 tỉnh Tây nguyên” như những lời đồn đoán ban đầu, nghĩa là không phải chạy đến đây là đã thoát khỏi cái “vùng đất bị chia”

23 tháng 3 năm 1975

Trung đội còn lại 8 thầy trò chia nhau làm 2 ,nửa ngủ, nửa thức gác và bắn quấy rối - nếu có lệnh yểm trợ thì cả trung đội sẽ cùng thức hoạt động hết -. Sáng sớm, lính Địa phương quân báo cáo phát hiện 4 xác Việt cộng nằm chết ngoài hàng rào kẽm gai phòng thủ phía Pháo binh, không biết tại sao chết và chết lúc nào (tối qua không ai nghe có mìn nổ), mọi người cùng đồng ý là chắc Việt cộng muốn cho đặc công bịt miệng 2 khẩu đại bác, hai nắm đấm khó chịu và hùng hổ nhất ở đây lúc này, và chúng trước khi kịp hành động, đã bị một loạt đạn vu vơ tiêu diệt nào đó của lính gác. Khác cái mừng bình thường là chúng tôi vừa

lập được công trạng, chờ báo cáo nhận thưởng, lần này chúng tôi vừa mừng thoát được một tai họa lớn vừa lo không biết sẽ còn những trò gì sắp tới nhất là đang lúc chúng tôi như đang lơ lửng giữa trời, la hét hơi cũng chẳng ai nghe.

Cùng Sơn vẫn “nhộn nhịp” trong một bầu không khí nặng nề. Đoàn người di tản ít dừng lại hơn, nghỉ ngơi, ăn uống ít hơn -hàng quán cũng đã cạn dần thực phẩm - và tiếp tục hành trình một cách hối hả hơn. Linh gác ở chi khu vẫn kiểm soát chặt chẽ mọi sự xuất nhập. Thấy có mấy anh Biệt động quân, tôi hỏi thăm họ về thằng em kề của tôi, Pháo binh biên phòng, ở Thanh An, Lê Ngọc nào đó, tôi gặp được một người bạn cùng đơn vị với nó cho biết là nó đã bị chết dưới một trận mưa pháo, sau đó chính mắt bạn nó thấy xe tăng T54 còn cày lên xác nó. Vào lúc 1giờ trưa thì có mấy quả đạn cối pháo kích vào bãi đáp trực thăng chi khu. Tôi cũng có mặt ở đó, đạn nổ cách tôi không đầy 10m. Tôi trở lên đơn vị, điện về hỏa yểm tiểu khu, nhờ báo lại hung tin cho gia đình tôi ở Tuy Hòa. Điềm danh lại trung đội, một binh sĩ nữa được báo cáo là đã đi từ sáng đến giờ chưa về.

24 tháng 3 năm 1975

Trung đội vẫn tiếp tục yểm trợ hết hướng tây lại qua hướng đông. Đạn còn không nhiều, tôi tập trung vào yểm trợ các đơn vị đụng trận và bắt bắn các tọa độ tiền liệu hú họa. Thình thoảng tôi chạy xuống Chi khu nghe ngóng, tìm hiểu những tin tức, quyết định của cơ quan đầu não cao nhất và duy nhất của mọi người (của chiến trường, của Tỉnh, của Tổ Quốc) lúc này. Có tin chi khu cũng chuẩn bị di tản nhưng chưa biết chính xác giờ H. Nhiều người nói là trực thăng UH1D và Shinook đã hạ cánh xuống bất cứ nơi đâu có người để cứu nạn về Tuy Hòa, miễn là ở đó số người tập trung không đông quá. Khu vực Cùng Sơn hiện tại vắng lặng tiếng máy bay, hầu như không còn một chiếc nào lảng vảng trên bầu trời. Tuy nhiên cũng có một ít người vẫn hy vọng một may mắn nào đó.

Tôi nhận lệnh bắn yểm trợ đều đặn trên máy truyền tin,

2 khẩu 105 liên tục nhả đạn suốt hơn 2 giờ liền. Số đạn dự trữ ít ỏi của trung đội cũng đã kiệt, chỉ còn vài chục đạn khói và chiếu sáng. Từ trên đỉnh đồi, số quân nhân hậu cứ tiểu đoàn 237 lếch thếch kéo xuống núi, còn đại đội của An thì đã lặng lẽ “hành quân” từ lúc nào ! Tôi liên lạc ban 3 tiểu đoàn, không có ai trả lời, gọi xuống chỉ khu không còn ai, 2 khẩu đại bác vẫn cần cù nhả đạn, lệnh tác xạ vẫn thúc dục trên máy, tôi hiểu, lệnh từ một máy bay quan sát xa xôi đâu đó, chúng tôi đã bị bỏ lại để bắn chặn cho họ. Tôi liên lạc máy về Trung tâm hành quân Tiểu khu, không gặp được một sĩ quan nào, các binh sĩ truyền tin của pháo binh (mà mới tháng trước là thuộc cấp của tôi) cũng không giúp tôi được gì.

Tôi cho anh em chất gạo, đồ hộp, thuốc men, các loại vũ khí cầm tay như M72, M79, lựu đạn lên xe GMC, một pháo thủ quê Củng Sơn, tôi cho về nhà, còn lại sáu thầy trò, mỗi người một cuộn băng cá nhân, một gói gạo sảy (thật là thiếu kinh nghiệm quá, một gói gạo sảy thì chịu được bao lâu? có lẽ lúc ấy tôi cậy vào xe lương thực đã được chuẩn bị kia) sẵn sàng di tản.

Gần 5 giờ chiều nhiều tiếng nổ lớn phía chi khu và lửa bốc lên cao. Cùng lúc dưới chân đồi lồ lộ nhiều màu áo lính mà chúng tôi không biết là địch hay bạn. Tôi quyết định ra đi. Anh em hỏi tôi việc phá hủy 2 khẩu 105, tôi thở dài ứa nước mắt, nó gắn bó thân thiết với mình quá, đã biết bao nhiêu công lao, tiền của nó mới từ những đồng sắt trở thành hai người bạn kề vai sát cánh cả cuộc đời quân ngũ của mình, mà để nguyên lại thì sợ Việt cộng lấy “gậy ông đập lưng ông” theo bước đường di tản của mình, với lại cũng hy vọng còn có ngày tái chiếm, tôi lắc đầu, cho tháo 2 khối cơ bằm chất lên xe jeep và dồn tất cả anh em lên chung chiếc xe jeep - lính dưới chân đồi đông quá, chúng tôi nghĩ là với một chiếc xe nhỏ lao đi may ra thoát được, nên chiếc GMC đầy ắp nhu yếu phẩm đã bị bỏ lại. Chiếc jeep hốt hoảng lao xuống đồi, may cho chúng tôi, tất cả chịu trận trên chiếc xe không cách nào xoay trở được nếu gặp tấn công (lại một sai lầm “tài tử” nữa), đám lính dưới chân đồi là anh em quân nhân mới xuống tới

đang nghỉ ngơi, thấy xe xuống họ dè dặt chia súng về phía chúng tôi, bên nào cũng tưởng bên kia là Việt cộng. Suýt nữa chúng tôi bắn lẫn nhau, mà tổn thất chắc chắn về phía đơn vị “tài tử” vừa bị động vừa ngờ nghệch như chúng tôi. Con đường 7 trước mặt chỉ khu cũng như khu vực chỉ khu vẫn phát ra nhiều tiếng nổ, đó là lý do mà chúng tôi không còn đường chạy thêm nữa, phải dừng xe lại khi còn cách chỉ khu nửa cây số, trên bờ sông, ngậm ngùi bắn vào 4 cái bánh xe, ôm 2 khối cơ bằm súng 105 thả xuống sông, tắt cả cùng băng qua giong sông cạn, đi ngược lên phía tây nam, mà nghe đồng bào nói trước đó (và bây giờ vẫn đang) nhiều người, trong đó có cả Quận Hiếu và Ban Chỉ Huy của chỉ khu, đã băng qua đó.

Một giờ sau, chúng tôi kịp gặp Thiếu Tá Hiếu và Ban Chỉ Huy Chỉ Khu ở Chí Thán, với đồng đảo đồng bào theo chân. Đó là cái tính chất đặc biệt của cuộc chiến Miền Nam, quân đi đâu thì dân chạy theo đó, (như mấy câu thơ của Lê Nguyên Ngữ “Đường tiến quân ngược đường chạy loạn..” bất chấp lửa đạn, người dân lúc nào cũng chực thoát ra khỏi phía bên kia người ta hằng chạy ngược về mũi súng của quân đội, để khỏi phải nằm trong tay VC. Cái khó của người lính Việt Nam Cộng Hòa là vừa đánh giặc vừa phải lo bảo vệ dân, là vậy

Thiếu tá Hiếu tập hợp tất cả quân nhân lại chinh đồn đội ngũ, phát lương thực cho anh em tàn quân từ Tây nguyên xuống hiện đang có mặt ở đây, yêu cầu anh em không phân biệt binh chủng đoàn kết dưới sự điều động của Thiếu tá. Hơn 200 quân nhân và gần 2000 thường dân kéo nhau lặng lẽ đi vòng sâu vào núi theo hướng nam.

Rừng núi um tùm, rậm rạp trong bóng đêm lơ mờ, với hơn hai ngàn người, đoàn người hầu như đi hàng một, chắc phải kéo dài 3 cây số là ít. Mọi người đi nhanh như chạy, lặng lẽ, không hút thuốc cổ bằm theo nhau vì chỉ cần cách nhau 4, 5 mét, là người đi trước bị lấp trong cây lá dày đặc và bóng tối âm u, người sau sẽ bị mất dấu người trước.

Đi đến nửa đêm chúng tôi gặp những người từ Cầu Sông Con ngoài đường 7 bị Việt cộng chặn đánh hôm

trước đã túa vào nằm chịu trận chưa biết tính sao ở đây. Mọi người dừng lại nghỉ ngơi, thân nhiên nấu nướng, ăn uống và nói chuyện râm ran. Thức ăn nước uống cũng được san sẻ cho những người thiếu thốn nhiều ngày qua, đang ngồi ở quanh đó. Tôi lên máy tìm An và biết nó đang ở phía trước tôi khoảng 5 cây số và mới bị đựng một trận nhỏ trước đó 10 phút.

25 tháng 3 năm 1975

Chúng tôi tiếp tục di chuyển về hướng đông nam, nghĩa là càng lúc càng xa đường 7, ý định của Thiếu Tá Hiếu là chúng tôi sẽ gặp Quốc lộ 1 tại Đèo Cả, cách Tuy Hòa 30 cây số về phía nam. Đoàn người đông thêm do những người từ đường 7 chạy vào, có cả nhiều người đi trước chúng tôi từ nhiều ngày trước. Người ta nói cho biết là Việt cộng đã và đang chặn đánh đoàn người di tản đoàn theo đường 7. Đoàn người, đoàn xe phải rẽ qua tỉnh lộ 7b phía nam đường 7 (nghĩa là họ ở giữa chúng tôi và đường 7)

Trời nắng khủng khiếp, chúng tôi vẫn còn hàng một và có vẻ đội ngũ không còn chặt chẽ, linh hoạt nữa. Nhiều người phải chậm lại vì mệt hoặc người nhà bị đói khát quá sao đó, cũng có người còn khỏe thì vượt lên phía trước. Những người còn đi được thì cứ đi, không kịp có thì giờ thương xót hay hỏi han một ai đó ngất xỉu ven đường vì kiệt sức, hay đau bệnh sao đó. Nhiều người cầm đầu cầm cổ đi, khi dừng lại thì người thân của họ lạc đầu mất. Cũng có người nói người thân của họ mới chết, nhưng tất cả không ai còn được giọt nước mắt nào.

Mọi người càng lúc càng đi sâu hơn vào trong núi, cây cối mịt mù, không thể thấy nhau trong vòng 5, 6 mét. Suốt cả ngày chúng tôi không gặp nước uống, mà có đến hơn 80% là không có mang theo nước uống, lúc gặp nước thì lại cũng không lấy gì để chứa. Người ta nói mấy ngày qua, nhiều người đã từng đổi cả lượng vàng lấy một lon guigoz nước uống mà cũng không được.

Thêm nhiều người nữa không tiếp tục nổi hành trình. Một điều lạ là suốt mấy chục cây số đoàn người không ai

đạp phải mìn bẫy, con rắn dài mấy cây số này cũng chẳng khúc nào gặp Việt cộng, chỉ có thỉnh thoảng nghe được ở những khúc đầu, đuôi bất chợt nào đó tiếng trực thăng hạ xuống và bay lên, những người biết chuyện nói là trực thăng trong mấy ngày qua đã bốc khắp núi rừng tốp 5, tốp 7 những ai may mắn phi công phát hiện được, nhất là gặp lúc họ đang đứng ở vị trí có bãi cho trực thăng đáp xuống.

Ngày 26 tháng 3 năm 1975

Một ngày nữa trôi qua, Thiếu Tá Hiếu, Quận Trưởng kiêm Chi Khu Trưởng Sơn Hoà đã tỏ ra là một người lãnh đạo có trách nhiệm và tận tâm. Có lúc Ông vượt lên trên, có lúc ông chậm lại hỏi han khuyến khích mọi người. Các phi công trực thăng cũng vẫn rất nhiệt tình tìm kiếm cơ hội đáp xuống nhất từng người khắp nơi. Nhiều người trong đoàn, do lúc nhanh lúc chậm, đã kể cho mọi người biết là vừa rồi, trước đó mười, hai, ba chục phút gì đó, một vài nhóm người phía trước, đằng sau, đầu đó đã được bốc đi. Không nhất thiết phải thuộc thành phần nào, dân quân quan lính gì cũng không ra ngoài sự chọn lựa của sự hên xui. Khoảng 4giờ chiều chúng tôi gặp một con suối và dừng lại nghỉ ngơi. Sáu thầy trò Pháo Binh, mỗi người chỉ có một gói gạo sấy duy nhất phòng thân, không ai dám đụng tới. Anh em chi khu nấu cơm và chia xẻ cho chúng tôi.

Cuộc di chuyển có phần chậm chạp, lặng lẽ, cẩn thận hơn khi chúng tôi băng qua một khu nhà lá cũ nát, mà có người cho là mật khu Mật Cật của Việt cộng. Tôi vẫn còn đủ sức lãng mạn nghĩ tới chiếc máy ảnh khi chúng tôi gặp một bộ xương người vẫn còn nằm nguyên trên một cái võng rách, kể đó là một chiếc ba lô, chúng tôi đã khá lâu không có người lui tới “mật khu” này. Tên Việt cộng chắc đang mơ thấy một miếng cơm cháy thì một mảnh đạn pháo binh vu vơ đã cắt đứt thiên đường của hắn.

Ngày 27-3-1975

Qua một ngày yên tĩnh nữa, sau một đêm chúng tôi vật vờ bên một sườn đồi cỏ, ướt sương. Cái máy liên lạc vô

tuyến PRC.25 đã không còn công dụng nữa, tất cả các đơn vị bạn mà tôi muốn liên lạc trên lộ trình di tản đều hoàn toàn mất tín hiệu. Bây giờ là buổi chiều, tôi đang ngồi chờ trực thăng trên một bãi đất rộng, với khoảng vài trăm người sau khi tản lạc mấy tiếng đồng hồ bởi một trận đụng độ nhỏ vào buổi trưa, lúc chúng tôi đang ưu thế trên một đỉnh đồi, đã sớm phát hiện ra chúng và đang ghim sẵn súng sẵn sàng. Trong tư thế súng mang vai, đầu hót vô tư, giung giăng giung giề, hai nam và một nữ Việt cộng vừa tằm dưới suối đùng đỉnh đi lên, đã sớm làm chủ ngọn đồi, mấy giây đồng hồ đã xé nát đoàn người di tản, chỉ vì một tiếng hét thất thanh, hốt hoảng, mất tinh thần của một chuẩn úy thuộc Tiểu đoàn 237 ĐPQ, không biết sao ở chung với ban chỉ huy Chi khu.

Tôi không biết mọi người đã chạy, đã trốn, đã tìm đường thế nào mà tập trung được ở đây, và cũng đã được các shinook bốc đi hàng chục chuyến. Riêng tôi, sau mấy loạt súng “lâm rơi” xuống một gộp đá, đã phải nín thở ẩn nấp, mò mẫm trong các lùm bụi rậm rạp, không còn phương hướng, cuối cùng may gặp một người lính, nhờ là anh leo lên cây cao được, đã thấy bãi tập trung này.

5giờ chiều ở phi trường Đông Tác, tôi gặp lại rất nhiều những người đã đồng hành. Một lời ngăn ngui chân thành xin được gửi đến các anh em KHÔNG QUÂN, chúng tôi xin được tri ân các bạn, trong những giây phút cam go, ác liệt này, các anh vẫn đã quả cảm, hy sinh cứu chúng tôi ra thoát khỏi cái vận hạn khó tránh của các quân binh trong kiếp nạn của một bàn cờ cạn nước. Tôi biết các anh đã quay cuồng, vật lộn với hiểm nguy trong suốt bao ngày qua, chiếc máy bay kênh cang, lên xuống giữa rừng (những nơi mà bao năm qua Việt cộng coi là an toàn khu của chúng), không có bảo vệ, không được an ninh bãi đáp, dễ dàng làm bia cho một quả b40, hay một loạt đạn cá nhân vô lương nào đó. Ngay cả chúng tôi khi đã ngồi được trên máy bay rồi vẫn lo lắng một quả đạn pháo kích bất chợt. Xin Cảm Ơn Các Anh, Người Chiến Sĩ Không Quân Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi đã về đến Tuy Hoà, không khỏi giật mình nhớ lại

cái kế hoạch ban đầu của tôi: Đường 7. Nếu tôi theo lộ trình ấy không biết bao nhiêu ngày mới về đến, chưa nói là có khi phải vĩnh viễn nằm lại. Con đường của Thiếu Tá Hiếu, có gì khác với con đường 7 của Quân Đoàn II, tất nhiên là không hoàn chỉnh, như những kỳ thủ ở những nước kết thúc lại bị sót nước, đã không tính tới hàng triệu sinh mạng phải bảo vệ, hàng triệu đồng bào đã quá đủ kinh nghiệm về cộng sản, bất chấp mọi giá, kể cả phải trả bằng sinh mạng của mình. Tôi chỉ là một cấp nhỏ, thấy từ cái nhỏ của tôi, trong cuộc triệt thoái hỗn loạn ấy, quân đội đã gồng gánh theo thêm gấp trăm ngàn lần quân số của Quân Đoàn, mà cái giòng thác người ấy đã làm tính bí mật của cuộc di tản bị mất tác dụng, thêm nữa, đoàn người cũng trở ngại không nhỏ cho việc giàn trận, điều động hoặc khi phải cần dùng đến chiến thuật, chiến lược này nọ. Hãy nghĩ tới Quốc lộ 19, bao nhiêu cây cầu đã bị Việt cộng phá, hai cái đèo dài đã bỏ ngỏ cho Việt cộng kiểm soát, (chưa kể là xuống đến Quốc lộ 1, Tiểu Khu Bình Định cũng đã di tản trước, đoạn Qui Nhơn Tuy Hòa Việt cộng đã chuẩn bị sẵn bao nhiêu kế hoạch giết người!), ai tài ba lỗi lạc dẫn một đoàn quân dân ào ạt bỏ Kontum, Pleiku, qua khỏi những cái miệng lưới đã chờ sẵn kia, sẽ còn được bao nhiêu người về tới Tuy Hòa ?

c cuối tháng 3/1975

**Những trang sau đây chúng tôi xin
giới thiệu về một tạp chí thời chiến:**

Trước Mặt

**Từ sinh hoạt văn học nghệ thuật, tình
cảnh người cầm bút, đến một số sáng
tác văn, thơ tiêu biểu được trích từ
một vài số Trước Mặt**

MỘT NĂM SINH HOẠT VĂN NGHỆ CỦA QUẢNG - NGÃI

NHIỀU NGƯỜI TỪ THỦ ĐO HUẾ — ĐÀ-LẠT KHI ĐẾN
Quảng Ngãi, thường nói với anh em: TỈNH-LÊ NỒNG SẮC
MÙI CHIẾN-TRANH NHƯ QUẢNG-NGÃI, lại có nhiều
người anh em văn nghệ họp mặt và sinh hoạt có vẻ thân mật quá xá.

HOẠT ĐỘNG

Lê-việt-Nguyên — Hà-nguyên-Thạch — Đĩnh-hoàng-Sa —
Phan-như-Thức .. đứng ra tổ chức một đàm trường văn nghệ
hàng tuần, tụ họp tại một nhà riêng, uống café thảo luận
một tác phẩm đã đọc, sinh hoạt này nằm trong không khí
băng hữu. Sau vài tuần lại thấy có in thành tập để chuyển
tay làm kỷ-niệm. Đó là lối chơi văn nghệ xưa cũ đối với
những người anh em thủ đô, nhưng còn hơn việc tán gẫu, đánh
bạc, nhưng có vài dư luận hảo, rồi có sự theo dõi; sau đó

hoạt động này bị bỏ ngang xương — nghe đâu vì anh em quá bận việc nhà nước.

Từ khi Đường Thiên Lý về nhận chức Quản-đốc Đài phát-thanh Quảng-Ngãi, anh em lại tụ tập và lập 2 chương trình: 1 chương trình đọc thơ và 1 chương trình đọc truyện hàng tuần trên đài vô tuyến Quảng-ngãi. Cực nhất có lẽ là Hà-nguyên-Thạch — Minh-Đường — Nghiêu-Đề, bởi xung quanh anh em trăm sự đòi ràng buộc. Đĩnh-hoàng-Sa thì chạy toát mồ hôi vì nợ Thê-Nhi, Vương-Thanh làm lãnh binh một hải đảo xa xôi — Luân-Hoán suốt ngày đêm hành quân đuổi giặc các vùng hẻo lánh — Khắc-Minh tái ngũ gát giặc ở núi Dẹp — Lê-việt-Nguyên hiên ngang trên lưng ngựa sắc (xe tăng) lùng địch — Phan-nhự-Thức thời còn xài bút hiệu Mékung trấn đồn miền đông Sơn-Tĩnh — Vũ-Hồ bị đày, đi khê đầu trẻ một trường ở miền quê — Trần-anh-Lan, giữ súng cối miền tây (Sơn-Hà)... Thế nhưng mỗi khi dù về được một ngày lại bỏ thì giờ rong phở, vài đầu vào việc tìm kiếm tài liệu để viết bài vở — có lần Phan-nhự-Thức từ tiền đồn bay về viết chapeau đến sáng lại phải đi — Chương trình song hành được nửa năm, sau vì quá nhiều trở ngại, và lại xài tiền túi hơi khá khá, nên công việc bị tắc ngẽn giữa đường.

— Riêng về hoạt động vào dịp tết Mậu-Thân, ngay từ đầu cũng những anh em này dự định tổ chức 1 cuộc triển lãm tranh của Nghiêu-Đề — Phạm-Cung và bản thảo của Luân-Hoán — Khắc-Minh — Minh-Đường — Hà-nguyên-Thạch — Phan-nhự-Thức... Nghiêu-Đề — Phạm-Cung ngày đêm miệt mài pha màu tô quét thành tranh ảnh. Lê-việt-Nguyên và bạn bè lo căng khung vải, hoàn thành bản thảo. Đầu vào đó, nhưng cuộc chiến lại phá đám, chiến trường dân quân giữa phố. Nhà cháy, người chết đau thương, thế là dự định nát tan theo đạn bom khói lửa.

CUNG TÍCH BIÊN GẶP MẶT ANH EM VĂN NGHỆ MIỀN TRUNG

LTS: Bài viết này được sưu tập từ tuần báo Khởi Hành số 28 phát hành vào năm 1969

Như đã loan báo kỳ đầu tiên số 25, mỗi tuần Khởi Hành sẽ mở một cuộc “đổi thoại” với một tác giả hay một nhóm anh em làm văn nghệ quy tụ trong cùng một tạp chí. Hai số trước, mục này phải gác lại vì cuộc phỏng vấn “Nghề Văn, Truyện Dài, Truyện Ngắn” chiếm mất chỗ. Nay, Khởi Hành tiếp tục mục này với cuộc nói chuyện với anh em nhóm Trước Mặt ở Quảng Ngãi. Sau đó, KH sẽ tiếp tục với tác giả khác, các nhóm anh em khác ở Sài Gòn cũng như ở các địa phương khác, như ở Đà Nẵng, ở Huế, ở Nha Trang. Đây là một hoạt động của KH, nhằm phổ biến sinh hoạt các nơi, như có lần bốn báo TKTS viết trong mục Nhật Ký Văn Nghệ - nhân lần đi Nha Trang và sau đó, như Chủ Nhiệm bốn báo đã nói, về việc thúc đẩy anh em thành lập các Chi Hội VNSQĐ tại các tỉnh. Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được sự cộng tác của các anh em ở xa. Riêng những cuộc đi và gặp ở xa, anh Cung Tích Biền sẽ đảm nhiệm, bởi anh có cơ hội được đi luôn. Anh Cung Tích Biền, đặc phái viên văn học đầu tiên ở VN sẽ hoàn toàn đóng vai một người ghi chép không thêm bớt ý kiến được phát biểu trong các cuộc tiếp xúc của anh. Kỳ này mời bạn đọc tham dự cuộc nói chuyện của anh Biền với nhóm Trước Mặt.

Tạp chí Trước Mặt là một nguyệt san được phát hành đều đặn tại thị xã Quảng Ngãi từ hơn một năm nay, do một số anh em văn nghệ trẻ Miền Trung chủ trương như các anh : Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Đinh Hoàng Sa, Vương Thanh, Nghiêu Đề, Khắc Minh, Luân Hoán, Lê

Việt Nguyên, Nguyễn Nguyên Phương, Thành Tôn, Minh Đường...

Quảng Ngãi là một thị trấn của vùng I chiến thuật, nơi được gọi là bị chiến tranh tàn phá nặng nề vào những năm sau này. Nhóm các anh em chủ trương được kể ở trên là những người lâu nay vẫn thường hay cộng tác với phần lớn những tờ báo đứng đắn tại Thủ đô. Ngoài ra một số các anh trên cũng là những tác giả đã có tác phẩm thơ văn hiện đang bày bán tại Saigon, như Vương Thanh với tập truyện "*Khu rừng mùa Xuân*", Hà Nguyên Thạch với tập thơ "*Chân cầu sóng vỗ*", Thành Tôn với tác phẩm "*Thấp Tịch*", Phan Nhự Thức với "*Đốt tuổi*"

Nhóm các anh chủ trương tạp chí Trước Mặt phần lớn đang tại ngũ, có người đã cắt bỏ cho chiến trường một vài phần thân thể yêu quý : như Luân Hoán chẳng hạn, Luân Hoán xuất hiện trên tạp chí Bách Khoa và Văn Học từ năm 1963, nay Luân Hoán bị cưa một chân, đi nặng, tiếp tục làm thơ, chờ giải ngũ.

Trong chủ đề tìm hiểu tình trạng những người làm văn học nghệ thuật ngoài thủ đô, tuần báo Khởi Hành sẽ lần lượt gặp gỡ các nhóm *Việt* (Huế), *Ý thức*, *Dựng Đất* (Nha Trang), *Cùng khổ* (Đà Nẵng), *Thế đứng* (lưu động), *Nhìn Mặt* (Tuy Hòa), *Biểu Tượng* (Cần Thơ)... Tất cả những cuộc họp mặt đều do anh Cung Tích Biền lần lượt thực hiện. Sau đây là cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa tòa soạn Khởi Hành và nhóm chủ trương tạp chí *Trước Mặt* :

Cung Tích Biền : Thưa các anh, xin các anh cho chúng tôi biết những lý do và hoàn cảnh đưa đến sự hình thành của tạp chí Trước Mặt ?

Phan Nhự Thức : Thưa anh, trong buổi họp mặt chúng tôi rất lấy làm tiếc vì sự vắng mặt của các anh Vương Thanh, Luân Hoán, Nghiêu Đề, Đình Hoàng Sa, Thành Tôn và những anh đã giúp rất nhiều cho tờ báo từ khi nó chào đời đến nay.

Sự có mặt của tạp chí Trước Mặt kể ra thật lạ lùng vì nó gặp quá nhiều khó khăn nội cũng như ngoại tại.

Đầu tiên anh em chúng tôi muốn qui tụ nhau làm một

tờ báo. Nhưng nhìn đi nhìn lại tiền thì không có, anh em mỗi người ở một phương, không khí ở tỉnh lẻ là một thứ không khí bị vây bủa bởi ngày đêm súng đạn : chạy miếng ăn để sống qua cơn hoạn nạn đã là khó huống chi nói đến văn học nghệ thuật.

Nhưng với mọi cố gắng, một sáng Chủ Nhật (vì ngày Chủ Nhật chúng tôi mới không công vụ) chúng tôi họp nhau tại một quán cá phê. Từ quán cà phê này bùng bùng ra cái chuyện nộp bài, góp tiền “kê ít người nhiều” và chọn cho tờ báo một khuôn khổ, một hình thức cũng như một nội dung. Chà chà, cái khoản tiền mới là rắc rối. Chúng tôi nghèo mạt rệp cả. May mắn chúng tôi gặp chính quyền ở đây là một chính quyền tốt, đã có nhã ý tài trợ chúng tôi một ít về tài chính. Đỡ bớt cho một gánh nặng.

Cung Tích Biền : Thừa các anh, một tờ báo khi được một cơ quan công quyền hay một tổ chức nào đó đứng ra tài trợ, tờ báo đó không ít thì nhiều phải chuyển hướng. Tờ báo, nếu không là một tiếng loa cho cái tổ chức đứng ra tài trợ, thì nó, tờ báo của các anh cũng khó mà thoát xác để trở thành một tờ báo đúng ý nguyện của người làm văn nghệ ? Thừa các anh, xin các anh cho biết có những ràng buộc gì trong việc nhận tài trợ ?

Phan Như Thức : Tôi xin đính chính rằng chính quyền không là một chính quyền mà tốt là một chính quyền đã tỏ ra thông cảm rất nhiều với anh em làm văn nghệ. Chính quyền đã giúp đỡ chúng tôi qua mọi khó khăn mà lắm khi tờ Trước Mặt tưởng đã chết theo với cái không khí nghèo nàn và ngột ngạt của tỉnh lẻ này. Chúng tôi sẽ gửi đến anh toàn bộ tạp chí Trước Mặt từ số 1 đến số này để anh đọc kỹ xem. Tôi cam đoan với anh rằng chúng tôi không hề bị sự ràng buộc nào vì sự tài trợ của chính quyền. Tạp chí Trước Mặt từ khi chào đời cho đến nay vẫn là một tạp chí thuần túy văn nghệ. Ngoài ra có một số bài có tính cách chính trị thời đàm. Tôi thiết nghĩ bất cứ tờ báo nào cũng phải có những bài những mục như tờ Trước Mặt. Bởi vì chúng ta không thể phục vụ cho một thứ văn học nghệ thuật trống rỗng, một thứ văn chương hàng hai hay viễn mơ, một thứ văn nghệ phản bội lại cuộc chiến đấu đẫm

máu mà hai mươi lăm năm nay tuổi trẻ đang gánh chịu từ lớp này qua lớp nọ.

Bây giờ anh Khắc Minh mang đến những tờ Trước Mặt từ số 1 đến số 16. Buổi họp mặt bắt đầu từ lúc 12 giờ trưa, anh em đều đói bụng. Anh Khắc Minh dọn các thứ ly tách đang đựng trà trên bàn để mang ra thức ăn : La de hộp, bánh trắng, và thịt bò thui mua từ bên kia sông Trà Khúc về. Anh em vừa lai rai vừa nói chuyện. Buổi trưa thật vắng vẻ trong khu vườn nhà anh Khắc Minh. Khu vườn nằm ở ngoại ô thị trấn, vườn đầy bóng cây, lá chết cùng trái chín, có thể nghe hoài hoài tiếng chim từ các lùm kín.

Cung tích Biền : Thừa các anh, ngoài khó khăn về tài chánh xin các anh cho biết thêm những khó khăn nào đối với một tờ báo được in và phát hành từ một tỉnh lẻ như tỉnh Quảng Ngãi ?

Khắc Minh : Về khó khăn trở ngại thì rất nhiều : bài vở, nhà in, tòa soạn, phát hành, thâm ngân. Nhiều lắm anh ạ. Tòa soạn, chúng tôi không có ai là người thường trực. Phần lớn anh em ở đây đều là lính. May ra một ngày phép hay một ngày Chúa nhật anh em chuồn về, đến nhà in chữa "mô rât" cho bài mình. Về nhà in, thật là rắc rối. Điện ở thành phố nhỏ này luôn luôn bị cúp, các máy lớn không thể chạy được. Do đó có khi hằng hai ba tuần cầm bài vở trên tay mà đợi điện chảy nước mắt. Về phát hành, chúng tôi không được may mắn như ở Thủ đô là có một vài hệ thống phát hành chung trên toàn quốc. Ở đây chúng tôi tự phát hành lấy. Những tỉnh quá xa xôi như Miền Tây thì đành chịu, không thể gửi báo tới được. Tôi mang báo đến bưu điện gửi đi Đà Nẵng, Nha Trang, Huế, thường khi thiếu tiền cước phí phải chạy về mượn mỗ anh em năm ba trăm. Thật là vất vả nhưng trong vất vả có cái vui không kể xiết. À, còn ông bưu điện nữa, thôi thì khỏi nói về tốc độ đối với những con rùa.

Thâm ngân, cái khoản đó anh em chúng tôi không hề thấy hiệu quả. Phần lớn báo chúng tôi nhờ bạn bè gửi bán. Được bao nhiêu tiền thì phương đó đã lai rai. Cười trừ. Thế mà vui. Nhiều khi chạy một cái cliché cũng toát mồ hôi. Ở tỉnh lẻ làm gì có những máy chạy cliché, ộp, xèo.

Do đó phải vào tận Sài Gòn chạy cho mấy cái hình. Phải một anh đi vào Sài Gòn công chuyện thì tiền đâu, còn gửi cliché đi đường bưu điện...chao ôi, biết bao giờ cái cliché có thật trở về từ gói hàng bảo đảm.

Một khó khăn nữa là bài vở. Xin một cái bài của một vài anh tiếng tăm ở xa, anh em có gửi về nhưng chờ có khi hai ba tháng, lâu quá là lâu.

Anh em cười. Buổi họp mặt đến bảy giờ đã kéo dài một tiếng đồng hồ. Sau cái vụ thịt bò thui bánh trắng thì có mục Mỹ Đại Hàn nấu với nước sôi. Chỉ có thể thôi. Nhưng đói bụng quá. Thấy ngon. Một vài anh em cởi áo, phần lớn những chiếc áo nhà binh. Chung quang đây có : Lê Việt Nguyên, Phan Như Thức, Khắc Minh, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn Nguyên Phương, Phạm Đình Hiệu, Minh Đường. Trong bảy thanh niên đã có năm là lính)

Cung Tích Biền : Ở một thành phố thiếu thốn mọi điều kiện, các anh thì bận nhiều công vụ, chiến tranh là một gánh nặng, ban đêm tôi thấy các anh có gia đình ở ngoại ô phải di chuyển vào gần các căn cứ quân sự để trú ngụ, thưa các anh, trong một Miền Trung rộn rã như thế này các anh có tin rằng tờ tạp chí các anh sống lâu như các tờ báo ở Sài Gòn hay không ?

Lê Việt Nguyên : Sau một thời gian làm việc, chúng tôi quả đã gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên nhờ không khí văn nghệ cũng như chính trị ở Miền Trung là một thứ không khí đặc biệt, tuyệt vời, nhờ vào trình độ thưởng ngoạn cũng như vào tất cả những yếu tính đặc biệt của Miền Trung mà chúng tôi không thể giải nghĩa được, chúng tôi có kết luận rằng : “Nếu có người giàu thiện chí giúp đỡ, có một số anh em làm văn nghệ không vụ lợi, thì bất cứ một tỉnh lẻ nào của Miền Trung cũng có thể phát hành được mỗi tháng được một tờ nguyệt san cỡ 100 trang, thật dầy hoàng, đều đặn, thật đứng đắn, mà có thể có kết quả tốt đẹp vì ảnh hưởng của nó”. Anh thấy đó, trước đây không lâu đã có những tờ *Cùng khổ, Lập Trường, Việt, Thế Hiện*...Miền Trung còn có thể có những nhật báo sống được nhiều năm như ngày xưa có tờ *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng, sau này một tờ Nhật báo do ông Lê

Trọng Quát chủ trương

Cung tích Biền : Sau đây chúng tôi tiếp tục một câu hỏi khác : các anh quan niệm như thế nào về tuổi trẻ, về cuộc chiến này khi các anh cầm bút cho Tạp chí Trước Mặt ?

Hà Nguyên Thạch : Trong tất cả chúng ta đều đồng ý một điều như thế này : không có gì Tự do cho bằng khi chúng ta cầm bút ngồi trước một tờ giấy trắng. Ngược lại, trước tờ giấy trắng, hơn lúc nào hết người cầm bút mới thấy khó khăn về vai trò của mình. Chúng ta không thể là con chim vô ưu ngứa cổ hót chơi, mà chúng ta phải viết gì, làm gì cho cuộc hy sinh từ bao nhiêu năm này. Ngồi tại Quảng Ngãi, như anh thấy đó, ngày đêm, lúc nào không khí chiến tranh cũng bao trùm, lúc nào anh cũng nghe thấy tiếng phi cơ trên đầu, tiếng nổ vọng ngoài kia, ra phố lúc nào cũng thấy lính, thấy bệnh viện, những thương binh nằm trên xe tải thương chạy vụt qua, tất cả, chung quanh đây, từ ngoại cảnh chạy vào tìm máu ta, từ thân thể nhỏ nhoi cỏ mọc suốt theo chiều lịch sử : chúng ta quả đã gánh nặng trên vai bao nhiêu là tai ương như một có thật, vượt qua nó, biến nó thành những hạnh phúc có thật cho một đại thể được gọi là Việt nam. Tôi nói chừng ấy và tôi không thể nói thêm gì nữa, tôi sợ những danh từ mà anh có thể cho rằng đao to, búa lớn, thứ nguy đề xưa nay.

Cung Tích Biền : Câu trả lời của anh Hà Nguyên Thạch đã đề ra cho tuổi trẻ một vai trò. Thứ vai trò cuối cùng, duy nhất, ngày hôm nay có thể làm gì cho một đại thể Việt Nam. Vai trò Lính. Tôi xin hỏi các anh, các anh nghĩ gì về vai trò người lính trong văn chương ?

Nguyễn Nguyên Phương : Câu hỏi này được hiểu theo hai mặt : thứ nhất là vai trò người lính được diễn đạt như thế nào trong lãnh vực văn chương ; thứ hai, người đang mặc áo lính ở đây đã làm gì cho văn chương nghệ thuật. Chúng ta đi từ từ. Phần thứ nhất: người lính xứ nay được các nhà văn nhà thơ đưa đi quá xa trong văn chương, họ bốc người lính ném tận lên cao, làm họ đóng những vai trò không còn thực. Một số người khác lợi dụng văn chương để gây hiểu lầm quá nhiều về người lính. Bộc người lính

lên để trở thành một vai trò quá lý tưởng cũng như hạ người lính xuống để trở thành một nạn nhân tủi nhục, hai phía đều hỏng cả. Người lính có một vai trò mà chỉ máu xương chính họ mới giải thích nổi họ. Còn phần thứ hai, tôi thiết tưởng rằng khi một người lính đã cầm bút viết văn thì anh ta không nghĩ rằng anh ta là một người lính nữa. Dù là một tu sĩ, một triết gia, khi họ đã làm văn học nghệ thuật thì họ không còn nghĩ đến cái nghề nghiệp ngoài đời nữa.

Hai giờ chiều, cái bóng nắng vàng hanh đã ngã dài vào hiên nhà, một cụ già đi quanh quất trong khu vườn anh Khắc Minh, cụ già nhóm mấy đống lá khô, phía thành phố Quảng Ngãi văng lại tiếng rì rào của xe cộ, cuộc nói chuyện vẫn còn tiếp tục, có anh đã đề nghị ngâm một bài thơ cho nghe trước khi tiếp tục câu chuyện. Và anh Hà Nguyên Thạch đã ngâm một bài thơ của anh, đăng trong tạp chí Trước Mặt số 16

Cung Tích Biền : Thưa các anh, mong các anh cho biết ảnh hưởng của các Nhật báo, Tuần báo, Tạp chí của Sài Gòn đối với Miền Trung ? Ngược lại cũng xin các anh cho biết thêm về những nhận xét của các anh đối với báo chí Sài Gòn.

Thay vì phải đặt một câu hỏi khác, nhưng tôi xin đặt luôn ra đây để các anh tiện bề trả lời. Mong các anh cho biết thêm những nhận xét của các anh đối với những người làm văn học nghệ thuật tại Saigon, những người được mệnh danh là những nhà văn, nhà thơ, những nhà Văn hóa tại Miền Nam từ 1954 đến nay ?

Hà Nguyên Thạch : Từ nhiều năm nay, trên lãnh vực chính trị chúng ta hiếm thấy một chính trị gia nào tỏ ra chân chính tài ba, thì trên lãnh vực văn hóa văn nghệ cũng thế. Thật đau lòng khi phải nói câu này, nhưng quả nó là thế.

Về văn nghệ thì những anh em ở ngoài Trung, (tôi tin rằng an hem ở Miền Tây cũng thế) gặp nhiều thiệt thòi. Một bài viết ra phải đến bưu điện gửi đi, thiệt thòi thứ nhất là bài anh ta được xem như bài của những người viết mới. Thế nào là người viết mới ? Thế nào là người viết cũ.

Thiệt thời thứ hai là ngay đến tiền nhuận bút anh ta cũng không có. Những người không may mắn ở tỉnh lẻ có cảm tưởng như mình là một chiếc lá rời khỏi cành. Điều đó nói lên được tính cách cô lập của Sài Gòn trên mọi lãnh vực.

Trong những năm gần đây, ý thức được điều đó, một số các anh em trẻ ngoài Miền Trung cố gắng mỗi tỉnh có một tờ báo riêng. Anh em muốn chứng tỏ rằng Việt Nam không chỉ có mỗi Sài Gòn. Và những gì của Sài Gòn không phải là cái toàn diện của Việt Nam.

Phan Nhựt Thức : Trong chuyến đi vào Nam vừa rồi tôi có ghé lại Nha Trang và có gặp nhiều người từng làm văn nghệ như Võ Hồng, Dương Kiên, Duy Năng. Các anh đều đồng ý rằng xưa nay đã có một quan niệm quá lầm lẫn khi đặt ra hai nền văn nghệ. Một nền văn nghệ Sài Gòn và một nền văn nghệ tỉnh lẻ. Chúng tôi không thích trong lãnh vực văn nghệ có bè nhóm, một nhà văn lớn sẽ có một nhóm những người chạy theo, quanh quẩn như là những vệ tinh. Chúng tôi không thích chia ra thứ gì của Sài Gòn, thứ gì của Miền Trung hay tỉnh lẻ. Thật ra Miền Trung là nơi đóng góp rất nhiều vào nền văn học nghệ thuật xưa nay. Các tỉnh lẻ xưa nay chính là linh hồn của Sài Gòn. Hơn thế nữa chính các tỉnh lẻ đã nuôi sống Sài Gòn trên mọi lãnh vực, nhất là Nhật báo, Tuần báo.

Minh Đường : Chính một phần lớn những người tỉnh lẻ nuôi sống các tờ báo Sài Gòn nhưng các người làm báo tại Sài Gòn lại không nghĩ đến số độc giả đông đảo này. Tôi thấy có hai loại báo. Nhật báo Tuần báo thứ nhất là tờ báo nặng về chính trị do các chính trị gia đứng ra chủ trương. Nhưng khi các chính trị gia đứng ra làm báo thì họ chỉ là người đóng trò vụng về, họ biểu lộ hết mọi bất tài, cái chân dung nham nhở của họ hơn lúc nào hết độc giả thấy thật rõ ràng. Nhật báo Tuần báo của họ thường nói đến những việc đầu đầu, họ chửi bới nhau cả những việc riêng tư. Họ khinh thị độc giả bởi vì độc giả thật là bực mình khi phải đọc đến những trang báo bản thiêu vợ anh này đi lấy Mỹ, cha anh kia Tàu lai, em anh kia đi ở thuê. Ác thay, trong cuộc chửi bới ghê tởm này lại có những anh nhà văn nhà thơ mà độc giả xưa nay quý mến, những nhà văn nhà

thơ đó cái danh viết tục tằn để moi móc nhau. Với các chính trị gia, dù moi móc đời tư họ cũng nhân danh dân tộc.

Loại Nhật báo Tuần báo thứ hai là loại nặng về Văn nghệ và các điều tra phóng sự. Văn nghệ của Nhật báo là thứ văn nghệ làm ung thối một phần nào xã hội vì những chuyện hoang dã dục tình. Họ lợi dụng thị hiếu thấp kém của độc giả, khai thác triệt để những chỗ ngứa của loài heo. Như thể họ bán báo chạy. Điều tra phóng sự của họ thì vô số những sai lầm.. Nhiều khi một sự việc xảy ra tại tỉnh nhà nhưng người dân cầm tờ báo đọc người dân không biết họ đang viết chuyện ở đâu viết cho ai đọc. Đó là chưa nói đến những “xì-căng-đan” do chính một vài tờ báo lãng-xê ra rồi sau đó họ lại cải chính, lại thư đi tin lại, họ ngã mũ chào với nhau những trò hề quá quắc khi có một vụ kiện giữa hai bên.

Phạm Đình Hiệu : Từ nhiều năm nay tại Miền Nam chúng ta có những nhà văn nhà thơ nhà báo thật khả ái, đúng với cái danh từ đẹp nhất. Nhưng ngoài ra, số người làm ung thối cho đẳng cấp này cũng không ít. Thậm chí tôi biết có nhiều ký giả đến tỉnh lẻ, hay vào các hãng buôn làm áp-phe. Một số các nhà văn đã chối bỏ cái thiên chức cao quý của mình, họ không chịu an phận một hàn sĩ. Họ bẻ cong bút với một vài bút hiệu khác viết khiêu dâm để kiếm cho nhiều tiền. Thêm vào đó họ gây ra những ty hiềm giữa Nam Bắc, gieo trong đầu óc hiền hòa của dân chúng xưa nay cái danh từ kỳ thị. Cái đó chỉ có nơi các ông được gọi là chính trị gia xôi thịt nhà văn nhà báo xướng ra. Chứ ngoài dân chúng, người dân Việt Nam chúng ta chưa hề có cái kỳ thị khốn nạn kiểu người Da trắng đó...

Cuộc nói chuyện chấm dứt vào Ba giờ chiều. Còn nhiều ý kiến thiết thực nhưng khôn khờ tờ Khởi Hành không cho phép. Chúng tôi xin dành lại cho một ghi nhận khác ở một lần khác trong loạt bài viết Tổng quát về các sinh hoạt Văn học nghệ thuật tại các tỉnh lẻ. Chúng tôi cũng sẽ lần lượt chuyển đạt đến khắp nơi ý kiến của những anh em trẻ, những người không được may mắn

sống ở Sài Gòn.

Chân thành cảm ơn tất cả anh em trong nhóm Trước Mặt.



LUÂN HOÁN

Tạp Chí Trước Mặt

Một trong những công việc đám bạn ở Trùng Khánh chúng tôi cùng chung tay thực hiện là làm báo. Tờ Trước Mặt, mười sáu trang khổ lớn, giấy báo vàng xỉn, được khởi xướng và thành hình từ một đêm rượu, có ánh trăng làm chứng. Với sự phân công đàng hoàng: Phan Nhự Thức lo tìm nguồn tài chánh và trở lại nghề ghi “nhật ký” đã bỏ quên từ ngày rời trường bộ binh. Hà Nguyên Thạch giữ phần đọc, chọn và làm thơ. Vương Thanh, Đynh Hoàng Sa có trách nhiệm viết và tìm truyện kiêm luôn dịch thuật. Nghiêu Đề lo tổng quát về hình thức, trình bày, tùy hứng đóng góp thêm thơ và truyện. Luân Hoán, ba phải, nhiều ý kiến, cho giữ mục góp ý chung chung về

mọi chuyện mà các bạn đã hình thành. Nghĩa là giữ một công việc không thực hiện cũng không sao. Đại khái như: “báo kỳ này được đấy”, “Nghieu Đề trình bày trang này tới quá đi chứ” vân vân và vân vân...vô thưởng, vô phạt. Khắc Minh chủ trì kỹ thuật in ấn...

Những ngày bắt đầu hình thành tờ Trước Mặt, tôi không bận hành quân, nên trốn đột kích, nằm đường để về thị xã tiếp tay cùng các bạn. Từ Trùng Khánh, chúng tôi cùng nhau chạy đến nhà in Đồi Non, rồi chuyển qua nhà in Hoa Sen. Cân nhắc mẫu chữ, co chữ, giá cả, số lượng... Những đêm thức trắng để theo dõi, cổ động việc xếp chữ chỉ thật là vui. Các mẫu chữ cái a, b, c...nhỏ xiu nằm trong các ngăn tủ có từng ô nhỏ riêng biệt. Bàn tay người thợ quen nghề thật nhanh nhẹn, chính xác. Mắt liếc đọc bản thảo, tay bốc xếp đều đều. Các anh thỉnh thoảng kêu trời vì nét chữ lí nhí của Hà Nguyên Thạch. Bài lục bát Ga Nhỏ của Khắc Minh, sắp cuối trang, không trang trọng, tôi đề nghị đưa lên đầu trang:

*Còn em với bóng ga buồn
đèn le lói thấp khói cuộn cuộn bay
tóc mây phủ xuống vai gầy
với tay đưa tiễn hồn ray rứt sầu
còn tôi chừ tiếp niềm đau
nhớ thương chật cả chuyến tàu vào đêm
đường rầy hút bóng dài lên
nổi dài khoảng trống ga em đợi chờ
tôi còn buồn thấp trong thơ
đèn pha không đủ cắt bờ hoang vu
gió thì thầm chuyện riêng tư
cát ôm bãi vắng sương mù tiếp qua
con tàu dừng ngủ trong ga
lộ trình tôi đợi về ga nhỏ chờ
(thơ Khắc Minh)*

Cái máy in cũ mềm, mệt mỏi đập từng trang xình xịch. Mực nặn trên *rouleau* cán đều, nhưng đôi khi có chỗ đậm chỗ lọt. Đôi khi tôi làm đột xuất một bài thơ con cóc, tả cái chợ trời bán đồ Mỹ, gần nhà in, hoặc cái nhìn tình

cờ của một em vợ vẫn nào đó ngó mình, đã tưởng bỏ, để trám một chỗ trống. Thơ thần của tôi lúc này coi bộ lây nhiễm hơi nhiều mùi thuốc súng, thuốc lá và hương phấn son đứng đường, chẳng ra ngô ra khoai gì cả. Vừa mới Bữa Ăn Trên Sơn Kim, đến Đêm Ba Mươi Trên Đồi Lâm Lộc, tôi lăm le viết Thơ Trên Vách Núi Phú Sơn...chẳng biết để làm gì.

Tôi không nhớ rõ tuổi thọ của Trước Mặt, nhưng chắc chắn không già quá nửa năm. Tờ Trước Mặt phải yên nghỉ bởi vóc dáng khó có chỗ trong tủ sách. Để đáp ứng hình thức hợp thời trang, tờ Tập Hợp được cho ra đời với khổ giấy 17 x 25 cm, rất lịch sự, trí thức. Vẫn với những thành phần cũ, công việc cũ. Tiếc rằng, tình hình chiến trận leo thang, Tập Hợp không tập hợp được lâu những người ham chơi chữ nghĩa, nghệ thuật.

LH

(trích bài Thị Xã Quảng Ngãi Và Tôi 67-69 trong Quá Khứ Trước Mặt)

THƠ VĂN TRÍCH

hoàng - lộc

LẦN HÀNH QUÂN TRỞ VỀ

đã thấy khác xa từng lời mẹ dạy
linh hồn vàng cùng tận cõi ăn năn
đường lui quân ôi đồng đồng máu đỏ
của kiếp người chưa đủ một trăm năm

khi ngo ngác nhìn lên từng thi thê
đôi tay anh thô bạo tự bao giờ ?
người da vàng — người da vàng tuổi trẻ
đã âm thầm giã ngũ thuở hư vô

chắc thượng đế đã già nên lú lần
quyền tử sinh bỏ lạc xuống tay người
trên đất nước thấy ngựa về mặt trận
trước đau thương chẳng biết khóc hay cười !

từng cái chết đồng bào trên ngực áo
những huy chương nhớ nổi xót xa mình
anh cúi mặt xin đời thôi cõ vớ
(mẹ ngũ rồi ai hát khúc sơ sinh ?)

muốn hỏi em lời buồn không hỏi được
nên buổi chiều chiến thắng bỗng sâu ôi
anh bé nhỏ như một loài ngựa lạc
trái tim khô se sắt buổi quay về.

(THƠ ANH BAY GIỜ)

(Trước Mặt số 13 năm 1969)



LUÂN HOÁN

Cuộc họp mặt đầu năm Kỷ-Dậu

(trích tạp chí Trước Mặt số 13 năm 1969)

LTS (Trước Mặt): Cuộc chiến đã toàn diện, có người đã ngã xuống, người đã mang tàn phế. Một Y Uyên tử thương ở Nora (Phan Thiết), một Chu Tân bỏ một chân cho chiến trường Quảng Ngãi và bây giờ đến lượt Luân Hoán. Trong một cuộc hành quân tại Mỹ Đức, Luân Hoán tức thiếu úy Lê Ngọc Châu đã để lại cho quên hương chúng ta một ống chân trái vào ngày 25 Tết vừa qua. Trong đau đớn này, Luân Hoán đã ôm từng người bạn thân, và bài thơ sau đây là những giọt lệ biếc của Châu khi nằm điều trị tại bệnh viện ...

hồi toàn thể bạn bè
những người tôi chưa hề biết tên quen mặt
những người tôi từng bắt tay
từng ôm nhau ngủ

tôi sắp sửa nói cùng các anh
những lời vinh hiển
những lời chân thật
mà từ trước đến nay tôi chưa bao giờ nói được
dù tôi đã làm thơ
dù tôi đã dùng chính máu mình hòa vào những giòng thơ
đó
hỡi các bạn thân yêu
thật khó mà tin tôi còn đủ bình tĩnh đủ lạc quan
để nghĩ và viết
cho các bạn bài thơ này
chắc các bạn sẽ không đánh giá
sẽ không tìm ý nghĩa nội dung hay bố cục
mà cũng hiểu được tôi
ôi tôi còn nói làm gì ? còn nói những gì ?
tôi nói cùng ai đây ?
cho các bạn hay cho chính tôi ?

hỡi Khắc-Minh hỡi Trần-Anh-Lan
hỡi hai cây thịt mang áo màu như ta
đã hân hạnh được ta gặp mặt đầu tiên trong đầu năm Kỷ
dậu này
hôm nay ngày mừng tám âm lịch phải không ?
ngày bánh mứt đã cạn
ngày những câu chào mừng xã giao đã ngượng
hai đứa mày còn nhớ gì không ?
khi chiếc xe thô và người tài xế già đưa ta về
ngôi nhà trước khi ta và Lý ở
ngôi nhà có giàn hoa
có tổ chim se sẻ
ôi những giọt nước mắt
ta có khóc bao giờ đâu
sao ta không nhìn được hai đứa mày
sao ta cúi mặt
hai bàn tay ta bận cầm nặng gổ
còn bàn tay nào để nắm tay nhau ?
còn bàn tay nào gạt trôi vết lệ ?
buổi chiều thật lặng yên

ta nào dám nhìn chung quanh
ta nào dám nhìn mái tóc bạc trên đầu người mẹ già của
Minh
đang run run mừng ta về đó
và những nụ cười trên môi bé Ý
và những tiếng chó sủa vang
ta bước đi
một bên Trần-Anh-Lan
một bên là mây phải không Khắc-Minh
sao không ai nói cùng ta hết
lời chia vui sao nở cạn rồi ?
ơi cái bàn này ta đã ngồi
ơi cái giường này ta đã nằm
thân mật quá
ta muốn nói ta muốn tỏ tình ta muốn thét
ta muốn đi chỗ này
ta muốn lại chỗ kia
ta muốn ra chuồng heo
ta muốn ra giếng nước
ta muốn vào thăm cầu tiêu
nhưng than ôi ta phải nằm đây
đĩa mức cuối cùng để dành cho ta
những cái bánh cuối cùng để dành cho ta
ta đã nhai thật lâu thật nhỏ
mà nuốt vào vẫn nghẹn

rồi Vương-Thanh
rồi Hà-Nguyên-Thạch
rồi Phan-nhự-Thức
và biết bao nhiêu người ta chưa hề quen
vội vã vào thăm ta
vào thăm ta hay xem một vật lạ
một vật mất một chân
còn đứng đi nói cười
ôi Thanh ôi Thạch ôi Thức
tại sao chúng mày lại khóc
tại sao chúng ta không nắm được tay nhau
tay ta vẫn còn đây

vẫn còn nguyên năm ngón
năm ngón ngũ hành của Tường Linh
trong một bài thơ nào đã nói
ôi Thanh ôi Thạch ôi Thức
ôi những con mắt đỏ ngầu
những con mắt căm hờn
những con mắt thương xót
chúng mày đã nhìn lên ta
bằng những bàn tay xoa dịu vuốt ve
như một cơn gió mát
cơn gió của trái tim hợp lại
cơn gió làm tui lòng ta
nào ta có dám trách đâu
nào ta có dám nghi ngờ đánh giá
bồ thí tình thương
hay chia nhau nỗi đau xót ?
sao ta khổ sở thế này
mười bốn ngày trong bệnh viện Mỹ
ta chưa bao giờ được khóc
không phải là ta sợ
không phải là ta không đau buồn
nhưng bây giờ nước mắt ta chảy được
chảy hân hoan
và cả bọn mày nữa
vô duyên và hèn nhát
cũng khóc được cho một bàn chân
gợi cho quê hương yêu dấu
ôi nên tha thứ hay kết án đây ?
có tình nào cao hơn tình yêu và tình bạn
ta cảm ơn đất trời
đã cho ta những người bạn như bọn mày
những người bạn không thể nào kể hết trên giấy
gọi hết trong bài thơ
nhưng trong trái tim ta
ta đã ghi đã khắc rõ
đã dành mỗi chỗ ngồi cho mỗi đứa
hỡi những bạn đã đến cùng ta.

khắc minh

TRÊN CAO

*mưa trên tóc mưa cuối đèo
tình giao mắt ngậm ngùi heo hút ngàn
dưới sương sao khép dáng buồn
cành trên nghiêng bóng chim rừng thoi ca
bay sâu gió thả mù xa
môi thâm đẳng giọng đêm nhòa nhạt trời
chẽ mềm khói thuốc làm đôi
nửa che tay ngóng nửa vời vợi trông
sáng phơ sợi nhớ bành bông
chiều đan tay bóng nắng hong tóc mềm
ở đáy rừng thăm dốc triền
nghiêng đêm xuống nhớ ngày lên vội sâu
giao tình sáng đỉnh thâm sâu
thủy chung trở báp thơ sâu thả bay.*

(TRÊN YÊN NGỰA)

(Tập chí Trước Mặt số 11&12)

PHAN NHỰ THỨC

QUẢNG-NGÃI, KẼM GAI VÀ NHỮNG LOÀI CHIM NHỎ

1.

NHỮNG NGÀY THÁNG RA GIÈNG RỜI VỤN, BỊT bùng, ngột ngột, chán nản, mỗi một, hốt hoảng rơi trên từng ngôi nhà, đường sá và con phố Quảng-ngãi. Tôi đã thả tôi lẫn cùng ngày tháng đó. Và trong sự sống nghiệt ngã tôi phấn đấu với tôi rời rã. Tôi đã ngồi nhìn tôi thâm nảo cùng với sự xung quanh buồn nản, khời hải. Trước mặt những hàng kẽm gai chia phân từng con đường nhỏ lổ lổ bụi bặm. Ôi thành phố yêu dấu của ta đã trở thành một phòng ngự, một biên đồn chống giặc mà hàng đêm các em, các anh, bằng hữu, đồng bào tôi cũng đành nhận làm những tên lính gác, chong mắt nghe ngóng âu lo.

Em hỏi em— hỏi con chim nhỏ chiều nay bay vào hồn tôi rồi, tôi xin làm tên lão bặc nuôi loài chim quý suốt thời gian đó đơn. Em nào hiểu được thành phố chúng ta đang pháp phòng trong cơn lửa đỏ, trong mùa tổng quấy phá của kẻ thù? Em nào hiểu được nỗi xót đau của một cuộc chiến

đã đánh quy bạn bè anh tàn nhẫn, đã dạy bằng hữu anh trở thành những tên truy hoan phá đời hung hãn và biến bạn bè anh thành người hùng vinh hiển hay những người buồn bã—mặc dầu hàng ngày, hàng đêm vô tình em bị cuốn lôi vào sự kinh hoàng của chiến trận. Em nào hiểu thấu những buổi chiều vội vàng anh ngồi bông đùa cùng bạn bè bên tách cà phê trước khi về nhà và những chén cơm mặn, khô sừ soạn cho một công việc bình thường tìm một chỗ ăn thân như bạn bè em hàng đêm tản cư chạy giặc. Vậy đó: Chúng tôi cười nham nhở, cười vỡ từng nỗi hoang vu trong lòng mình, cười và từng nỗi chán nản bức dọc xung quanh. Và thành phố chúng ta cũng thế. Xin người hãy bao dung tha thứ.

2.

Buổi chiều xuống vội. Con nắng quái gỡ vàng vọt chạy trốn từng đoàn mây đen và những ụ khói mù của những chuyến bom vừa thi nhau đổ xuống. Tôi ngồi một quán cà phê. Quán cà phê bị bủa vây bởi những hàng kẽm gai phòng ngự. Quán cà phê mở và đóng cửa vội vàng. Quán cà phê có bà chủ vui tính luôn cười không tươi. Quán cà phê có cô chủ thật đẹp vừa chít khăn tang. Quán cà phê hoang vắng và bé nhỏ. Tiếng nhạc từ căn nhà bên cạnh gõ xuống buổi chiều âm u một ca khúc buồn bã ca khúc bị cấm phổ biến bởi tác giả đã nói lên sự tan vữa của đời sống, sự khốc liệt của cuộc chiến này... Tôi ngược nhìn khu trời cao phía trên kia, những chiếc phi cơ vút lên và chúi xuống thả những chuyến bom vào ổ địch. Trước mặt tôi, năm ngã đường lở lói, nhỏ hẹp trông đến thảm não. Trước mặt tôi những toán người lánh cư, tìm chỗ tương đối an toàn để ngủ trọ qua một đêm. Trong đó có những cụ lão già nua, những cô bé nhí nhảnh trong sáng. Vài cô học trò cũ vừa chào tôi vừa trả lời tản cư, chạy giặc. Những con chim nhỏ liu lo, nhảy nhót đáng lẽ phải vui vẻ bên ngọn đèn và quỳên vở mở trước mặt đêm nay lại âu lo cuộc chiến hơn sự học—âu lo như một người lính đang sẵn sàng tác chiến. Tôi nhìn căn nhà bên cạnh có cây trứng cá và chùm hoa giấy xác xơ. Hai con chim bàng khuâng đứng nhìn buổi chiều sắp hết.

Ở giữa ngã năm này, căn nhà em hơn một lần bị đốt cháy. Ở phía trên kia xóm em giặc đến mấy lần. Trận chiến đã hung hãn dần ra tại khu vực này năm ngoái. Trên con đường

Võ-Tánh tôi thường lui tới nhà một người bạn thân ăn ngủ và đùa với đứa cháu trai nhỏ, năm ngoài trận chiến bày từng ống chân, từng khúc tay, từng xác chết thối sinh. Tôi nghĩ đến đứa bé đó với những điều viết cho nó từ khi còn ở KBC 4.100. Bây giờ hay đêm nay giấc có thể dần trện ở đây. Đêm qua, giấc đã đến xóm tôi. Căn nhà trước mặt đồ nát. Thành phố này đó em, những con đường không phải để chúng ta dạo mát, không để chúng ta bách bộ. Thành phố của kềm gai. Thành phố để các em chấp chờn giấc ngủ bởi những loạt đạn nổ, bởi những tiếng pháo kích âm ỉ. Thành phố này đó em, tạo những dây xéo bức dọc thường trực quanh đời sống chúng ta bởi những xoai bó của một thứ tình lẻ. Thành phố này đó bạn, buồn bã và khai hải. Thành phố này đó anh, đã phảu dấu mảnh liệt và liên tiếp tạo một sức sống vươn lên trên những mỗi một già nua. Tất cả đó là ngày tháng của thành phố chúng ta. Tôi đã xem thành phố này như một niềm yêu dấu, và cũng đã chán nản bức dọc vì cái không khí xung quanh nó.

Tiếng còi giới nghiêm. Này em cánh cửa sò sẽ khép. Rồi con phố sẽ chết đi trong nỗi im lìm của đêm...

3.

Tôi thêm một chén trà nóng thơm ngon. Một căn nhà. Một khu vườn tình mịch. Tréo chân nhả khói thuốc. Và một mình —rất một mình. Quên hết, không có bạn bè thân ái. Quên hết những cuộc tình đã qua. Đây là những ràng buộc xung quanh. Trong bóng tối tôi sẽ tìm được tôi. Tôi tìm được em đích thực. Tôi tìm được bạn bè tôi. Ở đó chẳng còn gì liết —chẳng có tin bạn bè vừa chết ở Nghĩa-hành ở Sơn-tĩnh. Chẳng có thằng bạn làm thơ vừa cưa chân ở Đức-phổ. Tôi sẽ thức để tìm ra tôi và tôi sẽ ngủ một giấc bình yên không mộng mị.

Đồng bào tôi chắc cũng thêm như thế. Người cha già khốn khổ của tôi thêm một khu vườn, thêm nhìn thấy tôi có gia-dinh yên ấm. Ở những khát vọng đơn sơ nhưng nào ai đã gặp, và cả thành phố niềm ước ao hạnh phúc. Lời tự tình ta xin thấp sáng lên những mái ngói và con đường đang có những kềm gai...

PHAN NHỰ THỨC

TRẦN HOÀI THU

TRỞ LẠI HUẾ

BUỔI CHIỀU CHỊ NGÂN BẠN RỘN NẤU ĐỒ CÒ, BA mặc áo lương sửa soạn bàn thờ. Chiếc bàn thờ sau ba tháng trời mới soạn sửa lại cho ngăn nắp. Ba nói nhà mình phúc đức, Trời Phật thương mình. Đạn bom làm hư hại nhà cửa, nhưng bức tượng Phật Quan-Âm không hề bị lung lay. Tội nghiệp cho ba. Ông mừng muốn khóc khi nhìn mình trở lại. Ông hỏi vết thương của mình và trách tại sao không viết thư cho gia đình biết tin. Ông nói may mà anh Ph mảy đọc báo B.K. thấy họ đăng tin mảy bị thương, Ông mới biết và đang tìm cách vào thăm. Minh cúi đầu. Thì ra lúc nào cũng làm Ông lo lắng, cũng làm cho Ông không một chút bình yên để hưởng tuổi già. Minh vẫn lang bạc kỳ hồ. Cả nhà chạy ra coi thằng lính trở lại nhà. Cháu cu âm đôi chân và kêu chú chú. Thằng cháu thứ hai, chị Ngân sinh trong khi mình xa nhà cũng mở mắt muốn nói chuyện. Minh muốn rưng nước mắt. Ba kể lại những ngày đầu xuân đầy máu và nước mắt. Nhà bếp đã sụp vì đạn và rocket máy bay. Bọn họ đặt súng đảng sau vườn để bắn máy bay. Buổi sáng mừng năm cả nhà tản cư lên trường Kiều-Mẫu, thì buổi chiều bom đạn tìm ngôi nhà thân yêu. Không đi kịp e cả nhà đã bị phơi xác rồi. Ba nói rưng rưng. Ông hối dọn bàn thờ để tạ ơn Trời Phật.

2.

Bảy ngày trôi qua. Bảy ngày mình đi tìm lại những gì thân yêu. Nhưng đã mất, đã mất tất cả. Cầu Trường Tiền đã gãy ở nhịp giữa. Vành cầu đổ xuống giòng sông mang tất cả nỗi thê thảm và hàng hàng người đã nương theo sợi dây, đi trên con phà bất tạm. Khổ cực cho người con gái. Đứng trên bờ nhìn em qua nhớ những tà áo dập diu bay của ngày xưa. Bữa hôm qua, đi về thấy đám đông đứng bên mũi cầu. Tối xem, thấy chiếc áo vàng nhạt hiện lên trên lớp cát, và trong ống tay áo lộ chiếc xương tay. Lần đầu tiên, khi về Huế, mình thấy hình ảnh của một người chết bị bỏ quên sau một tháng trời thành phố ngập đầy xương máu. Bảy ngày trôi qua không ngày nào mình không đi trên cầu để nhìn giòng sông và biết thế nào là một sự tận vỡ.

Giòng sông thì lúc nào vẫn lặng và xanh. Bây giờ chắc nó đã mới một lần rồi. Những con đò máy đưa khách dập diu qua sông. Em qua bên nó, anh lại bên ni. Cả hai cùng tìm trong cái hoang tàn đồ nát một niềm hy vọng hay chán chường theo anh đến lúc này phải hy vọng dù hy vọng rất nhỏ nhoi. Như vậy chúng ta mới níu kéo những ngày tháng còn lại để mà sống. Anh đã di cư một lần. Huế đã gắng bó từ ngày anh bỏ ngõ rồi bỏ quê hương. Những đêm đầu tiên của kẻ di cư thật xấ lẹ. Bởi người dân ở đây vẫn cầu an trong lớp ốc vỏ, không bao giờ lo lắng đến một ai ngoài chính họ. Bởi thế những ngày đầu tiên sống chui rúc trong góc tối của chợ Đông-Ba, bán từng con mực để mà sống. Ba thì lận lợi trong bể nước lụt thăm từng con bệnh. Mùa mưa phũn vẫn thiếu áo lạnh, anh hay qua cầu, muốn ngã trước những cơn gió thổi mạnh bạo anh đã nói mình phải hy vọng, anh không thể nào di cư thêm một lần thứ hai nữa. Dù yêu dù ghét, Huế vẫn là quê hương đầy lãng mạn và đầy nồng đượm. Huế vẫn hát hủi anh. Con người ở đây vẫn sống nhiều về bề ngoài, mà anh bề ngoài chỉ là con số không.

Nhưng bên cạnh những đồng gạch đồ vụn, những xác chết vừa mới thu dọn, những cây cầu vừa đổ thảm thê, người ta còn chịu đựng để xây dựng. Đó là một đức tính của

người dân Huế. Chịu đựng — anh đã tìm thấy thật rõ ràng trong những ngày anh đi phép. Mỗi người con gái bắt đầu nở nụ cười, dù nụ cười ấy vờn một chút gì héo hắt. Những học trò vẫn tiếp tục ngồi trên ghế, trong những căn phòng đổ nát. Trần nhà bị bom đạn làm loét lở. Người ta vẫn bám víu những cái hoang tàn khốn khổ. Bấy ngày đi phép, anh đã thấy trên con đường phố Trần-hưng-Đạo, Phan-bội-Châu; hàng hàng người đang đổ xô về. Có một điều khác lạ, là không còn cảnh :

dập diu tài tử giai nhân

ngựa xe như nước áo quần như nêm

mà thỉnh thoảng một cánh áo sô một vành khăn trắng nổi lên. Anh muốn em tưởng tượng một cảnh hấp hối của một kinh thành nhưng bên trong đó, dưới bề khốn khổ đó, còn có những cánh tay vươn lên bám víu từng nổi sống. Đó em thấy chưa ?

Anh qua con đường có ngôi nhà thờ và nhiều cây rậm lá. Buổi chiều những người con chiên của Chúa, sâu từng chuỗi hạt và áo trắng thật hiền. Bấy giờ ngôi nhà thờ ấy đã không còn nữa. Anh là một kẻ ngoại đạo. Nhưng tim anh tưởng chừng Chúa đã bị đóng đinh thêm một lần thứ hai nữa.

3.

Những ưu tư trần trọc theo con tàu ra đi. Buổi sáng, buổi chiều nhìn ra phi cảng. Tiếng động ầm ầm của động cơ xé tai. Chờ đợi đã hai ngày. Huế bây giờ còn chờn vờn trong trí nhớ. Huế chờn vờn trong đám mây bay, những trận mưa ngâu nhỏ. Cây cầu bị đổ. những tà áo rung rung trên phà. Buổi chiều, bước về thôn thực nhìn tê sông thành phố vẫn ngủ những nhà đổ vụn, loét lở, như sót lại sau ngày tận thế. Tưởng tượng hơn nữa là Thành nội đổ vỡ hết cả rồi. Tiếng đập may máy của một ông già, buồn buồn và mắt ông ta nhìn xuống. Làm sao so sánh một Huế với Berlin. Biết chỗ nào hơn.

Nhưng Berlin, còn ghi một thiên hùng tráng. Đó là dấu hiệu sụp đổ của một kẻ thù nhân loại

(Trích Trước Mặt 13)

VƯƠNG-THANH

KHU RỪNG MÙA XUÂN

THỨC CHẠM HAI BÀN TAY TRƯỚC NGỰC, CÂY SỪNG lạnh buốt gác trên vai không rời, đánh hết bốn que diêm mà vẫn chưa châm được điều thuốc đã ngậm sẵn trên môi, ướt nát một đầu. Gió lướt xoáy trên da thịt, rút từng mảnh áo, lá rừng rụng như mưa. Thức bực mình vò bẹp điều thuốc, một bàn tay nắm chặt, vùng lên, ném vào không gian giá rét, một cú đấm, cử chỉ thật thô bạo, hỗn xược, xúc phạm và vô nghĩa. Anh chửi trong miệng nhưng không hiểu chửi cái gì. Giấy phết sự giận dữ bốc lửa; hơn cả cuộc tàn phá, anh tìm cò súng và muốn bắn vào khoảng không vài tiếng nổ, nhưng cái giận dữ ấy nguội ngay với cơn gió rét của rừng và Thức trở thành một kẻ kiên nhẫn nhất ngồi chờ thù địch. Căn chòi nhỏ chỉ vừa chỗ cho hai người ngồi; thấp gần sát đầu và Thức nghĩ giá dựa lưng vào đó mà ngủ có lẽ sướng hơn phải đứng như thế này những hai giờ đồng hồ. Ít nhất điều đó, các bạn hữu của anh, những thằng bạn khoác chiếc áo hoàng tử của thành phố bạn đêm và khuôn mặt trắng bệch, cạo giấy, gầy đét, gian ác, tàn nhẫn, lừa lọc, lẩn lút như một con chuột của thành phố ban ngày, sống như một cái máy lợi ích trong muôn ngàn cái máy lợi ích khác, phải biết như thế và họ phải hiểu rằng điều bất hạnh cho những anh chàng lính

mới là phải gác khuya ở cái chốn không mấy thơ mộng này; điều đó càng làm Thức muốn ngủ một giấc cho thật ngon.

Thức nhắm mắt một lúc với sự khoan khoái, rồi anh vội mở choàng mắt khi nghĩ rằng thù địch của anh còn lẫn lút ở hai ngọn đồi phía bên kia, như những đàn chuột sau mùa gặt, có thể bò đến hạ anh bằng những nhát dao rất nhanh và rất êm, êm như một giấc ngủ thoải mái. Thật kỳ cục hết sức. Bọn chuột không ngớt dòm ngó những khẩu súng loại tốt trong đồn này. Chúng có thể đòi rất nhiều người để lấy súng. Điều đó không phải dễ, mọi người trong đồn bắn không đến nỗi dở, và cũng không muốn có cuộc đòi chác dã man như thế. Nhiều lúc Thức đã có ý nghĩ là bấy càng được nhiều chuột càng hay, càng chóng được trở về với những vỉa hè thành phố buổi chiều ngắm những tà áo trắng nữ sinh. Bỗng Thức giật mình, có nhiều tiếng động nhỏ ở phía trước mặt. Những khóm cây nhí nhít, to đến hai người ôm, thật lì lợm không giúp cho anh nhìn được xa, sâu vào tận đám rừng. Thức nhượng mắt mắt quan sát, toan báo động, nhưng anh buồn cười vì một con chồn lớn như con mèo vừa phóng từ bụi cây này sang bụi cây kia, dây leo động và lá khô xào xạc. «Thật là một điều xỉ nhục nếu tụi khốn đó biết mình đã run sợ vì một con chồn nhóc». Thức cười khẩy nghĩ lúc các bạn anh vác súng ra săn một con chồn mà họ tưởng là thù địch. Khu rừng mênh mông, đen thui, vô tận, trải mãi về xa tiếp giáp những ngọn núi cao. Bìa rừng im phăng phắc. Nhiều lúc cây lẫn vào bóng tối, những bụi gai nhỏ lù lù, đã làm Thức hồi hộp tưởng đang có hàng ngàn khẩu súng đã được ngụy trang để hạ mình. Thức nhịp chân vào những cây gỗ tạp, hát một bài hát thật xưa mà anh còn nhớ lõm bõm đôi ba câu Hai ngọn đồi trước mặt, tròn, trọc, gan lì, buồng một thùng lũng ngăn về phía bìa rừng có những chòm cây thấp hơn. Gió rét từng hồi xoáy trên chồi cành và Thức tin ở xứ lạnh nhất cũng chỉ rét đến thế. Thức kéo cao cổ áo và xuyt xoa. «Giá có một điều thuốc mà hút chắc ấm hơn.» Ngày còn ở nhà, Thức rất nhát đêm tối, nhưng bây giờ đêm tối với anh có nhiều điều lý thú khi ngọn hỏa châu soi lên cho anh nhìn rõ

thù địch đang nép dưới cổ đá như dễ mền, và anh dễ dàng hạ bằng những viên đạn bắn dở nhất. Thức nghĩ giá bắt sống được ít tên, làm thật chắc phải thú hơn cứ cho tụi nó còng queo, chết mau chóng qua cũng không thể gọi là chết được, điều chết anh cho là khổ cực nhất phải là chết lâu nhất trong sự đau đớn.

Thức kéo tay áo xem giờ. Còn 15 phút nữa. Thời gian dài vô cùng. Có đêm đứng gác, lòng nhút nhát đã làm anh nghĩ đến những điều thần, thánh, ma, quỷ hiện hiện ở hai ngọn đồi phía bên kia. Những lúc đó Thức phải nhận rằng mình sợ, chỉ muốn nổ súng bừa bãi vào cái không gian yên lặng ma quái đó để nói lên sự hiện diện của con người. Con người không thể thua rừng núi, nhất định thế. Vừa lúc đó một tia đèn pile từ trong trại quét ra. Thức biết đó là bố Trần đi báo giờ đổi gác. Bố là một người đàn ông lực lưỡng, hiền và đôn hậu. Cả anh em trong đồn không thiếu cảm tình và bất cứ lúc nào cũng có thể đùa cợt bố được. Bố Trần ngậm thuốc phiện, bảo, giọng hơi ngái ngủ, có lẽ bố thừa tình rượu:

— Sắp hết rồi. Huyền thay phiên chú.

Thức hỏi:

— Các mặt kia yên chứ bố?

— À, ừ. Vọng cậu có gì khả nghi hả? Đạo aáy bọn chuột làm loạn quá. Phải bắt nốt hết lại tụi mình mới có thể ngủ yên.

Thức cười bảo:

— Ấy coi chừng bệnh dịch chuột đó.

— Ờ, ờ dịch chuột cũng chỉ nguy đến thế thôi.

Bố Trần là tay tửu lượng hạng nhất trong đồn, nhưng bố không bao giờ say bét. Tiếp tế của anh em thì thực phẩm, đồ ẩm, của bố phải thêm món rượu và rượu thì chiếm đa số, rượu đối bố cũng là cơm áo và lý tưởng. Không biết điều đó có phải là điều bất hạnh cho cả đồn không, nhưng chẳng có ai than phiền về cái tròng rượu của bố cả, bố chẳng

mất lòng ai, chẳng thù ghét ai và mọi người nhìn nhận lối nghiện rượu của bố cũng có một lý tưởng chính đáng cho sự chiến đấu của bố vì áo cơm, rượu là xa xỉ phẩm của địch mà bố muốn hưởng thì phải chống lại chúng để tiêu sái «chiến lợi phẩm» của chính mình.

Một lần bố Trần đọc thư của đứa con gái đang học ban tú tài ở trường Đồng-Khánh cho Thức nghe và Thức chợt có ý đùa nghịch gọi Trần bằng bố, rồi anh loan tin cho cả trại hay, thằng Mặc, Mai, Nhân, Thanh, Hóa, Châu thi nhau nhận bố. Bố Trần chỉ cười khi khi, không phản đối, không giận và điều đó làm cả bọn anh càng đùa giãi.

Bố Trần soi đèn pile vào cánh rừng với sự lo ngại, Đêm cuối đông lạnh vô cùng. Còn ba đêm nữa là hết mùa đông dài. Thức nhớ những sự đầm ấm của gia đình những năm trước đây với lòng khao khát. Mẹ anh chắc buồn hơn cả, các em anh cũng chẳng vui. Có lần đọc thư mẹ Thức đã rơi nước mắt. «Nhà vắng con buồn quá. Bao giờ đất nước bình yên để về với mẹ? Các em nó nhớ anh lắm. Mẹ sẽ gởi áo ấm lên cho con. Chắc hơi núi phải lạnh nhiều. Đừng liều lĩnh, cầu trời cho con trai tôi bình an.» Thằng Mai, Thanh, Châu đã nhận được quà tết từ hồi chiều và Thức ở vào sự mong mỏi, thèm muốn. Anh biết nhất định mẹ không thể quên đứa con yêu của bà.

— Hình như mai có xe lên mang bọn chuột về đó. Chú có muốn về ít bữa chẳng?

— Đưa tụi vượt biên giới đó về hả?

— Ừ, mười một tháng hồi hôm qua mình đi tuần hốt về đó.

— Này, tụi nó biết nổ súng vào bọn mình mà. Vẹm thì đúng hơn, không chắc bọn buồn lậu đâu.

— Dù vẹm hay lậu cứ đưa về rồi hãy hay. Nhiệm-vụ của tụi mình ở đây đâu phải để tha bọn đó.

- Hừm, tha gì. Làm cỏ hết cho rồi.
- Bậy, bậy, phải xét xử nữa chứ.
- Ờ, nếu chú muốn. Một đặc ân đó.

Bố Trắc nói xong liền tặc lưỡi và nhỏ toẹt một bãi nước miếng.

— Này bố, thả nó vào rừng; mình phục-kích chỗ nào đó cho ít băng, yên chuyện hết, khỏi xét hỏi vô ích.

— Bậy, bậy, đâu đâu có dễ. Thôi cần thận nhé.

Bố Trắc lại soi đèn pile quan sát một lúc rồi mới chịu vào trại. Thức nhìn theo bố không có cảm nghĩ gì. Anh thấy khoan khoái nếu được hưởng vớt vài ngày tết ở nhà. Mẹ anh chắc vui mừng lắm. Nhất định phải thế. Đều dễ hiểu nhất và đáng yêu nhất là bà mẹ nào cũng nghĩ về đứa con của mình như thế cả. Anh sẽ dẫn Liên lên nghĩa trang thăm mộ em nàng, mặc dầu mẹ không muốn mọi sự xui xẻo nhỏ nào đến với đứa con trai yêu của bà. Thức không hiểu là có phải mình định cãi lời mẹ không, nhưng anh phải dẫn liên đến đó. Hồi chưa nhập ngũ, mỗi buổi chiều ngày thứ bảy, anh phải dẫn Liên lên thăm mộ em (nàng thương đứa em bất hạnh này nhất vì nàng chẳng còn đứa em nào nữa đề mà thương cả) và lần nào trở về hai người cũng không quên hôn nhau. Có thể, đó là một điều thừa cho những linh hồn ở hỏa ngục hay thiên đường nhưng nhất định phải là điều thiếu của anh và cả Liên, dù hai người có dẫn nhau lên đây đến lần thứ một ngàn. Có lẽ vì thế mà anh nghĩ rằng mình còn yêu Liên và Liên còn yêu mình. Thức yêu nhất hai con mắt của Liên, thật dịu và thật trong, không một tia lửa nhưng đủ cho lòng anh ấm. Liên cũng là một điều cần thiết, như cơ thể anh, mắt mát sẽ là một sự sụp đổ. Một lần anh viết cho Liên một bức thư thật dài và Liên đã khóc kị đọc thư ấy: «*Liên ạ, anh biết rằng điều làm chúng mình buồn nhất là phải xa nhau, nhưng chúng ta cũng không thể nào giữ mãi nhau được, ích kỷ lắm, còn thể hệ con cái chúng ta. Anh muốn mang về mùa xuân cho chúng nó, cả mùa vạn đạo của anh — không biết những người thanh niên dù xa lạ nhưng có chung một ý tưởng như anh này có thể gọi là bạn bè được không — đều nghĩ và muốn*

như thế. Anh muốn chúng nó được cười, được vui, được hát, được com no, áo ấm, được cấp sách đến trường, được cả tự do linh hồn nữa. Điều đó làm anh vui dù phải xa em. Có thể em nghĩ rằng anh đã lý thuyết, anh đành chịu vậy, nhưng anh biết lòng anh thật, rất thật, bày trải ra cho em, cho con cái sau này của chúng ta nó thấy, hơi Bích-Liên của anh, hãy nghe rõ tiếng gọi của anh. Anh biết em rất giống mẹ, nếu có một đứa con em sẽ thương nó như mẹ đã thương anh, có thể còn hơn như thế nữa, và anh cũng biết em không muốn cho nó bị xiềng xích nào tròng vào đầu vào cổ nó, cũng như mẹ chẳng bao giờ thích cái trò chơi phù thủy đó đối với anh. Liên rất giống mẹ, điều đó làm anh tự hào và thù địch của con cái của chúng ta sẽ gặp trở ngại nếu muốn ngàn về tự hào đó đều có ở mọi người thanh niên của thế hệ chúng mình. Anh tin còn đồ máu thật nhiều chiến thắng nào cũng phải trả bằng xương máu cả Liên ạ, để con cái chúng ta khỏi đồ, và nếu điều đó đúng như vậy, anh tin sự đời chắc của mình sẽ không uổng. Chúng nó phải cấp sách đến trường vào mùa xuân, nó đùa chạy nhảy cả mùa hè, ca hát mùa thu và ngồi bên lò sưởi suốt mùa đông dài, không thể như thế hệ ông cha chúng nó. Suốt đêm qua anh không ngủ và có thể rất nhiều đêm như thế nữa, những đêm đông thật dài, và thật rét. Cuộc nội chiến càng lâu, sự chiến đấu và chờ đợi càng có giá trị xà hơi thờ của con cái chúng ta càng trong sạch. Giá hai đứa chúng mình ở vào hoàn cảnh khác, xã hội khác, chắc chắn chúng mình đã lấy nhau rồi, nhưng còn tại nó, những tên khốn kiếp phá đám, những con chuột đói qua mùa gặt, luôn luôn chen vào cuộc sống của chúng mình. Phải anh biết tại nó, em biết chứ. Anh nghĩ nếu em không tin được điều ấy, em có thể không tin cả anh, có thể không cần chờ đợi, không cần đòi mùa xuân cho các con, không cần một thứ gì liên hệ giữa anh và em cả, điều đó nếu có, anh tin em sẽ được tự do hơn bao giờ hết».

Bây giờ Huyền đã đến. Anh chàng cao những 1 thước 73 được cả trại gọi là «chàng cò hương» bảo :

— Vào ngủ đi, hết phiên rồi.

Thư ngắm hân phi cười. Đêm thật tối nhưng nhờ mồi lửa

khi hần rít điều thuốc khiến cả nửa khuôn mặt hần nổi một màu than hồng, hai con mắt hấp háy, ngái ngủ, khờ khạo:

— Còn làm một điều chú mày! Rét quá! tao hết nhẫn.

Huyền móc túi lấy bao thuốc cho bạn. Thức gài một điều lên môi và cầm một điều, mồi lửa.

— Này lạnh đấy chứ cậu?

— Dĩ nhiên rồi. Giá có mưa phùn thì rét phải biết. Ngoài mình có năm rét đến nổi cá rô chết cồng cả.

— Cho cậu cái này. Chắc đỡ lạnh hơn. Rét núi mà. Phải biết nhé, ấm lắm.

Nói xong Huyền móc ở túi quần một đôi tất len khá rộng, vì tối quá Thức không nhận ra màu gì, nhưng anh cứ tin là màu nâu vì các bà mẹ lúc nào cũng có cố đề bảo rằng con mình hay nghịch bẩn, cần phải săn sóc như một đứa trẻ con. Thức ngần ngừ cầm đôi tất hỏi:

— Cậu không dùng à?

— Có; hai đôi. Này xem tay mình đã có rồi. Bà cụ gửi lên cho một đôi, ít bánh và kẹo, quên nói với cậu. Sáng mai tụi mình nhậu đã. Hải gửi lên cho một đôi, một lá thư và một cành violette, có mùi không cậu. Cô bé bảo nhớ anh quá, giá có anh ở nhà ăn Tết thì vui vô cùng, vắng anh như không có mùa xuân, cứ như đào cải lương ấy, chán thấy mẹ. Cậu mang đôi của bà cụ cho, bằng lòng chứ?

— Điều đó nhất định rồi, không lẽ lại tranh đôi Hải gửi cho cậu. Chắc cô em đan màu hồng, mong ngày chiến thắng anh trở về mà. «Về Thu-Hải yêu quý của anh». Đúng không?

— Sai, màu xanh. Hy vọng mà. Cô bé bảo lúc nào cũng tưởng còn ngả đầu vào vai anh ở băng ghế con đường bờ sông hay trên căn gác xếp của mình.

Huyền cười khi khi, thật đáng ghét.

— Này mình được đưa bạn dưới trời về ăn Tết ở Chí-hòa đó. Chắc mai có xe lên.

Huyền ngạc nhiên. Thật ra anh chàng sếu này có thể ngạc nhiên với bất cứ câu chuyện gì, dù tầm thường nhất, anh chàng cũng có thể cho là quan trọng nhất:

— Sao, cho bọn cớm đó về hả?

— Ừ, mười một con chuột hội đó.

— Mẹ khỉ, đào hồ cho tụi nó xuống, khỏi mệt. Hơi đếch đầu mà phiền phức. Tụi nó phá phách bộ mình ngủ yên à?

Thức cười:

— Đó, tao cũng nghĩ như thế, nhưng bố Trần bảo vậy, còn phải có sự công minh nữa.

Huyền chửi tục:

— Khi quá, bố Trần thì biết cái đếch gì cơ chứ. Cứ như là thánh hiền ấy không bằng Ông bảo, có ngày nó xóc xâu mình nếu mình không chịu xiên nó trước.

— Ờ đêm qua vọng thằng Châu, tụi nó mò vào rải truyền đơn, không hiểu thằng bé ngủ quên sao mà mù tịt.

Huyền chặc chặc lưỡi như một con mối.

— Tối quá. Thấy sao được.

— Gọi máy bay xạ kích nhả răn hết.

— Đầu dễ. Nó rúc vào núi cả. Ban đêm mình nên thủ thì hơn.

Khổng-Minh cũng biết như thế mà.

— Bộ thua tụi nó hả?

— Đừng dờn. Dù ngu nhất tụi nó cũng phải hiểu rằng đàn chuột còn đáng sống hơn chứ. Phải diệt dần, vội là hỏng, be bét hết.

Thức thấy cần phải vào trại ngủ, không biết có ngủ được không nhưng có chỗ đề gân xương cốt thì vẫn hơn phải đứng hai giờ lạnh cóng. Viết thư cho mẹ và Liên vẫn hơn nhiều. «Liên

ạ, giả anh cũng được một cành Violette như thằng Huyền, chắc anh không dám tin rằng mình còn yêu nhau. Nhớ đừng gửi cho anh. Anh biết em sẽ thoát khỏi sự yêu thương tâm thường đó. Có đúng không? Đôi tất của bà cụ thằng Huyền đang ầm lấm, nếu anh có một đôi để thay đôi vẫn hơn. Anh biết em sẽ làm việc ấy mà.»

— Thôi tỉnh ngủ đề về với Hải nhé. Tội khôn đó khó đề mảy yên nếu đồn bị đánh. Cổ mà thức kéo lại bảo oan uổng. Tao muốn sáng mai ăn kẹo với chú mày hơn là phải viết thư chia buồn với bà cụ và Hải.

Thức giật mình, mở bừng mắt và lắng nghe. Súng lớn, nhỏ hòa nhau nổ rất lỗ tai. Anh lật đặt xuống giường, mang giày và quần áo tác chiến, lúc đó Châu cũng vừa ngồi nhồm dậy, ngơ ngác. Anh chàng này được cả trại xếp vào loại vô địch ngủ, có đứa gọi hần là «vua ngủ», vì mỗi lần đánh thức hần đi đổi gác, có lẽ điểm trường phải mang loa đến tận lỗ tai hần mà gọi, nếu không hần ngủ quên cả đời. Ngủ đâu mà khỏe như lợn. Có lần thằng Huyền đã đến đánh thức hần bằng cách chửi đồng vào lỗ tai hần, ghé đàn đánh thật nhộn, nhưng hần vẫn ngủ một cách ngon lành, thật lì lợm, không biết gì. Kề ra chàng sếu này cũng thuộc loại gan lì hay có tia mới dám xúc phạm đến uy danh của vị «hoàng đế» dù chỉ là hoàng đế ngủ. Ấy cái tật của Châu chỉ có thể nên bạn bè cũng chẳng thêm ghét hần làm gì, một phần vì hần là thằng bạn nhỏ nhất, một phần vì cái tài chọc cười của hần với bộ mặt tàng tàng, rất nên thi sĩ chính tông. Không hiểu bữa nay có phải là trời đi vắng không mà súng vừa nổ đã đánh thức được hần dậy. Trông hần có vẻ một tên du đảng, mặt choát tóc rối, hơn là một chiến sĩ.

Thức nhớ rằng buổi chiều mình có uống vài ly rượu, không biết của ai đưa cho mà bây giờ anh vẫn còn thấy nóng mặt. Có lẽ rượu của bố Trần không thì thằng Thạnh. Tên này có hy vọng được làm đồ đệ của Lưu Linh, sau bố Trần, mặc dầu hần còn trẻ hơn cả anh, bọn thằng Huyền thằng Nhẫn. Bữa tiệc thật ngon đã làm Thức ăn hết một tảng thịt lợn

quay, một đùi gà rán và nửa cái bánh. Đó là bữa ăn tất-niên mà trung-ủy đồn trưởng đã khao anh em. Thức nhớ đó là bữa ăn thỏa chí nhất từ ngày anh lên đây. Có tháng trời mưa liên miên mấy bay không thể thả tiếp tế, anh em thèm thịt không thể tả, phải ăn đồ hộp dự trữ và cơm với muối. Giá hồi sáng trời vẫn mù như mọi bữa chắc mấy chàng phi công lại mang heo quay và bánh về bỏ mốc ở thành phố. Thức đợi mãi vẫn chưa thấy xe lên, anh mất cả hy-vọng là được ăn tết ở nhà. «Liên ạ, điều đó anh cho rằng không đáng buồn lắm. Biết đâu tụi khốn chả đánh đồn mai mai và các bạn anh chả bỏ cuộc. Anh ở lại vẫn hơn. Mỗi cây súng và mỗi viên đạn làm lòng tin thêm vững. Anh nghỉ giá được về với mẹ và em thì nhất, nhưng mà súng còn nỏ nhiều lắm. Bọn khốn đang nhằm đề nỏ vào người anh. Anh phải ở lại dù có xe lên hay không cũng mặc. Ban sáng anh đã nhận được tất của em. Khá lắm, anh đoán đúng. Em đã làm anh vui hơn bao giờ. Anh phải trả đội tất của bà cụ thằng Huyền cho nó dùng.»

Súng nỏ hơn cả pháo tết. Thức hiểu ngay, bọn khốn đã công đồn. Có lẽ tụi nó tin vào bữa tiệc hồi chiều đã làm bọn anh say vui. Nhiều tiếng thét xung phong bắt đầu ré lên, thật man rợ. Địch bắn hỏa lực rất rát đề quân tiến vào. Thức lạnh người và nổi gai vọt lấy súng đạn lao ra phía các bạn anh đang chiến đấu. Châu lếch thếch ghi khẩu các-bin theo sau. Thức nhảy quần như một con thú được vài bước đã vọt hụp xuống một hố đất tránh những loạt đạn véo trên đầu. Một trái phá nỏ bung, trước mặt anh, vài thước, lửa và đất bắn tung tóe. Thức kinh hãi nằm ẹp xuống. Địch đã vượt được hàng rào thép gai thứ nhất. Thức lăn tròn tìm chỗ nấp tốt. Đạn như mưa trên đầu anh, không bao giờ ngớt, khó mà ngóc đầu lên được. Thằng nào lòi đầu lên quan sát, khi cúi xuống không nhận ít viên trung liên, chắc chắn nhà hán còn nhiều phúc lắm. Trung liên địch cứ quét hình dải quạt đề cho quân hảm đồn. Những tiếng hô tiến quân rít vang, dài vô tận, Thức có cảm tưởng tên chỉ huy địch không thể chết đề tiếp tục hô quân làm thịt bọn anh. Lực lượng địch

có thể gặp mấy lần sự chiến đấu của bạn bè anh, ào ào như cả rừng ngườì, bắn chết không kịp ngã đã bị lớp khác ùa lên Thức cầm giạn mìn giết ngay tên khốn nạn hồ quân đó, hay ít ra nên bịt tai lại để khỏi phải nghe hân quát tháo, chắc chắn đỡ cảm hơn. Thức vừa bắn vừa quan sát chung quanh tìm bạn, thằng Thanh, Hóa, Mặc, Mai, Nhẫn, nhưng anh không thể tìm thấy, và lại địch không muốn cho anh làm như thế. Một loạt đạn xuyên ngang mô đất, trước mặt anh, giá không núp dưới hố thì đã toi mạng rồi, «Không khéo các chú đã về châu tiền tố rồi cũng nên. Nó nắm gọn tình thế rồi còn gì» Bây giờ Thức đã quen mắt và anh đỡ sợ. Thức ghi súng bắn thật chắc. Thức thấy lò mờ nhiều bóng đen đang bò vào hàng thép gai thứ hai. Mìn cũng bắt đầu nổ lung tung. Nhiều xác chết bắn lên cao coi như người ta ném một con nhái. Thức nhắm thật kỹ và làm liên tiếp hai băng liên. Một lúc sau không thấy tên nào bò dậy nữa. Hỏa châu trong đồn soi sáng cả bầu trời tối đen đã bị xé rách vì đạn và trái phá. Mỗi lần hỏa châu soi lên, hàng trăm chiếc đầu lật đặt dấn ép xuống cỏ và các mô đất, nhưng khi hỏa châu gần tàn, những cái đầu ấy lại ngoi lên như cá rô rạch nước. Bố Trần đang chiến đấu ở hố bên tả, có cả thằng Thanh và Hóa. Châu lợi dụng lúc hỏa lực địch kém liền phóng về phía Thức. Ông ma ngủ này từ lúc khởi chiến đến giờ vẫn chưa tìm được chỗ núp khá thành thử đành nằm bẹp chịu trận, chẳng làm được chuyện gì. Chợt nhiều loạt đạn hốt tung những mảnh đất trước chỗ núp của Thức. Anh biết tội nó đã nhận ra vị trí của anh rồi.

— Này Thức, bọn ngu tưởng mình say rượu cả. Chiến thuật khá cò điển đấy chứ. Chết như rạ rồi, cứ để tội nó xáp vào hạ sườn tay, kẻ bữa rượu ban chiều cũng thú đấy chứ.

— Ờ, mấy giờ rồi bồ ?

— Xem đã, bắn giúp mở phía này đi. Xem chừng tội nó yếu hơn lúc đầu rồi. Chắc có đôn tiếp viện nữa. Đại bác mình chưa thấy bắn nhỉ. Ba giờ 45.

— Ba hả ? Sắp sáng rồi. Pháo giao thừa ở Saigon 1959 đâu có nhiều hơn thế nhỉ ?

— Ủ, bắn đi. Tôi mạng bây giờ. Có hai đứa ở cái đồng mày vừa hạ đó, nhắm đi. Rồi, tôi rồi. Còn thằng nữa, nó đang chui qua, làm mau. Tao vừa hạ thêm ba tên. Mày có hy-vọng đoạt huy chương hạng nhất lắm, bắn như thế thì vô địch rồi. Kia xem thằng nằm phơi trên giấy thép gai, quả mìn ấy mạnh đấy chứ, hà hà, cáo con ạ, đại quá, không chịu ở nhà mà ăn Tết, chui vào đây làm gì cho khổ. Thèm súng hả? Thiên đường của tụi mày không thiếu thứ đó mà. Yên chí, cho châu Diêm Vương cả, thôi chúc các con vui cùng hỏa ngục nhé, à quên thiên đường của các con chứ. Ta cũng có một hồi đã say mê thiên đường này. Nhưng ta chỉ say mê bằng tưởng tượng qua sách vở mà ta đã đọc thôi. Bây giờ ta biết thiên đường của các con rồi, hãy cố mà tiếng thêm vào, thiên đường ở trước mặt mày đó. Tiếp tục vào đi, một hai, bảy, tám, nữa mười bảy, mười chín, càng nhiều càng hay, hãy nằm xuống các con, tôi mạng bây giờ, nằm hết xuống, bảo ngoan mà,

— Châu, tụi thằng Mặc đâu?

— Xem đã, không thấy. Chắc nó gát vọng sau. Xem bên bờ Trần có không? À yểm trợ tới rồi, đó một thằng trúng mìn nữa, về ngủ đi thôi, con ơi. Thỏa mãn chưa con? khó lấy lấy súng của mình lắm mà. Tiếp vào nữa đi, các con ngoan. Tiếp theo câu nói đó, một băng tiểu liên nhắm Châu nổ toi bời. Anh chàng nhỏ như đế mèn này thế mà lợi, tảng đá không cần to lắm cũng đủ cho hấn núp yên chí.

— Tụi nó nhắm bờ đó.

— Ờ, trả dùm đi. tao không thề ngọc đầu lên được.

Châu thét bên tai Thức. Anh vội kê súng cho tên đó nửa băng và chẳng bao giờ nó bò dậy nữa.

— Này, Châu, tao bắn hết chín băng rồi, còn ba băng thôi.

Làm sao đi kiểm đạn được mày?

— Ồ, hết đạn cũng nguy đó. Không hiểu mấy tên tiếp tế đâu không quen ra cho ta? Chút nữa tao toi rồi. Đạn xéo vào đá, lướt trên mu bàn tay, lạnh toát ghê quá. Thằng khốn

nào đó bắn khá đó chứ nhỉ. Tụi cowboy bắn cũng không hơn thế đâu mà. Đáp lễ nó đi, chú mày. Thế nào nó chịu rồi hả. Tốt, mày đáng gán anh dũng bội tinh lắm. Thường tiếp đi để tao kiểm chỗ núp khác.

— Mỏ lựu đạn quăng mau, có đem theo chứ? Phía sáp bố Trần ấy. Bầy, chín thằng, còn nhiều, ném, bố Trần bắn không xuề. Ồ, tệ quá, mày yếu như sậy. không thể thêm tí nữa được sao, ném thế thì chết nó thể đêch nào được. Bố Trần trấn bên đó khá nguy, nhiều bụi cây và đá tảng quá, khó bắn lắm. Tao không mang theo quả nào uồng quá. Quả nữa đi, cố vào, dính chùm, đó, chết phải biết. Ờ tạm được đó, làm tiếp đi, bốn đứa bên tảng đá hình con cóc bỏ lẽ cả rồi. Ngó cái căng một thằng treo trên thép gai, trước mặt tao đó, hay không? Mập dữ ta, tưởng tụi nó vẫn đói mà. Này thêm vào, có đến hơn hai chục đứa sau bụi gai cách vũng bùn một thước đó, tụi nó leo qua hàng thép gai rồi, mình bất lợi, đônđôn ở cái thế này thì toi hết có ngày. Tồi quá. Gắng lên, mày chậm như rùa, ném sang cho tao ít trái.

— Có 5 mà hết 3 rồi mày.

Hỏa lực địch vẫn đàn áp dữ dội. Bây giờ chúng đã đổi chiến thuật, thay vì dùng người thế đạn chúng đã chịu khó ăn núp, xê dịch từng thước đất một. Nguy cơ sắp đến. Thức lo sợ khi đạn voi dần, còn hai băng, băng rồi một băng, mà địch vẫn cứ thủng thẳng tiến lên đông như kiến cỏ. Thức không dám phỉ đạn nữa. Anh nhắm thật kỹ và nổ từng viên, nhưng sự ngăn cản của anh thật nhỏ nhoi trước rừng người của địch. Vừa lúc đó, bố Trần cũng nhận thấy cơ nguy đang đe dọa tính mạng bạn bè của bố:

— Rút ngay về trung đội hai, bỏ đó.

— Tao cạn đạn rồi Thức ơi. Phải thộp cổ mấy thằng truyền tin của mình, gọi máy thế nào mà bắn toàn vu vơ cả, chúng tiến vào gần hết rồi.

Châu hần học chưa chịu rút. Thức bảo:

— Đừng bướng; rút ngay đi ông tướng ơi.

Châu bò lết như một con rắn. Địch nhắm hắn nỏ đạn từ phía trước, sau, đầu, dưới đất, thế mà hắn vẫn tiến một cách bình yên. Thức vội tia từng tạt khi có đũa lòn còm toan tính chuyện vào đồn. Bồ Trần cũng chỉ bắn cầm chừng. Tay súng của bồ không thuộc loại dỏ, Bồ đã chiến đấu cả mười mấy năm và không nhớ đã sắp trận đến lần thứ bao nhiêu. Địch tiến rất khó, nhưng cái rừng người ấy cũng không chịu bỏ ý muốn làm cô bọn Thức. Một tay súng của bồ không thể ngăn cản cả đàn kiến đang tiến lên Rồi thắng Thạnh, Hóa bỏ cuộc, nằm cù đeo trên đường rút lui, Bồ Trần thấy rõ sự thất bại sắp đến, nhưng bồ chưa chịu rút. Ở lại giây phút nào nó vẫn còn nể sợ giây phút ấy và anh em của bồ có lẽ rút về vị trí tương đối vững vàng hơn. Đến lúc đó Thức mới nhận rằng trong cái say của bồ không phải hoàn toàn vút bỏ, bồ là một người chín chắn, kinh nghiệm, không biết run sợ trước thù địch và có thể bắn những viên đạn thật chắc và thật ngọt bằng hai bàn tay gân guốc. Thức giúp sức bồ ngăn cản địch, nhưng anh biết việc làm này chỉ là một hạt mưa tưới vào sa mạc giữa buổi trưa mà thôi.

Nhiều đũa ngã, nhưng những đũa khác vẫn tiếp tục. Có đũa khôn ngoan, đây xác bạn phía trước làm mồi, thật tàn nhẫn. Những cây thịt hy sinh này ăn đạn không biết bao nhiêu mà kè. Thức mệt mỏi, rã rời. Nhiều tên đã vượt khỏi tầm súng của bồ Trần nhờ những bụi cây và hỏa châu không còn soi sáng nữa, vòng ra cánh trái, liệng liên tiếp hai trái lựu đạn vào hố núp của bồ. Bồ Trần không hay biết gì, có lẽ tai bồ đã điếc vì tiếng súng nổ rồi; cho đến lúc cả xác bồ tung lên như một quả cầu, ruột gan lẻo phèo, nhầy nhụa, Thức mới biết rằng bồ đã chết. Thức cầm giận, muốn cho hai đũa ấy không bao giờ bò dậy, nhưng anh đã mất cả sự bình tĩnh rồi, đầu óc choáng váng và một nỗi sợ hãi, chết chóc chột đến làm anh lạnh người. Thức không muốn làm gì hơn là tìm về chỗ Châu và các bạn anh. Thức mím môi phóng vọt như một con thỏ Thức hiểu rằng mình đang làm một việc ngu dân hết sức, làm

sao tránh nổi những băng đạn của địch, nhưng anh cứ liều, không còn biết tính cách nào hơn. Nhiều lúc Thức đã tưởng mình lãnh ít nhất hàng chục viên đạn rồi, nhưng không hiểu một sức che chở mầu nhiệm nào đã giúp anh tìm đến với các bạn anh vô sự và anh vững tin ở số mạng mình chưa phải lúc hết với cái đồn nhỏ bé, heo hút này. Châu thét bên tai anh.

— Cạnh thằng Huyền còn một hố, chui xuống, Thằng Mai, Nhẫn, tao còn cả dây yên chí. Thế nào bố Trần đâu? Mất hết mặt tiền rồi hả? Thằng Mặc cong queo ở hầm số 3 rồi, thật khò. Tao vẫn có hy vọng tụi mình chiến đấu khá hơn tụi nó mà.

Thức lăn tròn như một hòn bi. Đạn xiên vun vút. Lúc đã có chỗ nấp khá, anh bảo :

— Bố Trần, thằng Thạnh, Hóa đi đông cả rồi.

— Hả, rồi à ?

— Ờ. Thằng Thạnh vừa bị rìu trúng cả băng trung liên là ít, ngực đùi và mặt nó nát bầy, thằng Hóa cũng thế. Bố Trần trúng lựu đạn, cũng nát bét:

Châu găm lên như một con hồ đỏi trước con mồi :

— Khốn kiếp. Ông sẽ làm cỏ.

Huyền buồn rầu :

— Này bạn ơi, sắp gặp ông bà ông vải rồi đó. Nói cứng mãi.

— Minh còn giữ được khá chứ ?

— Mất mặt tiền và trung đội một, phía trái của tụi mình. Tụi nó đông như ròi. Minh chắc hết số rồi.

Từ lúc đó, Huyền, Mai, Nhẫn, Châu, Thức chiến đấu kém rõ rệt. Mỗi buồn phiền như những khối đá tảng đè nặng lên thề xác và tâm hồn Thức. Thức bắn rất kém nhưng địch lại tiến vào thật mau. Hỏa châu không còn soi sáng nữa.

Bầu trời đen thui, nồm, rách lung tung. Địch tràn qua trung đội một tiến vào văn phòng. Thức biết rằng cả trung đội anh trấn ở đó chẳng đũa nào cầm nổi súng nữa. Thức nghiêng răng cắn giận vô cùng. Giá có máy bay tới, chắc chắn bọn khốn không dám làm tàng như thế. Chàng Huyền cũng như thằng mất hồn. Hắn phờ trông thấy. Thức nhăm tính. «Bảy mươi tám còn mười sáu, à mười bảy đũa cầm nổi súng toi mất sáu mươi một tên rồi, tụi nó cũng phải vài trăm».

Tiếp theo đó thằng Mai trúng đạn. Hắn lảo nhảo, rên la, chửi rủa, cào cấn, hung hăng như một con bò rừng. Thằng Nhẫn trúng đại bác thủng bụng, trông hắn như một rổ thịt mà xe hỏa đã nghiền lên. Hàm răng trắng nhớn của hắn nhe ra như đang cười, thật kinh tởm. Châu thét lên :

— Giết những tên khốn nạn đó.

Vừa nói Châu vừa leo ra khỏi miệng hầm, lao về phía súng đạn đang nổ, như một con chó điên, không hề gì nguy hiểm. Sự kiện đó diễn ra nhanh quá, Thức và các bạn anh không kịp làm gì và chỉ cầu mong ở một phép màu nhiệm che chở cho Châu. Ai cũng biết Châu thân với bọn thằng Nhẫn nhất, cũng như anh, Huyền và Thạnh thân nhau vậy. Châu ném liên tiếp hai trái lựu đạn, rĩa thêm một băng tiểu liên, địch ngã như gỗ. Thức thét lên :

— Châu, trở lại mau.

Anh vội quạt đàn áp tinh thần địch để Châu rút về, nhưng đã chậm, bọn anh không đủ sức làm gì hơn là để địch bắn tung Châu lên trời như một trái pháo tẹt. Bọn anh không thể làm gì nổi, có thể cứu vãn được sự hồi sinh của Châu ngoại trừ một đấng tối cao nào đã sinh ra con người và sinh cho họ tâm lòng để họ biết thương, yêu, hôn, ghét. Anh thở dài. Sự chết chóc đến với anh thật sớm, như một định luật, mọi người cảm thấy còn có một chút tình với bạn bè, không phải là điều đáng bỏ đi. Cuộc chiến đấu đã yếu lại càng yếu hơn. Cái chết của Châu thật nhanh, anh chỉ vừa chớp mắt và đã thấy rằng Châu chỉ còn là cây thịt vô dụng, không giúp

gi được cho anh nữa mà lại làm cho anh yếu đuối thêm. Tinh thần Thức xuống hẳn. Anh bắn dờ vô cùng, mà địch thì như một cơn hồng thủy ào ạt tiến vào tàn phá bọn anh. Cả trại đã lọt vào tay chúng, còn mười hai đứa anh trấn giữ được chiếc bót nhỏ phụ này. nhưng sự cầm cự thật mong manh, anh biết rõ điều đó và anh muốn nổ súng vào tai mình nếu tội khốn lấy được súng của anh. Bọn bè anh nằm rên la co, bất động co; suốt một hàng dài dọc theo giao thông hào từ đồn về phía hai ngọn đồi. Thức tuyệt vọng vô cùng. Anh nghĩ, giá còn một chút thì giờ và mẫu giấy viết cho Liên một lá thư thì hay hơn. «*Liên ạ, mùa xuân sắp về cho con cái chúng ta rồi. Anh phải ở lại đây chiến đấu với các bạn anh. Họ là những người mất mùa xuân nhiều nhất và thêm mùa xuân nhiều nhất, Anh tin họ không ân hận gì cả, cũng như anh. Bây giờ, các bạn anh đã nằm xuống đó, dọc giao thông hào và những hố cá nhân, những bố Trần, Thanh, Hóa, Mặc, Mai, Nhẫn và Châu sắp đến lượt anh và Huyền, nhưng họ không bao giờ chết cả, anh tin thế vì anh biết anh không chết, anh đang thêm mùa xuân và anh đang tin em, nhất định anh không chết và nhất định họ không chết, họ cũng thêm mùa xuân, họ cũng tin sự nhiệt thành chờ đón của người yêu của họ, như Hải của thằng Huyền không bao giờ quên đan tất ấm màu xanh và gói tặng hẳn hoa màu tím. Đây bây giờ mùa xuân sắp đến rồi, em thấy chưa, em hiểu không, mùa xuân mua bằng xương máu và niềm tin, nhất định phải được. Không một sự ngăn cản nào dù mãnh liệt đến đâu có thể vùi lấp niềm tin của con người, vì con người thể hiện bằng nỗi nhớ thương và thêm khát. Các bạn anh cũng tin là mùa xuân đang về, anh đã tin thế và anh giao cho em giữ, ban lại cho các con chúng ta.*»

Địch từ bốn mặt bao vây bọn Thức vào giữa. Thức hoa mắt ù tai, bắn như một cái máy.

- Này Thức bọn mình đến số rồi.
- Cố lên, mình tin Hải lúc nào cũng chờ cậu về mà.
- Này cậu, có chắc Hải thích mùa xuân của chúng mình không?

thật thân mật, như hai người bạn thân ôm nhau mà ngủ. Giá hân không chết, hân không mò vào đây, một đêm nào đó, anh và hân gặp nhau ở các phòng trà, rạp hát thủ đô, nhất định anh sẽ làm bạn với hân và biết đâu hai người chả thân nhau vì chẳng ai là thù địch của ai cả, chỉ có sự chia cắt của con người trước một tai họa, đó mới là thù địch. Nhưng mà hân đã chết, tên thù địch khốn kiếp, cái ngực, cái mũi và hàm răng cho anh biết chắc chắn là hân đã chết, vậy thì nhất định hân là thù địch của anh rồi, vì hân thua anh, hân chết mà anh thì sống. Thức lại rờ vào vết thương nơi vai, nhức nhối vô cùng, điều đó làm anh yên chí hơn, anh còn sống, còn biết đau đớn, nhưng hân thì đã chết, chết thật và lạnh cóng, hân đã chết như điều hân muốn. «Khốn khổ, các con ạ, mùa xuân đang bắt đầu rồi, có phải không các con. Nay làm sao mà nằm yên thế, nói đi chứ, bộ cảm hả, chết rồi à? À, mà may chết thật rồi, khổ chưa, ta còn đây mà con, dậy vác súng bắn mau». Thức rùng mình. Các xác lạnh như một khối băng trên ngực anh. Thức cố dùng sức hất hân sang bên và ngồi dậy. Những xác chết khác nằm ngổn ngang như củi mục. Thằng Huyền quắp lấy mặt bằng một gối bên phải, bàn tay hân cố nắm lấy một khóm cây nhỏ, chắc lúc chết hân đau lắm và chưa muốn chết, còn muốn về, với Hải và mẹ hân. Xa hơn nữa là bọn thằng Nhẫn nằm lẫn lộn với thù địch. Những dãy nhà tôn đồ nát hơn cả một cơn động đất. Thức nhắc đầu thằng Huyền dậy, cò hân ngoẹo như con gà cắt tiết. Thức bỏ hân, lần ngược trở về đồn. Một xác khác khô như cây sậy nằm bên một bụi gai mọc, cạnh hân có một gói giấy to bằng hai nắm tay mà đạn đã làm rách ra những tảng cơm gạo đỏ lẫn với sắn. một tay hân nghéo dưới thân, một tay với những ngón dài, đang như cào đất cạnh bên nằm cơm nằm lẫn lộn. Thức chú ý đến một tử thi địch nằm chổng lên tử thi khác, bên cạnh hân là một người bạn đồng ngũ của anh. Hai mắt hân nhắm hờ, trán cau trũng, tay phải nắm chắc một con dao nhọn, lưỡi thật sáng có dính máu. Cả một bên đùi hân rời ra như người ta chặt một đùi ếch. Thức cúi xuống gỡ con dao, bàn tay hân nắm chặt quá. Anh biết không còn một người bạn nào của anh còn cầm súng trong đồn cả và tình hình địch không biết ra sao. Anh quan sát kỹ và không

tim được một khẩu súng nào; anh đánh gở con dao vậy. Dịch đã rút hết với những khẩu súng của bọn anh mang theo, bỏ lại những xác chết đã hy sinh giành giật lấy những khẩu súng loại tốt của bạn anh, nằm lẫn lóc, cò độc, khốn nạn để làm tang chứng cho một cuộc chiến đấu thắng lợi vì cả bạn bè anh chẳng ai có thể giữ được súng. Con người thật chẳng quý một tí nào, không giá trị bằng một khẩu súng hạng bét nên chẳng ai thèm mang đi, vì dù muốn dù không những kẻ chiến thắng tước được súng địch mang về vẫn hơn một tên có lòng cồng một thằng bạn bị thương hay đã chết. Kẻ cồng được bạn mang về dù có thể cứu bạn thoát khỏi tử thần cũng chẳng bao giờ bằng kẻ chiếm được súng và lẽ tất nhiên kẻ có lòng với bạn chẳng bao giờ được ghi chiến công hay khen thưởng cả, thật là bất công và thô bỉ.

Khi đã nắm được cán dao, Thức đâm đâm ngấm hần và thoáng cái, Thức thọc mạnh nhát dao vào ngực hần, liên hồi, không biết mỏi, đau. Lưỡi dao dính máu, chứng tỏ hần mới chết. Rồi như điên dại Thức đâm nát cả mình hần, có hàng mấy chục nhát dao. Thức đâm hết một loạt, mỗi xác cũng được hưởng hàng chục nhát, thật sướng tay. Thức không ngờ lần này mình lại có thể tung hoành một cách anh dũng đến thế. Mười lăm phút, nửa giờ. Thức chưa biết mỏi, chán, nhưng rồi anh không thể tiếp tục cái trò chơi ấy nữa, tay anh đã mỏi nhừ, đầu choáng váng, vết thương lại chảy máu dòng dòng. Thức mệt mỏi, thở dốc, ngồi bên một xác chết khác, nghỉ. Máu loang ở chân tay, mặt, áo quần anh, đông cứng như keo dán. Thức cạy từng mảnh huyết ra xem và cười. Một lúc anh đứng lên, thất thểu đi. Rừng núi im lìm, ghê rợn; sáng thật rõ nhưng chưa có mặt trời. Thức bước rất mỏi và rất chậm. Đến một bụi cây lớn, Thức giật mình đứng khựng lại, Như một cái máy, anh hờm sẵn con dao trong tay. Tim Thức đập thật mạnh và anh bỗng lo sợ muốn run. Anh nhận ra thù địch của anh. Phải, hần, những tên thù địch không thù oán, quen biết và rất có thể trở nên bạn bè. Hần không chết, hần còn sống, hần đang đứng đó. Thức bàng hoàng. Không phải anh là kẻ độc nhất sống lại sau cuộc tiêu hủy này, còn có hần, đang đứng đó và hần đang run. Vừa lúc đó gã thanh niên

chừng mười sáu hay mười bảy tuổi ấy, bận một chiếc áo dạ vàng nhà binh đã có những miếng vá rách, có lẽ cái áo còn sót lại từ thời chiến tranh Việt-Pháp, một chiếc quần đen bạc màu, ngó hần thật hiền lành, đặc về nhà nông, cũng vừa nhận ra sự có mặt của Thức và hần run sợ như một con thỏ trước nanh vuốt của bầy hùm. Thức không muốn tin hần là kẻ thù của anh. Hần trẻ, hiền và dễ thương quá. Nét mặt thật khỏe khoắn và tội, không ai dám ngờ rằng hần đã cầm được súng đề tiến vào đồn — không biết hần có được cầm súng đề đối địch với loại súng tối tân của anh hay là chỉ một con dao, mà phải, cần gì, tinh thần cao đâu ở súng tốt; mọi người Cộng-Sản đều nghĩ thế mà — giữa đêm giao thừa này. Giá gặp hần ở một trang trại hay trên một cánh đồng lúa vàng nào đang gặt, anh sẽ tin hần là một gã thanh niên chắc phách nhất, nhưng mà hần ở đây, hần đứng đó, nơi bụi cây, cạnh hần vài ba xác chết nữa, hần là thù địch của anh, anh phải giết hần nếu không hần sẽ giết anh. Trong chiến tranh người ta không bao giờ giết nhau ở lý lẽ và thù địch cả mà chỉ giết nhau bằng súng đạn. Súng đó, hãy bắn đi, tên nào sống được khen thưởng, tên nào chết sẽ là thù địch, không phải lời thối gì cả, cũng chẳng có ai điên dại phí thì giờ vô ích đặt ra một điều luật xét xử những trường hợp rất thường này, vì đối với mọi người, thời gian cũng là thù địch và họ muốn tranh lại, phải cướp, thời gian mà sống.

Hần đang lùi về phía bụi cây đề đào tẩu. Thức tiến dần về phía hần, con dao đầy máu trong tay. Thức chưa muốn giết hần vội. Thức muốn nói với hần về những mùa nước lụt phá phách đồng bào anh, và họ rất thiếu thốn, hần không có quyền quấy phá họ nữa, hần phải đề cho họ yên thân, cũng như anh rất muốn cho họ được yên thân, rồi anh sẽ bắt tay hần mà cho hần về với nông trại của hần. Hần cũng chỉ là một nước cờ thí mà tội nó muốn lấy súng của bọn anh, giết thêm hần, anh cũng chẳng đoạt được khẩu súng nào. Nhưng hần vẫn lùi dần, run như một con nhái. Mắt Thức chột đỏ ngầu, vằn lên như một con mãnh thú nổi điên, như một con chó dại, anh bỏ về phía hần. «Chết, biết đâu mày

chẳng đã giết Huyền, Nhân và mày đang định làm phù thủy mùa xuân của chúng ta. Cho mày chết như điều mày muốn.» Hấn vẫn lùi nhưng Thức vẫn tiến, không ai nói với ai một lời nào. Mỗi mím chặt, vết thương trên vai chảy dòng dòng Thức hóm dao vào ngực hấn. Chợt hấn quay mặt và chạy như một con dê, cứ chỉ thật non dại. Thức như gã đi săn bắt hụt con mồi, vùng chạy theo bốn góc. Hấn phóng như một con thỏ qua các bụi cây, hăm hố, hình như hấn đã lĩnh cảm đến một cái chết rất gần và rất dễ như người ta và cõm vào miệng, ở tia mắt sát nhân của Thức, nên cố sức trốn chạy. Thức thì không muốn cho hấn thoát như thế, Thức muốn nói chuyện về mùa gặt, cách trồng khoai cây lúa với hấn và sau đó sẽ giết hấn hay tha thì chưa biết, nhưng mà phải nói với hấn chuyện đó đi. Bàn chân Thức đã rớm máu và sưng bầm vì vấp phải những mô đá và những bụi gai, nhưng hấn vẫn chạy cách anh đến hai hay ba thước và anh không thể nói gì được với hấn.

Nhưng rồi hấn chạy yếu dần, sức hấn còn trẻ con quá làm sao kham nổi và anh đuổi kịp. Thức nghiêng rặng, con dao nắm thật chặt:

— Tại mày, cho mày chết. Tao chỉ muốn nói chuyện ruộng đồng, vườn tược với mày thôi.

Thức phóng con dao vào lưng hấn, nhưng con dao chệch sang một bên, găm vào cánh tay phải của hấn, ngập gần lút cán, thật ngọt như đâm vào cây chuối vậy. Thức rút mạnh con dao và hấn ngã sấp xuống. Hấn lăn lộn như một con trâu điên làm Thức đâm rất khó.

— À, đúng mày chỉ là tên nông dân thôi, mạnh dữ a.

Thức nổi khùng, đè lên ngực và bóp cổ hấn. Mặt hấn đỏ như chạy quanh, da mặt tái mét. Thức lại vùng tay lên. Lưỡi dao sáng loáng cắm phập vào ngực. Máu từ ngực hấn phun ra có vòi. Hấn chết liền không thể dẫy dựa, nhưng mắt hấn vẫn mở. Thức nhắc đầu hấn lên và rút dao ra. Anh chùi dao

vào áo hắn cho sạch máu, thật vô tư như một tên đồ tề chọc tiết lợn vậy. Thức cười và định hát, nhưng anh lại giật mình khi bắt gặp vết thương nơi vai và mặt hắn. Thức kinh hoàng. Mặt hắn vẫn mở hiên như một đứa trẻ mới ngủ dậy. Thức rùng mình. Mặt Liên cũng chỉ hiên và đẹp đến thế. Chợt Thức cười sáng sặc, chân tay hoa lên như một thằng điên:

Khà, khà, mày bị thương giống tao, nhưng mày thiếu may mắn hơn vì mày không có dao và súng. Tụi nó không để lại cho mày một khẩu súng nào à? Chắc tụi nó tưởng mày đã chết rồi, mà mày thì chết thật rồi, chỉ tao còn một con dao thế là tao sống ha... ha... cười lên mày, hơi thằng bé không thù hoán của ta...

Thức lật xác hắn nằm úp xuống để khỏi phải nhìn vào mặt hắn, nhưng chân tay anh đã run bắn và lạnh cóng. Anh gối đầu hắn lên ngực một tử thi khác cạnh một hồ nước và đè lên hắn khóc. Bỗng Thức đứng dậy, lão đảo, ngã dúi mấy lần. Anh hoa mắt, vết thương há miệng lở loét như một nụ cười đầm máu. Thức ngã quỵ xuống, chồm lên xác hắn, thân mật và bạn bè.

Lúc đó, mặt trời mới lặn khỏi ngọn đồi, đỏ như một bề lửa, ào ạt chảy trên thân thân thề Thức, các tử thi khác và nhuộm đỏ cả khu rừng. Mặt trời thật đẹp và kiêu hãnh. mùa xuân đã bắt đầu từ đêm và chim chóc sắp lìa tổ để ca hát trên các cành cây, cười cợt sự sự phung phí và man dại của con người.

VƯƠNG-THANH

(Trích Trước Mặt Tân Niên 1969)

lâm chương

TRÊN ĐƯỜNG CÁT MỎI

tôi từ rừng núi hoang vu
về đây ngọn tóc sương mù chưa tan.
tay tôi đôi nhánh khô vàng
lòng tôi cổ muộn cổ khan giọng người.
núi đồi tìm chút yên vui
lặn trong khói bụi nụ cười chiêm bao.
nhớ em tình thoáng đêm nào
đèn treo mắt đỏ lửa sâu đêm nay.
tôi về ngo ngác đôi tay
chân đi hồn đã áo bay lạ người
vẫn mình trên phố ngược xuôi
nghe trong cơn rộn tiếng đời héo hon.
mai đây rồi bỏ phố phường
máu se cát sỏi trên đường tôi đi...

(Trích Trước Mặt 13)

SÁNG TÁC THƠ VĂN

PHẠM CAO HOÀNG

DÙ SAO VẪN CẢM ƠN ĐỜI

Tặng Trần Hoài Thư

dù sao vẫn cảm ơn đời
cỏ cây và gió mặt trời và hoa
cảm ơn những đám mây xa
đang bay về phía quê nhà chiều nay
cảm ơn những sớm heo may
lạnh se sắt lạnh bên này đại dương
cảm ơn giọt nắng vô thường
lung linh ở cuối con đường khổ đau

mười năm nước chảy qua cầu
chuyện về đất nước là câu chuyện buồn
mười năm sống kiếp tha phương
thân nơi biển bắc mà hồn biển đông
mười năm thương ruộng nhớ đồng
lòng còn ở lại sao không quay về
mười năm nhớ đất thương quê
bước đi một bước nặng nề đôi chân
mười năm một thoáng phù vân
tiếng chim vườn cũ mùa trăng quê người

dù sao vẫn cảm ơn đời
biển xanh và sóng núi đồi và em
cảm ơn những sáng êm đêm
khói cà phê quện bên hiên nhà mình

đứng bên bờ vực tử sinh
vẫn nghe em hát bản tình ca xưa

mười năm như một giấc mơ

Phạm Cao Hoàng

Virginia, August 2009

LÊ VĂN TRUNG

Bi Khúc (trích)

1* Đôi khi anh muốn lột trần truồng

đời anh

để tự mình nhìn thấy

tận đáy

hư không

để tự mình nhìn thấy

một chấm sáng mong manh

để nhận ra

điều không thể nhận ra

nếu còn che đậy

cái vỏ ảo tưởng của kiếp người

bé nhỏ.

2* Hời ời da thịt của chiều

chút hương sắc cũ còn heo hắt về.

3* Xa nhau nhờ một câu chào

mai sau ta biết tìm đâu phương người

chút hương đọng lại bên đời

vàng phai bóng nguyệt tận trời u mê.

4* Muộn màng trăng goá phụ

lạnh đôi bờ sương đêm
ướt mềm bông nguyệt nở
chảy tràn hồn thanh niên.

NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Qua đò tháng Chạp

Ta đưa em qua đò tháng Chạp
Chiều nay hoa trắng rụng bên sông
Hoa có rụng mới biết đời dâu bể
Tình có xa rượu chúc mới nồng

Đi đi thôi! Hỡi người yêu dấu
Mà chiều kia xám cõi trời tây
Hình như có cánh chim lẻ bóng
Bay giữa chiều lộng tiếng heo may

Còn gì không ? Ừ, chẳng còn gì !
Nhớ gì không ? Ồ, nhớ mà chi ?
Có chăng mưa tạt bên bờ vắng
Hay buồn tình sông hát khúc phân ly.

Trong mắt em sâu lên tan tác
Người yêu ơi ngày mai xa rồi
Hát cùng ta hỡi người yêu dấu
Khúc tình sâu cho bật tiếng mưa rơi !

Ta vẫn sống trọn đời hiu quạnh
Cây vườn ta vẫn rụng trái tình không
Những hoa trắng tay hồng em ve vuốt
Sưởi hương lòng mỗi tối mùa đông

Còn gì không, hỡi chiều tắt nắng
Mắt của em ta chưa uống đã nồng

Thì nói chi những ngày mưa tới
Ta một mình rượu chuốc với menh mông !

Chạng vạng

Chạng vạng đất
Chạng vạng trời
Tình tôi chạng vạng trong thời xa em
Mắt nhìn chạng vạng hơi men
Miệng đời chạng vạng
Chê khen tiếng lời
Tuổi tên chạng vạng
Quên rồi
Đường đi chạng vạng
Biết nơi mô về
Tháng ngày chạng vạng
Cơn mê
Oán ân chạng vạng
Bạn bè thờ ơ
Đôi khi chạng vạng vẫn thơ
Làm sao sáng đến bến bờ tương lai
Xin trăng sáng trọn đêm dài
Vén màn chạng vạng phủ dày hồn tôi.

(trích thi tập Chở Gió)

** Nguyễn Văn Phương là tên thật. Bút hiệu thường dùng: Phương Xích Lô.. Quê quán Thừa Thiên Huế. Sinh 1951, mất vào năm 2002 tại Quảng Trị, hưởng dương 51 tuổi.*

ĐẶNG KIM CÔN

Hương Cau

Gặp lại Tuy Hòa không gợn lúa
Quần trên gối, xoắn, thoáng chào mau
Nụ cười sóng sánh thơm bờ mạ
Không lời, cũng đủ ngọt ngào sao.

Gặp lại Tuy Hòa không thấy biển
Hương cau canh cánh sóng trong lòng
Lá trầu thiên lý say bùn đất
Nghe hồn ai đôi một giọng sông

Gặp lại Tuy Hòa hoa cau rụng,
Bồi hồi nắng sớm chạnh sương khuya
Một đi như nước qua cầu vội
Ngơ ngác ngàn khơi chẳng hẹn về.

Hương cau, hương cau rộn rã qua
Bao nhiêu thơm đủ một Tuy Hòa
Quê người hiu hắt vắng trăng lạnh
Xao xuyến hàng cau tiếng bước xa.

Ngan ngát lưng trời mùi cỏ quận
Tách trà lơ lững nụ cười trôi
Lấp lánh Tuy Hòa chao đầy tách
Thoang thoảng hương cau một góc trời.

Tháng 7-09

NGUYỄN VĂN NGỌC

Trong khi chờ nhập viện

nhớ Quang và Thủy

thiếu úy hả, sao này giờ không nói
y tá đâu, mau đem lại xe lăn
ta muốn bật cười dù chân đau nhói
ông y sĩ này có máu tiểu lâm.

đi hành quân, nào phải đi dạo phố
đeo, gấn làm chi cấp bậc, bông mai
quan, lính chiến trường, phút giây sinh, tử
súng đạn vô tình chẳng nề nang ai.

súng đạn vô tình nên ta lãnh đủ
nhảy xuống Phước Long, pháo giặc như mưa
ba thầy trò bị xe tăng quật ngã
thất lạc rừng sâu, may được cứu về.

được cứu về đây, ngồi chờ nhập viện
lãng vãng câu thơ “túy ngọc sa trường”
ta may mắn thấy mình còn nguyên vẹn
thương hai thằng em nằm lại với rừng!



HOÀI ZIANG DUY

đêm nghe phố, chân người

Từ một ngày ấy anh đi
Xa miền đất không chốn dung thân
Không thể sống gần tội nghiệp
Buồn theo như chiếc lá
Đậu ở sân
Hiên nhà

Ta đứng lặng hồn nhen chút ấm
Đôi bờ vai thương nhớ bao ngày

Như tình nhân không một lời hẹn ước
Bước chân về tàn buổi can qua
Áo em mặc màu vàng hoa chợt úa
Một tấm lòng sống muôn thiết tha
Ai có ra đi mà không thương về chốn cũ
Ngùi trông xa những lúc quạnh quẽ lòng
Em có cất dùm anh
Một góc phố nghèo
Một ánh trăng về muộn giắc
Đêm khuya nghe tiếng rao hàng
Khác gì câu hát ầu ơ
Của người mẹ gánh thức
Cho con ngủ
Lăn theo tiếng mì gõ lóc cóc
Nhịp gần xa theo bánh xe lăn
Dục lòng cơn thức đợi
Ngọn đèn lồng trao thân
Bàn chân trần đất phù sa
Đưa đầy

Trăng ở đây không sáng như trăng quê nhà
Đêm nơi đây lạnh lùng đóng kín
Chỉ có tiếng xe đi, về, con mệt mỏi
Tiếng xe cứu thương vay chạy nghĩa tình
Tiếng cứu hỏa hụ còi thời đau thương binh lửa
Đêm đối mặt, phố hai đời sông, biển
Đâu còn gì, đâu vá nổi niềm xưa

Nếu phải là đêm ở mỗi tình chọn lựa
Nếu như buổi đầu đang dang dở thủy chung
Thì em ơi
Cuối đời đâu tiếc nuôi
Mặt trời soi cho tình đầu tình cuối
Đêm già đi trong bóng tối
Một mình.

TRANG LUÂN

Cát bụi bay về

Sau đám tang, tôi mới cảm thấy tương đối nhẹ nhõm, người ngoại được phần nào. Đám tang bố tôi đã hoàn tất và hoàn tất trong tốt đẹp. Đây là điều làm cho ba anh em chúng tôi yên tâm. Yên tâm! Bởi vì mọi việc đều diễn ra trôi chảy, thông suốt từ đầu cho đến cuối mà chẳng có điều gì thiếu sót, đáng tiếc xảy ra. Tất cả đều mang lại kết quả mỹ mãn như ý chúng tôi hằng mong muốn. “*Như vậy là quý lắm rồi.*” Ai nấy cũng đều nói với chúng tôi như vậy. Tuy nhiên, không khí trong gia đình vẫn còn bao phủ nặng nề bởi lớp sơn buồn phiền, ủ rũ, tím ngắt vây kín ở chung quanh.

Suốt một tuần lễ thức trắng bên linh cửu bố tôi. Một tuần lễ mệt mỏi, rã rời. Anh tôi đề nghị, ba anh em nên luân phiên, xen kẽ với nhau cho đỡ mệt! Nhưng tôi nhận thấy tình trạng sức khỏe của anh tôi lại quá yếu, còn em tôi thì cũng chẳng hơn gì. Vì thế, tôi nói với anh: “Anh cứ để việc đó cho em.”

Liên tiếp cả tuần lễ bận rộn với công việc tiếp khách. Khách ra vào liên tục. Khách đến để thăm viếng, để chia buồn. Ban đêm, từng hội đoàn còn lần lượt kéo tới để đọc kinh, cầu nguyện cho linh hồn bố tôi sớm được về miền vĩnh phúc. Một tuần lễ trôi qua. Một tuần lễ để lại ở trong tôi cảm giác ngầy ngật, khó chịu. Tôi thấy mình nên đi ngủ để bù lại thì tốt nhất. Chỉ có đi ngủ mới mong lấy lại được sự quân bình cho thể xác và lẫn cả về mặt tinh thần. Anh tôi khuyên tôi nên đi nghỉ cho lại sức. Mọi người trong gia đình cũng đều nói với tôi như thế. Tôi biết điều ấy. Nhưng cuối cùng tôi vẫn không tài nào giở được giấc ngủ. Có lẽ vì thời tiết về mùa hè quá cay nghiệt chăng! Hay tại nguyên nhân hoặc lý do nào khác! Về sự ra đi đột ngột của bố tôi không biết chừng! Chán nản, tôi ngồi bật dậy, uể oải, lưng thưng bước xuống cầu thang.

Mấy đứa cháu đương loay hoay dọn dẹp. Mọi cớ xí đều được gỡ xuống và bàn ghế tuần tự được chõ đi để hoàn trả lại cho hàng xóm. Căn nhà trở nên trống trải, thoáng khí hẳn ra. Tự nhiên tôi thấy thiếu vắng một thứ âm thanh quen thuộc nào đó. Thứ âm thanh rộn ràng, kể lể khiến cho tôi cảm thấy bùi ngùi, cảm xúc. Tôi nhú mày suy nghĩ. Thì ra là tiếng kèn. Tiếng kèn đồng bi ai, réo rắt trôi lên kể từ khi tôi bước ra khỏi chiếc taxi, buồn bã bắt tay mọi người, rồi tiến thẳng vào trong nhà, kính cẩn, nghiêng mình trước linh cữu của bố tôi. Tiếng kèn ấy bao hàm ý nghĩa sâu xa về ơn nghĩa sinh thành cùng công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Càng nghe tôi lại càng thấy thấm thía vô cùng. Tôi chết lịm trong cơn sóng thủy triều âm thanh ấy. Bố tôi nằm bất động trong áo quan. Hai mắt ông nhắm nghiền và đôi môi ông mím chặt lại như còn khắc khoải, trông ngóng một điều gì thật xa vắng. Chắc ông linh thiêng, nghe rõ được bước chân của đứa con xa trở về cùng tiếng thờ dài nghẹn ngào, đứt quãng. Tôi thấp lên nén hương rồi cúi xuống trước linh cữu của bố tôi. Lúc ấy đầu óc tôi tĩnh lặng lạ thường và đôi môi tự động phát ra lời thì thầm với bố tôi.

“Con đã về. Rồi anh con cũng sẽ về. Bố cứ thanh thản mà ra đi. Đừng vương bận gì cả! Cầu chúc cho bố được mọi sự yên bình trên vùng trời quê hương mới. Quê hương của vĩnh cửu, của hoan lạc. Quê hương với đầy đủ ý nghĩa trọn vẹn về hai chữ hạnh phúc cao cả và đích thật của nó.”

Đám tang ở Việt Nam thì khác hẳn với bất cứ đám tang nào ở bên Mỹ. Nó chất chứa, thể hiện bằng thứ tình cảm dạt dào, chân thật của hàng xóm, của láng giềng. Thứ tình cảm đó cứ tiếp nối, phát triển không ngừng và thăng hoa, kết trái trong tâm tư của mỗi người Việt Nam. Tôi không khi nào quên được buổi sáng di quan bố tôi ra nhà thờ. Hôm ấy trời chưa sáng hẳn. Người ta tự động xếp thành hàng lối, lặng lẽ đi theo linh cữu của bố tôi. Tôi nhớ đến giây phút xúc động nhất ngoài nghĩa trang, khi cỗ áo quan chuẩn bị hạ xuống. Người ta bao quanh kín mít bên chiếc

huyết xinh xắn dành cho bố tôi. Đây là ngôi nhà mới mà bố tôi sắp sửa đi xuống. Ngôi nhà của một đời kế tiếp bất tận. Yên lặng. Tất cả đều yên lặng. Chung quanh tôi, mọi người đều lắng xuống sự im lặng tột cùng. Rồi linh cữu của bố tôi từ từ hạ xuống, thấp dần, rồi cứ thế và cuối cùng thì nằm im lìm, bất động dưới lòng đất. Tôi khom người cúi xuống, cổ mở to đôi mắt, thờ thần nhìn bố tôi lần cuối. Mọi tế bào trên thân thể tôi đều co rúm lại. Tôi xúc động vô ngần. Trên khóe mắt sâu hoắm, hai giong nước mắt tự động tuôn ra và hôm đó tôi thật sự khóc nhiều hơn lúc nào hết.

Người được mô tả là đau buồn, ray rứt nhất, phải nói đến là anh tôi. Lúc nào tôi cũng thấy anh tôi đắm chiêu, tư lự. Tôi biết anh tôi buồn. Tôi biết anh ấy xót xa. Tôi hiểu điều đó. Anh tôi dự định sẽ về thăm bố vào năm tới, sau mười bốn năm biệt, phiêu bạt, lê gót trên xứ người. Mười bốn năm tính từ ngày anh ấy bước chân xuống chiếc ghe Thái Lan, âm thầm từ biệt quê hương để ra đi. Bất chợt có tin bố tôi mất. Đột ngột và bất ngờ. Vì thế anh tôi mới ân hận. Tôi hiểu anh tôi hơn ai hết. Anh tôi có nỗi khổ riêng. Nỗi khổ về gia đình. Về hai chữ hạnh phúc bị gãy đổ, sụp xuống. Nó chẳng khác nào như nhát chém nghiệt ngã, đau nhói, nhức nhối triền miên ở tim anh. Một chứng bệnh ung thư bất trị, dày xéo, hành hạ lên thể xác anh ấy từ năm này sang năm khác. Anh tôi không muốn gặp lại người vợ cũ. Hai đứa con trai mà trước đây từng về hùa với mẹ chúng nó, đang tâm, ruồng rẫy, xua đuổi anh ấy ngay vào lúc nửa đêm. Anh tôi kể cho tôi nghe rất nhiều. Về nỗi cay đắng, nhục nhằn mà anh ấy phải cố cắn răng để chịu đựng. Những câu chửi mắng phủ đầu, kèm theo những lời hằn học, đe dọa hầu như chẳng bao giờ nguôi. Ngày nào cũng gây gổ. Ngày nào cũng cãi nhau. Anh tôi còn kể, tệ hơn nữa, trong lý lịch xin đi làm, người chị dâu cũ còn tráo trở khai rằng: Cuộc hôn nhân giữa chị ấy với anh tôi là cuộc hôn nhân mang tính chất gượng ép và bắt buộc. Nhiều đêm thức khuya, anh tôi tâm sự:

“Vì thế! Anh rất ngại về đây. Đành rằng trên danh chánh

ngôn thuận, thì giữa anh và chị ấy đã ly dị, sòng phẳng với nhau về mặt pháp lý. Đấy! Em cũng thấy! Anh đâu có thiết bất cứ một thứ gì! Ngay đến căn nhà cũng thế. Anh nhường lại tất cả cho mẹ con chúng nó và bước ra khỏi nhà với hai bàn tay trắng! Dù rằng trên nguyên tắc anh có quyền thừa hưởng một nửa của căn nhà đó. Nếu xét về mặt lý thì như thế. Nhưng nếu đứng về mặt tình thì lại khác. Mọi người sống ở quanh đây đều không hiểu cho anh. Thế nào họ cũng xâm xì, bàn tán. Nào là thằng này bỏ bê vợ con, chạy theo vợ bé, vượt biên ra nước ngoài. Nào là thằng này có mới quên cũ, có trắng quên đen. Quên đi nghĩa cũ tình xưa. Họ đâu có biết rằng: Ngay từ khi anh bước chân ra đến ngoài Bắc, thì chị ấy đã cầm cái sừng ngay lên đầu của anh rồi. Bao nhiêu tiền bạc đều tiêu tan theo mây khói. Chẳng bao giờ chị ấy đoái hoài đến anh, chứ đừng nói tới hai chữ ra thăm. Lâu lâu chị ấy còn viết thư ra hăm dọa, cảnh cáo anh đủ điều. Trống trơn hơn nữa, chị ấy còn bảo anh: Nếu sau này có may mắn được nhà nước thả tự do, thì hãy khai địa chỉ cư trú về dưới này. Cũng may mà còn có chị Thảo, chứ không thì đời anh đã tiêu tùng từ lâu rồi. Còn hai thằng con trai của anh. Cho dù chúng nó có bạc đãi anh đến chừng nào đi chăng nữa! Nhưng năm nào anh cũng không quên dành dụm gửi về cho chúng nó. Trách nhiệm, bổn phận anh chỉ lo đến thế mà thôi! Chứ anh đâu có thể lo hơn được nữa? Bằng tuổi này đâu có còn nhanh nhẹn, bươn trải như những người khác được. Chúng nó phải hiểu cho anh điều đó chứ!”

Tôi cất giọng vỗ về:

“Thôi! Anh! Kệ họ muốn nói gì thì nói! Miễn sao mình sống cho đúng với lòng mình là được rồi. Theo em thì họ nói chán rồi cũng thôi. Còn đối với chúng nó thì anh quá đầy đủ với hai chữ bổn phận rồi còn gì nữa! Đương nhiên chúng nó phải hiểu cho anh chứ! Vả lại, bây giờ chúng nó cũng đều lớn khôn hết cả rồi. Đã đến lúc mà chúng nó phải hồi tâm nhìn lại, đồng thời có những ý nghĩ đúng đắn và chín chắn hơn.”

Cứ vài đêm anh tôi lại nhắc đến chuyện này. Tôi lại tiếp

tục lựa lời an ủi. Anh tôi ngược mắt nhìn vào khoảng trống rồi buông nhẹ lên tiếng thờ dài ngao ngán. Tôi mang ý nghĩ về bố tôi, về cuộc đời. Cuộc đời là phù du, là sương khói. Cuối cùng rồi tất cả cũng đều tan biến vào hư vô, cuốn trôi về với cát bụi. Đây là một định luật bất di, bất dịch mà ai nấy cũng đều phải đi qua. Tôi xoay lưng, quay mặt vào trong tường. Đêm nào cũng giống như đêm này. Đêm nào anh em chúng tôi cũng cảm thấy trần trọc, khó ngủ. Thức khuya, chuyện vẫn rồi tự động im bật, thao thức với ý nghĩ riêng tư của chính mình.

“Bác có uống cà phê không! Cháu pha.”

Đưa cháu gái lên tiếng hỏi. Tôi quay sang lắc đầu.

“Bác có muốn đi đâu không? Cháu chờ bác đi.”

Tôi ngần ngại:

“Bác chẳng thiết đi đâu cả! Chỉ có ngày mai, bác muốn ra mộ ông, xem họ xây đến đâu rồi!”

Đảo mắt nhìn xuống nhà dưới, tôi nói vừa đủ nghe:

“Bác Nguyễn và bố cháu đâu rồi?”

“Hình như bố cháu chờ bác ấy lên Sài Gòn để điều chỉnh vé máy bay về Úc thì phải.”

“Chắc bác ấy lại nóng ruột muốn về sớm chứ gì!”

“Cháu cũng không biết! Chỉ nghe bác ấy kêu ở đây về mùa này nóng quá. Chịu không nổi!”

Tôi buông mắt, lơ đãng nhìn ra bên ngoài. Nắng tàn cư đi nơi khác từ lúc nào, chỉ còn trơ lại lũ bông giấy nằm ngơ ngác, phơi mình trên chiếc công bằng xi măng màu xám ngắt. Có tiếng sấm chuyển động từ đằng xa, và trên cao, từng lũ mây đen cuộn cuộn, hung hãn, ùn ùn kéo tới. Tôi buột miệng:

“Trời sắp mưa rồi.”

Đưa cháu gái phụ họa theo:

“Cơn mưa này lớn lắm đấy bác.”

Nghĩ ngợi giây lát. Nó lộ vẻ vui mừng:

“Kể ra đám của ông mình hên lắm bác nhỉ! Vừa mới mở cửa mà xong, thì tối đến trận mưa lớn ào xuống.”

Tôi gật đầu:

“Tóm lại đám ông mình cái gì cũng may hết. Như mộ phần của ông chẳng hạn. Được nằm gần bà, mà lại còn

gần đường nên rất tiện cho việc thăm viếng của con cháu. Hơn nữa thời tiết lại quang đãng. Nói đại, chứ mấy hôm ấy mà mưa xuống thì chẳng biết nói sao!”

Cháu tôi nói đúng. Chung qui mọi việc đều thuận lợi, đều may mắn. Bố tôi để ở trong nhà cả một tuần lễ. Hơn nữa, Sài Gòn đang bước vào mùa mưa. Những cơn mưa ào xuống thật nhanh chóng, thật bất ngờ. Mấy đứa cháu còn nói với tôi. Mới cách đây vài ba hôm thì thành phố này ngày nào cũng mưa. Mưa đến nỗi có nhiều chỗ ngập đến hơn cả gang tay, gây trở ngại cho việc giao thông rất nhiều. Ai cũng nói đám tang bố tôi thật hiếm thấy. Cả tuần lễ trong sáng và nắng ráo. Rồi đây con cháu sẽ làm ăn nên. Phát đạt và sung túc. Điều đó thì tôi không biết! Nhưng có điều là đám tang bố tôi không đến nỗi lạnh lẽo cho lắm. Tất cả những gì mà ông mơ ước cho cuộc ra đi thì chúng tôi đều thực hiện đầy đủ cho ông. Ông chỉ có mỗi một giấc mơ duy nhất, là sau khi ông xuôi tay, nằm xuống, giữa biệt khối đời sống này, có đầy đủ ba đứa con trai, và bên tai được nghe tiếng kèn đồng rộn ràng đưa tiễn ông đi. Ông thường nói với đứa em tôi khi ông còn sống: *“Đám tang mà không có kèn Tây thì là cả một sự thiếu sót to lớn.”*

Đám tang bố tôi phải thay đổi chương trình đến hai lần. Thoạt đầu, anh tôi báo tin không về được. Lý do đơn giản là anh ấy chưa có hộ chiếu. Hai ngày sau, anh tôi gọi về, bảo chờ, bởi vì mọi thủ tục về giấy tờ đều xong xuôi. Chính vì thế mà lịch trình đành phải hoãn lại.

Nhiều đêm tôi vẫn thao thức, suy tư về bố tôi. Chắc bố tôi rất lấy làm hài lòng khi đi về với thế giới ở bên kia. Ba đứa con trai đều có mặt đầy đủ, buồn bã tiễn đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng. Giấc mơ ấy bố tôi vẫn ao ước từ lâu và ông thường thủ thỉ với em tôi:

“Bố chỉ có mỗi một điều mơ ước duy nhất, là sau khi bố nhắm mắt lìa khỏi cõi đời này, có đầy đủ ba anh em chúng con là bố mãn nguyện lắm rồi.”

Bố tôi mất. Cái tin em tôi báo sang qua hệ thống điện thoại từ Việt Nam. Tin ấy lại rơi đúng vào ngày thứ bảy.

Thứ bảy thì tôi phải đi làm. Cái ca thật oái oăm đối với nước Mỹ này. Hầu hết ai này đều không thích đi làm vào những ngày cuối tuần. Cuối tuần là thời gian để ngơi nghỉ, để đi ăn. Để cho đầu óc được thanh thoi đôi chút. Để coi TV. Để thưởng thức các trận đấu thể thao đầy ngoạn mục, gay cấn. Cuối tuần là ngày dành riêng cho gia đình, cho bạn bè, thân thuộc. Quan niệm ấy cũng có cái đúng của nó. Nhưng ngược lại thì tôi cho rằng: Cuối tuần cũng chẳng khác gì ngày thường. Cuối tuần thì lợi tức được tăng thêm chút đỉnh vào đồng lương hàng tháng của tôi. Vì thế, tôi làm liên tiếp, ròng rã suốt cả sáu, bảy năm trời. Sáu giờ chiều thì bắt tay vào công việc và sáu giờ sáng thì tan ca về nhà. Mười hai tiếng cho một đêm. Rồi cứ thế! Điều đặn. Liên tục và không bao giờ thay đổi.

Tôi biết tin bố tôi mất vào lúc mười giờ tối. Đứa con trai lái xe vào hãng báo tin cho tôi hay. Tôi bàng hoàng, sững sốt trước cái tin sét đánh ngang tai. Bố tôi qua đời. Sao chẳng thấy em tôi nói đau yếu gì cả! Bao nhiêu câu hỏi đổ xô về bữa vậy kín mít ở tâm tư. Tôi nhẩn mặt thờ thẩn. Mới cách đây hai tuần, tôi còn nghe rõ giọng bố tôi trong điện thoại:

“Chùng nào thì anh cho mấy cháu về chơi!”

Tôi đáp để cho bố tôi yên lòng:

“Sang năm con sẽ thu xếp cho mấy cháu về thăm ông.”

“Nhớ cố gắng cho mấy cháu về thăm lấy một chuyến. Bây giờ tôi cũng yếu lắm rồi. Lúc này tôi cũng giống như ngọn đèn dầu trước gió. Chẳng biết sáng giờ nào, tắt giờ nào! Sống được ngày nào thì biết ngày nấy, chứ chẳng biết đâu mà tính trước được.”

“Bố cứ an tâm mà giữ gìn sức khỏe. Năm tới các cháu sẽ về thăm bố.”

“Anh nhớ đấy nhé!”

“Vâng.”

Bây giờ thì bố tôi không còn nữa! Mấy đứa con tôi cũng chẳng có dịp nào để gặp lại người ông chúng nó. Mãi mãi và mãi mãi. Bố tôi đã từ già khỏi đời sống này để đi về với thế giới mờ ảo, xa xôi. Cái thế giới của hư vô, của bất tận. Xúc động, tôi rơm rướm nước mắt.

Chợt nhớ có đứa con trai đang đứng ở sau lưng, tôi cố giữ giọng bình tĩnh:

“Thế chú có nói gì thêm không?”

Con tôi buồn bã:

“Chú chỉ nói vắn tắt: Ông vừa mới mất nên vội báo tin cho bố biết, xem bố có thu xếp về được không? Con chỉ nghe tới đó, liền trao điện thoại cho mẹ, rồi vội vàng lái xe vào đây để báo tin cho bố biết.”

Tôi quả quyết:

“Dĩ nhiên là bố phải về để thọ tang. Dù mọi giá bố cũng phải về để lo cho ông. Bố từng hứa với ông ba năm về trước. Cho dù bố không hứa đi chẳng nữa thì bố cũng phải về. Bởi vì đây là bổn phận, là trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ. Để về nhà rồi cha con mình sẽ tính sau. Bây giờ con cứ về trước đi. Bố phải vào văn phòng để xin phép rồi sẽ về sau.”

Con tôi tỏ vẻ ái ngại:

“Con chỉ sợ bố bị chi phối nên thiếu sự bình tĩnh khi đi đường. Hay con đợi bố ở ngoài parking rồi sẽ về luôn thế.”

Tôi xoa tay:

“Bố không có sao đâu! Đừng lo lắng gì cả!”

Con trai tôi lưỡng lự chốc lát rồi lặng lẽ bước ra ngoài. Còn lại một mình, tôi xoay lưng đi dọc theo phía hành lang, rồi tiến thẳng về hướng văn phòng.

Tôi lái xe như điên dại trên con đường trống trải, vắng lặng. Mấy ngọn đèn đường lung linh, nhòe nhoẹt, nhảy múa ở đằng xa. Tự nhiên, tôi thấy đầu óc mình choáng váng lạ thường. Hoảng hốt, tôi cố lấy lại bình tĩnh, buông nhẹ chân ga, rồi cẩn thận bẻ tay lái cho chiếc xe ép sát vào lề đường. Tắt máy. Tôi dơ tay quay nhẹ nhẹ cho tấm cửa kính từ từ hạ xuống. Gió từ bên ngoài lùa vào gây liên cảm giác nhẹ nhàng, dễ chịu ở trong tôi. Tôi nhướng cặp mắt nhìn sang phía bên kia. Trong bóng đêm, hàng cây đen đứng lẫm lẫm, thâm lặng. Thỉnh thoảng, vài chiếc xe lạc lõng chạy vụt qua, kéo theo chuỗi âm thanh nổ rền, ròn rã rồi tự động mất hút ở mãi tận cuối đường. Đêm tĩnh mịch lạ thường. Có tiếng lá cựa mình trên khóm cây. Tiếng

côn trùng rả rịch phát ra tận gò đất ở gần đấy. Xa xa, mơ hồ tôi nghe như có tiếng vọng lại của một giọng ca quen thuộc nào đó. Tôi ngồi ngả đầu vào thành ghế và dần dần thấy tỉnh táo trở lại. Tôi thương bố tôi vô cùng. Suốt cả đời ông phong trần, gian khổ. Cả đời người chưa tìm thấy được hai chữ bình yên cho nội tâm. Một đời người tận tụy, hy sinh, chăm bón cho ba anh em chúng tôi nên người. Đời ông gắn liền với binh nghiệp. Đó là cái nghiệp dĩ. Cái nghiệp dĩ đeo đuổi vào đời ông. Nhờ đấy, ba anh em chúng tôi mới vươn mình, trưởng thành rồi tung cánh bay vào cuộc đời. Bao nhiêu kỷ niệm xưa cũ lần lượt hiện về. Chuối ngày tháng vàng óng ở Thái Bình. Đêm êm đêm, lung linh bên bờ hồ Hoàn Kiếm ngoài Hà Nội. Lênh đênh trên chuyến tàu ray rút vào Nam. Những tháng ngày đầm ấm ở Hội An cùng những xuất hát bội về khuya lạc lõng. Bao nhiêu cái tết đơn độc, lẻ loi ở ngoài Huế. Chỗ nào cũng có kỷ niệm. Nơi đâu cũng đầy ắp, chất ngất. Những kỷ niệm ấy vẫn sống mãi theo thời gian và quện chặt trong lầu son ký ức của ba anh em chúng tôi.

Bây giờ thì bố tôi không còn nữa! Ông thật sự đã ra đi vào cái tuổi chín mươi ba. Chín mươi ba năm trong thân phận làm người. Chín mươi ba năm trải qua biết bao nhiêu bước thăng trầm nơi cuộc sống. Bao nhiêu biến cố trong đại đi qua đời ông. Từ cuộc cách mạng mùa thu năm bốn mươi lăm, cho đến cuộc di cư lịch sử năm một nghìn chín trăm năm mươi tư. Và cuối cùng thì ông chưa xốt nhìn ba đứa con trai mình lặng lẽ đi vào nhà tù.

Trước đây em tôi vẫn thường viết thư gửi sang, với ngụ ý là muốn anh em chúng tôi về thăm. Tôi vẫn còn nhớ từng giọng chữ thật cảm động mà em tôi đã cô đọng ở trong đấy:

“Bây giờ thì bố mình đã luống tuổi quá rồi. Nhãn quan lẫn thính giác mỗi ngày mỗi suy mòn, yếu dần theo thời gian. Đầu óc, lý trí chẳng còn minh mẫn, thông suốt như ngày nào. Niềm an ủi duy nhất đối với người lớn tuổi ở cuối đời là con cháu. Con cháu chẳng khác nào liều thuốc bổ, là nguồn vui, là sự vỗ về vào đời sống héo hắt còn lại.

Nhìn vào bối cảnh của gia đình mình, tình từ năm bảy mươi lăm đến nay, với biết bao nhiêu biến cố dồn dập cuốn tới. Những biến cố đó chẳng khác nào cơn lốc xoáy mòn vào tâm tư người. Nhiều khi em thấy bố tha thẩn, đôi mắt nhìn về chôn xa xăm với nỗi buồn vô hạn. Em biết, bố đang thả luồng tư tưởng về các anh, về những đứa con đương lưu lạc tại góc trời xa thẳm. Chính giữa lúc ấy em cảm thấy đau lòng vô cùng. Em chỉ cầu mong, sao cho hai anh về thăm bố được một chuyến, để cho em nhìn thấy niềm vui thấp sáng lên khuôn mặt người. Dù chỉ một chuyến thôi! Cho bố tạm thời quên đi hai tiếng thờ dài vào những buổi chiều khép kín, cô quạnh. Những buổi chiều làm cho căn nhà trở nên thê lương, ảm đạm vô cùng...” Lá thư ấy em tôi viết thật dài và đầy cũng là động lực mãnh liệt thúc đẩy cho tôi đi đến quyết định dứt khoát là trở về.

Lần ấy, bố tôi vui hẳn lên. Ông ôm ghì lấy tôi và tôi có cảm giác như sống lại cái thời kỳ còn thơ ấu. Trên khoe mặt nhăn nhúm, tôi đọc thấy được hai giọt nước mắt từ từ chảy ra và bố tôi đã khóc trong sự sung sướng tột cùng.

Tối hôm đó, gia đình tôi quây quần quanh chiếc bàn tròn trong bữa cơm thịnh soạn. Tôi rót bia vào ly rồi gấp thức ăn bỏ vào chén cho bố tôi.

“Bố ăn đi chứ!”

“Anh cứ để mặc tôi. Hôm nay thể này là tôi ăn nhiều lắm đấy. Cả như mọi khi thì chỉ có lưng chén, chứ không có hơn được nữa.”

Bố tôi nâng ly bia rồi nhấp một hớp nhỏ. Ông đưa mắt nhìn tất cả mọi người rồi cất cao giọng:

“Nhà mình chưa khi nào vui như thế này. Giá có anh Nguyễn cùng toàn thể các cháu về đây đủ thì còn vui biết mấy.”

Tôi nói cho bố tôi yên lòng:

“Thể nào rồi cũng có một ngày bố ạ.”

Bồi tôi khẽ bật lên tiếng thờ dài:

“Anh nói vậy, chứ tôi thấy khó lắm.”

Có tiếng mưa lộp độp rơi trên mái tôn, hòa trộn với tiếng gió rít xoáy vào nhau tạo thành chuỗi âm thanh rộn

ràng, hồn độn. Đứa cháu gái chột kêu lên:

“Mưa bắt đầu rồi đấy bác.”

“Ừ! Bác cũng mong mưa xuống cho dễ ngủ.”

Nhìn sang tôi, nó đột ngột hỏi:

“Chùng nào thì bác về lại Mỹ!”

Tôi đáp hờ hững:

“Năm ngày nữa.”

“Nhanh quá bác nhỉ! Có hai bác về thì còn thấy vui vui! Chứ hai bác đi rồi thì nhà cháu vắng vẻ và buồn tẻ biết chùng nào.”

Buông mắt nhìn ra bên ngoài. Mãi sau nó mới đổi giọng buồn buồn:

“Cháu nghe mẹ cháu nói: Ông mất rồi, không biết hai bác có còn về nữa không?”

Tôi đáp không cần suy nghĩ:

“Về chứ! Vài năm bác lại về. Nếu bác không về được thì cũng cho mấy anh chị ấy về.”

“Thật! Hờ bác!”

“Thật! Chứ bác đâu có nói chơi.”

Đứa cháu gái ngồi lặng thinh không nói. Tiếng mưa gõ đều xuống mái tôn, tuôn xối xả xuống mặt đường, tạo thành con nước cuộn cuộn, đổ xô, chen lẫn nhau, cuốn trôi về cuối ngõ.

Buổi trưa. Tôi đứng giữa không khí cô quạnh, hoang vắng bên phần mộ của bố tôi. Phần mộ vừa mới xây xong vào buổi sáng ngày hôm qua. Nén hương vẫn còn cháy âm ỉ, tỏa ra nghi ngút. Ngay đây trên, cách đây vài ba bước là phần mộ mẹ tôi đang nằm. Ngôi nhà ấy, chúng tôi cũng vừa chỉnh trang, làm mới lại. Tôi có linh cảm, vong hồn của bố tôi đang lẩn quất ở quanh đây. Ông muốn nghe tôi nói. Thầm thì với ông về những điều mà tôi muốn nói. Tôi nhích môi nói vừa đủ nghe:

“Bố hãy ngủ yên. Giấc ngủ thật êm đềm, thật mộng mị. Giấc ngủ sẽ đưa bố đi vào thiên thu. Bên cạnh còn có mẹ. Bố sẽ không còn cảm thấy cô đơn như ngày bố ở trần thế. Bố hãy quên đi mọi muộn phiền, đắng cay ở cõi trần gian tạm bợ, phù phiếm này. Quên đi nghe bố! Trước mắt bố hiện giờ là cả

*khoang trời rạng ngời, tươi sáng. Ở đây có đôi núi chập chùng,
có cỏ non xanh mượt cùng hoa nở bốn mùa rực rỡ, và bên tai
bố, réo rắt tiếng nhạc khúc tấu lên bản trường ca bất tận./”*



BÙI VĂN CANG

Dáng thơ xưa

Dường đã cùng em từ kiếp trước
Nắm tay nhau xuống biển lên ngàn
Tôi thấy trăm năm sao ngắn thế
Đất trời cũng nhạt vẻ mang mang

Tôi nhủ lòng tôi suốt kiếp này
Tìm em trong sóng sóng hương phai
Lang thang qua những kinh thành đổ
Uống nỗi khát tình đến đại ngàn

Với trăng tôi thức trắng... đêm dài
Sầu dựng điêu tàn trên cỏ cây
Nhìn núi áo xanh đầu tóc bạc
Cảm niềm phé tích vọng trùng mây

Giữa bao đèn tháp thâm nghiêm ấy
Về đây chợt gặp dáng thơ xưa
Ánh mắt xa xăm hồn vạn cổ
Khiến tôi như lạc xứ không mùa

PHẠM VĂN NHÀN

Tiếng leng keng của chiếc chuông đồng

Tặng THT



Anh ngồi xuống cầm một vỏ đạn trong nhiều vỏ đạn mà lũ nhỏ trong xóm đựng trong cái nón lát. Anh xem cẩn thận từng vỏ đạn, lật đít xem hạt nổ đã nổ chưa. Một đôi, anh hỏi mấy đứa trẻ:

- Tụi mày nhốt ở đâu những thứ này?

Mấy đứa nhỏ như không muốn nói, nhìn nhau. Một đôi, anh hù tụi nhỏ:

- Nếu đứa nào không nói thì tao báo công an hay mang đi chỗ khác. Tao không mua.

Đứa này nhìn đứa kia, anh dọa thêm:

- Không nói tao kêu công an tới bắt.

Tụi nhỏ sợ chỉ chỗ nhốt những vỏ đạn này. Anh cười:

- Tao nói như vậy thôi, chứ kêu công an làm gì. Nhưng có điều tụi mày đừng lên trên ngọn đồi đó nữa. Coi chừng có mìn chết uống mạng đó.

Lũ trẻ le lưỡi như sợ. Nhưng rồi tụi nó nói:

- Nhưng nếu có nữa, bác mua không?

- Tụi mày bán những vỏ đạn này để làm gì?

- Chờ ông bán cả rem lên, tụi con mua ăn.

Anh cười với lũ nhỏ:

- Ừ tao mua cho. Nhưng lần sau có lên trên đó dẫn tao đi với.

Mấy đứa nhỏ nghe anh nói, cùng cười và có vẻ gần với anh hơn. Có đứa còn hỏi: bác không gọi công an chứ? Anh kí đầu thằng bé. Trời về trưa, nắng như muốn đổ thêm lửa xuống cái làng khô cằn, nứt nẻ, chỉ có một lượng mưa ít ỏi trong mùa. Đất ruộng khô, những gốc rạ vàng trông thật buồn bã. Làng chẳng có một chút sinh khí nào. Lũ nhỏ ngoài những ngày tới trường học chữ nghĩa, ngày nghỉ cũng chẳng biết làm gì hơn là đi lòng, tìm kiếm, lục lạo những thứ mà không ai thèm để ý tới, như cái lon đồ hộp gỉ sắt, như sợi dây dù còn sót lại trong đất trên những ngọn đồi mà ngày xưa, khi chiến tranh, nơi đó là nơi đóng quân của lính.

Anh biết những ngọn đồi đó, quê anh mà chỗ nào anh chẳng biết, nhưng chẳng khi nào anh lên trên những ngọn đồi ấy. Anh muốn quên nó đi, quên tất cả, quên đi như ngày anh cùng với những người bạn vứt bỏ những gì mà anh cho là quen thuộc trên người khi tới Ba Ngòi. Mười năm đi đó đi đây, những chiến trường lớn, nhỏ anh đều tham dự, nghĩ là sẽ không bao giờ còn sống dưới làn đạn của đối phương để đến ngày phải trút bỏ trên người những thứ mà anh đã mặc mười năm. Nỗi nhục nhã ấy anh cũng không muốn nghĩ tới hướng hồ lên trên những ngọn đồi mà có cái lô cốt cao nghệu kia. Sao người ta không đập phá nó đi, biến ngọn đồi thành một nơi có sức sống của cây xanh, hay cây mì cây bắp. Hay người ta muốn để đó để người dân trong làng thấy hình ảnh của chiến tranh qua biểu tượng cái lô cốt thời Tây để lại. Anh chịu!

Nhưng hôm nay, lũ trẻ lại đem đến cho anh những vỏ đạn đủ loại để bán. Chiến tranh qua, nhưng những vỏ đạn này đánh thức anh dậy trong tâm trí của một người muốn quên đi những nỗi đau trong tâm thức anh. Những người bạn của anh còn sống hôm nay, được gì, hay cũng lam lũ kiếm sống qua ngày bằng đủ mọi nghề như anh. Ngày tới thị trấn Ba Ngòi, bạn anh hỏi: tội mình làm gì bây giờ. Anh trầm ngâm khi nhìn thấy những chiếc xe nhà binh một thời nằm đậu bên đường cùng với những thứ quân dụng khác,

những con người thất thơ thất thểu, những bà vợ bé con ngồi bên lề đường mà tâm trí để ở đâu. Tiếc nuôi ư, anh nghĩ là không. Vì họ không có gì để mà tiếc nuôi. Anh nói với người bạn khi nhớ lại những câu thơ trong bài anh đã học trong bài học thuộc lòng khi học ở trường làng. Lâu quá, anh chỉ còn nhớ hai câu: *Văn chương phú lục chẳng hay. Trở về làng cũ học cày cho xong.* Vâng, anh đã nói với bạn anh như thế. Và làng cũ đã đón anh.

Làng cũ, anh bỏ đi từ lâu, nay trở về vẫn là cái làng với con trâu đi trước cái cày theo sau.

Học cày, dễ nhưng cuộc sống chung quanh của bà con còn khó khăn quá. Anh quyết định làm lại cái nghề của ông bà anh để lại, mà anh đã biết ít nhiều. Đó là nghề đúc đồng. Một thời nổi tiếng trong làng xã. Những dự kiến trong tương lai để phục hồi lại cái nghề truyền thống này, nhưng nghĩ cho cùng, đồng đâu có đủ để anh thực hiện những dự án trong đầu. Cho nên, anh nghĩ, anh sẽ đúc lại những khuôn mẫu có sẵn của ông bà để lại, như chân đèn cô đồng cho người dân dùng. Vật chất dù thiếu thốn, nhưng tâm linh của người dân thì không thiếu. Anh nghĩ như vậy, cho nên anh mới dựng lại cái chòi bên dưới bụi tre. Tấm phản được kê bên cạnh như chỗ ăn nằm của anh trong những giờ mệt mỏi. Hai ống thổi lửa. Cái lò than lúc nào cũng cháy âm ỉ, chờ đợi. Đúc đồng, anh đã nghĩ ra nhiều kiểu dáng rất nghệ thuật. Không như những khuôn đúc có sẵn của cha ông anh. Hẳn phải tạo ra những kiểu dáng hay hơn, đơn giản nhưng phải là đẹp và mang tính nghệ thuật. Nhưng, đồng, nguyên vật liệu khó tìm mua, khi anh vẫn còn nghèo quá. Anh xoay ra làm thợ rèn. Rèn dao, rựa, và lưỡi hái cho bà con trong làng, nếu có ai cần đến. Và, những chuyến xe đạp về thành phố để thu mua những phế liệu cũng từ chiến tranh (vì cuộc sống). Từ cái nhíp xe ô tô bị gãy, từ một miếng thép bị hỏng, anh thu mua mang về để làm những vật dụng mà người dân cần đến. Cuộc sống rồi cũng đắp đổi qua ngày với hai ống thổi lửa ngày nào cũng phì phò, và những lần quai búa đập vào những thanh sắt, âm thanh của sắt ngày qua ngày như một

cái gì đó quen thuộc, không thể thiếu trong cuộc sống tẻ nhạt nơi anh đã sinh ra.

Bây giờ, nhìn lại những vỏ đạn của những đứa trẻ trong làng nhặt được gồm đủ loại, nhỏ có, lớn có mà anh quyết phải quên đi những thứ trang bị cho một cuộc chiến mà mười năm anh tham dự. Anh nghĩ, cuộc chiến này không nên nhớ làm gì. Có nhớ chẳng là nhớ đến những người bạn trong đời còn sống hay đã chết. Chết thì không nói làm gì. Nhắc lại như để nhớ. Còn những người bạn còn sống, như anh, gian khổ ngày này qua ngày khác trong cuộc sống phải làm để mưu sinh. Như anh, vẫn phải ngồi thổi ống lửa, vẫn phải quai búa, vẫn phải mài lại cái dao cắt chuối, cái liềm gặt lúa cho bà con mà kiếm sống. Bên cạnh đó sản phẩm đúc đồng của anh vẫn còn trong ý nghĩ, chưa thực hiện mà bao lần anh đã nói với người bạn dưới phố của anh, mỗi lần hấn đạp xe bán cà rem đến bán trong làng. Nhưng với anh công việc ngày qua ngày vẫn dậm chân tại chỗ, trong khi bạn anh với chiếc xe đạp cà tàng vẫn đi đó đi đây với hai cái bình bán cà rem trên xe. Hấn bảo, công việc chẳng mệt nhọc gì, cứ cà tàng lác chuông đi đến những ngôi làng xa bán cà rem cho lũ trẻ. Không ngờ, trên con đường kiếm sống của bạn anh đã trôi dạt trên chiếc xe đạp cà tàng đến tận làng anh ở. Hai người bạn gặp nhau, chuyện cũ chuyện mới râm rang cả ngày, anh quên thổi lửa, bạn anh quên lác chuông đồng cho lũ trẻ đến mua cà rem, mà người bạn anh tâm sự tiếng chuông như reo vui cho những đứa trẻ trong làng và cũng reo vui cho chính hấn. *Tiếng chuông ấy như tạo thêm sự kích thích chất nước bọt ứa ra từ miệng của những đứa trẻ. Như tiếng nhạc reo vui cho chính hấn đạp xe trên đường dài. Chát lạnh của kem và chát ngọt của đường làm mát những đôi mắt mở to, và đôi môi hồng thêm lên một chút. Anh thấy, cuộc sống của lũ trẻ có thêm chút vui hơn khi nghe tiếng chuông reo lên từ đầu làng.*

Hấn bảo với anh, tao đạp xe bán cà rem thế mà thích lắm. Hôm nay tao đến làng này, ngày mai tao qua làng khác.

Chứ đi một làng chắc gì bán được. Khi đạp xe, nhìn trời nhìn mây nhìn những đàn chim bay qua trên đầu tao, nhìn những đám mây trắng như bông tao tưởng tượng ra những hình thù ngộ nghĩnh, nào con chó con gà, cùng với những hình thù của những con người quái đản cái miệng mở to ra đớp thức ăn như miệng con cá mập đớp mồi, rồi tao cười vang trên đường đi. Tao hát nghêu ngao một mình. Tự Do ghê gớm. Không gian rộng thoải mái cho đôi chân của tao. Hấn cười rất vui khi nghĩ đến hai chữ tự do ghê gớm ấy. Nhưng, anh hỏi, trời mưa mây bán không được thì sao, vợ con mấy đó. Hấn lại cười. Vẫn nụ cười thoải mái như ngày nào hai đứa ở bên nhau. Trời sanh voi sanh cỏ. Cái khổ, cái đói tội mình đã gánh chịu nhiều rồi. Ngày ăn gạo sậy lá giang, uống nước suối. Ngày lang thang trong thành phố với những người bạn mới quen, hấn vẫn cười. Nụ cười của hấn như giải tỏa được tất cả: *bán không được tao ăn với những đứa trẻ. Mây chưa thấy, thích lắm, những con mắt mở to của chúng thật tội nghiệp khi tao cho tội nó ăn thả đàn. Những con mắt mà tao tin là lũ nhà giàu dưới phố không bao giờ nhìn thấy được. Chỉ có tao thấy và tao cũng mở to đôi mắt của tao để cùng vui với những đứa trẻ ấy. Tội nghiệp lắm.* Anh biết hấn nói thật. Cái lòng mở ra của hấn lúc nào cũng thế. Thật với bạn bè. Và, thật với những đứa trẻ con nghèo xơ nghèo xác.

Một lát, có đứa mạnh dạn hỏi anh:

- Bác mua hết những vỏ đạn này bao nhiêu tiền. Có đủ cho tội cháu ăn cà rem không?

Anh cười trấn an:

- Đủ, nhưng tội mày phải hứa là không lên trên ngọn đồi ấy nữa. Có hứa thì tao mới mua đủ cho tội mày ăn mỗi đứa hai cây. Hứa đi.

Những đứa trẻ trở mắt hỏi lại: hai cây cà rem. Anh ừ. Nhìn thấy những con mắt vui rộ lên như người bạn bán cà rem anh đã nói. Nhưng rồi, mấy đứa nhỏ hỏi lại:

- Sao tội cháu không được lên đó nữa, hả bác?

Anh nhìn đồng than trong lò còn âm ỉ, chỉ chờ hai ống thổi lửa thổi lên là phục cháy; như những trái lựu đạn hay trái

mìn nào đó nằm dưới lớp đất mấy mươi năm nay, chỉ chờ ai đục tới là phát nổ. Anh nhớ lại tháng trước cái chết của thầy giáo Nhẫn cuối xóm. Anh không trả lời mấy đứa trẻ nhưng anh hỏi:

- Tụi mày còn nhớ cái chết của thầy giáo của tụi mày không?

- Thầy Nhẫn!

- Ừ.

- Thầy chết vì bị mìn phải không bác?

- Không. Vì lựu đạn.

-Tụi cháu không hiểu lựu đạn.

Anh cầm vỏ đạn lên đưa cho lũ trẻ xem và chỉ cho chúng nó thấy hạt nổ phía dưới đít của vỏ đạn. Đây, nó nổ chết người đấy. Lựu đạn tròn và lớn hơn, to bằng nắm tay cái hạt nổ này nhiều lắm. Tóm lại là thứ nào cũng rất nguy hiểm.

Mấy đứa trẻ ngồi trước mặt anh nét mặt sợ rõ rệt. Anh bảo: hứa với tao đừng lên trên đồi đấy nữa chứ? Tụi nhỏ nói: hứa, nhưng cháu thích ăn cà rem. Ừ, tao sẽ cho ăn.

Cái chết của thầy giáo Nhẫn để lại cho cả làng nỗi thương tâm vô bờ bến. Chiến tranh đã đi qua bao nhiêu năm, hơn hai mươi năm rồi mà những vật gây chết người đó vẫn còn hiện hữu đâu đây. Từ bụi chuối, hàng cau. Từ con mương dẫn nước. Nơi nào cũng có thể có những thứ nguy hiểm ấy, và cũng có thể nổ bất cứ lúc nào. Buổi sáng, thầy ra vườn đào thêm vài ba cái lỗ để trồng thêm những cây chuối con mà thầy đã tách ra từ cây chuối mẹ. Loại chuối già hương này vừa thơm vừa ngon. Nào ngờ đào tới lỗ chuối thứ ba thì một tiếng nổ vang lên, thầy ngã xuống, ngực thầy đầy những miếng đạn. Người nhà nghe tiếng nổ chạy ra, thầy đã chết bên miệng lỗ chuối mới đào. Chiến tranh đã qua đi hơn hai mươi năm mà bom mìn, lựu đạn vẫn còn. Làm sao lấy hết những thứ quỷ quái ấy ra khỏi những mảnh đất trên quê hương một thời đã nhận biết bao nhiêu đau khổ cùng cái đau của người dân quê. Thầy mất, thế mà lũ trẻ vẫn đi lùng lục những nơi mà ngày xưa là một chiến trường. Sự nguy hiểm như lúc nào cũng chờ chờ. Anh cấm tụi nhỏ, anh nói: tụi mày muốn ăn cà rem,

tôi đây tao mua cho ăn. Đừng bao giờ tới những chỗ ấy nữa. Chết uống mạnh.

Đang ngồi với những đứa trẻ trong làng. Những vỏ đạn mà chúng tìm được trên ngọn đồi không đủ để cho anh thực hiện một ý nghĩ là tạo dáng cho một công trình nghệ thuật đúc bằng đồng. Anh cho tất cả vào cái bao vải nhỏ, để dành. Trời như càng đổ lửa xuống cái làng quê nhỏ bé của anh. Nắng chói chang bên ngoài. Chỉ có chút bóng mát dưới bóng tre, thì lũ trẻ nghe tiếng chuông len keng từ bên ngoài đường. Lũ trẻ reo vui: tiếng chuông cà rem bác ơi. Anh đứng dậy, đi ra khỏi cái lò rèn, nhìn về con hương lộ. Người bạn thấy anh, giơ tay vẫy chào. Anh ngoắt tay cho người bạn vào. Và lũ trẻ la lên: cà rem! cà rem! Chúng vui một cách lạ lùng. Người bạn anh dựng xe, cười. Lại, cũng vẫn nụ cười ấy, vui trên những giọt mồ hôi mà hắn đập xe. Hắn nói:

- Ông cũng ăn cà rem à?

- Mày tưởng tao là gì mà không biết ăn cà rem của mày. Hôm nay tao mua cho lũ trẻ cùng ăn.

- Mua hết nhé, tao khỏi qua làng khác. Hắn vừa nói vừa cười.

Anh nói với lũ trẻ: mỗi đứa ăn hai cây. Có đứa nói: ít quá bác ơi, ba cây đi. Anh bảo: còn lần sau nữa. Người bạn anh hỏi:

- Có gì mà vui thế. Cho tao góp vui với.

Anh kể, và đem ra cho người bạn thấy những vỏ đạn mà lũ trẻ kiếm được trên ngọn đồi có cái lô cất và những vòng kềm gai gì kia. Người bạn nhìn những vỏ đạn, cũng như anh, lật đật những vỏ đạn xem rồi nói: tội bây đừng đi lượm vỏ đạn nữa, nguy hiểm lắm, chết bỏ mạng đó mấy con. Nếu thích ăn cà rem, tao cho. Nhưng phải chờ tới ba ngày sau, tao mới quay trở lại cái làng này. Có đứa hỏi:

- Sao lâu vậy bác?

- Tao phải qua những làng khác để bán chứ?

- Bác cho tội cháu ăn mà có lấy tiền không?

- Có chứ, nhưng rẽ hơn. Lấy vốn.

- Tội cháu đâu có tiền.

Có thằng nói: như vậy tụi cháu phải đi kiếm vỏ đạn để bán cho bác này rồi. Lũ trẻ chỉ anh. Anh kí đầu một đứa. Không đi nữa, để tao mua cho ăn.

Cà rem, cái món ăn hấp dẫn của bọn trẻ con. Có lẽ không chỉ cho đám trẻ con thành phố, mà còn hấp dẫn cho những lũ trẻ con thôn quê nữa. Anh nhìn người bạn ngày nào và nói: tội cho lũ trẻ ở đây. Cái tiếng kêu leng keng của cái chuông đồng của ông đã kích thích hạch nước miếng thềm ăn của bọn chúng rồi. Có điều, tôi với ông làm sao để cho tụi trẻ trong làng tôi đừng đi nhặt ba cái thứ giết người mà chiến tranh để lại. Chết tội lắm như thầy giáo Nhẫn trong làng tôi. Người bạn trầm ngâm. Ừ nhỉ, có lẽ tiếng kêu leng keng của chiếc chuông đồng của tôi, giúp ông làm được việc này. Không vô ích đâu.

Amarillo, 7-9-2009

NGUYỄN LÂM ANH

Cổ tích lá

Cách viết chữ của lá vàng trên giấy đất
Đàn kiến đi ngang phải đọc bằng chân
Màu chữ rách vào tận cùng khô khốc
Hình hài đêm đánh giở sách mờ trắng

Gió và mặt trời

Gió buộc đàn muỗi vào cái thùng mai sớm
Mặt trời xê ghề giám đốc qua bên
Rồi đứng dậy họp bàn vào gốc ngọn
Để rừng về truyền lệnh lại để giun

ĐẶNG KIM CÔN

Thế Kỷ Nào

Chiếc xe khách Daklak - Đà Nẵng bắt chọt chết máy trườn vào lề, hơn bốn mươi hành khách uể oải bước xuống ngơ ngác làm quen với cảnh quan chung quanh. Bác tài và phụ xe sau khi xem xét máy móc báo với mọi người, thôi bà con tìm chỗ ngủ nghỉ qua đêm đi, khi nào chạy được thì chúng tôi gọi. Tôi bế con đang ngủ bước sang bên kia đường hỏi một bác gái đang ngồi trước cửa nhà :

-Bác ạ, xe bị hỏng máy, cháu có con nhỏ bác làm ơn cho cháu nghỉ nhờ đêm nay.

Bác đơn dãi chào và dẫn tôi vào nhà, chỉ một chiếc giường trống :

-Cô cho cháu nằm tạm đây đi. Người đầy bụi thế kia, tắm rửa rồi coi ăn uống chút gì. Xe Ban Mê hờ cô ?

Tôi dạ, cảm thấy yên lòng trước sự nhiệt thành này. Tôi tắm rửa, thay quần áo, Bác dọn cơm lên :

-Nhà ăn rồi, còn gì dùng nấy lót dạ, nhà quê khó khăn. Lát nhớ đỡ con bé dậy cho nó ăn gì chút rồi ngủ.

-Dạ.

Một người thanh niên, dắt tay một bé gái từ ngoài bước vào, chào tôi, Bác gái giới thiệu tôi với anh ta :

-Xe nằm đường, mấy người khách nghỉ nhờ. Sớm giờ con đi đâu ?

Tôi chào anh ta :

-Em là Uyên.

-Tôi là Duy.

Và tỉnh bơ như chủ nhà, tôi mời anh ta ăn cơm. Bác cũng nói thêm với anh " chưa ăn gì thì sẵn ăn luôn đi" và Bác lấy thêm thức ăn. Thấy bé gái tròn mắt nhìn người lạ, anh bảo bé :

-Chào cô đi con.

Con bé bước đến bên tôi vòng tay, bẽn lẽn cúi đầu :

-Cô ạ.

Tôi ôm bé, kéo sát vào người vuốt tóc bé :

-Con tên gì ?

-Dạ, cháu tên Duy Thục

-Mấy tuổi ?

-Dạ bốn tuổi.

Tôi nhìn anh :

-Cháu cùng tuổi với con gái em. Mẹo anh hả ?

Anh ngồi vào bàn ăn. Duy Thục ngồi bên tôi và bắt đầu có vẻ muốn nũng nịu. Chúng tôi vừa ăn vừa nói chuyện, biết cũng là "phe ta" với nhau, anh là sĩ quan mới ra trại được mấy tháng, vợ anh chết bệnh từ ba năm trước để lại cho Bà nội trông hai cháu thơ, anh trai của Duy Thục bảy tuổi đang học nhóm bên nhà bạn. Tôi cũng "thật thà khai báo trích ngang" của mình, gia đình bắc di cư, mười tám tuổi lấy chồng quan, một đại úy trưởng đồn quân cảnh tư pháp ở Ban Mê Thuột, đang còn nghỉ phép trắng mặt ở phía chồng thì Đà Nẵng di tản, anh ấy bị bắt và chết trong "trại cải tạo" năm 75, trước khi đưa con gái của anh ra đời. Không về lại Ban Mê được, đắp đổi qua ngày với một gánh chè, nuôi con, nuôi Bố Mẹ chồng già.

-Sao không trở về Ban Mê sống ?

-Thứ nhất là gia đình ở Ban Mê đi kinh tế mới, cũng thờ chẳng ra hơi. Chỉ có thể thỉnh thoảng về thăm kiểm chút ít ngô đậu trái cây thôi. Thứ hai là lúc đầu lấy hộ khẩu Quảng Nam Đà Nẵng để gần gũi thăm nuôi anh ấy, sau kẹt, họ không cho chuyển khẩu. Thứ ba nếu bỏ ông bà già chồng già yếu thì tàn nhẫn quá.

-Ông Bà không con cái gì sao ?

-Dạ có nhưng mà cũng chỉ lo đủ thân mình. Con cái của họ 7, 8 tuổi đã đi moi móc nhôm nhựa kiếm sống rồi. Tất nhiên nếu bắt họ lo thì họ cũng phải lo.

Bữa ăn không đủ dài cho những câu chuyện trên trời dưới đất. Bác gái đã đi ngủ sau khi dọn lát nữa cu Tèo anh trai Duy Thục về nói nó lên gác ngủ giường chú, hình như chú nó cũng đang đi chơi đâu đó, và dặn anh trai chiếu ngủ trước cửa phòng, tức là dọn cái bàn ăn này đi. Tôi dọn bàn và rửa bát đĩa xong, tắm Duy Thục rồi đưa cháu vào

nằm bên cạnh con gái tôi, nói chuyện con cò con cóc cho cháu ngủ. Đúng ra sau một ngày đường mệt mỏi tôi phải lặn kênh ra "bất tỉnh như sù", nhưng sao tôi lại không thấy buồn ngủ. Chiếc giường lạ, một chút hơi hướm lạ, ánh mắt xa xôi buồn buồn của anh, những ngày tháng bơ vơ lạc lõng của chúng ta. Tôi thấy buồn, chợt thấy căn phòng, chiếc giường như quyến luyến, thân thuộc và cả với anh, ngay giờ phút này tôi thấy như đã có một sợi dây vô hình buộc những mảnh vụn đời lại với nhau. Tôi mở cửa ra ngoài, bên ngọn đèn dầu anh đang nằm đọc sách. Tôi bỗng trở nên dạn dĩ :

-Làm bộ đọc sách hả ?

-Sao biết hay vậy ?

-Em cũng muốn có cuốn sách. Tèo về chưa anh ?

Tôi ngồi xuống chiếu và anh cũng trở dậy :

-Về rồi. Ngủ trên gác. Sao không ngủ đi ?

-Em sợ anh đọc sách tới sáng. Em giành mất giường anh, phải không ?

-Ngán lắm một thừa mà, không dễ gì có cơ hội để nhường.

-Mồm miệng kinh quá. Không ấy anh vào ngủ với con đi, em nằm đây.

-Đọc sách hả ? Em còn phải 400 cây số đường nữa đấy.

-Thì lên xe ngủ. Ngủ trên xe chóng đến nơi hơn. Anh mới cần ngủ, không lẽ mai nằm trên đám ruộng nước ngủ được. Vào ngủ đi.

-Có thật là em muốn anh vào ngủ ?

Tôi lúng túng :

-Ồ , dạ, thì là ...vậy thôi em ngồi đây.

-Nhường tới nhường lui rồi không ai nằm giường hết. Chiếc chiếu này lãnh đủ .

-Sao gọi là lãnh đủ ? Nó đau khổ hả ? Em tưởng nó vui. Thôi em đi ngủ đây.

Anh lính quỳnh :

-Ồ anh nói vui mà, tưởng mình văn vẻ, hoa lá cành một chút hóa ra trật đường rầy rồi. Có cho xin lỗi không ?

-Đẹp.

-Cho anh xin địa chỉ viết thư đi.

-Không được đâu anh, nhà quê nhiều chuyện lắm, vả lại có khi thư gia đình viết cho em chưa đến tay em thì người ta đã mở ra đọc toáng lên cả rồi, em chịu không nổi tiếng đồn tiếng quyền của mấy tám nhà quê, với những ánh mắt dè bieu, những lời nói châm chọc của mấy cha nội mắt nết đã không tiếc lời trêu ghẹo em bao năm qua, chịu khó đi.

-Nghĩa là sao ?

-Nghĩa là khi nào em đi Ban Mê nữa thì em lại ghé giành chiếc giường của anh.

-Anh muốn khác. Nhường nhau thăm quá.

Và anh đùa:

-Nếu không cần phải nhường nhau nữa có tốt hơn không ? Ừ, mà cứ ngồi đây lát nữa mấy nhỏ khóc không biết con ai, hai mình ủa vào đụng nhau tùm lum, nguy hiểm.

Mười tám tuổi đã bị làm bà lớn, mười chín tuổi trở thành góa phụ ở một vùng quê mà đa số đàn ông nói năn vừa cộc cằn vừa tục tĩu, phần lớn thời gian chìm nổi trong nỗi chề, đôi vai chai lì như đôi bàn chân bôn ba đầu làng cuối xóm, cái nhẹ nhàng, ân cần ở anh mà tôi chưa từng gặp, cái êm đềm quyền rũ của bóng đêm, tôi bỗng nhẹ dạ quên mất mình là ai, chỉ nóng bỏng một khao khát vô duyên được nằm trong tay anh mà khóc, khóc cho hết những nhục nhằn, những cam chịu, những gồng gánh quá sớm trong cuộc đời. Nhưng không khóc được, nước mắt chỉ chực lừng lững muốn trào ra, để môi vẫn gượng nhếch lên cười, nói lì :

-Nguy hiểm thì ở đâu không nguy hiểm được.

Anh rón rén cầm lấy bàn tay tôi, như không chờ anh kéo, tôi đã muốn dựa hẳn vào người anh. Tôi muốn nằm xuống. Tôi muốn môi anh gắn lên môi tôi, nuốt cho hết những ngọt mặn mà tôi đã giành giụa, nhưng chỉ là muốn, làm sao anh biết tôi đang nghĩ gì, không biết có phải là cũng may hay không. Có tiếng bác gái từ phòng nhà trên gọi tôi, như gọi tên con gái, có lẽ biết ý anh con trai đa tình, và muốn nhắc nhở Má còn thức đây :

-Uyên sao không ngủ đi con ? Thức rồi ngủ quên xe nó bỏ bây giờ.

Tôi giật mình, "ạ" và riu riu đứng dậy, bàn tay vẫn còn rất ngoan trong bàn tay nóng bỏng của anh.

Khuya, tôi dậy, bế con ra phía sau cho nó đi vệ sinh thì gặp bác gái đang cho bày lợn ăn, Bác nói con cứ ngủ đi, lát nhà xe gọi bác đánh thức cho. Tôi ạ mà biết là tôi sẽ nằm nhưng sẽ không ngủ được nữa, mà cũng muốn xe nó quên mình đi. Anh đã tắt đèn ngủ say, đến gần sáng tiếng xe nổ máy và tiếng người lao xao gọi nhau bên ngoài, tôi bật dậy bế con chào bác, vờ như gọi anh vào giường ngủ, nói nhỏ :

-Em đi anh nhá, nếu mong thì em sẽ về.

Tôi thấy ghen ghen. Rồi sẽ gặp lại phải không anh ?
Nụ hôn trông mong vẫn còn lơ lửng trong giọt nước mắt không cần che đậy của tôi đang lăn vội xuống tay anh.

oOo

Hai năm sau tôi lại về Ban Mê Thuộc, ghé lại thăm anh. Bé Duy Thục đã đi học, vẫn còn nhớ tôi, hai anh em bé lại sống dưới sự nuôi dưỡng chăm sóc của nội, còn anh thì lại bị "tái tập trung" vì biến động ở biên giới phía bắc. Bố anh bị "ta diệt", anh lại là sĩ quan, có ra trại thì cũng chỉ là con cá lờ đờ trong chậu thay vì ngắc ngư trên thớt, có gì thì sẽ là ưu tiên một cho vào bếp. Tôi ở lại nhà anh mấy ngày, muốn đi thăm anh nhưng bác nói giấy phép thăm nuôi xin khó khăn lắm. Mấy đêm tôi nằm nơi chiếc giường của anh, không còn phải nhường nhịn, không còn để cho cuốn sách trở trần, không còn có gì để lý sự, để bóng gió, em lại tủi thân, em không tin chút hy vọng nhỏ nhoi của em cứ mãi như chiếc giường chờ đợi, cứ mãi tìm một bên gối xa xôi, cứ mãi là những giòng nước mắt lạc điệu trong đêm vắng. Duy Thục ngủ say, thỉnh thoảng tôi khẽ hôn bé như muốn tìm một chút anh còn sót lại.

Anh thì không sao biết được ngày về, mà về thì cũng chỉ là thay đổi cái hàng rào kẽm gai của cái trại tập trung bằng "lệnh quân chế" của nhà tù mệnh mông ngoài đời, như sợi thông lọng tròng vào cổ người. Tôi muốn được nghe anh nói chuyện, muốn nghe anh khen tôi đẹp, nghe

một lời anh yêu em, một câu trách yêu đầy lo lắng, em gầy quá, không chịu giữ gìn sức khỏe cho anh...Tôi thì chỉ thấy còn là một người đàn bà trẻ trung, đồng dạng còn là con người với anh, ngoài ra với chung quanh chỉ là một cái xác đờn đau, cỗi cằn, nghèo nàn biết đi đứng. Còn đi đứng dễ phải gánh nặng cái gánh chèn thêm những năm sau, con đi học phải gánh thêm nhiều khoản ngoài kế hoạch, gánh thêm cái con tai biến mạch máu não của Bố chồng đã gần 80 tuổi, nằm một chỗ mấy năm trời và Mẹ chồng thì bệnh già cứ viếng tới viếng lui. Nhiều người nói ác, nợ nần gì mà phải khổ thế. Cuộc sống mỗi ngày một bó siết tôi với giá cả leo thang thậm chí tôi không còn được cái cơ hội nào về Ban Mê thăm Bố Mẹ. Tôi có còn cơ hội gặp lại anh không ? Chỉ một thoáng ước mơ thôi đã thấy mong manh. Yêu và lấy nhau như một bài toán 1 cộng 1 dễ ợt vậy mà...hạnh phúc không bắt phải mua bằng tiền cũng phải được đồng tiền cho phép. Còn anh, trong đây đọa nhục nhằn kia, tình yêu nếu có, và nếu anh biết được cũng chỉ là một xa xỉ phẩm, một giấc mơ tột nguyên tội nghiệp. Chuyến xe năm đường hôm ấy chỉ là một định mệnh oái oăm. Nếu anh quên em thì cũng không phải là một điều để trách. Nhưng mà, cho em không quên anh. Có thể người khác không tin ở tiếng sét nhưng mà không có một lý giải nào khác hơn cho nỗi khắc khoải của em, họa chăng như con chim sớm ở trong lồng chợt được trở lại rừng thấy thiên đường xanh ngát giữa những lá cành héo úa và thấy như mình đã gặp được cái tổ ấm của mình.

[]

Tôi đang sống ở thế kỷ nào đây ? Những bước chân xiêu vẹo như những chuyến xe đi hoài không tới bến. Cái thế kỷ nào mà mấy trăm cây số thôi còn khó hơn cả lên mặt trăng, mà một cái thư cũng không dám viết. Hai năm, năm năm, mười mấy năm, mọi thứ chung quanh tôi vẫn vậy, vẫn gánh chèn kéo kẹt đi về, vẫn đôi chân không dám mỏi, yên phận ngược xuôi.

Khác chút, kẻ có quyền giàu cứ giàu hơn và người

nghèo như cứ phải nghèo hơn. Khác chút là khi bố mẹ chồng tôi mất, để lại tôi cái tuổi ba mươi dăm thăm, ngọt ngào đầy thắm thía, xót xa trong cái thế giới không anh mà tôi nghĩ lúc nào anh cũng đang đợi tôi đâu đấy.

Nhưng mà, một lần ghé thăm anh, trước khi mẹ con tôi chuẩn bị đi Mỹ theo tiêu chuẩn chồng chết trong trại, thì không ai biết gia đình anh ở đâu, – dĩ nhiên rồi, ngôi nhà anh lớn thế, đẹp thế, ở cái mặt tiền thuận lợi thế, thì tránh thế nào được chuyện phải xảy ra - hàng xóm nói, gia đình anh kinh tế mới đã lâu lắm rồi. Và giống như là không muốn nhìn lại cái ốc đảo thân yêu giữa mệnh mông sa mạc máu lệ hận thù, nên không thấy ai trong gia đình anh quay về thăm chốn cũ. Khổ nỗi anh nào biết em ở đâu, phải không ? Và chắc gì anh biết em vẫn nhớ mong anh, vẫn mong ước một ngày...

Anh cũng hơn ba năm ở trại, anh có được đi không ?

Đặng Kim Côn
1994

LÊ NAM PHƯƠNG

Bóng tối của quá khứ

1/

Đường phố chìm trong màn đêm lạnh lẽo. Tiếng gió hú trên ngọn các cây long não nghe như tiếng khóc của một người đàn bà. Những cành cây chia xuống ngang đầu lung lay như những cánh tay dài ngoằng và lông lá, chập chờn như muốn bầu vào một người đang đi về hướng nhà thờ. Chiếc cầu ngắn vắt ngang qua dòng sông nhỏ nặng nề không muốn chảy, không nổi được lời bình an của Chúa qua đôi bờ.

Đêm tối đen đặc.

“Mình phải qua được cầu, người đàn ông nghĩ, phải can đảm lên,”

Nhưng ông chợt nghe âm vang trầm buồn của tiếng nói từ một gốc cây long não bên đường:

“Mày sẽ không vượt nổi chiếc cầu này để qua bên kia đâu, hỡi con chiên lạc lõng cuối cùng của Chúa”.

Ông thấy lạnh buốt trong đầu và máu trong tim đông cứng lại.

“Ông là ai? Ông vừa nói gì?”

Không ai cả. Chẳng ai trả lời ông. Đây là ảo giác trong cơn mộng du dai dẳng hay là cõi địa ngục của một trần gian không có thực?

Tiếng nói lại buồn buồn vọng tới:

“Sẽ không bao giờ, mày biết không, sẽ không bao giờ mày vượt qua khỏi chiếc cầu này, ôi tội nghiệp mày, đưa con lạc lõng của đức tin.”

Người đàn ông nhìn quanh, nhưng bóng tối đậm và lạnh khiến ông không nhìn thấy gì. Ông biết chỉ bước vài mươi bước nữa là đến cầu nhưng sao ông thấy mình đi mãi mà con đường cứ dài ra như thể ảo giác trên sa mạc. Kề bên

đầu cầu, về mé trái là một lô cốt bê tông hình như có từ thời Pháp còn chiếm đóng trước 1954, dọc theo sông, cũng về mé trái, đối diện với bờ bên kia, là nơi ở của bà Từ Cung. Vương triều nhà Nguyễn chỉ còn là cái bóng của quá khứ. Im lặng. Lãng quên. Bội ân bội nghĩa. Chẳng còn ai nhớ. Và nhớ hay quên cũng thế thôi. Chẳng để làm gì. Lịch sử liên tục đổ xuống đất đá gạch vụn của hận thù, che chắn quá khứ, cản lối tương lai, chỉ còn cái hiện tại què quặt dúi mù.

“Mày nghĩ gì? Này thằng người lạc lối kia! Mày tưởng mày đang trên đường đến đồi Golgota? Để làm gì? Jésus cũng không làm được gì. Hiện tại này! Hiện tại này đây!”

Ông bắt lực, ngồi xuống bên vệ đường ẩm ướt. Bên kia sông, ngôi nhà thờ như một khối mù sương đen thẫm.

“Người là ai?”

“Ta là bóng tối. Bóng tối của quá khứ. Quá khứ của những điều tồi tệ và hung bạo. Ta là bóng tối. Bóng tối của máu. Máu của ảo tưởng về tự do và nô lệ. Ta là bóng tối. Bóng tối của tình yêu và thù hận. Tình yêu bị đánh cắp và thù hận được vinh danh”.

2/ Thôi rồi, người đàn ông nghĩ và nhớ, chỗ này đây, ngay chỗ lô cốt cạnh đầu cầu Hải bị bắn vỡ sọ mắt trợn trừng nhìn cây thánh giá trên đỉnh nhà thờ, cả tiểu đội không còn ai.

Ông không hiểu nhờ đâu mình còn sống, lạnh lặn, không trầy trụa, nằm trên vũng máu cạnh những xác người.

Tại sao ông lại lần mò về đây trong bóng tối lạnh lẽo này?

“Mày đi tìm tiếng nói của bóng tối. Bóng tối của quá khứ. Quá khứ của những nguy hiểm, nguy hiểm. Quá khứ của sự man rợ cuồng tín và nguy tín.”

Tiếng nói yêu ma vọng từ cõi âm ty nào cứ vo vo trong đầu ông, hay là có ai đó,

ở quanh đây, hay là ông, một ông khác ở trong ông. Ông đưa tay dụi mắt, căng con ngươi ra nhìn vào bóng tối. Chẳng thấy gì. Ông nhặt một cục đá, ném về phía trước, chỉ nghe một tiếng “cạch” khô khốc vọng lại.

“Tôi không đi tìm bóng tối của quá khứ, tôi đi tìm tôi

trong quá khứ, nhưng quá khứ dày đặc bóng tối.”

“Và trong bóng tối dày đặc của quá khứ đó, có mây, có Nguyệt và cái sợ vỡ của Hải.”

Nguyệt là nỗi ám ảnh đau thương của tình yêu và Hải là nỗi ám ảnh kinh hoàng của thù hận.

“Tôi phải đi, tôi phải vượt qua cây cầu này.”

Dòng sông đục ngầu ở dưới và bầu trời xám xịt trên kia. Trần gian, địa ngục, thiên đàng có gì khác nhau không? Trời ơi làm sao vượt qua khỏi bóng tối của quá khứ!

Có những khoảng cách không thể đo bằng năm tháng, không thể tính bằng khái niệm thời gian mà nó được cảm nhận bằng nỗi hoài nhớ ray rức khôn nguôi. Hôm qua! Có thể không là hôm qua. Có thể không là những năm những tháng đã qua. Có thể không phải là trăm năm đã qua. Nó là cái gì ở trong hồn ta chấp chờn tan hợp như bóng mây. Nó là cái gì ở trong máu ta chảy buốt qua từng mạch li ti xuôi ngược không cùng. Nó là cuộc đuổi bắt vô vọng và triền miên. Nhưng cái kết cuộc là ở đâu khi ông ngồi ở đây, bên vệ đường, dưới gốc những cây long não, đêm tối âm u và lạnh lẽo.

Và phía trước là chiếc cầu nhỏ, bắc qua một dòng sông nhỏ đục ngầu, chỉ cần vài mươi bước là qua khỏi chiếc cầu đi về hướng nhà thờ. Thế mà ông đi mãi với con đường hình như dài ra vô tận, vo vo tiếng nói của bóng tối, bóng tối của quá khứ đặc quánh như vũng máu khô đọng lại trong lỗ cốt với cái sợ của Hải vỡ ra mà đôi mắt vẫn trừng trừng nhìn về cây thánh giá trên tháp nhà thờ. Và trong lớp bóng tối đó có đôi mắt của Nguyệt nhìn ông. Đôi mắt sâu nâu về một tình yêu bi thương trong những mạch đời bất trắc và oan nghiệt. Cuộc kiếm tìm như một rượt đuổi về phía hư vô.

Sài Gòn cuối những năm sáu mươi.

Núi đồi Bảo Lộc.

Sân ga quanh vắng bên kia bờ hồ và phi trường Liên

Khương mù sương.

Ngày trở lại Cần Thơ và nỗi tuyệt vọng chán chường.

Phải không hồi Nguyệt!

Phải không hồi Hải!

Phải không hồi bóng tối của quá khứ!

3/ “ Lại đây nữa rồi, kẻ chối bỏ thiên đường, kẻ khinh mạn trước địa ngục, kẻ cô độc cõi trần gian. Lại đây, phải không? Tìm gì ở quá khứ? Ở trong bóng tối của quá khứ”
Sống là một cuộc kiếm tìm thiên thu.

“Đừng ruồng bỏ tôi, đừng ruồng bỏ tôi”

Ông lại nói với cái bóng tối của đêm đen.

Không đứng dậy nổi,. Ông bò lê như con thú bị thương về hướng cầu. Đêm đầy hăm dọa rình chờ. Ánh sáng một trái hoả châu leo lắt trên bầu trời đen như một vì sao hấp hối. Có tiếng nổ lạc loài đâu phía đồi Thiên An, ông không phân biệt được tiếng súng hay tiếng nổ gì, vì âm vang của nó lạnh lùng và nổi bật giá chảy trong đầu ông. Chỉ một tiếng nổ và cái sọ của Hải vỡ ra. Sau đó là những lưỡi lê sáng lạnh ghim thật ngọt vào từng trái tim. Máu từng vòi bắn vòng cung qua người ông. Cả tiểu đội không còn ai. Ông nằm trên vũng máu và nghĩ mình đã chết. Đôi mắt Hải trợn trừng. Ông nhớ tới Nguyệt và một nỗi êm đềm chưa xót dim ông vào cơn hôn mê sợ hãi và lạnh căm. Rồi ông thấy mình ngồi trên ghế đá ở bến Ninh Kiều còn Nguyệt thì đang xé vụn một mẫu giấy thả xuống dòng sông . Tình yêu đôi khi chỉ là khoảng khắc ngưng chảy của một dòng sông, nhưng rồi tích tắc, dòng nước lại trôi xuôi cuốn theo bao nhiêu khát vọng dồn ứ suốt tuổi thanh xuân.

“ Mày lại nhớ đến cái quá khứ của một khoảnh khắc, hồi con người yếu đuối bé nhỏ tội nghiệp Hay là không có gì cho mày hôm nay và ngày mai?”

Ánh sáng hoả châu hấp hối loé lên rồi vụt tắt. Trong cái chớp mắt loé lên đó, ông thấy một vật thể đen ngòm cũng bò lê dè dặt về hướng cầu. Ý thức mòn mỏi của một người lính trong ông gượng dậy. Ông lặng im dừng lại, nín thở,

căng mắt nhìn vào bóng tối, lắng nghe. Đằng kia trườn đi không một tiếng động. Chỉ có tiếng gió hú trên đầu các cây long não và tiếng dế chìm khuất dưới sương lạnh.

“Không có gì cho tôi hôm nay và ngày mai chăng? Tôi chỉ còn khoảnh khắc của quá khứ nhỏ nhoi và đầy bóng tối sao?”

Ông nhớ Hải hãy còn quá trẻ, hình như chưa có ý niệm gì về chiến tranh, không một chút ý nghĩ về một kẻ thù, chưa bao giờ nhận cụ thể mình phải bắn vào ai, vào một sinh vật nào. Anh cảm súng như một món đồ chơi và khi ngồi gác bên lô cốt, Hải cũng nghĩ mình đang tham dự một trò chơi của thời niên thiếu. Và kẻ nào đó bắn vỡ sọ anh có bao giờ đón đau vì mình đã huỷ diệt mạng sống một con người vô tội?

Ông cũng nhớ về Nguyệt, nàng quá trẻ như một mảnh trăng non trôi theo đời ông chênh vênh lẻ loi bên trời. Ông đến và đi không hẹn không hò và nàng thì lặng lẽ cam đành. Ngày xa nhau dài ra vô tận. Đường xa nhau đầy ứ tai ương. Viên đạn sau cùng ông dành cho mình vẫn còn nguyên. Không có ngày về. Chắc chắn không có ngày về. Nhưng không phải vì thế mà có thể kê súng vào đầu bất cứ lúc nào, bởi vì, ông không thể rũ bỏ cái quá khứ đáng rũ bỏ, không thể lãng quên cái quá khứ đáng lãng quên. Ông phải tận mắt nhìn thấy lại rõ ràng kẻ bắn vỡ sọ Hải. Để làm gì? Cũng chẳng để làm gì. Ông không phải là kẻ trả thù xương máu. Chỉ nhìn cho rõ, thế thôi, để không còn ảo tưởng về cái quá khứ được thần thánh hoá. Ông muốn tìm trong bóng tối quá khứ đó, có ông, như một nhân chứng cho lương tri con người.

“Này con người bé nhỏ tội nghiệp kia, mày không qua nổi chiếc cầu, phải không? Chúa ở bên kia. Không có một cánh tay nào của Chúa giơ ra để dẫn mày qua khỏi chiếc cầu.”

4/ Cái bóng đen đằng kia vẫn đang di động thận trọng, im lặng, rất nhẹ, như chẳng hề di chuyển chút nào.

Ánh hoả châu lại loé lên trên bầu trời đêm. Bóng đen như một khối đá bất động.

Ông cũng nằm lặng yên, áp người sát mặt đường. Nghe

ngóng. Hồi hộp. Chờ đợi. Ông nghĩ, nó đây, nó là một vết bầm trong bóng đêm của quá khứ. Nó bò về đây làm gì trong cái đêm vắng lạnh của thành phố rêu phong hàng thế kỷ hứng chịu bao vùi dập của lịch sử. Nó về đây để tìm lại quá khứ đồ nát mà nó đã có lần ra tay đập phá, hay nó về đây để tìm lại cảm giác lạnh buốt từ chiếc lưỡi lê trong tay nó đâm suốt trái tim của đồng loại và ngậy ngát nhìn vòi máu đỏ bắn vòng cung qua những thân người. Nó về đây để xác định lần nữa nó đã nhúng tay vào tấn bi kịch của lịch sử để khẳng định bạo lực sẽ thống trị được con người.

Hồi ơi, những tên nguy anh hùng, nguy vĩ nhân, đui mù trong nguy tín. Nó mò về đây để tiếp tục tạo ra một thứ bóng tối của quá khứ.

“Mày đang nghĩ gì hồi con người bé nhỏ tội nghiệp kia. Đừng mang lòng thù hận. Có thể chiếc cầu là điểm nối đôi bờ, nhưng có thể lời bình an của Chúa không thể nối được đôi bờ, nhưng không vì thế mà chúng ta huỷ diệt nhau. Hãy để cho chiếc cầu là chiếc cầu, một ngày kia tình yêu sẽ đi qua trên cầu này, một ngày kia thù hận sẽ trôi dưới cầu này.”

Ông phải làm gì bây giờ. Từng milimet một ông vẫn trườn tới, và đằng kia, chắc cái bóng đen đó cũng đang trườn tới. Nó có thấy ông không, ông không biết, nhưng chắc chắn ông có thấy nó.. Ý thức mỗi mét của một người lính mach bảo ông thế. Ông và nó là hai cái bóng tối của bóng tối quá khứ, nhưng ông biết ông không phải là nó, nó không phải là ông.

Viên đạn sau cùng vẫn còn nằm nguyên trong ổ đạn và khối thép lạnh băng của khẩu colt12 vẫn ép sát vào ngực ông như lời nhắc nhở lạnh lùng về một cái chết tất yếu sau cùng của đỉnh mệnh. Nhưng, ông nghĩ, chưa phải bây giờ, càng không biết bao giờ, đôi khi giờ phút đó sẽ đến trong màu nhiệm đón đầu của số phận.

Ông không chờ đợi, cũng không sợ hãi.

Và hình như Nguyệt cũng không chờ đợi ngày về của ông. Có thể nàng cũng còn ở đâu đó trong cõi phiền muộn của mình. Nhưng nàng không chờ đợi. Có những chiếc cầu đã gãy và không bao giờ nối lại đôi bờ, những chiếc

cầu đã gãy vì bom đạn hay vì một chia cắt trong một thứ gọi là ý thức hệ mê muội và che đậy. Không bao giờ nổi lại. Không thể. Giọt máu chia cắt đã thấm sâu vào những cái đầu cuồng ngông đặc sệt thứ bùn nhão của học thuyết trong quá khứ tạo ra một thứ bóng tối u uất nặng nề

Ông không tự đặt cho mình một sứ mạng gì. Ông len lỏi vào cái quá khứ tối đen đó, để nhìn cho rõ kẻ đối diện là ai và ông là ai như là một khát vọng chứng giải nỗi đau thương phi lý phủ chụp lên thân phận con người.

“Này người anh em, giọng nói có vẻ nhẹ nhàng hơn, người anh em đã thấy ra rồi đấy, nhưng không phải chỉ thấy ra rồi chấp nhận hay phản nộ. Thấy ra là để mở một con đường mới, là để đôi bờ nổi lại nhau, là để tình yêu đi qua trên cầu, và hận thù trôi phía dưới như bèo bọt rác rến. Nhưng người anh em có qua được chiếc cầu không? Ta tin rằng mày, giọng nói lại thay đổi nặng nề, mày sẽ không vượt nổi cây cầu, hơi đưa con lạc loài của đức tin”

5/Bóng đen hình như di chuyển nhanh hơn, vẫn thận trọng và im lặng. Hắn là ai? Mục đích hắn là gì khi hắn trở về đây trong đêm tối dày đặc này? Mục tiêu của hắn là đâu? Chiếc cầu? Nhà thờ? Hay biệt thự LT? Hay hắn trở về để tìm kiếm cái đã bị đánh cắp, bị lừa dối? Hắn trở về để nhận ra cái ảo tưởng về sự giải phóng con người bằng bom đạn? Hắn trở về để biết rằng bạo lực không là quyền năng giải quyết được những mâu thuẫn? Hắn trở về để nhìn rõ lại bàn tay vấy máu của mình chỉ là chứng tích của một sự điên rồ ngây ngô của tuổi trẻ? Hắn trở về để vượt qua cây cầu trước nhà thờ, quì dưới bậc đá bên tượng Chúa để sám hối ăn năn, để xin được tha tội, cầu xin cánh cửa thiên đường mở ra cho hắn bước vào?

Có phải hắn trở về trong cái đêm đầy hăm dọa và hiểm nguy này vì những điều như ông nghĩ không? Hay hắn vẫn

còn trong cơn mê muội chưa thoát ra được những vây khốn của học thuyết?

Cái bóng đen vụt đột ngột lao về phía cầu. Nhanh như chớp, bằng một sức mạnh bản năng, từ một mô đá đầu cầu, ông phóng người lên, hai cái bóng đen ngã nhào trên mặt cầu, hấn cố vùng vẫy để thoát ra hai vòng tay cứng như hai gọng kềm đang ôm siết lấy hấn.. Hấn vụt rút tay ra được. Ánh thép phản chiếu ánh sáng leo lắt của những vì sao đêm loáng qua mắt ông. Hấn đâm tới tấp vào ông. Ông vùng tay ra đỡ, một nhát dao đâm lút vào cánh tay trái của ông, cảm giác đau buốt như một dòng điện cực mạnh xuyên suốt qua người. Hấn vùng đập ông thật mạnh, tay nắm chặt cán dao, theo đà lao tới của hấn, lưỡi dao được rút phụt ra. Hấn lao đảo đứng lên định chạy ra giữa cầu, nhưng ông đã lại vùng dậy quật ngã hấn xuống. Một vật gì đó trong người hấn văng ra. Cảm giác bén nhọn của một người lính từng trải, ông biết vật đó là gì. Ông buông hấn ra, chụp lấy khối thuốc nổ, dùng hết sức lực còn lại, chạy bay ra giữa cầu, vận dụng tối đa kỹ năng của một người ném tạ, ông dùng tay phải ném tung khối thuốc nổ về phía hạ lưu dòng sông, càng xa càng tốt. Cùng lúc đó, với sự hung dữ của một con thú, với dao găm trên tay, hấn lao vào người ông.. Nhưng tác động phản hồi của lực ném khối thuốc nổ đã khiến ông ngã bật về phía sau, hấn lao tới mất đà, nhào lộn một vòng và vụt rơi xuống. Cùng lúc đó, một tiếng nổ long trời bùng lên, hình như nước bắn lên rất cao, rơi trên mặt cầu, thấm ướt người ông. Chiếc cầu hình như cũng rung mình vì tiếng nổ và ông có cảm giác đu đưa nhẹ như nằm trên võng.

Ông đứng lên, với cánh tay trái còn chảy máu và cánh tay phải đau buốt vì té xuống nền cầu, ông nhìn xuống dòng nước đen ngòm bóng đêm, hình như dòng nước vẫn im lìm chảy nặng nề, như thể trước đó chưa có gì xáo động nổi thâm lặng muôn đời của nó.

Ông bước trên cầu, hướng về phía nhà thờ.
Chuông lễ Misa giống già vang lên.

ĐẶNG ĐÌNH TÚY

Nốt ruồi trên cánh tay gần bả vai



Tỷ lệ tội phạm ở Hoa-Kỳ cao là chuyện không có gì lạ cả. Xứ sở mệnh mông, dân số đông đúc, tổ chức hành chánh thì mỗi tiểu bang có qui chế riêng, luật lệ riêng ; những tên tội phạm do đó gây sự xong thì trốn sang đất khác lặn đi một lúc chờ nghe động tĩnh, nếu thấy chẳng bị phanh phui theo dõi bởi mật thám liên bang hay cảnh sát quốc tế, lại lò dò trở lại phá phách. Bây giờ nhờ khoa học tiến bộ, người ta áp dụng những kỹ thuật cao cấp ghi nhận hết mọi dữ kiện vào trong hồ sơ cá nhân, các cụ cũng khó mà thoát thân. Nhưng đó là ở Mỹ, chuyện đó là chuyện chàng nghe lồm từ những tay tình báo cỡ không lớn lắm nhưng cũng chẳng nhỏ, tựa anh chàng JPV, *counterpart* của ông tướng tư lệnh hôm dự buổi họp quân sự hỗn hợp các lực lượng đồng minh. Ở xứ mình cái *computer* chỉ mới thấy xuất hiện rải rác tại các ngân hàng và chỉ để làm những con tính cộng trừ nhân chia, đại loại chỉ hơi nhích hơn cái máy tính quay tay tại mấy tiệm buôn tạp hóa chứ có gì ghê gớm hơn đâu. Thế mà các đàn anh lợi rừng về trông thấy chúng như cụ Tú Xương trông thấy xe hơi, ngao ngán không biết sử dụng ra sao bèn lấy nắp đậy kỹ để có chỗ đặt bình trà và thuốc lá. Đó là lý do khiến chàng vũng bưng, khó mà các ngài phanh phui nổi khi chàng dọt về đây trốn lánh ở xứ tỉnh lẻ nhỏ xíu này. Thôi nhé, không phòng nhì phòng nhĩc, xê-i-a xê-i-iếc, lính liếc, quan

kiểu gì cả. Chối quách. Chối gọn. Trong tình thế hỗn quân hỗn quan thế này ai biết ai. Phải chơi trò tráo bài ba lá thôi !

Trời sinh chàng có bề ngoài rất thư sinh. Hom hem gầy mòn lại nên thêm chiếc kính cận trắng, đến đâu ai cũng ngỡ tưởng bụng đầy chữ. Nghề dạy học chàng "hành" được bao lâu, chắc chỉ đếm không quá mấy đầu ngón tay, thế mà tới chỗ nào cũng có kẻ gọi bằng thầy, sướng mê đi. Ba năm trấn thủ cao nguyên, ngày thì việc lính nhưng mãi giờ ra là thay bộ xi-vin ủi láng liếc, cà vạt cà việc hăn hời, tay diu vợ, tay đỡ con, thung thăng dạo phố hoặc đi nhà thờ. Ông chủ tiệm may có sáng kiến "chào thầy" tức khắc khi chàng đến đặt may mấy chiếc sơ-mi lần đầu, và một đôn mười, mười đôn trăm, bà chủ tiệm buôn đồ *luxe* của đàn bà nơi chàng tháp tùng nàng đến chọn thỏi son hoặc bộ đồ lót, ông giám đốc rạp hát bóng duy nhất của thành phố, bà nấu cơm tháng, cô hàng cà phê *Chiều Tím...* mọi người nhất loạt gọi thầy. Bây giờ thì điều đó càng được "đánh giá cao". Nói nào ngay, nơi này chàng cũng có đám thẳng học trò cũ, chỉ là bọn học trò mà chàng kèm tại gia kiếm chút cháo trong những ngày túng bấn, nhưng chúng cũng tôn chàng là "sư", thật tiện hết sức. Thành ra, dưới mắt mọi người chàng quả là nhà giáo, vậy tại sao không tương kế tựu kế mà nương ngọn gió thuận chiều ấy trong cơn khốn đốn ? Tất nhiên cuộc đời không giản dị như vậy, luôn luôn phải phập phồng lo âu, có khi phải liều lĩnh một chút, nhưng đó là cái giá phải trả; còn rẻ hơn rất nhiều so với nỗi cơ cực của bạn bè anh em nằm trong các trại tù cải tạo. Cho nên phải hết sức thận trọng, hết như mấy tay điệp viên sống trà trộn trong lòng kẻ thù: tránh né đám đông sợ gặp phải người biết mình nè, bỏ một số thói quen nè - nhưng thói quen gì mới được chứ ? Chàng là tên lính chưa hề nổ một phát súng vào đối phương, chân chỉ mang boots trong giờ làm việc, nghĩa là một khi lột bộ đồ lính ra là chàng phải sạch ; ngay cả móng tóc cũng được để dài thậm thụt (*ta là lính cẩu!*). Vậy mà một hôm, đang cùng với đám học trò trang trí khán đài sẽ dùng để làm lễ khai mạc

một khóa học tập chính trị chàng bỗng nổi hứng huyết gió bài "*ballad of the green beret*" (ít ai biết bài đó lắm nghen, ngoại trừ thứ dữ). Chàng húyt đi húyt lại không biết bao nhiêu lần cho đến lúc ý thức được rằng không nên chút nào thì đã có một đứa trẻ hỏi thầy hát bài gì hay quá hùng hồn ghê. Chàng chợt tỉnh, ngẩn người. Nếu chàng là điệp viên thì hôm đó chàng đã lên máy chém rồi.

Tự sáng tác ra một bản lý lịch và học thuộc lòng, tất cả đều đối trá trừ cái tên cúng cơm, ngày sinh tháng đẻ, và tên bố mẹ anh em. Việc gia nhập lậu vào đám giáo chức xét kỹ cũng có nhiều điểm đáng pháp phòng lắm nhưng chàng tự an ủi là chỉ tạm thời, chờ nòng sinh xong cứng cáp sẽ tìm cách chuồn đến xứ khác và cứ bốn cũ soạn lại như vậy chừng vài lần là mọi dấu vết sẽ phai phai -giống như mây tay tội phạm bên Mỹ . "*Cũng đơn giản thôi*".

Chưa chắc !

Mỗi sáng chàng đến châu chực ở trụ sở ty giáo dục. Trường ty, đồng chí Luân không biết hạp nhãn thế nào, lại có chiều thích chàng. Sáng hôm ấy cán bộ Luân sai chàng lên "*liên hệ*" với nhóm giáo chức ở trường tư thực công giáo, sắp xếp lại phòng ốc chờ ngày khai giảng. Không biết ông Kim-Trọng khi trở lại vườn Thúy có thấy độ tiêu điều ngang với những ngổn ngang đập vào mắt chàng lúc này không. Chàng ngao ngán nhìn quanh không thấy ai đáng mặt thăm hỏi : một ông xích lô vắt chân chữ ngũ trên cang xe, mắt nhắm lơ mơ, ba bốn cậu trẻ ra dáng học sinh đang tùm lại say sưa đấu cờ tướng... Đi vào sâu hơn một chút, chàng gặp người đàn bà trung niên nghiêm trang nhìn, vẻ dò hỏi. Người đàn bà mặc sơ-mi nâu, quần vải đen khiêm tốn khó mà đoán được vai trò xã hội cũng như địa vị của bà ở đây. Chàng sử dụng lối diễn đạt phiếm chỉ để tránh sơ hở khi đối đáp nhưng bà thẳng thắn tự giới thiệu. Thì ra là bà bề trên, cựu giám đốc nhà trường -cựu vì "*cách mạng*" không định tiếp tục dùng bà nhưng tạm thời chưa có kẻ thay thì vẫn để bà coi sóc trường ốc.

Chàng không quen nhìn những nhà tu dưới cách phục sức khác thường đó. Nhờ chàng không phải là "người ngoài kia" nên việc hợp tác thành trơn tru dễ dàng, cho dù chàng là kẻ truyền lại những lệnh lạc của trưởng ty. Bây giờ thì không chỉ có bà bề trên, còn các nữ tu khác cũng được gọi đến làm việc. Họ cũng phục sức kiểu bà bề trên, có nghĩa là quần áo của họ không giống các cô gái ngoài đời cùng lứa tuổi - rất xuềnh xoàng đến gần như bất cần. Chàng tưởng tượng rằng trong các tổ chức công giáo thường có bộ phận từ thiện, như vậy họ tích trữ áo quần, thuốc men, thực phẩm để dùng trong các cuộc phát chẩn cho dân nghèo, và trong hoàn cảnh hiện tại thì chính các bà cũng sử dụng loại quần áo ấy. Hai chiếc bàn đầu vào nhau, kéo vài chiếc ghế lại gần, thế là họ có chỗ để họp bàn, phân công việc. Chàng ngồi đối diện bà bề trên, các kẻ khác vây quanh. Không khí cởi mở, vui vẻ và thẳng thắn.

Ông điệp viên lừng danh 007 của *Ian Fleming* hiếm khi mắc vạ vì bất tài nhưng lại hay bị rơi vào bẫy của các kiều nữ. Chàng cũng vậy, cứ thấy gái là tit mắt, may mà chưa làm điệp viên. Chỉ vài phút sau đó là chàng thuộc lòng tên các nữ tu, đặc biệt là sơ Mai-Hiên. Hiên là người trẻ nhất, chỉ độ hăm ba hăm bốn là cùng. Không phải chỉ trẻ thôi, nàng lại là kẻ xinh nhất ; không phải chỉ xinh thôi, nàng là kẻ vui vẻ sống động nhất ; không phải chỉ vui vẻ sống động thôi, nàng lại ngồi gần chàng nhất ; không phải chỉ ngồi gần chàng thôi, nàng lại mặc phải một chiếc áo có cánh tay ngắn và rộng nhất. Khoảng thập niên bảy mươi, phái nữ chưa có ý thức thẩm mỹ đúng đắn về khoảng thân thể tọa lạc ở phần cuối cánh tay tiếp giáp với thân mình, diện tích ấy tương đối nhỏ hẹp lại lõm sâu vào nên người ta tưởng chỉ là chi tiết nhỏ nhặt chẳng đáng quan tâm (*nhảm nhờ gì ba cái lẻ tẻ !*), do đó họ đã không có một quan điểm nghiêm túc về công tác ...khai quang những loại địa thế hiểm trở như vậy. Chàng nhớ một lần xem phim do cô đào *Sarrah Fawcett* đóng có đoạn nàng đưa hai tay lên cao (nàng mặc áo cánh tay), nhìn chỗ ấy có khi mờ khi tỏ khi trắng khi xám chứng tỏ rằng nàng chênh

mãng không buồn sẵn sóc hoặc giả thổ ngại có khi phi
nhiều quá chẳng, hay mấy lưỡi *gilette* đã không còn sắc
bén nữa. Tục ngữ Việt-Nam có câu : “*cái râu* (lông ?) *cái
tóc là gốc con người*”, ít ỏi thì có hơi buồn nhất là trường
hợp phái nam, còn nếu rườm ra phong phú thì cũng tốt
thôi, thiên nhiên tạo ra làm thế nào được. Hơn nữa, nơi
con người có những bộ phận phải dầu kỹ (bộ phận tôi
đang đề cập thuộc loại *lĩnh khùng*, tùy độ *nhạy cảm* của
người thường ngoạn, nó có thể được liệt vào loại một hay
loại hai, chẳng hạn chiếc rốn, ngoại trừ nỗi phục sức của
phái nữ Ấn độ, hồi trước thiếu nữ Việt không có thói quen
trung ra ; hai nách cũng vậy ; suốt cuộc sống bên mẹ tôi
chưa hề nhìn thấy phần da thịt ấy của người vì người vừa
mặc áo ngắn bên trong lẫn áo dài bên ngoài, suốt ngày trừ
lúc đã lên giường...) vì phong tục, luân lý, ngay cả pháp
luật nữa, không cho phép phô trương ; nhưng cũng có
những bộ phận khác ta không bó buộc phải che kín mặc
dù cũng khá riêng tư. (Ngày nay, tại các bãi biển Âu châu
có vô số những bộ ngực phơi trần ; tuy vậy người ta không
thể tiếp tục thốn thẹn như vậy để vào phố. Bộ hình luật
của Pháp chẳng hạn, trong điều 233-32 cấm phô bày thân
thể trước công chúng ; kẻ vi phạm có thể bị phạt tối đa
một năm tù và 15 000 Euros tiền phạt). Một hãng quảng cáo
thuốc trừ mồi hôi đã cảnh cáo cô gái như thế này : “*bạn
thường phô cái nách của bạn nhiều hơn là bạn nghĩ*”. Bạn
đồng ý chứ, cô thiếu nữ mơn mớn của tôi ? Có những cử
chỉ bạn làm hàng ngày, quen thuộc đến độ bạn không để ý,
đó là điều nhà quảng cáo muốn đề cập đây. Chẳng hạn bạn
ưa sửa tóc hoặc vuốt tóc. Ngoại trừ một vài trường hợp
mang trong nó trạng thái xao động tâm hồn (thí dụ bạn bị
“chao chộng” bởi cái nhìn của kẻ khác phái, hoặc bối rối
trước một lời mời gọi -cũng của kẻ khác phái, tất nhiên)
thường thì cử chỉ vuốt tóc là một cử chỉ máy móc, thực
hành trong vô thức, trong thói quen. Với món tóc lòa xòa
trước trán, cánh tay bạn chỉ cần đưa lên khoảng 45 độ so
với thân mình ; nhưng nếu là món tóc nằm sau gáy thì
sao ? Để vuốt lại đuôi gà (hay đuôi ngựa), cánh tay bạn

phải đưa cao ít nhất 180 độ, nhiều khi bạn phải hơi ưỡn người về đằng trước một chút nữa (thần thái này của bạn sẽ làm chết ngất ít nhất vài ba anh đàn ông, bạn biết không). Một trường hợp khác, cũng rất là thông thường. Bạn kiễng chân nhón người để lấy một vật đặt cao hơn tầm tay. Hãy tưởng tượng là bạn đang ở trong bếp, và anh chàng tìm cách tán tỉnh bạn thì không rời bạn một phân. Anh ta đang đứng trước tủ chén bát, mà bạn thì cần cái đĩa lớn đặt trên tầng cao nhất. Bạn với tay đúng tầm mũi anh ta. Ấy đấy, hăng quảng cáo muốn ám chỉ những hoàn cảnh như vậy và họ đã đánh trúng tim đen bạn rồi.

Ngày nay tình thế đổi khác, một cái nhìn có “*tính vĩ mô*” về quan niệm thẩm mỹ đã được phái nữ đặc biệt coi trọng và nhờ vậy mọi người rất năng đưa hai tay lên trời. Công việc săn sóc phần da thịt bị bỏ quên kia, xét về mặt sản xuất và tiêu thụ đã mang đến những khoảng bội thu không ngờ được. Nhà kinh tế nhận ra cùng một lúc cơ hội phát triển cho hai ngành nghề : ngành sản xuất mỹ phẩm và ngành sản xuất quần áo. Các tay tư bản quả có trí tưởng tượng dồi dào. Dụng cụ khai quang không chỉ giới hạn trong con dao cạo thô đầu. Người ta còn phát minh ra các loại sáp, các hóa chất, cùng nhiều sáng kiến linh kinh khác góp phần làm vui mắt và thơm mũi. Một khi cảm thấy sạch sẽ mát mẻ, sở hữu chủ bèn có khuynh hướng phô trương, nhờ đó loại áo cánh tay trở nên thời thượng. Có ai ngờ được chút diện tích da thịt nhỏ bé đường ấy có thể mang lại nguồn lợi tức cho quốc gia dường kia không ?

Đừng nghĩ rằng khi tiếp xúc với ai chúng ta cũng nắm bắt trọn vẹn ít ra về bề ngoài của kẻ đối diện. Chúng ta lơ đãng hơn nhiều. Những va chạm hàng ngày tưởng như in sâu vào trí ta mỗi phút mỗi giây đáng hình kẻ ta tiếp xúc với đầy đủ bề dày bề sâu nhưng thật ra chúng chỉ phớt nhẹ chỉ thoáng qua và mất hút : bạn có nhớ được mặt mày của ông rao hàng vừa kẻ cà với bạn gần cả tiếng đồng hồ cổ thuyết phục bạn đặt hệ thống báo động phòng kẻ cắp, bạn có nhớ đứa con nhỏ của bạn mặc áo quần ra sao hồi sáng

khi bạn đưa nó đến trường, hôn chào nó và vội vã quay đi? Phải có những chi tiết đặc biệt nào đó mới giúp bạn đề tâm đến kẻ đối diện ; từ chỗ đề ý, ta khám phá ra sự gần gũi ; từ sự gần gũi ta nhận ra được con người toàn vẹn : những sợi lông măng trên má, một vết bẩn trên áo đã giúp bạn phát giác ra con người trước mặt. Và ngay cả những khiếm khuyết đó đôi khi cũng làm ta cảm động ; cảm động vì cảm thấy dễ gần gũi. Cho tới một phút trước đó, nhà tu dưới mắt chàng, không hề có thân xác; chàng tiếp xúc với họ, có cảm tình với họ vì họ có trái tim nhân ái, cảm phục họ vì lòng cao thượng, quên mình cho lý tưởng; chỉ đến khi nhìn qua cánh tay áo quá rộng của Hiên chàng mới nhận ra rằng Hiên, ngoài vai trò nữ tu còn là một con người có một thân xác sống hẳn hoi. Chàng đành phải chấp nhận công thức sau :

Mai-Hiên = tu sĩ+thân xác đàn bà (Mai-Hiên là một tu sĩ cộng với thân xác đàn bà)

Hơn nữa, Hiên đang thờ. Ngồi sát cạnh Hiên, chàng bàn luận, sắp xếp, đề nghị, phân công, đặt câu hỏi, tìm giải đáp, đưa ra quyết định. Chàng làm việc với tất cả mọi người. Trừ nạng. Hai bàn tay Hiên đùa với cây bút suốt buổi họp. Hai bàn tay không trau chuốt, không đánh móng hồng, sạch sẽ và đơn giản. Tuy vậy, hai bàn tay ấy biết nói, và đang muốn nói một điều gì đó. Chúng xôn xao rồi chúng ngờ ngàng ; chúng vờ vập rồi chúng sực tỉnh, lấy lại trang nghiêm ; chúng dò xét chúng thăm hỏi chúng gây thơ phát giác, thú nhận. Và, cùng với sự trần trụi của đôi tay, những nhịp thở đôi lúc cũng có chỗ không đều.

Từ lực của Mai-Hiên (không phải "từ" theo nghĩa hiền lành như trong chữ từ bi chẳng hạn) đối với chàng có độ khuếch đại rất đáng kể đến nỗi những ngày sau đó chàng thường nhắc nhở cán bộ Luân về tình trạng tiến triển của ngôi trường nọ cùng những dự án cần thực hiện, và nhất là cần kiểm tra việc thực hiện. Hỏi những kẻ thực tế, các người không biết sống. Sống không phải chỉ nhằm đạt cho được những điều nhắm tới. Sống còn có nghĩa lang thang

trên đường mà không cần biết là sẽ đi về đâu. Đoạn đường mang tên Mai-Hiên là đoạn đường mà chàng có thể rề rà dong chơi mãi không chán và sẽ không bao giờ tự hỏi nó sẽ dẫn đến đâu. Mỗi buổi sáng bước ra khỏi nhà, chàng chạm mặt với hàng nghìn cô gái ; một nghìn cô gái là hai nghìn cánh tay, cơ chi chi có hai cánh tay phủ lớp áo quá rộng và có một nốt ruồi đóng hơi cao, gần lên đến bả vai ấy làm chàng xao xuyến ?

Trong đời sống vợ chồng (sống bên nhau lâu rồi thì phải thành nếp, phải tạo ra thói quen, phải có những nhịp đều dù cả hai đều muốn phá vỡ cái độc điệu ấy) khi một trong hai kẻ tỏ ra vô vập âu yếm kẻ kia hơn thường lệ (hoặc ngược lại, lơ là hơn thường lệ, hai dấu hiệu đều dẫn về một kết luận giống nhau thôi !) thì bạn phải biết cảnh giác. Xin bạn nên giật mình đi, xin bạn nên biết nghi ngờ mà đặt nhiều dấu hỏi dọc theo lộ trình của những biến thái này. Tên lính cộng hòa được cấp một tấm poncho kếp. Phần bên ngoài là tấm vải nhựa vuông chống thấm thấu, có xẻ giữa, khoảng trống ấy để phòng khi hấn dùng làm áo mưa lúc di chuyển (đút cái đầu có nón sắt vào đấy, nơi khe trống), hấn cũng có thể sử dụng nó để căng lều hoặc làm võng (nhờ những "con mắt" đóng cúc sắt để xỏ dây) ; phần bên trong có diện tích tương đương nhưng mỏng hơn và mềm mại hơn, dùng làm chăn đắp, một tấm chăn đắp có vẽ hoa dù. Nàng nằm trên chiếc ghế bố nhà binh, đắp tấm chăn có vẽ hoa dù ấy. Đã ba ngày qua, nàng bế đứa con đỏ hỏn từ nhà hộ sinh về, chàng nghĩ là nàng cần nằm riêng với trẻ sơ sinh nên đã mò lên sàn thượng lục lợi và moi ra chiếc ghế bố cùng tấm chăn hoa. Không phải chàng cho như vậy là tròn bốn phận đâu. Chàng cứ bắn khoăn, ấy nấy mỗi lần ra khỏi nhà sau khi nhìn nàng nằm trên ghế bố đắp tấm poncho có hoa dù. Là bởi vì chàng sẽ, một khi rời khỏi cổng, nhìn thấy hàng nghìn cô gái (vị chi là hai nghìn cánh tay) và nhớ quay quắt hai cánh tay Mai-Hiên (hình như là cánh tay bên trái -điều đó tùy thuộc vào vị thế nàng ngồi hôm gặp gỡ đầu tiên ấy, bên phải hay bên trái chàng) có nốt ruồi đóng trên bả vai. Hôm ấy, giáo chức

toàn thị xã họp mặt tại rạp xi-nê để nghe ông thi sĩ nghìn đời say tình nói về thơ tình. Nhà thơ với *"mớ tóc mây vương trên đài trán thơ ngây"* (lời Thế Lữ nói về Xuân Diệu) giờ đã quá tuổi mộng mơ và đã trải quá nhiều năm hồ khẩu hiệu nên hết cả ướm át, dù vậy bọn giáo chức của chàng vẫn hăng say hồ hởi hơn khi đi dự những buổi học tập chính trị. Chàng hướng dẫn phái đoàn áo chùng đen vào chiếm một băng ghế dài và chấm dứt bằng chính chàng. Tất nhiên sơ Mai-Hiên ngồi ở vị thế áp chót. Khi nhà thơ đang ngâm nga bài thơ *Lá diêu bông* thì điện cúp. Đó, chưa chi mà bạn đã nghi ngờ làm như chàng là thủ phạm trong vụ cúp điện. Không đâu, sự cố đó hoàn toàn ngoài ý muốn chàng, nhưng sơ Mai-Hiên cũng giống bạn, sơ rất nghi ngờ nên sơ bối rối đứng lên, toan chạy trốn. Chàng nhanh ý hơn bèn đứng lên nhanh hơn cả Mai-Hiên, cầm tay nàng cúi nàng ngồi trở lại và nói rất nhanh : *"Hiên ngồi yên đấy, để tôi đi ra cho"*. Câu nói thật vô nghĩa. Làm sao chàng biết được cô gái định đứng lên để làm gì ; ngộ cô ta mót tiêu thì chàng bảo sao đây ? Chàng đi tiêu dùm cho cô ta à ? Ấy thế mà Mai-Hiên ngoan ngoãn ngồi lại. Cũng có đến mười lăm hai mươi phút sau điện mới sáng trở lại. Chàng tự cho phép được trở về chỗ ngồi, ném cái nhìn rất nhanh về phía Mai-Hiên. Hiên cười ngượng ngáp, chờ cho chàng yên vị, rồi đoán đo: *"Cám ơn anh"* . Câu nói ấy cũng vô nghĩa như lời của chàng ; nhưng đối với hai người thì lại khác, họ hiểu nhau bằng thứ mật mã ấy. Có những sai lầm mà người ta không sửa đổi được, hoặc bất lực trước những toan tính sửa đổi, trong trường hợp này của chàng thì những sai lầm thuộc phạm vi tình cảm. Dù bất khả sửa sai nhưng người ta có thể tìm cách giảm thiểu. Không hoàn toàn ngăn chặn được thứ tình lai láng ấy nhưng thay vì buông tay, người ta có thể làm những cố gắng nhằm cản bớt sức ào ạt, chỉ cho chúng nhỏ giọt chứ không mở hẫng nút xả láng cho chúng tuôn chảy ồ ồ. Chủ trương của chàng như vậy, bởi suy cho cùng, chàng vẫn là kẻ có thiện tâm.

*

Sự xuất hiện của chú gà trống tơ trong sân trường sáng hôm ấy khiến chàng ngạc nhiên. Có một cái gì tựa như linh tính khiến chàng nhìn nó như một thứ chương ngại, đại loại như khi chàng nhìn dãy hàng rào dây thép gai giăng thấp trên sân trường ; nếu có chút cố gắng cộng với những ép buộc thì rồi bạn cũng oằn người bò qua được thôi nhưng cảm tưởng ngại ngần như đã phục sẵn đâu đó trong đầu bạn khiến bạn nhũn chí. Chàng đứng trong văn phòng bà bề trên, bước chân nhẹ nhàng của bà đến từ phía sau không làm chàng quay lại. Thấy tia nhìn chàng chiếu về phía sân, bà giải thích : *"Cậu Thức là cây cột trụ của ngôi trường này đấy, thầy ạ. Tháo vát lắm mà lại ngoan nữa. Từ ngày họ đến, chúng tôi mất đi nguồn viện trợ tài chính, việc tu sửa trường trại chỉ còn biết nhờ cậy vào hai bàn tay cậu ấy, cũng như đã nhờ cậy bố cậu ấy hồi sinh tiền. Tội nghiệp, ông cụ mới mất khoảng hơn tháng đây thôi"* Như vậy là tạm đầy đủ lời giải thích về xuất xứ của chú gà tơ cũng như tình trạng vắng mặt của nó trong thời gian vừa qua kể từ lúc chàng đến làm việc ở đây. Suốt buổi sáng gà tơ thoải mái, nhanh nhẹn, gọn gàng, tươi tắn, thông dong trong sân và ông cò già thì nấp trong văn phòng bà bề trên, làm ra vẻ bận rộn nhưng tâm trí vương mắc mãi không yên. Đột nhiên chàng mong ngóng Mai-Hiên trong cảm tưởng thất vọng một cách vô cớ . Thay vì trông thấy Hiên, kẻ bước vào văn phòng lại là Thức, chú gà trống tơ. Cậu ta không tỏ ra ngạc nhiên khi thấy chàng ngồi trước bàn giấy của bà bề trên, hỏi, bà giám đốc không có đây hả anh, em đang cần một ít sơn đen để sơn lại mấy tấm bảng, anh thừa lại dùm. Rồi nó đi ra, tự nhiên đơn giản dễ dàng như thái độ của kẻ ..chiếm thượng phong. Lúc ra về chàng lại trông thấy nó, đã đánh trần, (mạnh khỏe và cân cái mỹ thuật như bức tượng David của Michelangelo) mình nhể nhại mồ hôi, một tay cầm điều thuốc, tay kia vịn khung cửa, nhô đầu vào bên trong, dáng điệu như đang nói chuyện với một kẻ nào trong phòng. Thức vẫy tay ra dấu chào chàng (làm như thân mật lắm ; nào ai có quen biết gì nó đâu!) rồi quay vội vào bên trong

tuồng như kẻ bên trong gọi nó hoặc hỏi nó một điều gì đó. Không có bằng chứng nào nhưng chàng vẫn đinh ninh rằng kẻ ở trong phòng nhất định phải là Mai-Hiên.

Phái đoàn xã hội làm công tác thiện nguyện xuất hiện đột ngột vào ngày chủ nhật khi chàng còn nằm nán trên giường. Nghe báo tin, chàng quơ vội áo quần mặc vào người, ba chân bốn cẳng chạy xuống nhà đã thấy Thức đứng lơ ngơ ở đấy tay cầm bó hoa. Không phải chỉ mình Thức. Mai-Hiên và các bà khác đang ngồi vây quanh chiếc ghế bố nhà binh và chiếc poncho vẽ hoa dù. Họ đang chuyện trò rất tâm đắc với sản phụ trong khi một bà bế con bé của chàng lên tay, hôn hít nựng nịu. Chàng xấu hổ như đứa bé bị bắt gặp quả tang đang ăn vụng. Dù sao cảm tưởng ấy chỉ riêng chàng biết hoặc cùng lắm thì là kẻ thứ hai kia chẳng ; nhưng không, Hiên chẳng tỏ vẻ gì khó xử cả. Nàng bế đứa bé lên tay, gọn gàng và khéo léo như bất cứ phụ nữ nào. Vừa nâng niu vuốt ve, nàng bế bé tiến dần ra phía cửa và chuyển cho Thức. Cục chẳng đã, cậu trẻ tuổi phải đưa tay hứng lấy, và Mai-Hiên dừng lại bên cạnh Thức chuyện trò khá lâu, quên khuấy cả việc chào chàng...

Tình hình xảy ra vào hôm thứ hai kế tiếp :

1) Về phần bà bế trên : - "*Cháu bé xinh quá, thầy ạ. Xin chúc mừng thầy. Mà sao thầy kín miệng thế ! Lẽ ra chúng tôi phải đến thăm cô thầy sớm hơn kia. Cũng may nhờ cậu Thức báo tin chứ không thì...*"

2) Về phần Mai-Hiên : Suốt buổi chàng không thấy, và lại chàng cũng không mong gặp như mọi hôm. Đến quá trưa thì chàng thấy Hiên hai tay bế một chồng sách, băng qua sân rộng, về cầm cúi. Rồi bất thần ngược lên ném cái nhìn về phía văn phòng, đúng lúc chàng cũng đang nhìn ra. Luống cuống quay đi. Lần thứ hai quên không chào hỏi.

3) Về phần Thức : "*Anh có cháu bé xinh quá. Và chị thì không hề thay đổi, hai con rồi mà vẫn đẹp như ngày xưa*".

- *Như ngày xưa ?* chàng lập lại, tra vấn.

- *Dạ. Là hỏi anh chị mới cưới nhau*

- *Nhưng chúng tôi đâu có làm đám cưới ở đây ?*

- Ở Nhatrang, em biết. Hồi đó em cũng ở Nhatrang. Mới học đệ lục đệ ngũ gì đó thôi, còn nhóc mà em cũng biết thương thức nét đẹp của chị

Thì ra nó biết mình nhiều hơn mình tưởng, chàng tự nhủ, quên mất nỗi bức bối vì nó khen vợ chàng một cách công khai, thẳng nhóc hỗn hào. Không phải chỉ chừng đó thôi, thái độ nó còn có cái gì ồm ồm, nửa đùa nửa thật ; nó nhồi mình như nhồi bóng rất đáng bức mình. Tệ hại hơn là chàng phải nằm trong thế thụ động, hồi hộp chờ cú đòn kế tiếp không biết phải đầu hay phải tai.

Chờ khá lâu. Mỗi. Và quên bằng. Không chỉ riêng chàng quên, bởi có một lần Mai-Hiên lại đến với chàng, vui vẻ liếng thoắng như trước kia. Nhưng Thức đã kịp thời chạy đến can thiệp. Câu chuyện chỉ dành cho hai người, giờ thêm Thức tất nhiên phải có kẻ bỏ đi. Chờ cho Mai-Hiên rời đi, Thức nán lại trò chuyện cùng chàng. Dù mọi đề tài để cuối cùng, nói về anh nó : *"Anh Thảo em mấy lâu nay bệnh hoạn dữ lắm. Anh biết anh Thảo em chứ ? Học Thủ đức sau anh một hai khóa gì đó. Rồi về Biệt động quân. Bị bắt tại mặt trận Ban mê thuật và đưa đi học tập ngay khi đang còn đánh nhau"...*

Rồi kết luận bằng một câu hỏi, không, bằng một cú đòn độc quyết cho chàng phải nằm dài : *"Còn anh, sao anh chưa đi học tập cái tạo hả anh ?"*

LÊ VĂN THIÊN

Ao buồn

Nhà cậu Đáng ở gần nhà ngoại tôi. Hồi nhỏ tôi thường về thăm ngoại vào dịp hè, nên biết được nhiều chuyện về gia đình cậu. Cậu Đáng thuộc hạng giàu có trong làng, nhờ hưởng một gia tài lớn của cha mẹ để lại. Cậu làm nông, người cục mịch, đen cháy, râu tóc bờm xờm. Nghe đâu trước kia cậu cũng có đi học, từng đậu bằng tiểu học trường Tây. Vợ cậu – mợ Hân – nhỏ người, mảnh mai, trắng trẻo. Mợ dạy học ở trường quận. Thời đó con gái ít được đi học, phụ nữ học cao rất hiếm. Mợ Hân là người phụ nữ duy nhất trong xã dạy trung học. “Sao một cô nhỏ nhắn, xinh đẹp lại đi lấy cái ông lư đừ, dềnh dàng thế kia?”, tôi thường tự hỏi.

Năm tôi mười tuổi, vào một ngày cuối hè, mợ Hân tự vẫn. Lần đầu thấy người chết bằng cách trảm mình, một cái chết dữ dội, tôi sợ hãi nhận ra: chết cũng có nhiều cấp độ. Người ta vớt mợ Hân từ dưới ao lên, đặt nằm trên hai tấm ván kê ở giữa sân. Mặt mợ trắng chạch, không còn một nét nào giống lúc sống. Máu miệng ứa ra ướt đầm gối. Nước từ đầu tóc nhỏ xuống đọng thành vũng. Ba đĩa cơm nắm, hột gà, lư nhang. Chiếc lười cày dằn trên bụng. Cái mền mỏng đắp lệch. Hai bàn chân mợ thò ra ngoài mền cũng trắng rớt như cái mặt... Cả làng đổ tới coi, người đứng chật kín trong sân, trong nhà, ngoài vườn. Chẳng thấy ai khóc (hai người chưa có con). Cậu Đáng lừ lừ đi ra đi vào, mắt ráo hoảnh. Bà Bướm – gia nhân, đã phục vụ nhà cậu hơn 20 năm – cũng tỉnh khô, bình thản. Người thân bên mợ ở đâu không thấy. “Đám chết mà lạnh tanh, không có người khóc, kỳ cục”, tôi nghĩ.

Người ta xì xào: “Coi kìa, hai mắt cô ấy bầm đen, môi sưng vều”. Mợ Hân bị chồng đánh, hai ngày qua phải nghỉ dạy. Cậu Đáng đã đánh đập vợ hàng trăm lần. Đường như cậu ghen. Chỉ “đường như” thôi, chẳng ai biết rõ ràng về chuyện lục đục của nhà cậu, dù chuyện này xảy ra thường xuyên... Cậu Đáng hành động thâm lặng, không

lớn tiếng. Cậu đóng cửa đánh vợ, cầm khóc, cầm không được than thở với ai. Thỉnh thoảng lại thấy vợ Hân đi dạy với cái mặt sưng tấy, hoặc con mắt bầm tím. Vợ sống khép kín như cung nữ ngày xưa. Đi chợ, đến trường đều phải tuân theo một thời gian biểu chặt chẽ. Vợ không dám nói chuyện lâu với đàn ông, con trai ngoài đường, không dám mời học trò, bạn hữu về nhà. Lúc nào mặt vợ cũng dầu dầu, ủ dột, xa vắng. Nhiều người nói họ chưa hề thấy vợ cười, dù một lần thôi.

Dân làng vẫn thường nhắc lại những “chuyện lạ” của vợ chồng cậu. Một lần, vào khoảng mười giờ khuya, có người chạy đến báo với ông *hương kiểm*, cậu Đáng đánh vợ gần chết. Nhưng khi ông *hương kiểm* và ba *tuần đình* (như an ninh thôn và dân phòng) đến nơi, thì lại thấy cảnh trái ngược: người nằm lăn giữa nhà, quần áo tả tơi, khóc lóc sụt sùi là cậu Đáng. Cậu hỏi vợ, như nhai từng tiếng một:

“Tại sao mày ở lì ngoài chợ, mười một, mười hai giờ mới về?”.

“Em đã nói rồi, em phải chờ mua heo, sáng nay may người bán heo tới trễ”.

“Tại sao đi chợ mà mày không bảo cho tao biết?”.

“Thì chính anh bảo em đi mua heo”.

“Sao phải mua ở chợ, không mua heo của bà Bắc, bà Nghi trong làng?”.

Cậu khóc khản tiếng, bứt tóc, đập đầu xuống đất, và giãy đành đạch như em bé đòi mẹ.

Lần khác, nghe tiếng đập phá thình thịch trong nhà cậu Đáng, bà con xung quanh chạy đến, nhưng không can thiệp được, phải đứng ngoài sân, vì các cửa đều đóng chặt. Cậu Đáng đánh vợ bằng roi, cứ sau một roi lại nghe cậu hỏi:

“Thằng Tùng là gì với mày?”.

“Chẳng lẽ anh không biết thằng Tùng?”.

“Nó là gì với mày?”.

“Nó là cháu tôi, cũng là cháu anh”.

“Sao mày nói chuyện với nó mặn mòi như thế?”.

“Mặn thế nào? Anh giỏi đặt điều, tưởng tượng trên

trời dưới đất”.

“Nó nói gì với mày?”.

“Tôi đã nói anh nghe mấy chục lần, tôi hết hơi rồi... cứ đánh tôi chết đi. Anh là quỷ dữ, không phải con người”.

“Mày cười với nó, nheo mắt với nó, vỗ đầu vỗ vai nó”.

“Nó là cháu tôi, cũng là cháu anh... Bụng dạ, đầu óc anh đầy thuốc độc, đầy rác... Tôi muốn chết”.

Cậu Đáng ghen? “Đâu phải ông Đáng ghét vợ. Hãy nhìn kia, ông ấy buồn rầu, bước đi không vững”. Mấy người hàng xóm nhận xét.

Ghen là cái gì mà lớn lao, kinh khủng như vậy? Tôi chưa hiểu nổi.



Ông Chương uống trà, thông thả, nhâm nhi từng hớp, như uống rượu. Ông nheo mắt ngắm Đáng, thằng cháu đang mang tai tiếng đầy mình.

“Cũng lạ, không hiểu sao mày có thể tàn bạo như vậy”.

Ông Chương là chú ruột cậu Đáng, ở trên tỉnh mới về. Ông giàu sang, được họ hàng quý trọng. Cậu Đáng nhìn ra cuối vườn, nơi có cái ao oan nghiệt. Vốn ít nói, từ ngày vợ chết cậu càng “tĩnh khẩu”. Cách đây mấy hôm, tình cờ cậu nghe bọn trẻ chần trâu bàn về chuyện nhà mình. Chúng nói cậu hung ác, hà khắc quá nên vợ sống không nổi, phải tự tử. Một đứa bảo, cha nó nhận xét, ở xứ này cả trăm năm qua chẳng thấy ai tính tình quái đản như cậu, ai gieo gió độc thì sau này chắc chắn sẽ gặt bão dữ.

“Bà con quanh đây nói, mày coi vợ như gà heo, cỏ cây”.

Ông Chương giơ cái ly lên cao, nhìn kỹ, như ngắm vật lạ.

“Nay mày có ân hận chút nào không?” ông hỏi rồi tự trả lời. “Có tiếc thương, ăn năn, cũng đã muộn, quá muộn”. Ông châm trà cho mình.

“Sống chung hơn ba mươi năm, tao chưa hề chửi thím mày một câu nặng, chưa đánh, dù chỉ một bộp tai nhẹ. Vì sao? Vì cổ nhân nói, trong tình vợ chồng có tình

anh em và tình bạn... Không cần chửi bới đánh mắng nhau người ta vẫn sống được... Mày nghĩ sao khi thẳng tay đâm con Hân sưng vù mặt?”.

“Con... con buồn quá”. Được nhận những lời giáo huấn từ miệng người cao quý rất đáng hãnh diện. Có điều, ông Chương không biết, cậu Đáng cũng chưa hề chửi vợ một câu nặng.

“Nó, vợ, như em gái mình. Ai đánh con Ngọc như thế, mày buồn không?”.

“Con... con ngu”.

“Đánh em cháu, bắt nạt người yếu đuối hay ho gì... Có người bảo, con Hân chết, không bỏ đi, vì nó thương mày.. Mày hèn!”.



Bà Bướm nói, có chỗ khó hiểu, sao cô Hân tìm đến cái chết thảm, không bỏ chồng. Mấy năm gần đây chẳng hề thấy cô ấy cười. Một người hiếm có, dịu dàng, xinh đẹp. Dạo khắp vùng quê tối tăm này, dù tìm mờ mắt cũng sẽ không thấy người thứ hai tương tự. Cô ấy yêu trẻ con, chẳng giận ai, luôn nghĩ tốt về người khác.

Bà Bướm kể, bốn ngày trước khi chết, vào buổi trưa, Hân uống rượu. Cô ấy moi ở đâu ra một chai rượu đế, mấy miếng khô thiêu. Bà Bướm thất kinh. Cô hỏi, có khi nào bà nghĩ đến cái chết, bà sợ chết không. “Tôi sẽ uống đến lúc ngã gục. Chắc tối nay tôi chết đây... Biết chết mà không sợ kẻ cũng giỏi!”. Cô ấy còn nói, tuần qua ngày nào cô cũng tắm hai lần để người thơm và quen nước ao. Sao lại quen, quen thế nào? “Say chết, hay say rồi tỉnh?... Có chuyện thế này: một ni sư quy y hơn 40 năm, ăn chay trường, đến lúc gần chết xin uống thử muỗng nước mắm. Tôi tin chuyện đó có thật, tôi đang uống nước mắm đây... mắm cay!”.

“Tôi chưa hề nghe cô Hân nói xấu ai”.

“Chưa hề”. Cậu Đáng lặp lại. “Chị có nghe Hân phàn nàn, oán trách tôi?”.

Bà Bướm lắc đầu. “Cô ấy chẳng chê bai, chỉ trích ai”.

“Không chê”. Cậu Đáng lặp lại. “Chị gặp thẳng

Tùng chờ Hân mấy lần?”.

“Không gặp. Ai nói với chú chuyện đó?... Dù có chờ cũng là thường, có gì đáng để ý?”.

“Chuyện thường?”. Cậu Đáng nói, như hỏi mình.

“Thằng Tùng chưa bao giờ chờ Hân, chị thề đi”.

“Tôi thề. Nếu nói sai, kiếp sau tôi sẽ thành heo chó, giò bọ”.

Một lúc lâu, khoảng mười phút, cậu Đáng bật cười, tiếng cười nghe lạ, như tiếng nghiêng răng, gió rít. “Quái dị, giờ này còn hỏi thề để làm gì?”.

“Đường như cô Hân không biết ca hát, cười đùa... Tội nghiệp, cô ấy trẻ quá mà...”.

“Tôi cũng trẻ... chưa có con, chưa già”. Cậu Đáng cười, khô khốc.

“Tôi nghĩ mãi, sao cô Hân không bỏ chú, lại chết oan uổng”. Bà Bướm nói thật nhỏ, phải chú ý mới nghe được.

Cậu Đáng có thương yêu vợ không? Khó thể biết được. Có điểm dễ thấy, sau ngày vợ Hân mất, cậu gầy rộc, hốc hác. Cậu lấp cái ao, trồng lên đó mấy cây bòn chài. Suốt ba tháng, ngày nào cậu cũng ra ngồi bên mả vợ từ chiều xẩm đến khuya. Nhiều đêm cậu ngủ luôn ở đó. Rồi cậu ngã bệnh, nằm liệt giường hơn nửa năm trời.



Đó là chuyện xảy ra cách đây hơn... nửa thế kỷ. Mấy năm sau, chiến tranh bùng nổ. Cái làng nhỏ bé ấy hóa ra xơ xác, tiêu điều. Ngoại tôi qua đời. Tôi không về làng nữa. Sau này, dò hỏi, tôi được biết cậu Đáng đã bỏ quê đi trong đạo đó. Cậu tặng nhà cửa, ruộng vườn cho em, cháu. Cậu đi đâu, không ai biết.

Đến nay, hơn hai vạn ngày qua đi, tôi đã lên lão. Thời gian xóa nhòa nhiều thứ trên trái đất, nhưng cái chết của vợ Hân vẫn còn rõ nét, không mờ cũ trong trí tôi... Không phải mọi việc trên đời đều có thể giải thích được. Chắc chẳng ai có khả năng nhìn thấy tất cả đường neo, góc ngách trong tâm hồn con người ./.

KHUẤT ĐẦU TIÊU CÔNG CHÚA

Tặng H. Ch.



Cuộc triển lãm của họa sĩ K. chỉ có mỗi một chữ : Tháp. Trên 50 bức tranh chỉ toàn vẽ tháp. Kỳ lạ hơn nữa là những cái tháp ấy không đứng trên mặt đất mà nghiêng ngả như đang bay giữa mây trời hay trôi bồng bềnh trên dòng sông.

Bị dè bỉu, bị phê phán toi bời nên chẳng có một bức tranh nào được bán ra. Một bức đã bán không trôi mà lão họa sĩ lại còn muốn bán tất cả chỉ cho một người. Có họa là điên! Những ngày cuối cùng khán phòng trống vắng đến nỗi một vài con chim sẻ bay vào định làm tổ. Chúng ngó ngàng húc đầu vào tranh, rồi chới với bay đi. Cũng như khách, chúng không bao giờ trở lại.

Vậy mà, ngày cuối cùng, trong lúc lão họa sĩ định thu dọn để trả lại phòng, có một người khách cũng kỳ dị không kém: chấp nhận mua tất cả. Đó là một triệu phú, dĩ nhiên, ông sẵn sàng bỏ ra một khoản tiền lớn với điều kiện muốn biết vì sao họa sĩ lại vẽ những cái tháp đang say nghiêng ngả như thế!

- Vì sao ư? Ý ông muốn biết vì sao tôi cũng điên như Van Gogh cắt cụt tai mình chứ gì?

- Gần như vậy.

- Ông có hơi tham lam quá đấy và lại còn sàm sỡ nữa. Cũng như tôi rất tham lam và thô lỗ nếu đã nhận tiền của

ông mà còn đèo bông hỏi: tại sao ông lại bỏ tiền ra mua như thế!

- Tôi không dám có ý ấy đâu. Nếu có những ham muốn tầm thường và ấu trĩ như thế tôi đã không mua tranh của ông. Tôi muốn biết cái suối nguồn hư ảo nào đã khiến ông vẽ nên những bức tranh tuyệt đẹp này. Điều ấy chỉ làm cho tôi thêm ngưỡng mộ ông và yêu quý những bức tranh mà tôi dám tự hào thừa với ông rằng, ông đã có một bàn tay kỳ diệu thì ít ra tôi cũng có một con mắt biết phân biệt đẹp, xấu, chứ không phải chỉ có một túi tiền.

- Rất tiếc là không thể.

- Vậy là tôi cũng rất tiếc!

- Tôi có thể bán cho ông với một giá tùy ông chọn, miễn sao tôi đủ trả tiền thuê phòng.

- Tôi không dám xúc phạm những bức tranh như thế. Và không hẳn riêng tôi, nếu bán như cho thì chính ông cũng đã vui đập những tác phẩm tuyệt mỹ của ông.

- Vấn đề là tôi cần một người biết quý trọng và nâng niu chúng sau khi tôi qua đời, chứ không phải tiền, cũng chẳng phải danh vọng, tôi đã hơn 70 tuổi rồi!

- Ý ông muốn nói, nếu không bán được thì ông sẽ hiến tặng viện bảo tàng?

- Không bao giờ! Không phải bảo tàng nào cũng có một con mắt tinh đời như ông. Ở đó, những bức tranh tội nghiệp của tôi sẽ nằm trong nhà kho ẩm mốc, sẽ chỉ có chuột, dấn và nhện tới xem mà thôi!

- Thế thì ông định sẽ làm gì?

- Điều này thì tôi có thể thổ lộ cùng ông. Tôi sẽ đốt trước khi tôi chết!

- Vậy thì tôi xin can ông. Tôi cũng xin rút lại cái điều kiện khiếm nhã đã làm ông khó chịu. Tôi xin trao ngân phiếu cho ông và mong ông gửi đến những báu vật này vào ngày mai, tại nhà ... Xin gửi ông danh thiếp.

Người khách ký ngân phiếu trao cho ông và nhanh chóng ra xe mà không nói thêm một lời nào.

Khách khá giàu, biết cách làm ra nhiều tiền và cũng

biết cách tiêu tiền. Ngôi biệt thự hai tầng kiến trúc theo kiểu Pháp nằm bên bờ biển. Phía sau là núi với những gộp đá phủ đầy dây leo và hoa dại. Ngoài phòng khách trang nhã và quý phái, những phòng ngủ với các ô cửa sổ màu trắng trông ra biển, còn có một đại sảnh màu tím nhạt trên tầng hai để trưng bày những bức tranh.

Khách đón lão họa sĩ như một người học trò đón thầy giáo cũ: khiêm cung và thân mật. Sau khi dùng trà, khách ngỏ ý mời lão xếp đặt vị trí các bức tranh sao cho thật hoà hợp. Lão họa sĩ đã không từ chối.

Phải mất cả một ngày họa sĩ mới làm xong cái công việc tưởng chừng rất dễ dàng ấy. Trước hết lão dành cả một buổi sáng chỉ để đi đi lại lại, hết ngò trong phòng ngắm những bức tường, lại ra ngoài ngắm những ô cửa sổ. Rồi lão yêu cầu được treo tranh ở bất cứ chỗ nào có thể treo được, ngay cả trên trần nhà. Ánh sáng của các bóng đèn cũng được lão che chắn sao cho không bị hắt vào các bức tranh mà lão bảo là như tạt cả một thau nước vào mặt. Nói chung là một phong cách rất kỳ dị cũng như các bức tranh của lão. Bức trên cao thật cao, bức thấp thật thấp. Có bức treo nghiêng bên cửa sổ như một cánh cửa, có bức lung lẳng trên trần nhà như sắp rơi. Ấy vậy mà Tiểu Lan, nữ chủ nhân của phòng tranh lại rất thích.

Nàng không ngớt reo lên đẹp quá, cứ y như trong mơ. Rồi khi đèn bật lên với ánh sáng dịu dịu như ánh trăng xuyên qua lá cây, nàng tung mình lên như một vũ nữ ballet, bay lượn khắp phòng.

Nàng là tài sản vô giá mà chủ nhân của ngôi biệt thự có được. Để cho nhan sắc càng thêm phần tuyệt mỹ, ông đã cho nàng học múa ballet, học chơi đàn và hội họa. Chính nàng đã muốn mua tất cả những bức tranh vẽ thấp của lão họa sĩ chứ không phải cha nàng

Khi cô gái ngừng lại để thở, lão họa sĩ như đã không tin vào mắt mình. Cũng làn da rịn rịn tươi mát như cánh đồng sau cơn mưa. Cũng mái tóc như mây mùa đông và nhất là đôi mắt nửa như trẻ thơ, nửa như của nhà hiền triết, một đôi mắt thông minh rất mực mà cũng khờ dại không ai bằng. Ông lại càng ngạc nhiên hơn khi nàng bảo rằng

đây chính là những giấc mơ của nàng và hỏi ông có phải chính ông cũng đã từng mơ như thế khi vẽ những bức tranh này.

Sau khi dùng một bữa tiệc nhỏ mừng phòng tranh đã được sắp đặt đúng như ý của cô chủ nhỏ, ba người ra ngoài hành lang ngắm trăng 17 vừa mọc lên trên biển. Mặt trăng khuyết một chút như trái táo có ai vừa cầm dao gọt bớt đi một phần vỏ. Nhưng trăng vẫn đẹp. Mặt biển sáng lên như một tấm gương mới lau. Những con thuyền chờ đầy ánh trăng đã không còn chỗ để chờ cá. Biển êm đến nỗi những con sóng ngã mình trên bờ cát chỉ nghe như một tiếng thở dài. Lão họa sĩ yêu cầu chủ nhân cho tắt hết đèn và khi ngời biệt thự cũng đựng đầy ánh trăng, lão nói:

Thưa chủ nhân và cô tiểu chủ, tôi thực hạnh phúc được ngồi nơi đây để kể cho quý vị nghe về những bí mật của những bức tranh mà tôi đã dành cả một đời để vẽ. Tôi đã nguyện đem theo cái bí mật ấy xuống đáy mồ, nhưng hôm nay, tôi bỗng bàng hoàng nhận ra rằng nếu tôi cứ mãi giữ im lặng thì quả là đắc tội với quý vị.

Ngay từ lúc mới biết đi, tôi đã nhìn thấy tháp. Lớn lên, nhìn đâu, đi đâu cũng thấy tháp. Tháp Bánh Ít ở trước mặt, tháp Phú Cốc ở sau lưng, tháp Cánh Tiên ở bên phải, tháp Đồi ở bên trái. Ba bề bốn mặt đều là tháp. Rất lặng lẽ, rất cô độc, nhưng không một chút u buồn, những ngọn tháp vẫn cứ đứng sừng sững và thăm đo, cho dù những người dựng nên đã không còn nữa. Có thể nói, tôi đã ăn ngủ hít thở cùng với tháp.

Tôi mê cái màu đỏ gần như bất diệt của đất nung, cái màu không quá già để trở thành sành, cũng không quá non để trở thành gốm. Cái màu ấy có thể ví như một người đàn bà đẹp ba mươi tuổi, không quá tươi non như thiếu nữ, cũng không quá già dặn như một mệnh phụ. Lại còn những đường nét, hình khối, cái bóng của nó hắt lên trời chiều trong ánh hoàng hôn hay chói dậy sáng ngời trong buổi bình minh mới đường bệ và đẹp để làm sao! Cả những lúc mưa gió bão bùng, nó vẫn có một vẻ đẹp của sự

gan lỳ, của chịu đựng và kiêu hãnh. Nó đứng lặng yên như núi non nhưng sinh động gấp ngàn lần. Cứ mỗi phút giây đi qua, mỗi độ sắc của ánh sáng và bóng tối, nó đều có một vẻ đẹp riêng biệt.

Xin lỗi quý vị, tôi có hơi dài dòng. Thực ra cái đam mê của tôi cũng chỉ là một chút sẫm soi của một anh thợ nề khi thấy một viên gạch quá đẹp. Anh ta ngắm nghía một chút rồi nếu không chặt làm đôi thì cũng trét hồ lên mà thôi. Tất cả cái kỳ công của tôi với toan với màu cũng không hơn được cái nháy mắt của một anh phó nhòm. Chỉ một tiếng *tách* là anh ta đã ghi lại được toàn bộ sắc màu, hình khối của cả một ngàn năm. Và nếu thừa tiền, anh ta có thể mỗi phút bấm một tấm hình. Đơn giản quá, dễ dàng quá, phải vậy không?

Cho nên, công của tôi là công dã tràng. Những bức vẽ của tôi, sau bao nhiêu ngày chịu đói, chịu rét cũng chỉ là những tác phẩm ngu dại và phù phiếm. Vì sao? Vì nó vô hồn. Không cứ phải vẽ cho thật nhiều, trét đầy màu lên vải là được. Phải có một cái gì đó như là một cơ may, một phút bất chợt nắm được cái phần hồn của tháp mới mong vẽ được cái gọi là tranh. Phải tìm hiểu từng ngọn tháp trước khi vẽ. Phải biết cách người ta xây như thế nào. Làm sao hàng vạn viên gạch chồng khít lên nhau, gắn chặt vào nhau hơn cả những kẻ đang yêu, chất cao như núi, không một chút vôi vữa mà vẫn đứng mãi giữa đất trời đến cả ngàn năm?!

Những bức vẽ của tôi còn thua một bức tường xây vụng của một anh thợ nề. Cái màu chín đậm của đất nung tôi pha được, nó nóng bỏng như vừa mới lấy ra khỏi lò, nó cũng nằm chồng khít lên nhau, cũng chịu đựng nâng đỡ nhau để vươn lên cao. Nhưng thật đáng buồn, nó cũng giống như một đồng gạch người ta sắp xây tháp chứ không phải tháp. Làm sao vẽ được cái hồn của tháp, tức là hồn của những người muôn năm cũ trong mỗi viên gạch? Nếu Đoàn Phú Tứ vẽ được màu thời gian tím ngát và cả hương thời gian thanh thanh bằng chữ viết, thì một họa sĩ sao lại không vẽ được cái màu thời gian ấy và mùi hương ấy bằng những sắc màu?! Người ta bảo tôi điên vì đã đặt

ra những thách thức quá lớn. Tôi sẽ thất bại nhiều lần nữa và nếu tỉnh táo hơn một chút thì tôi nên quảng cáo mà đi làm thợ nề hay thợ gốm để sống một đời bình yên đề huề. Bởi vì nói như một thi sĩ Trung đông, nếu anh thấy sống được thì cũng đừng nên vẽ làm chi!

Quả thật là như vậy, tôi đã muốn vứt bỏ tất cả, nếu không có một cô con gái nhỏ mà tôi gọi là tiểu công chúa bất ngờ chỉ cho tôi thấy cái hồn của những ngọn tháp bằng cách vẽ lại những giấc mơ của nàng. Ông dừng lại, hít một hơi thật dài, rồi kể tiếp:

Lúc gặp tôi, cô ấy cũng chỉ chừng 14, 15 tuổi. Cao, gầy và mong manh như một cây lúa, nhưng cũng rất mạnh mẽ như cây lúa. Đôi mắt cô thật trong sáng và xinh đẹp. Chúng long lanh như những hạt sương vừa mới đọng trên đầu ngọn lá.

Hôm ấy là một buổi chiều. Tôi đang chờ đợi hoàng hôn, cái phút giờ mà tôi cho là đẹp nhất trong ngày. Chính cái ánh nắng sắp tắt còn cố bám trên những viên gạch của ngọn tháp mới là khó vẽ nhất. Làm sao vẽ được cái run rẩy của ánh nắng, cái bịn rịn của ly biệt, cái sững sờ của cách chia bằng những gam màu nóng lạnh ?!

Trong lúc tôi đang lúng túng cầm cây cọ đã nhúng màu thì cô ấy không biết tự bao giờ, không biết từ đâu đến, đã đứng ở sau lưng tôi. Rất bất ngờ, cô hỏi:

- Ông họa sĩ ơi, ông có thể vẽ những giấc mơ được không?

- Về những giấc mơ? Thật là những ý nghĩ ngộ nghĩnh. Tôi bỗng chột vui như đứa trẻ khi có đứa khác rủ chơi một trò chơi mới. Tôi hỏi: những giấc mơ gì vậy? Mơ có áo đẹp, mơ có người yêu? Tôi bồn chồn đôi chút. Nhưng cô không giận, nói: Tôi mơ thấy những ngọn tháp đang bay!

Tôi liền tháo bức tranh để nằm ngang trên giá vẽ, nói: có khó gì, phải như thế này không?

- Không phải. Như thế thì bay sao được!

- Vậy thì để nằm nghiêng?

- Cũng không phải!

- Vẽ thêm cánh?

Cô lắc đầu buồn chán:

- Cứ tưởng họa sĩ các người vẽ được tất cả, không ngờ cũng rất nghèo nàn tầm tối !

- Vậy thì đầu óc trong sáng của các cô thấy cái tháp nó bay như thế nào?

- Trước hết nó không nặng nề như tranh của ông, cả ngàn tấn gạch như thế thì bay sao được. Nó phải nhẹ như mây trời, mây trút nước xuống ngập lụt cả ruộng đồng, nhưng ông thấy đấy nó vẫn bay.

- Đó là do hàng triệu hạt nước nhỏ cùng bay. Chẳng lẽ phải cho hàng triệu viên gạch này tách rời ra để bay lên?

- Tôi không biết. Nhưng muốn bay được là phải thật nhẹ. Và điều này nữa, nó dịu dàng mềm mại chứ không phải cứng nhắc như thế! Nhưng có lẽ để vẽ được nó, thì ít ra ông cũng phải biết nằm mơ.

- Nằm mơ thì có khó gì, nhưng tôi chỉ nằm mơ thấy toàn ác mộng. Có bao giờ cô thấy mình mơ đi xe lửa chưa?

- Nằm mơ thấy đi xe lửa thì mơ làm gì!

- Tôi luôn mơ thấy mình đang đi trên những chuyến xe lửa kinh hoàng. Nó nghiêng qua ngã lại mà vẫn cứ vun vút lao qua cầu, qua những vách đá cheo leo. Kinh hoàng ở chỗ, nó chạy mà không có đường ray!

- Hay thật đấy, vậy là ông cũng biết nằm mơ và trong mơ thì mọi sự đều thật kỳ diệu phải không?

- Tôi chẳng thấy kỳ diệu chút nào, chỉ thấy toát mồ hôi và tim như ngừng đập. Cũng may là khi tỉnh lại tôi thấy mình còn nằm trên giường.

- Một con tàu không có đường ray mà vẫn chạy bằng băng, một ngọn tháp nặng như thế mà vẫn bay được, thế mà ông vẫn bảo là không kỳ diệu! Ông còn muốn thế nào nữa? Thảo nào, xem tranh ông cứ như xem một đồng gạch!

Thật hết sức bất ngờ. Chính cái điều tôi khổ tâm xấu hổ nhất, phải bao nhiêu năm mới nhận ra được thì, chỉ với một cái nhìn, cô đã thấy hết cả gan ruột của tôi. Cô cứ như người nhà trời và cái cách cô nói giống như đang đi trên cầu vồng bảy sắc.

Tôi bỗng nhớ đến các bức họa của các họa sĩ bậc thầy.

Chẳng phải là mơ sao mà đồng hồ báo thức lại mềm hẳn ra như sáp chảy, một con dê mà cũng biết kéo vĩ cầm... Đột nhiên tôi thấy mình ngộ ra: vẽ, không phải kỳ khu như một thợ thủ công mà phải biết chơi với sắc màu như đứa bé chơi đùa trên cát. Lâu nay tôi đã làm một việc vô bổ là đi xây những cái tháp trên vải hay trên giấy. Giờ đây, với những ý tưởng tươi mới của cô bé, tôi tin là có thể vẽ được những ngọn tháp trong mơ. Tôi nói:

- Tôi hiểu ra rồi. Chính cô đã vẽ được những cái tháp trong mơ

nhưng không thể vẽ được trên giấy hay trên vải, phải không nào?

- Đúng như vậy, và ông sẽ giúp tôi?

- Chẳng phải giúp, mà tôi và cô cùng vẽ. Cô sẽ kể cho tôi những giấc mơ, những hình, những dáng, những sắc, những màu. Cô có đầu óc biết mơ mộng, còn tôi có bàn tay biết cầm cọ, chúng ta sẽ xây những cái tháp theo cách riêng của chúng ta, phải vậy không?

- Rất phải. Xin cảm ơn ông.

Từ buổi chiều hôm ấy, chúng tôi đã là những người bạn. Cô ấy ngoan ngoãn đi theo tôi như một đứa em nhỏ, lại để tôi sai vặt như một chú tiểu đồng. Chúng tôi thường tìm đến những bờ rừng, những bãi cát nhỏ trên sông, hay leo lên những ngọn đồi im vắng. Sau khi bày giá vẽ, chúng tôi hoặc nằm dài trên bãi cỏ, hoặc ngồi tựa lưng vào gốc cây và cô kể cho tôi nghe những cái tháp trong mơ. Khi thì phớt phớt như một tà áo lụa, khi thì nhàu nhò đầm nước mắt, khi há miệng ra cười lớn, khi nằm dài trên mặt nước như một con thuyền... những cái tháp cứ như thể dần dần hiện ra trên vải dưới cái nhìn rất siêu nhiên của cô. Theo cô, chúng vẫn đang lớn lên, vẫn nói vẫn cười và cô tin chúng sẽ lấy nhau để đẻ ra những đứa tháp con!

Như một vị thầy khó tính, cô luôn bảo sửa chỗ này, xoá chỗ nọ. Cô thường nói, điều cần nhất là ông không được vẽ những đường thẳng, cũng không vẽ cái màu u tối cho dù là trong đêm mưa. Nó phải như một cục đất sét trong tay một đứa bé. Chưa biết chú bé nọ sẽ nặn ra hình thù gì. Ông cũng phải bỏ cái cách phối màu quen thuộc,

không có chuyện màu nóng màu nguội gì ở đây cả. Màu hiện lên rất ngẫu hứng, hết như lúc ông còn bé chưa qua trường lớp hội họa nào.

Tôi đã học hội họa gần ấy năm, cảm cộ đến vài chục năm, vậy mà vẫn thấy những bài giảng của cô ấy thật mới lạ, hấp dẫn. Không một chút tiếc nuối, tôi đã phá bỏ hết những bức tranh cũ để dồn hết tâm trí và niềm say mê vào những bức tranh mới. Mỗi bức tranh là một giấc mộng mà những kẻ thô lậu quê mùa như tôi không thể nào mộng thấy được cho dù là nằm mộng giữa ban ngày. Những bức tranh ấy là tất cả tuổi thơ của cô. Hay đúng hơn, chính cô ấy là tác giả.

Nói thì dễ, nhưng không phải chúng tôi chỉ trong một vài tháng là vẽ xong hơn 50 bức tranh kia. Bởi vì không phải đêm nào cô gái cũng nằm mơ và không phải giấc mơ nào cũng giống hết nhau. Cô cũng thường gặp ác mộng. Đó là những hôm cô mơ thấy ngọn tháp ngã sụm xuống lòng sông hay nổ tung như một ngọn núi lửa. Cô bảo rằng những lúc ấy cô đã hét lên và bao giờ cũng vậy, cô muốn quên đi, nhưng sự đồ nát, sự tan vỡ vẫn cứ ám ảnh cô rất nhiều đêm. Dĩ nhiên, những giấc mơ như thế không khi nào cô muốn về lại.

Chúng tôi xây những cái tháp biêt bay đó trong hơn ba năm. Và trong 3 năm đó chúng tôi gặp nhau chỉ là để chơi nhiều hơn về. Chúng tôi rảo khắp các vùng quê, đồi núi có thể đến được. Có lần lính Mãnh Hồ tưởng chúng tôi vẽ bản đồ cho địch. Bọn họ định bắt chúng tôi đem về trại, nhưng khi thấy những bức vẽ kỳ dị đã ôm bụng mà cười. Chúng tôi cũng rất liều lĩnh khi ở lại đêm trên tháp Phú Cốc. Con mưa bất chợt đã khiến chúng tôi gần nhau hơn. Chúng tôi ngồi dựa lưng vào tháp và trong giấc ngủ chập chờn, cô công chúa nhỏ của tôi đã mơ thấy những người dân Chiêm đang xây nên cái kiệt tác của cả một dân tộc.

Sáng hôm sau, cô đã kể cho tôi nghe giấc mơ mà cô cho là đẹp nhất. Đó là những Chiêm nương đội những viên gạch đi thành hàng dài với những bước chân khoan

thai. Lốp đi lên đồi, lốp đi xuống núi, rất nhịp nhàng và uyển chuyển. Rồi khi tháp đã lên cao, họ chất củi xung quanh và đốt. Ngọn lửa cao đến nỗi làm cháy sém cả một mảng lưng của trời. Khi lửa tàn, ngọn tháp hiện ra trong tiếng hát, đỏ thắm như một trái tim khổng lồ. Tôi đã thử đem tất cả tài nghệ của mình cố vẽ lại những cảnh ấy, nhưng vẽ mãi mà vẫn không thành. Lần nào, cô cũng lắc đầu bảo không phải như thế. Cả tháng trời, tốn bao nhiêu màu, bao nhiêu vải, vẫn chỉ vẽ được có mỗi ngọn tháp đỏ rực như một trái tim mà thôi. Đó là bức thứ 51 và cũng là bức cuối cùng.

Nói đến đây, họa sĩ dừng lại, xin phép chủ nhân được vào thăm phòng tranh. Ông ngồi một mình rất lâu trước bức vẽ cái tháp chúc đầu xuống đất. Đó là bức trái tim mà cô gái cho là đẹp nhất. Cô đã từng buột miệng bằng câu thơ mượn của Nguyễn Du: *ám như hạt ngọc Lam Điền mới đông!* Rất nhẹ nhàng, Tiểu Lan đến sau lưng ông, hỏi nhỏ bên tai:

- Rồi sao nữa? Ông và nàng yêu nhau phải không?

- Không! Chỉ có tôi yêu nàng! Nhưng đó là một tình yêu tràn ngập lòng biết ơn. Trong 3 năm đó tôi thấy mình lớn lên rất nhiều. Tôi đã hiểu được thế nào là cái Đẹp. Và với những xúc cảm tinh khiết như thế, tươi non như thế, nàng đã cho tôi nhiều thứ hơn là tình yêu đôi lứa. À, cô chủ nhỏ, nếu cô không bất bình thì tôi xin được vẽ tặng cô một bức truyền thần. Cô sẽ treo giữa khán phòng này vì cô là chủ nhân.

- Sao tôi lại có thể bất bình, thưa ông. Tôi rất vui được ông có nhã ý tuyệt vời như thế. Tôi sẽ thừa lại với cha tôi và tôi tin người còn vui sướng hơn cả tôi. Ông cũng biết đấy, cha tôi không hề tiếc tiền cho cô con gái nhỏ của mình.

- Tôi chưa vẽ truyền thần cho ai ngoài tiểu công chúa của tôi và cô, dĩ nhiên không có chuyện bạc tiền!

- Ông có vẽ truyền thần cho nàng sao? Bức vẽ ấy chắc đẹp lắm! Hiện giờ nàng ở đâu? Tôi muốn xin được một lần chiêm ngưỡng bức chân dung ấy.

- Đây là một câu chuyện khác, một bí mật khác cũng

được. Tôi chưa có thể nói gì với cô về điều ấy. Tôi chỉ muốn nói điều này. Đó là một sự trùng hợp kỳ lạ giữa một người là chủ của những giấc mơ và một người là chủ của những bức tranh mà tôi quý còn hơn cả máu thịt của mình.

Một tuần sau, lão họa sĩ mang giá vẽ và sơn, cộ đến biệt thự Hoàng Yến. Người mẫu, Tiểu Lan ngồi trên một gộp đá nhìn ra biển. Họa sĩ chưa vẽ vội, ông chỉ ngồi lặng yên ngắm nàng. Khung tranh đã được căng toan phản chiếu ánh mặt trời như một tấm gương. Và cũng như tấm gương, ông nhìn thấy khuôn mặt xinh xắn đáng yêu của nàng dần hiện lên mà không cần đụng tới một nét vẽ nào. Một giờ sau, ông bảo đủ rồi, cô cứ việc vui chơi. Có thể là một tuần sau, cũng có thể một tháng sau, ông sẽ mang tranh đến tặng nàng. Biết tính khí kỳ quặc và tin ở tài của ông, nên cả cha và Tiểu Lan, không một ai hỏi nói gì thêm.

Nhưng rồi một tuần sau, một tháng sau và cả một năm sau cũng không hề thấy tấm hơi lão họa sĩ. Không ai nghĩ rằng ông đã quên lời hứa. Cha con Tiểu Lan lo sợ ông có thể đã qua đời. Một ông lão trên 70 tuổi sống cô độc cho dù là ngồi trên đồng tiền vừa bán tranh vẫn không thoát khỏi cái chết. Đôi lúc, họ sợ rằng ông có thể bị bọn cướp đoạt tiền rồi giết chết ông. Nhưng các nhật báo và tuyên hình không có một vụ cướp nào như thế. Chỉ có một lão họa sĩ bị mất trộm trên 300 bức ký họa, nhưng sau nghe ra là lú lẫn để quên.

Mãi đến một ngày cuối năm của thiên niên kỷ hai ngàn, giữa lúc mọi người vừa hồi hộp lo sợ vừa sung sướng đón mừng cái thời khắc có một không hai trong đời thì ông lại đến. Ông già hơn rất nhiều, râu tóc đều trắng như cước. Tiểu Lan tuy riu rít nói cười vẫn không ngăn được những giọt nước mắt. Nàng muốn ngã vào lòng ông mà khóc như đã từng ngã vào lòng của cha. Đặt hộp tranh lên bàn, ông nói chậm rãi:

- Xin lỗi cô chủ nhỏ, tôi đã không giữ được lời hứa.

Chắc là cô buồn giận tôi lắm.

- Thừa họa sĩ, tôi đâu dám thế. Được gặp lại ông là tôi vui quá rồi.

Khi chân dung của Tiểu Lan được tháo khỏi hộp đựng tranh, bọn gia nhân quên cả phép tắc cùng chạy ùa đến xem. Nàng đang tuổi dậy thì, đẹp như trăng mới mọc, nhưng bức vẽ còn đẹp hơn. Nó sinh động đến nỗi, ai cũng tưởng như chính hai con mắt trong tranh nhìn thẳng vào mình chứ không phải là người xem đang ngắm một đôi mắt đẹp. Tiểu Lan ngây ngất như muốn bay lên. Nhà triệu phú thì nhẹ nhàng bảo gia nhân hãy bày tiệc rượu. Ông nói, cái mừng này còn hơn cả mừng được sống đến năm hai ngàn mà không phải tận thế.

Bức chân dung được treo giữa những cái tháp bay càng làm cho căn phòng trở nên dịu êm, ấm áp. Cha con Tiểu Lan rất bối rối vì không chuẩn bị kịp một món quà để tặng lại ông. Cả hai người đều chỉ biết thốt lên: đẹp quá, kỳ diệu quá! Khi tiệc rượu được bày ra, chủ nhân ngôi biệt thự nặng nề nói trong xúc động:

- Thừa họa sĩ, cha con chúng tôi rất biết ơn ông. Quả thực cái tài của ông đã ngang tầm với các đại danh họa mà tôi được biết. Không phải ngẫu nhiên khen con gái tôi, nhưng bức họa La Joconde khi được trưng bày lần đầu, thiết nghĩ cũng chỉ làm cho người xem xúc động đến như thế này mà thôi. Thực quá khiêm nhã nếu cha con chúng tôi muốn tặng ông một món quà theo như ý thích của ông. Mà khó thay, không biết ông thích gì!

- Tôi không dám nhận một món quà nào khác ngoài một cốc rượu. Ông và cô chủ nhỏ không việc gì phải áy náy. Ông và cô có biết tôi đã vui đến thế nào khi ngồi một mình vẽ chân dung cho cô. Tôi đã sống lại cái thời khắc đẹp nhất của đời mình. Ấy là lúc tôi vẽ chân dung cho cô tiểu công chúa của tôi, tức là nữ chủ nhân của những giấc mơ mà các vị đã biết.

Sau khi đã ghi lại được gần như tất cả những ngọn tháp nhìn thấy trong mơ, một hôm tiểu công chúa bảo đã đến lúc cô phải đi. Hỏi vì sao, cô bảo vì hai lẽ. Thứ nhất cô không còn mơ thấy những ngọn tháp nữa. Thứ hai, cô phải

bước hẳn vào đời sống, không thể cứ lừng lững lơ lơ mãi được. Nói rõ hơn là cô phải lấy chồng, sinh con. Để ghi lại bóng hình của một thời chỉ biết nằm mơ thấy những cái tháp, cô muốn tôi vẽ giúp cô một bức họa chính nhan sắc đang đẹp dần lên của cô. Tôi rất buồn, nhưng cũng rất vui vì được vẽ chính cô, một ngọn tháp xinh đẹp nhất trong mọi ngọn tháp.

Một buổi chiều trời đẹp, chúng tôi lên tháp Phú Cốc. Và trong ánh hoàng hôn cô đã ngồi chấp tay trước ngực để cho tôi vẽ. Thực ra là để cho tôi ngắm rồi sau đó về nhà ngồi vẽ một mình. Tôi không như những người khác phải mất rất nhiều giờ mới vẽ được. Tôi đã học được cách vẽ những giấc mơ của nàng và vì vậy tôi có thể dễ dàng thể hiện nàng lên tranh. Có một điều tôi và chắc các vị cũng không thể ngờ là nàng để tôi vẽ khoả thân. Khi nàng vào trong tháp để thay áo, tôi cứ tưởng nàng sẽ mặc một chiếc áo đẹp hơn. Đến lúc nàng buông tấm khăn choàng xuống đất, tôi sững sờ đến nỗi không nói được lời nào. Cứ như mặt trời vừa khuất sau rặng núi bỗng quay trở lại, rực rỡ đến chói lòa.

Tôi chưa bao giờ vẽ khoả thân. Đó là một nghệ thuật mà cái đẹp lúc nào cũng bị lợi dụng làm cho méo mó. Các họa sĩ thời Phục hưng thì trau chuốt đến độ người ta có cảm giác là tác giả đang ve vuốt, sờ mó cái đẹp chứ không phải tái hiện cái đẹp. Các họa sĩ lập thể, như để cố tình che dấu cái dục vọng của mình nên biến cái đẹp thành những hình những khối bị cắt xẻ, nhìn vào cứ tưởng là những cái lưỡi cày.

Lúc học ở trường, chúng tôi cũng có những bài tập về cách vẽ khoả thân. Dĩ nhiên không có một cô gái hay người đàn bà nào chịu ngồi làm mẫu ngoài những á giang hồ. Vì vậy, tranh không ra tranh. Vẫn những đường cong tuyệt mỹ mà tạo hoá ban cho người phụ nữ, nhưng cái đẹp đã qua tay hàng trăm người đã trở nên nhàu nhò tàn úa, chẳng còn ai thiết ngắm nhìn ngoài những con mắt bất buộc phải nhìn của người học vẽ.

Cái khó của người họa sĩ khi vẽ khoả thân, cho dù là với tinh thần nghệ thuật trong sáng vẫn không ngăn được

những đợt sóng âm u cứ chực tràn vào bức tranh. Tôi biết mình không có đủ trí lực để thay mặt tạo hoá làm cái việc gọi là sáng tạo ấy. Tôi đi tìm cái đẹp trong các ngọn tháp. Vậy mà, về mãi cũng chỉ được mấy mươi cái tháp trong mơ mà thôi.

Nàng ngồi xếp bằng như toạ thiền, hai tay chấp lại che một phần ngực, mắt nàng nhìn xa xăm như đuổi theo ánh mặt trời đang lặn. Một sự thánh thiện kỳ lạ như ánh hào quang toả ra trên người nàng. Cái mùi hương thanh thanh mà nhà thơ vẽ được bằng chữ viết sao sánh bằng hoạ sĩ vẽ được bằng sắc màu. Tôi dám đoán chắc là các vị sẽ cảm nhận được cái mùi hương ấy, mùi hương của đồng lúa trĩu khi xem tranh. Nàng chưa bao giờ thanh khiết như thế và tôi cũng chưa bao giờ cảm thấy mình trong sạch đến như vậy khi tập trung tất cả trí lực và thần lực để thu nhiếp cái Đẹp.

Lão họa sĩ tháo khung đựng tranh và như một thác nước, người con gái khoả thân sáng ngời cả căn phòng. Nàng như nữ thần Shiva với cái bầu ngực tươi thắm chứa chan tình yêu khiến người ta ngưỡng mộ chứ không xúc phạm.

Giống như con bướm đã thoát xác để lại cái vỏ kén, nàng đã bay về trời không bao giờ trở lại.

Chìm đắm trong sự thán phục tận đáy lòng, Tiểu Lan có cảm giác như đã từng gặp người trong tranh ở đâu đó trong những giấc mơ của riêng mình.

Hai người đàn ông đều trầm ngâm như đang lừng lơ giữa mộng và thực. *Mộng*, là thiếu nữ ngồi tĩnh toạ trước cái tháp đồ dài như cái bóng của nàng. Và *thực*, là Tiểu Lan đang ngồi yên lặng nhìn tranh qua làn nước mắt. Gió chiều cứ xô mãi vào phòng làm cho mặt toan rung động, như người trong tranh đang thở phập phồng. Nếu nàng bắt ngờ đứng dậy và bước ra khỏi bức tranh cũng không làm ai ngạc nhiên. Lão họa sĩ lại lên tiếng:

- Suốt 30 năm chờ đợi mà vẫn không gặp được nàng, tôi đã định mang bức tranh này theo tôi đi vào thế giới bên kia. Tôi đã viết sẵn di chúc cho người thân rằng hãy dùng bức tranh làm khăn liệm. Nhưng khi gặp Tiểu Lan, tôi linh cảm có một điều gì đó rất huyền diệu. Tôi tin một cách mãnh liệt rằng tâm hồn của hai người giống nhau như một. Khi cô tiểu chủ bảo những bức tranh của tôi vẽ giống như những ngọn tháp cô đã thấy trong những giấc mơ thì tôi xúc động đến sững sờ như đã gặp lại nàng. Và khi tôi cố thu nhiếp hình ảnh của Tiểu Lan, rồi một mình trong yên lặng ngồi vẽ lại, tôi khóc đến ướt cả toan. Tôi không cách gì vẽ được. Mãi đến những ngày gần đây, cảm thấy cái hơi lạnh của thiên thu đã ngấm vào từng đường gân thớ thịt, tôi mới có đủ trí lực và thần lực để vẽ. Bởi vì vẽ được là giải thoát được.

Đã đến lúc tôi cũng phải từ biệt tất cả để ra đi. Những bức tranh tôi yêu quý nâng niu và cả cái trần gian khốn khó này. Tôi rất mừng là đã được ông và cô không tiếc tiền, giữ hộ tôi những bức tranh. Tôi cũng xin dâng tặng bức tranh này cho Tiểu Lan, cô xứng đáng được gặp người chủ của những giấc mộng. Tôi xin gửi lời chào vĩnh biệt đến tất cả, những bức tranh, ông chủ lớn cùng cô chủ nhỏ.

Và, ông lão đi ra, nhanh đến nỗi thoáng cái đã mất hút như tan vào bọt sóng.

Thu sơ, năm 2007

ÔNG BẦU NGUYỄN MINH

Nói đến đội bóng đá hiện tại người ta thường nhắc tới huấn luyện viên. Đó là người thầy đã dẫn dắt và đào tạo lối đá cho các cầu thủ hầu tranh giải mang chiếc cúp vàng. Đội tuyển quốc gia cũng phải thuê huấn luyện viên nước ngoài, một vài năm rồi cũng xách vali về nước chỉ vì đội bóng ông ta dẫn dắt thua cuộc. Lại một ông Tây khác đến. Cứ thế, khi đội bóng thắng trận báo chí ca tụng ông ta, nhưng khi thua trận ông ta cũng bị báo chí chửi rủa.

Trở lại thời xưa cũ ở Sài Gòn, Hà Nội, bóng đá còn phôi thai, hưởng hồ gì tại một thị trấn nhỏ nhất nước lại có một đội bóng tuyệt vời đã để lại trong lòng các người mộ điệu thể thao những ấn tượng khó quên. Những cầu thủ được ca ngợi không tiếc lời như thủ môn Ty, hậu vệ Chín, tiền vệ Thành, trung phong Thương, nhưng còn một nhân vật chính, đứng phía sau, đạo diễn cuộc chơi mà mọi người trong thị trấn này vẫn thường yêu mến. Ông bầu. Đối với tôi ông còn là người đã tạo ra tôi và đã để lại trong tâm hồn biết bao nhiêu điều muốn nói.

Về tuổi thơ của ông, tôi đã nghe những người O, chị của ba tôi kể lại trong dịp tôi về quê nội tiếp tục học lên bậc trung học ở trường Quốc học, Huế. Ông nội tôi làm quan trong triều đại Tự Đức, thanh liêm. Khi chết vì bệnh lao phổi để lại cho bà nội tôi một đàn con đông đảo. Gần 12 người. Ba tôi áp út. Gia đình bà nội sa sút từ khi ông nội qua đời, nên ba tôi đành phải bỏ học sau khi đậu bằng Primaire và theo chân ông anh ruột đang làm đốc học ở Tuy Hòa.

Các anh của ba tôi lúc bấy giờ như những thanh niên cùng thời còn mặc áo dài thâm đen mang đôi guốc vong, tóc búi. Và họ chết vì bệnh khi tuổi đời không quá 40. Riêng ba tôi và bác Hân cùng mặc quần tây áo sơ mi trắng tắp, tóc hớt ngắn và chải rẽ một bên. Ba tôi và bác Hân giống nhau như hai giọt nước vì họ là anh em sinh đôi.

Nhưng sở thích mỗi người lại khác nhau.

Ba tôi ham mê những môn thể thao như bóng đá, quần vợt. Ngay từ thuở còn bé thơ, ba tôi cùng bạn bè trong xóm vào mỗi buổi chiều thường kéo nhau ra bãi cát rộng mênh mông sau làng cùng nhau chơi bóng đá. Những cặp giò đen đuốc, khẳng khiu, những bàn chân nhỏ bé, còn trái banh thì to như trái dưa hấu và nặng trĩu như quả dừa tươi còn bọc vỏ. Ngược lại, bác Hân chỉ thích thổi sáo và thả diều.

Một buổi chiều mùa hè, hai anh em đều ra chơi ở Bãi dâu. Cậu bé cầm cái lon quần sợi nhợ màu đỏ như người O già đang ngồi quay tơ, quay tròn quay tròn. Con diều bằng giấy bay cao, gặp cơn gió mạnh, như mái nhà tranh lật úp khi gặp phải cơn bão đi qua, cậu bé cố ghì xuống, níu lại. Cậu la lên cầu cứu, mong rằng thằng em sinh đôi bỏ cuộc chơi chạy đến ôm sau lưng mình tiếp sức để hạ cánh diều xuống.

Còn người em, trái banh đang ở trong chân mình mà trước mặt là cung thành chỉ còn thằng bé thủ môn đang luồn cuồn không biết hướng đi của đường banh. Tiếng kêu của đồng đội phía sau: “Sút mạnh vào, nhanh lên Đạt. Dzô. Dzô”. Trái banh bay thẳng vào khung thành, thủ môn ngã nhào té xuống. Trái banh đã lọt lưới.

Vừa lúc ấy ở đằng kia sân bãi, người anh sinh đôi đang nhảy cồm lên như đang chơi lò cò, tay cầm chắc sợi nhợ đỏ căng cứng, trên bầu trời con diều giấy lừng bùng theo từng cơn gió, và dưới đất chú bé hoảng hốt thấy mình như sắp bị bay lên nhưng lại chỉ hổng mặt đất giây phút ngắn rồi chân lại chạm lên đám cỏ hoang. Người em như nhận ra hình như có một điều gì không may sẽ xảy đến cho anh mình, mơ hồ nghe tiếng gọi, ngừng cuộc chơi, nhìn thấy người anh như trái banh đang tung vòng, cậu ta chạy đến thật nhanh, nhào tới như thủ môn đã đón được đường đi của trái banh, chụp lấy ôm vào lòng. Cả hai anh em đều té lộn nhào. Người em nằm trên người anh. Sợi dây nhợ quần vào tay người em. Con diều bị giật xuống bất thình lình quá mạnh, cái đuôi dài như đuôi con công bị đứt làm đôi, bay bùng theo gió, còn con diều mất thăng bằng, như

chiếc tàu bay giấy chúi mũi đâm đầu thật nhanh xuống bãi cát cạnh giòng sông của cồn Hến. Cả hai cậu bé anh em sinh đôi lò bò ngồi dậy, còn lũ trẻ vỗ tay cười ròn rã.

Lớn lên, mỗi người vẫn mỗi sở thích khác nhau như ngày còn thơ ấu, nhưng họ giống nhau ở tính hào hoa phong nhã, phóng khoáng. Mấy O tôi thường kể các cô gái tuổi mới dậy thì ở trong xóm hay mon men bên cối xay lúa nhà ông bà Nội tôi ngẩn ngơ nghe giọng hò điệu Nam Ai Nam Bình của ba tôi, chàng thanh niên bảnh trai, chân vừa đập lên càn giả gạo, mắt nhìn đâu xa.

Rồi ba tôi bỏ cái cối xay, bỏ mấy O gái Huế đó để vào Tuy Hòa, mang theo giọng hò buồn ai oán đó làm nao lòng cô gái lảng giềng nơi mới đến. Nhà Bác tôi và nhà ông bà ngoại tôi cùng ở dưới chân ngọn núi Tháp Nhạn và đều xây tường gạch lợp mái ngói đỏ, rộng rãi, Khang trang, khác với những dãy nhà trong xóm còn vách đất, mái tranh. Ranh giới giữa hai nhà là hàng rào bằng cây đâm bụi, xanh um, dày đặc, cao tới đầu người, nên hai bên chỉ thoáng thoáng nghe được tiếng cười, tiếng nói mà thôi, muốn nhìn thấy mặt nhau, phải nhảy lên, hoặc đứng trên bậc cấp của nhà mình, nhưng chỉ thoáng qua vì khoảng cách là hai khu đất vườn cây ăn trái. Cây xoài. Cây mít. Bụi chuối.

Mỗi buổi chiều tàn sau khi từ sở làm trở về, chàng thanh niên như muốn trút ra hết nỗi nhớ nhà, nhớ cha nhớ mẹ qua vài câu hò, nhưng chàng ngưng lại khi nghe phía nhà bên kia có tiếng kêu của người con gái. Lúc đầu nhỏ giọng nhưng sau to dần. Lại có vẻ như muốn cầu cứu ai đó. Sau cùng có tiếng guốc dồn dập trên lối đi ngoài sân giáp giới nhà chàng.

- Dừng, dừng đến gần. Ái! Ái!

Chàng thanh niên đứng khuất bên này tưởng tượng đến cảnh cô gái đó đang bị ai đó hiếp đáp. Chàng sốt ruột cất tiếng hỏi. Giọng đặc sệt Huế chạy:

- Cái chi rứa?

Giọng người con gái cũng đặc sệt Phú Yên:

- Đồ khi nà?

- Tui hỏi cô có sao không. Tui chạy qua. Sao lại mắng

tui?

Bên kia, tiếng cô gái lập bập như đang xô đuổi ai?

- Im đi, đồ khỉ?

Chàng thanh niên ngơ ngác trong bụng nghĩ thầm: Con gái gì mà mất lịch sự, hàng xóm láng giềng mình sợ họ gặp tai ương chi, hỏi để biết đường cứu, lại chưởi mình là con khỉ. Chập nữa những người anh của nàng về chàng sẽ mất vốn. Nhưng cho chắc chắn phải như vậy không, chàng thanh niên vào nhà lấy chiếc ghế cao, đứng lên nhìn qua. Chàng thấy một cô gái mặc bộ đồ bà ba màu đen đang ôm lấy mặt úp vào thân cây. Trước mặt cô là một bày khi năm sáu con đang bao vây. Chúng giơ tay, giơ chân, mặt nhăn nhó, phát ra những tiếng gầm gừ, doạ nạt. Nhớ lại những ngày đầu tiên đến đây, chị dâu chàng chỉ lên trên núi Tháp Nhạn mà nói: Chỗ này rừng thưa có nhiều bày khi sống và thường kéo xuống phá phách nhà người dân ở đây lắm. Giờ chàng mới thấy. Được rồi, tao sẽ trị chúng mày.

Chàng vào nhà lấy trái banh da mà chàng đã mang từ Huế vô, chàng lấy khăn ướt vỗ vào mặt trái banh và rất ốt bột dính lên đó. Đứng trên ghế cao chàng nhắm vào con khi đầu đàn, quăng trái banh vào mặt nó. Con khi đón được tiếng gió hướng đi trái banh, hai tay nhỏ xíu cũng đưa lên bắt lấy. Bỗng dưng nó kêu thét lên, đưa hai bàn tay dụi vào mắt lia lịa. Hai chân dẫm đành đập lên sân vườn. Mấy con khi khác chí chóc xoay quanh con đầu đàn. Bỏ lại trái banh, chúng cùng nhau nắm hai tay hai chân con khi bị thương, kéo nhau chạy như điên về phía núi.

Chàng thanh niên cất tiếng cười hả hê. Người con gái chỉ nghĩ là con khi bị trái banh trúng vào đầu đau quá mà bỏ chạy thôi. Nàng phục tài ném banh của chàng thanh niên. Nàng nói nhỏ một lời cảm ơn. Chàng thanh niên thấy người con gái tiến về phía trái banh định cầm lên quăng qua hàng rào cho chàng. Người thanh niên nhắc nhở:

- Cô nhớ rửa tay cho sạch. Chứ không rửa dụi mắt thì khổn đó.

- Sao vậy?

- Thi ớt đó.

Tiếng ớt đó như nhắc đến một kỷ niệm ngày còn thơ ấu của người con gái đã làm nàng hoảng hồn. Cảnh hai nhóm bạn gái khác xóm, tuổi mới lên mười, ganh ghét nhau vì những chuyện không đâu, rồi thách đồ nhau, gay nên ấu đả. Không biết ai mách nước cho con bạn xát ớt vào bàn tay bé bỏng của mình mà tát thẳng vào mặt đối phương. Kết quả là con bé tóc xỏa lung bung, mặt đỏ rần, nước mắt chảy ròng, miệng méu máo, khóc la. Hai tay ôm lấy mặt, ngã xuống đất. Những đứa con gái khác không biết cái tát kia mạnh thế nào mà gây hậu quả ghê gớm như thế. Tiếng kêu gào thảm thương làm động lòng bọn trẻ hai bên. Người con gái nghĩ mình là kẻ đồng lõa vì biết trước sự việc, nhưng nàng nghĩ chỉ cay mắt một lát rồi thôi. Thấy cảnh đôi mắt đỏ hoe và chân tay con bé kia run cầm cập, mồ hôi toát ra. Bọn bạn vì sợ hãi và thương bạn mình bị nạn, không biết cách chữa trị đều bu quanh mà khóc theo. Cô bé chợt nghĩ cách, như đã thấy mẹ mình mỗi lần bị bụi văng vào mắt, úp mặt vào thau nước đầy, nháy mắt lia lia để hạt bụi trôi ra theo dòng nước. Cô bé chạy về nhà xách thau nước, đến vỗ vè, diu dặt và bày cách chữa trị cho địch thủ. Mấy ngày sau đôi mắt của con bé kia vẫn đỏ hoe, phải đi nhà thương chữa trị. Bác sĩ dọa không khéo sẽ mù lòa làm bọn trẻ càng sợ hãi, nhưng cũng từ đó hai nhóm trẻ đó lại thân nhau, cùng chơi đùa, bắt ốc trên bãi cát của dòng sông Ba ngang qua cây cầu sắt mang tên Đà Rằng dài thườn thượt, cùng ca hát líu lo.

Tiếng ớt đó làm cô gái buột miệng thốt lên:

- Ác quá. Con người chịu không được, huống hồ con khi.

Nói xong cô gái khóc thút thít và đứng giậy bỏ vào nhà để mặc chàng thanh niên đứng ngẩn ngơ.

Đó là giây phút đầu tiên ba mẹ tôi quen nhau. Sau đó một thời gian hai bác tôi mặc áo dài mang sình lễ qua nhà hàng xóm đó hỏi vợ cho ba tôi.

Ba mẹ tôi sống ở Tuy Hòa đến mười năm sau mới kéo nhau vào lập nghiệp tại thị trấn bé nhỏ này. Nơi đây tôi được sinh ra và lớn lên. Anh Thương và chị Miên sinh ra

ở quê ngoại, và lớn hơn tôi cả 10 tuổi. Ba tôi sau một cuộc cãi vã với viên quan chức người Pháp, lý do đơn giản là ông ta xúc phạm đến người dân bản xứ, có lần ông mắng ba tôi là đồ annammist, đồ mọi. Ba tôi không dẫn được con giận nên đã thoi vào mặt ông là và gọi: Đồ thực dân.

Hai bác tôi khuyên Ba mẹ tôi không nên sống ở đây nữa ngại sự trả thù của viên quan đó. Vào thị xã nhỏ này Ba tôi lại gặp người anh sinh đôi đang làm Y sĩ ở bệnh viện Tỉnh. Trong thời gian thất nghiệp Ba tôi học nghề y do bác tôi truyền lại. Vừa học vừa thực hành, bệnh nhân của bác tôi đến nhà riêng để chữa bệnh, bác tôi đi vắng nhường lại cho ba tôi, bệnh nhân không nhận ra đúng người. Không ngờ bác tôi chết sau một trận dịch tả. Từ từ ba tôi có uy tín và mọi người cho là ba tôi mất tay. Từ đó người dân trong thị xã này gọi ba tôi là Thầy Đào. Hàng ngày ba tôi xách cặp đựng thuốc đập xe đạp đi về mấy làng quanh thị xã chữa bệnh cho dân.

Với bác tôi, ba tôi đã học được nghề Y của ông. Còn làm thế nào mà ba tôi trở thành một trong những trọng tài bóng đá và hơn nữa là ông bầu huấn luyện một đội banh tư nhân bài bản như thế, cứ làm tôi thắc mắc.

Ban đầu những người anh chú bác của tôi và vài thanh niên trong xóm, vào buổi chiều kéo nhau ra khoảng đất trống cùng nhau đá banh. Họ mang chân đất nên sau buổi chơi trở về nhà suýt xoa vì những vết sưng hoặc bầm tím của những lần va chạm với trái banh da căng cứng. Họ phải mua cốc rượu để phun vào những bàn chân và hai tay bóp mạnh cho đến khi tan vết bầm. Ba tôi, tình cờ nghe mấy anh em bàn tán cuộc chơi có vẻ hào hứng và họ mong có người nào đó đứng ra làm ông bầu thì hay biết mấy. Bỗng dưng ba tôi nói:

-Tụi mày có muốn tao làm ông bầu không?

Cả đám nhìn nhau tưởng như mình nghe nhầm, đều đưa những cặp mắt sưng sốt về ba tôi và họ đồng thanh thốt lên hai tiếng: Hoan hô.

Việc đầu tiên là ba tôi cho tiền và bảo các anh ra tiệm tạp hóa mua mỗi người một đôi giày bata vừa chân họ. Tập đá banh bằng những đôi giày này trước khi mang

chính thức đôi giày đinh chính hiệu.

Sau đó ba tôi tuyển lựa cầu thủ. Lúc đầu chỉ đủ 11 người sau lên đến hơn hai mươi người chia thành hai đội A và B. Thường vào buổi chiều ba tôi dẫn họ ra sân chơi. Đó là một khu đất trống rộng thênh thang, chung quanh lưa thưa vài ngôi nhà tranh, nhà ngói. Ba tôi mặc quần sọc trắng, áo sơ mi màu xanh đậm ngấn tay cầm còi làm trọng tài. Ba tôi chạy theo bám riết để theo dõi từng cử chỉ nhất là những cú va chạm hai đội mà phạt cho đúng luật.

Từ một đội bóng nghiệp dư tầm thường ba tôi đã biến nó thành một đội bóng chuyên nghiệp. Đội bóng mang tên Thanh Long. Đồng phục quần sọc xanh, áo thun xanh và biển số màu trắng to tướng gắn sau lưng.

Ba tôi phải đi chiêu mộ từng cầu thủ xuất sắc từ các đội tuyển các tỉnh thành khác. Tôi không hiểu bằng cách nào mà chú Vĩnh, một tiền vệ với những cái đánh đầu đưa banh vào khung thành làm bó tay thủ môn, bỏ đội tuyển Sài Gòn - Gia Định về đầu quân một đội bóng chưa có tiếng tăm và lại ở một cái thị xã bé nhỏ này. Tận các tỉnh miền Nam, anh Thành, anh Chin... cũng nhập đội. Ngoài Bắc vào, đội bóng có thêm anh Mai, một cầu thủ xuất sắc của Hà Nội, tướng to lớn, lạnh lẽ, có những cú sút mạnh như vũ bão. Anh Hải từ Huế kéo theo vài người bạn nữa, họ cũng là những cầu thủ có tiếng của Kinh thành.

Nói tóm lại, đội bóng của ba tôi tập hợp nhiều danh thủ khắp cả nước. Trong nhà tôi lúc nào cũng rộn ràng tiếng cười của những người thanh niên cầu thủ bóng đá. Sau mỗi trận ra quân, buổi tối ông tập hợp các cầu thủ lại, ông chỉ những khuyết điểm cần phải tránh. Ông ghét nhất lối chơi xấu, thô bạo trong lúc giành bóng như thúc cùi chỏ vào hông đối phương, dẫm giày lên chân đối phương, xô đẩy để đối phương té lăn cù trên sân gây thương tổn cho họ, nên ông gay gắt cảnh cáo, và cuối cùng nếu tái phạm ba tôi loại hẳn họ ra khỏi đội. Thường các cầu thủ trong đội Thanh Long, ban đầu chỉ chơi banh thuận ở chân mặt, riêng chú Vĩnh, anh Mai hai chân đều sút banh mạnh vũ bão như nhau. Ba tôi nhờ hai người ấy tập lại cho các cầu thủ khác. Qua bao nhiêu ngày tháng tập dợt họ rất nhuyễn

không còn luồn cuộn phải né mình đưa chân phải ra đón banh. Còn một việc tuy là dễ, ai cũng hứa với ba tôi trước khi ra quân là tránh lối chơi cá nhân chỉ một mình lừa banh qua đối thủ rồi khăng khăng giữ banh không chịu chuyển banh liền cho đồng đội để cuối cùng bị đối phương giành lấy, lúc ấy họ chỉ nghe tiếng vỗ tay hoan nghênh của khán giả tưởng lầm mình như một “anh hùng”. Nhiều khi ba tôi phải ra đứng bên lề sân bóng đá để nhắc nhủ về lối chơi đồng đội ăn khớp với nhau, như một bài học trong những buổi chiều ba tôi vẽ trên tấm bảng đen.

Ba tôi thường nhắc nhở như một điều cấm kỵ đối với các cầu thủ trước khi lâm trận quyết đấu tranh giải với các đội ở Tỉnh khác là các cầu thủ có vợ tuyệt đối không được ngủ chung với vợ. Ông cười nói nhỏ: *“Ráng nhịn, để giành khi chiến thắng mà mặc sức.”* Lý do đơn giản, không phải ông tin dị đoan mà ông sợ cầu thủ đó mất phong độ, sức lực giảm đi. Các cầu thủ còn độc thân thì nên tránh gặp người yêu, để tâm tư thoải mái, để trí óc sáng suốt. Tất cả đều giành cho trận đấu. Sức lực và tinh thần phải đi đôi với nhau.

Đội bóng Thanh Long càng lúc càng trở nên có tiếng tăm. Chỉ trong vòng hơn năm năm đã trở thành một trong những đội banh mạnh nhất của miền Nam. Sau đó đội banh Thanh Long bị rã đám, vì các cầu thủ và ông bầu lần lượt bị tù đầy.

Lần thứ nhất. Ba tôi bị mật thám Tây bắt với những tội danh chứa chấp Việt Minh. Đơn giản là chú Vĩnh đã chỉ huy một toán Vệ Quốc Quân vừa trấn thủ dinh Phủ sứ của Pháp vừa chiếm được, vừa ca *“Đoàn Vệ Quốc Quân một lòng ra đi.”* Trong lần phản công chiếm lại bọn Tây đã nhắm bắn vào đầu chú Vĩnh. Sau đó một năm, tiếp đến là anh Mai, một cầu thủ ở hàng tiền vệ cũng bị Tây bắt và xử tử bằng một loạt súng trường. Dồn dập, kể đến anh Chín, một hậu vệ mà ba mẹ tôi đi cưới vợ cho anh ấy, bị một tên mật thám cướp vợ anh bằng cách bảo anh là một trong những người lãnh đạo của bộ đội Bình Xuyên ở tận rừng U Minh đang lánh nạn. Cùng lúc đó, anh Thành vội vàng vào chiến khu. Sau cùng, anh Thương bỏ lại người yêu, lia

xa cha mẹ thân yêu, bỏ cuộc đời trường giả, lên núi sống vất vả, dầm sương giải nắng. Bọn mật thám tra tấn ba tôi một cách dã man để chỉ được một câu trả lời thích đáng: *“Tổ chức là ai? Tiền của đâu mà nuôi nấng cả một đội banh. Bọn nó toàn dân tứ xứ. Bại lộ rồi kéo nhau vào chiến khu. Cả thằng con ông cũng đi theo Việt Minh.”* Ba tôi chỉ lắc đầu, ngậm câm.

Kết quả là ba tôi bị trục xuất khỏi tỉnh, buộc trở về sống nơi mình đã sinh ra và lớn lên. Huế. Đó là vào năm 1949, các tỉnh miền Trung như Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam thuộc Liên Khu 5 của Việt Minh, từ thị xã của chúng tôi muốn ra Huế chỉ đi đường thủy hoặc máy bay mà thôi. Còn đường bộ, xe hơi xe lửa thì đứt hẳn. Việt Minh và Quốc Gia có lính viễn chinh Pháp, Tây đen rạch mặt, Tây trắng mũi lõ đánh đấm nhau chí chóe. Chiến tranh lan rộng từ đồng bằng đến núi cao, từ thôn giả đến thị thành. Tường chẳng bao giờ chấm dứt. Mãi đến năm 1954 mới đình chiến và đất nước bị chia đôi. Ranh giới là chiếc cầu Hiền Lương, Bến Hải. Vùng liên khu 5 giao lại cho Quốc Gia. Mẹ tôi mừng rỡ đến rơi nước mắt. Chuyến xe đò đầu tiên thông suốt từ Nam đến Đồng Hà, mẹ tôi là người hành khách đầu tiên. Nhưng bà chỉ xuống xe, ngừng lại quê hương bà có chiếc cầu Đà Rằng dài nhất nước cùng con sông Ba uốn lượn qua bao nhiêu xóm làng, mùa hè nước cạn, gior lên bãi cát trắng tinh hai bên bờ, trong veo; mùa thu đông nước dâng cao lấp bờ chây cuộn cuộn, đục ngầu màu phù sa. Núi Nạn vẫn đứng trơ trơ như đá hòn vọng phu giữa trời trên ngọn đồi, bày khi năm xưa, thời không có tiếng súng sinh sôi nảy nở, qua chín năm kháng chiến, máy bay của Pháp thường ra oanh tạc thả xuống bao nhiêu bom napal đốt cháy núi rừng, bày khi đã biệt tăm.

Khi trở về, mẹ tôi dắt theo những người anh em con cậu, con dì, áo quần chắp vá, mặt mày xanh úa như tàu lá chuối xác xơ. Mẹ tôi vội mua vải và chị Miên đo kích thước từng người, thức đêm may cho xong để nhìn các chị em mình tươi tắn trong bộ quần áo mới tinh, cười nói rộn ràng.

Những ngày sau đó, mẹ tôi chuẩn bị cho một chuyến đi về quê nội của tôi không ngoài ý định là thu xếp đưa ba tôi cùng vợ con của ông về sống trong cùng chung một mái nhà. Mẹ tôi thường bảo với các chị tôi: “Phải thông cảm cho nỗi cô đơn của ba tôi”. Ông không bao giờ nghĩ đến ngày chính quyền trả lại tự do cho ông. Trong bốn năm xa quê đó ông lập gia đình với một người thiếu phụ, tuổi xấp xỉ với chị tôi. Và tôi lại có thêm hai đứa em cùng cha khác mẹ. Được tin ấy Mẹ tôi chỉ buồn đôi chút, nhưng Mẹ tôi nghĩ các cháu chắc, có khi người dung khác họ, như những cầu thủ đội banh của ba tôi bà còn vui vẻ, ân cần nuôi nấng với tất cả tấm lòng thương yêu thì huống hồ gì mấy đứa trẻ, máu mủ của chồng mình, và người đàn bà kia phải khổ đau nếu mẹ tôi buộc họ phải chia tay.

Nhà tôi bắt đầu đông vui trở lại. Về bờ ngõ ban đầu của di tôi tan đi rất nhanh. Mọi người trong nhà không phân biệt giữa mẹ tôi và di tôi. Ngay cả tôi cũng không thấy có khoảng cách, thế nào là di ghẻ con chồng, hay vợ cả hành xách vợ bé, hoặc bà nhỏ tí tê với chồng để chồng ghét bỏ bà lớn, còn con cái thì bên vực mẹ mình, ngúyt ngắc, hỗn hào với mẹ kế, mẹ lớn. Gia đình chúng sống trong cảnh hòa thuận, êm ấm.

Lúc này, thời đệ nhất cộng hòa phong trào thể thao lên cực độ nhất là môn bóng đá, chính quyền Tỉnh thiết tha mời ba tôi về làm huấn luyện viên cho đội banh vừa mới tuyển. Tất cả cầu thủ đều ăn lương nhà nước, riêng ba tôi lương đặc biệt, rất hậu. Nhưng ba tôi lắc đầu từ chối vì ông biết chẳng bao giờ ông có được một đội banh tuyệt vời như thuở nào. Ông chỉ tặng những chiếc cúp đoạt giải ngày xưa cho họ để chưng trong phòng khách của Ty Thanh niên vừa mới thành lập.

Không còn đội banh, không còn những cầu thủ bóng đá, ba tôi chuyển qua chơi đá gà. Trong nhà ông nuôi cả chục con, cũng tuyển lựa từ các tỉnh thành. Nghe nơi nào có gà nòi chính cống với những cú đá độc đáo ông tìm đến mua về. Cả cái sân nhỏ hẹp, từng hàng một những chiếc lồng đan tre nhốt mỗi con gà đá. Ba tôi đặt tên từng con để khỏi lầm lẫn và tôi là kẻ thường phạm lỗi hay bỏ đi chơi

theo lời mời gọi của lũ bạn trong xóm để lũ gà xô lồng đá nhau tới tả đến nỗi ba tôi giận dữ đem tôi ra trước sân nhà nhốt trong lồng chuồng để bọn trẻ điều cợt. Khi Mẹ tôi biết được, bà không bằng lòng với cách trừng phạt đó, dù là đối với trẻ con nhưng đó là cách hạ nhục nhân cách của một con người. Di tôi cũng đồng ý. Cả hai tỏ thái độ phản kháng. Ba tôi nhận lỗi nhưng ông cũng xuýt xoa tiếc nuối về mấy con gà chiến đã bị tổn thương nặng. Còn tôi hết ảm ức sau khi ba tôi đưa tay vỗ lên tóc tôi, những lần sau ba tôi nhờ việc gì tôi tập trung chu toàn.

Ngày xưa trong nhà rộn ràng tiếng huýt gió, tiếng hát oan oan, tiếng nói chuyện ồn ào vào mỗi buổi sáng của các chàng thanh niên, cầu thủ của ba tôi, giờ đây thế vào đó là những tiếng gà gáy vang trời, điếc cả tai nhưng thét rồi cũng quen và nhớ giờ dậy sớm để học bài.

Vì đội banh ba tôi bị tù tôi. Bây giờ lại vì chơi đá gà ba tôi lại bị tù lần thứ hai. Lúc bấy giờ chơi chơi gà không bị chính quyền cấm đoán, nhưng ba tôi hay mang gà đi đến các tỉnh khác, phải tìm kiếm nơi xuất phát những con gà nòi xuất sắc ba tôi phải tìm người rành điệu hướng dẫn. Trong giới mê đá gà xem ba tôi thành một thần tượng.

Lúc bấy giờ miền Nam im bất tiếng súng, nhưng chỉ được vài năm, những xóm làng hẻo lánh xuất hiện lại du kích từ trên núi trở về, và tin từ đài phát thanh loan tin về Mặt trận Giải Phóng Miền Nam ra đời. Ba tôi bị mật vụ của Ngô Đình Nhu theo dõi, lấy cớ là ba tôi thường liên lạc, móc nối với Việt Cộng. Những gia đình có con theo Việt Minh ngày nào đã đi tập kết ra Bắc đều bị làm khó dễ.

Ba tôi không thể trả lời được những buổi thẩm vấn, hỏi cung của bọn mật vụ: Có phải ông lấy cớ chơi gà chọi để đi về nông thôn, bắt liên lạc từ trên núi với thằng con trai tên Thương từ Bắc trở về Nam không? Tiền bạc đâu mà hết lập đội bóng đá rồi lại đội gà chọi? Phải có ban kinh tài VC tài trợ? Về sau, tôi mới biết, lý do đơn giản là tên Tỉnh trưởng muốn có tiền của công hiến cho ông cố vấn Ngô Đình Cẩn ở Huế bằng cách lợi dụng bắt những gia đình giàu có mà lý lịch đã vào sổ đen để tống tiền. Khi

biết rõ ý đồ đó, Mẹ tôi vội vàng vợ vét của cái bán ra để chuộc ba tôi về, thì ông cũng đã bị đòn thấu xương. Thân tàn ma dại.

Ba tôi được thả về nhà, cả mẹ tôi và dì tôi săn sóc, bồi dưỡng chu đáo, sức khỏe ông từ từ trở lại. Nhưng mẹ tôi lại mang chứng bệnh nan y là ung thư và bà mất đi sau đó vài năm hết chữa trị từ bệnh viện này qua bệnh viện khác ở Sài Gòn.

Trong thời gian này, tôi cũng từ giả ngôi nhà số 11 vào Sài Gòn rồi trở về quê nội, Huế, tiếp tục việc học hành, xong đến Qui Nhơn vào trường Sư Phạm, ra trường cầm sự vụ lệnh đến nơi mình phải công tác. Về lại nơi mình đã xuất phát ra đi.

Tôi ngỡ ngàng ngay những ngày đầu tiên. Ngôi nhà vắng tanh. Tất cả những người anh em bà con đã ra ở riêng và tàn mác. Chỉ còn lại dì tôi, chị Miên, và ba tôi.

Làm sao tôi không xót xa khi tôi đứng trước một ông già, thân tàn ma dại, co ro trong bộ đồ bà ba lụa trắng, tay chống chiếc gậy trúc, lê từng bước chân nặng nhọc từ ngoài nhà vào. Tôi ập úng, giọng nói như muốn tẩn vào không khí: Thưa Ba, con đã trở về.

Đôi mắt ba tôi không còn sáng quắc như ngày nào, bây giờ nó mờ dần, ba tôi chỉ gật đầu tỏ vẻ vui mừng đón tiếp.

Chị Miên suốt ngày tám tiếng đến sở làm. Tôi được bổ nhiệm về một ngôi trường trong thị xã. Ngày thứ năm và chủ nhật tôi chỉ biết giam mình trên căn gác gỗ vừa mới cất thêm trên gian nhà dưới, với một thế giới riêng biệt, bé nhỏ, nhưng thoải mái, tránh không khí ngột ngạt, nặng nề.

Từ khi Mẹ tôi chết, từ khi ba tôi tàn tạ với căn bệnh lao phổi ở giai đoạn cuối, căn nhà trên ngày nào là phòng khách tập nập người quen, vẫn bộ ghế sa lông bằng gỗ gõ bệ vệ chiếm giữa căn phòng, hai bên là hai cái lục bình sứ tàu cao to đặt trên hai cái đầu gỗ màu đen bóng có chạm khắc hoa văn. Bây giờ vẫn còn đó nhưng chẳng có ai đến ngồi vào chuyen trò vui về.

Căn nhà sau kế tiếp dành riêng cho ba tôi. Một chiếc tủ thờ luôn luôn có ngọn đèn dầu leo loét ánh sáng mù mờ,

một tấm ảnh thờ mẹ tôi, một lư đồng nhỏ lúc nào cũng đốt cháy một cây nhang. Cạnh đó là chiếc ghế xích đu bằng vải bố, và ba tôi thả người trên đó hằng ngày. Chỉ vào ban đêm ba tôi mới nằm trên chiếc giường nệm ở một góc phòng. Từ ngoài muốn vào phòng chị Miên, trước kia là của mẹ tôi, xuống nhà dưới Di tôi và hai đứa em nhỏ, hoặc lên căn gác - gian sơn - của tôi, tất cả đều phải bước qua chỗ ba tôi nằm như một cửa ngõ âm u, buồn bã. Đến nổi bốn mươi năm sau tôi gặp lại Tuyên, nhắc về ba tôi, nàng nói ngày ấy mỗi lần đèn thắp tôi, lên căn gác nhỏ nàng lấy hết can đảm, bình tĩnh để bước qua chỗ ba tôi nằm. Có một lần tôi đưa nàng ra về, tôi đi bên cạnh để nàng bớt lo sợ, ba tôi đã kêu dừng lại với giọng nói từng tiếng một, rồi rạc: “Các con cố gắng vượt qua”. Tôi nắm chặt tay Tuyên. Tôi hiểu. Tôi tưởng lời nói đó Tuyên cũng nghe được. Ngờ đâu, khi chúng tôi tuổi đã già cả rồi, nhắc lại Tuyên hỏi tôi chứ hỏi đó ba anh nói gì vậy?

Con trai để trẻ một vài năm lấy vợ chưa muộn. Sợ con gái không đợi được ngày mãn tang cha, hơn nữa chị Miên tuổi đã xấp xỉ ba mươi, nên ba tôi lo lắng, trước khi mình nhắm mắt xuôi tay ông muốn được nhìn thấy chị Miên có chồng.

Những ngày cuối cùng của ba tôi thật bi đát. Ông biết mình không thể kéo dài cuộc sống bệnh hoạn, những cơn ho xé ruột, những ngum máu trào ra, những khuôn mặt người thân đã khuất cứ chập chờn hiện ra trong giấc ngủ ngắn ngủi của ba tôi để sáng mai ông kể lại cho di tôi nghe như một điềm gỡ.

Một buổi sáng không ai nghe tiếng ho, như mọi ngày, của ba tôi. Di tôi mới khám phá ra ba tôi đã chết từ hồi khuya. Khi liệm xác ba tôi, dưới chiếc gối ở đầu giường có một tuýt thuốc ngủ chỉ còn sót lại một viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2009

(Khởi viết ngày 12 tháng 3 năm 2009)

NGUYỄN THỊ THANH DƯƠNG

Vị nho chua đầu mùa

Cuối cùng thì Quân cũng tìm thấy nhà Hào sau hơn 2 tiếng lái xe từ Westminster đến San Diego. Ngôi nhà nằm trên một khu đồi dốc, trước sân có hai cây Crepe Myrtle đang ra hoa, những chùm hoa đỏ, thoáng trông như loài hoa giấy, làm Quân nhớ đến những mùa Hè ở Texas mà một thời anh đã ở đó, có những con đường lộng lẫy một màu hoa đỏ Crepe Myrtle, làm cái nóng mùa Hè như dịu lại. Ở thành phố này, Crepe Myrtle ít thấy hơn.

Người mở cửa đón Quân chính là Hào, hai người bạn ôm nhau mừng rỡ. Hơn 5 năm sau họ mới gặp nhau kể từ hôm đám cưới của Hào, mỗi người một nơi, sự bận bịu của cuộc sống, nên chỉ vài giờ bay là gặp nhau cũng là điều không dễ thực hiện.

Hôm nay, nếu Quân không đi Calif. vì công việc thì chưa chắc có lần gặp gỡ này.

Bước chân vào nhà, Quân đã ngửi thấy một mùi hoa thơm làm anh dễ chịu, quên hết sự mệt mỏi vừa lái xe lúc nãy. Hai người hỏi thăm nhau và nói chuyện đủ thứ, dù thỉnh thoảng họ vẫn liên hệ với nhau bằng phone, hỏi thăm qua loa thông lệ, khi gặp mặt thật thì dường như có nhiều điều để nói hơn.

Họ là đôi bạn thân từ hồi Trung Học, xong Đại Học, mỗi người một nơi, Hào đã yên ấm gia đình, có một đứa con trai, còn Quân vẫn long đong với nhiều mối tình, nhưng chưa bao giờ anh cảm thấy mình thực sự hạnh phúc.

Tạm vơi câu chuyện Hào mới thông báo cho Quân biết là chiều nay có bữa tiệc sinh nhật của vợ Hào, ngẫu nhiên mà Quân đã đến đúng lúc.

Quân vào phòng tắm, lại một mùi hoa thơm làm anh ngây ngất, mùi thơm tự nhiên chứ không phải mùi của dầu thơm hóa chất. Quân đã thấy một đĩa sứ trắng nhỏ đầy ắp

những cánh hoa Ngọc Lan để một góc bên cạnh chỗ rửa tay.

Anh mở vòi nước, những tia nước nhỏ mát lạnh cùng với mùi hoa thơm làm Quân thích thú. Anh quên mất ngoài trời đang là mùa Hạ, và hôm nay San Diego nóng lên tới 90 độ F.

Quân ra ngoài với mái tóc không cần chải, sau khi lau khô, anh lấy những ngón tay xới tóc lên, chốc nữa những ngọn tóc lại bông bênh như thói quen không thể nào thay đổi. Mái tóc dày và đẹp của Quân càng làm cho gương mặt anh thêm vẻ phong trần và quyến rũ. Anh biết điều ấy. Căn nhà thật tuyệt vời vì có mùi thơm của hoa Ngọc Lan! Quân thốt lên những lời khen tặng thật tình.

- Anh nói đúng đấy, nhưng anh có biết hoa Ngọc Lan có từ đâu không?

Đó là giọng nói của một cô gái làm Quân giật mình, anh ngỡ ngàng quay lại. Từ phía bếp cô gái đứng đó mỉm cười, bất ngờ như trong cổ tích:

- Chào anh!

- Tôi xin lỗi, tôi cứ tưởng là Hào còn đang ngồi đợi tôi ở ngoài phòng khách.

- Vâng, nhưng anh Hào vừa mới đi đón vợ từ một tiệm làm tóc. Vậy anh có muốn ra sân sau coi hoa Ngọc Lan không?

- Tôi xin được vâng lời cô.

Rồi Quân tự giới thiệu:

-Tôi là Quân...

- Em biết rồi, là bạn thân của anh Hào chứ gì? Lúc nãy em vừa làm bếp vừa nghe lóm câu chuyện của hai anh. Còn em là Giang, em vợ của anh Hào.

Giang xinh đẹp, vốn là người đàn ông luôn được các người đẹp chạy theo yêu chiều, Quân kiêu ngạo và lạnh lùng, cũng phải lần đầu tiên thấy mình bối rối:

- Tôi chưa bao giờ biết rằng Hào có một cô em vợ dễ thương như cô.

Giang tỉnh ngộ mỉm cười:

- Em cũng chưa bao giờ biết rằng anh Hào có một người

bạn khéo nịnh như anh.

Giang mở cửa sau ra vườn, Quân theo chân nàng. Bên phải mảnh vườn, gần cửa sổ bếp là hai cây hoa Ngọc Lan cao gấp rưỡi đầu người đang nở hoa, những cánh hoa màu trắng, thon thon như những ngón tay con gái tuổi Xuân thì đang nép mình sau màu xanh của lá.

Giang hái mỗi cây một cánh hoa và đưa cho Quân:

- Hai loại hoa khác nhau đấy, anh thử ngửi xem mùi hương nào anh thích hơn?

- Tôi chịu thôi! Chẳng khác nào Giang bảo tôi chăm điểm cả hai người con gái đều đẹp.

- Vậy thì anh tham lam lắm! Cây này là hoa Ngọc Lan màu trắng, mùi thơm dịu dịu, còn cây kia là hoa Hoàng Lan màu ngà, mùi thơm nức nở. Cả hai đều ra hoa quanh năm, nhất là vào mùa Hè. Chị em bảo rằng, khuya ra vườn mùi thơm nồng nàn hơn anh ạ, có lẽ vì sương khuya và đêm thì thanh vắng.

- Bạn tôi thật là hạnh phúc, có một mái gia đình, có một vườn khuya để những đêm vợ chồng ra thanh thản giữa thiên nhiên hoa lá...

- Chị của em chỉ thích vườn thôi, còn người làm nên khu vườn này là công của anh Hào.

Giang chỉ những chậu hoa gần đó:

- Kia là hoa Đại, đủ màu: vàng, hồng, trắng, anh Hào collect từ Hawaii cơ đấy.

Quân dạo quanh, thấy những cây Japanese Marble lá màu tím như lá tía tô, và đằng kia là hai gốc cây to xoè bóng mát được nối liền hai đầu bằng một chiếc võng to.

- Mảnh vườn có một tí mà Hào trồng nhiều loại hoa quá!

- Khu vườn này rộng hơn anh tưởng. Hãy theo em!

Giang vui vẻ bước đi, hình như nàng cũng yêu thích khu vườn này và được dẫn người khác đi khắp vườn là để được chia sẻ cùng nàng cảm giác ấy.

Quân đứng dưới bụi tre già tận cùng của mảnh vườn, và ngạc nhiên thấy nơi đây lại có một con đường dẫn xuống thấp hơn. Thì ra đây là một căn nhà trên đồi, vườn sau rất rộng, dốc rất cao và trải dài xuống tận chân đường.

Đúng như Quân nghĩ, Giang giải thích:

- Anh Hào đã san phẳng một ít thành khu vườn trên, phần đất còn lại là khu vườn dưới, chia thành những bậc thang như thế này để khu vườn đỡ dốc, thoải hơn, thế mà đôi lần em cũng trượt chân suýt ngã vì dốc đấy. Mỗi bậc thang là bao nhiêu công lao của anh ấy, khuôn đá về lát những lối đi, hai bên xum xuê bao nhiêu cây trái, nào nhãn, vải ra hoa tháng Tư, Táo Tàu tháng Năm, ổi xá lý tháng Sáu, còn cây chanh kia ra hoa, ra trái quanh năm...

- Giang làm tôi thích mê khu vườn rồi đấy.

- Nhưng anh có biết cây măng cầu này phải lấy phần từ hoa đục chấm vào hoa cái thì mới ra trái không? và anh có biết là cây Hass Avocado kia ra trái năm nay nhưng sang năm mới ăn được không?

Rồi nàng dí dỏm trả lời thay anh:

- Đó là lý do tại sao trái Hass Avocado ở chợ bao giờ cũng mắc tiền hơn các loại trái cây khác.

Quân thán phục:

- Giang là nhà vạn vật học hồi nào thế?

- Em nghe anh chị em kể, và anh Hào vác về nhà một đồng sách về cỏ cây hoa lá, chị em bảo sắp sửa mở thư viện được rồi.

Xong, Giang đi như chim nhảy từ bậc thang này xuống bậc thang khác, Quân theo không kịp. Giang đã chạy đến bên hàng rào toàn là Nho leo, che khuất vườn nhà bên cạnh, anh trông thấy những chùm nho xanh treo nặng trĩu bên hàng rào, nàng hái vài trái nho ăn thử và gọi anh:

- Anh có muốn ăn thử mùi nho chua đầu mùa không?

Nàng chìa ra cho anh những trái nho nhỏ xíu bằng đầu ngón tay út, anh bỗng trở thành một cậu học trò ngoan ngoãn, làm theo lời Giang, mùi nho chua nhưng thơm tho, không biết mùi thơm của nho hay của tay người đã hái?

- Em rất thích mùi nho chua đầu mùa, vị chua thanh tao, lạ lùng. Còn anh, có thích không?

Nàng luôn nói với anh bằng những câu hỏi thật dễ thương. Khi Quân gật đầu thì Giang nín những giây nho, lựa một chùm để hái, nàng hỏi ý anh:

- Em hái cho anh chùm này nhé?

Nhưng nàng chưa kịp hái thì lúc ấy có tiếng chó sủa thật to từ vườn bên cạnh, một con chó cao to đang giận dữ chồm lên hàng rào, như muốn xông lên xé xác người đã đụng vào hàng rào nhà nó. Giang sợ hãi quay ra để chạy, nàng va vào người Quân, anh chỉ kịp dang tay ra ôm lấy nàng, cả hai loạng quạng sắp ngã, dưới chân họ là đất dốc và đầy cát bụi.

Giang ngượng ngùng thoát ra khỏi tay anh, trong đôi mắt nàng đầy vẻ bối rối, Quân xách giùm nàng đôi dép, và hai người đi ngược lên vườn trên. Khi đứng bên gốc cây tre cao lớn vững vàng nàng mới hoàn hồn:

- Con chó này làm em sợ mấy lần rồi, anh Hào trông bụi nho để che khuất con chó, thế mà nó vẫn không để cho mình yên. Chị em bảo đó là con chó “stupid” vì bấy lâu nay mà vẫn không quen mặt với hàng xóm.

Quân thầm cảm ơn con chó “stupid” ấy, anh còn ước gì lúc này cả Giang và anh đều ngã lẫn xuống tận cuối vườn thì giây phút Quân ôm nàng trong tay lâu hơn nữa.

Giang lại ngượng ngùng và bối rối lấy lại đôi dép. Họ vẫn đứng bên gốc cây tre, Quân nhìn con đường dài tít tắp dưới cuối vườn, đó là đường Los Coches, anh bỗng thấy thân thương những con đường quanh khu vườn này.

Hào đã đi đón vợ về, Giang đã đến đây từ sáng sớm để giúp chị làm một ổ bánh sinh nhật cho buổi chiều nay.

Hầu hết những đồ ăn được order từ tiệm, bữa tiệc sinh nhật ấm cúng trong gia đình và vài người bạn thân. Quân được Hào thân mật giới thiệu với mọi người trong bàn tiệc, là một anh chàng độc thân, lãng tử.

Bà mẹ vợ của Hào nhìn Quân với vẻ tò mò, dò xét, dường như bà linh cảm thấy điều gì đó khi Quân hay trò chuyện với Giang. Bà hỏi:

- Anh là bạn của Hào mà tới tuổi này chưa lấy vợ, thì đến bao giờ?

Rồi bà lạnh lùng quay đi, chắc cái dáng vẻ phong trần của Quân làm bà không cảm tình, anh không phải là mẫu người để bà tin tưởng cho con gái bà giao tiếp?

---o0o---

Ngay chiều hôm ấy Quân từ giã gia đình Hào.

Anh trở về Seattle cuộc sống thường lệ. Hình ảnh của Giang theo ám ảnh Quân suốt mấy ngày đầu, anh nhớ nhất đôi mắt nàng mở to ngổ ngàng và bối rối lúc suýt bị ngã sau vườn, đến nỗi anh không muốn gặp lại Tuyết hay Nga, hay bất cứ một người đàn bà nào khác nữa, những người tình đến bên cuộc đời anh mà họ đều mơ hồ hiểu rằng không bao giờ được trở thành người vợ.

Quân đã quá quen thuộc đôi khi đến nhằm chán những người đàn bà đẹp, trẻ có, trung niên có, luôn quần quýt, lẫn xả vào vòng tay anh. Người ta bảo anh có số đào hoa, không cần tìm kiếm, đàn bà vẫn bu quanh anh như kiến bò quanh hũ mật. Anh có nhiều ưu điểm của người đàn ông: đẹp trai, có học, có job tốt. Cho nên dù anh làm tới đâu, ăn chơi phung phí tới đó, nhà ở thuê hết năm này tới năm kia, nghèo trông thấy, mà phụ nữ vẫn mê anh.

Quân vẫn thấy có một khoảng cách vô hình giữa anh và Giang, khi hình ảnh khó chịu của mẹ Giang hiện ra, đời nào một anh chàng lông bông gần 40 tuổi đầu như Quân, tay trắng, không tiền, không nhà cửa, xứng đáng với Giang?

Và với vợ chồng Hào nữa, dưới mắt họ, Quân chỉ là một người độc thân ăn chơi, đa tình và lênh đênh như con thuyền không bến.

Quân nghĩ thầm có thể anh không xứng đáng với Giang thật! Nàng xinh đẹp và hồn nhiên trong sáng quá, nàng thanh tao như những trái nho xanh đầu mùa mà anh đã được nếm cái vị chua trong khu vườn tuyệt vời đó.

Thế nên Giang và vị nho chua đầu mùa chỉ còn lại trong giấc mơ, vì khoảng cách ấy, và vì những người đàn bà đẹp xung quanh anh luôn làm anh bận rộn.

---o0o---

Thế là đã hai năm trôi qua, vị nho chua đầu mùa và đôi mắt ngổ ngàng của Giang vẫn chưa phai mờ dù bên anh

không bao giờ thiếu những cuộc tình.

Anh đã mấy lần khao khát, ước mơ có một gia đình như Hào, một mái nhà, một người vợ yêu quý. Anh sẽ sống một cuộc sống đàng hoàng đứng đắn, sẽ có những buổi chiều đoàn tụ bên vợ con với bữa cơm ngon, sẽ có một khu vườn đẹp như của Hào mà Giang rất yêu thích, sẽ có những lúc hai vợ chồng ra vườn khuya tình tự. Trong nhà cũng sẽ thơm ngát mùi hoa Lan và quần quýt những ngón tay nàng trên vai anh.

Quân không còn trẻ nữa, anh cần một tình yêu và hạnh phúc thật sự, anh cần có Giang.

Bất chấp sự dị nghị của vợ chồng Hào, bất chấp sự hoài nghi, ác cảm của mẹ Giang, và bất chấp cả những người tình vẫn đang bám lấy Quân nũng nịu và quyến rũ...

Anh hơn hờ trở về thành phố San Diego, lấy lý do đến thăm Hào, rồi anh sẽ nói hết những ý nghĩ của mình cho Hào hiểu, rồi anh sẽ gặp Giang và tỏ tình...

Mấy người đàn bà đang mong ước anh ban cho ân huệ ấy. Nhưng với Giang, anh thấy con đường đến gần nàng chập chùng với vợ, anh như một cậu học trò vụng về trước một đề thi khó.

Hào nồng nhiệt đón anh như hai năm trước, và cay nghiệt thay, Hào hơn hờ khoe:

- Quân lần nào cũng đến đúng lúc, hai năm trước đúng vào ngày sinh nhật vợ mình, lần này vào dịp đám cưới cô em vợ. Quân còn nhớ Giang không?

Quân đứng lặng người, anh tưởng như cả thành phố San Diego đang quay cuồng và sắp biến mất khỏi mặt đất này. Anh bàng hoàng:

- Thì ra Giang sắp lấy chồng?

- Ủ, đám này tương xứng lắm, mà cả nhà thúc giục mãi cô ấy mới chịu.

Hào vẫn hơn hờ:

- Đây này, sẵn có Giang cũng đang chơi ở đây, để mình nói Giang ra mời Quân một tiếng, hai ngày nữa là đám cưới rồi.

Quân ngồi xuống ghế nơi phòng khách, đầu óc anh vẫn quay cuồng. Khi anh ngước lên, Giang đã đứng bên

anh, vẫn là đôi mắt ngờ ngàng và bối rối:

- Chào anh, không ngờ hôm nay lại gặp được anh!

- Vâng, hai năm rồi...

- Nói chính xác là hơn hai năm anh ạ. Lần trước anh về giữa mùa Hạ, bây giờ cuối mùa Hạ.

Quân nói bằng giọng:

- Nhưng cây Lan ra hoa quanh năm, dù đầu Hạ hay cuối Hạ thì ngôi nhà này vẫn thơm ngát mùi hoa đầy thôi. Chúng ta ra vườn thăm cây Ngọc Lan và Hoàng Lan đi. Tôi vẫn nhớ Giang đã nói mùi Hoàng Lan thơm nức nở, nồng nàn hơn Ngọc Lan.

Giang ra mở cửa sau. Đi giữa mùi hoa Lan phảng phất Quân chẳng còn tâm trí nào phân biệt đâu là Ngọc Lan và Hoàng Lan nữa.

Giang không ngừng lâu ở đây, hình như nàng đang muốn đi xuống khu vườn dưới dốc. Ở đây có một kỷ niệm, nàng đã ngã vào vòng tay anh. Quân theo sau, cái giây phút hiếm hoi này anh biết là lần cuối, không bao giờ lặp lại nữa. Giang nói:

- Chúng ta ra chỗ cây nho bên hàng rào anh Quân nhé?

- Giang không sợ bị chó rượt nữa sao?

Giang cười, nhưng không vui:

- Hàng xóm ấy đã dọn đi rồi, hai năm qua cũng đủ để thay đổi nhiều thứ. Bên vườn chủ mới hoàn toàn yên tĩnh, chúng ta sẽ tha hồ hái nho.

Quân bước xuống những con đường bậc thang lát đá. Bây giờ là tháng Chín, cây táo Tàu trái đầy cành và rụng đầy dưới gốc, cây vải đang chín đỏ. Ngày xưa các bà cung phi bên Tàu nói rằng ăn trái Lệ Chi, tức trái vải sẽ trẻ đẹp mãi, làm vua yêu say đắm. Giang đang đứng trước mặt anh, chẳng cần ăn trái vải Lệ Chi, vẫn làm anh say đắm biết bao.

Giang đã hái được một chùm nho màu đỏ bầm như màu máu:

- Nho này tên Concord, khi chín rất ngọt, bỏ vào miệng là tự động tuột lớp vỏ bên ngoài mà không cần phải bóc.

Giang ngắt vài trái ăn thử để cho Quân bắt chước:

- Anh còn nhớ không? Hai năm trước anh đã ăn những trái

nho này đầu mùa, vị chua. Thì bây giờ nho chín ngọt, anh hãy ăn đi.

Quân vẫn đứng xa Giang một khoảng cách, nếu vì một lý do nào đó, Giang trượt chân, anh sẽ không kịp đỡ nàng nữa, người mà Giang nương tựa sẽ không phải là anh.

- Thôi Giang ạ, tôi vẫn thích những trái nho chua đầu mùa hơn.

Anh nói và băng khuâng nhìn xuống con đường Los Coches phía dưới, con đường ấy dẫn đến nơi đâu? nếu như anh có thể dẫn Giang đi trên con đường ấy và sẽ đi thật xa?

- Nếu thế, tại sao anh không đến sớm hơn?

Trong giọng nói và trong ánh mắt Giang có vẻ trách hờn. Quân băng khuâng và đau đớn biết mình vừa đánh mất một điều quý giá nhất trong cuộc đời.

Có loáng thoáng tiếng cười nói vọng lại làm Quân và Giang cùng giật mình, họ bước ngược lên vườn trên. Hai bố con Hào và thằng cu Tí đang đóng đưa trên võng và cười đùa vui vẻ. Hào hạnh phúc biết bao! Cái hạnh phúc mà Quân đang thật lòng tìm kiếm, bỗng trở thành vô vọng. Quân thấy xa lạ và lạc lõng với Hào, với cả Giang. Anh không có chỗ đứng ở đây, ngày mai anh sẽ về địa chỉ nhà anh, về với những cuộc tình đến rồi đi. Và từ giờ trở đi những trái nho chua đầu mùa trên khắp thế gian này sẽ không bao giờ chín ở trong lòng anh.

(Cám ơn Tammie Nguyễn ở San Diego đã cho tôi đề tài này.Sep.2007)

(trích từ Giai phẩm Trâm Hương số 13)



Truyện cực ngắn

THÀNH PHỐ ĐEN

Tác giả: Leonardo Alishan – Tặng

Farhad Alishan

Nguyễn thị Hải Hà chuyển ngữ

Trong lúc cạo râu tôi cắt phải môi dưới và tôi đang ở gần cổng vào Thành Phố Đen, một thành phố xây bằng đá cẩm thạch đen, một thành phố đá cẩm thạch ở ngay giữa sa mạc, cái mỏ đá cẩm thạch gần nhất cách đây hằng mấy trăm dặm. Một thành phố lạ lẫm. Một thành phố đá cẩm thạch lạ lùng ở rất xa các ốc đảo. Thành Phố Đen mà tâm hồn tôi xem là quê hương.

Tôi băng qua cổng vào, hoàn toàn nhận biết đây là thành phố của tôi, thật yêu dấu thân mật đến độ tôi có cảm tưởng chính tôi đã sắp đặt xây dựng nó, như thể tôi vừa là người sắp đặt lên kế hoạch vừa là kiến trúc sư. Tôi vừa là đá cẩm thạch vừa là mỏ đá. Tôi là tên nô lệ khai thác đá cẩm thạch và cũng là tên nô lệ kéo tảng đá bằng xuyên qua sa mạc. Tôi là vua của Thành Phố Đen và cũng là người khách độc nhất đến thăm thành phố này. Một thành phố rất lạ lùng kỳ quái.

Tôi đi trên đường phố đầm đìa những mùi hương quen thuộc – mùi tóc của mẹ tôi, mùi áo của bố tôi, mùi những quả cam chúng tôi cùng ăn buổi chiều thứ Sáu, và mùi của những đêm hè đầy ắp những câu chuyện thần tiên của bà tôi. Tôi đi trên đường phố đông đầy những gương mặt quen thuộc – những khuôn mặt tôi đã quen từ những đoạn

khác nhau trong cuộc đời của tôi, hầu như tất cả đều là trắng hoặc đen. Không ai có vẻ vội vàng hối hả; không ai có vẻ như cần phải đến một nơi chốn nào; tuy thế tất cả mọi người đều di chuyển. Không ai nói với ai lời nào. Đường phố im lìm, đắm hương, đông đúc những người vẫn còn đang sống ở một thế giới khác, trở nên già đi ở thế giới khác, nhưng họ là tất cả những người mà tôi đã từng gặp khi tôi còn là một đứa bé, một thiếu niên, và người đàn ông trưởng thành.

Thành phố cẩm thạch đen này giáp biên giới với một đền thờ Hồi giáo, nóc đền thờ hình vòm cung này có mặt trăng tròn đang nằm trên đó; còn ở đầu biên giới bên kia là một nhà thờ công giáo, mặt trời mùa đông đang ngự trên nóc nhọn của nhà thờ. Tôi nhận ra người quét đường là ông hàng xóm già đang quét những ngôi sao rụng giống như là lá úa, trong khi hai cây kim đồng hồ trên cái tháp chẳng chịu đứng im mà một kim chạy xuôi còn cây kim kia chạy ngược bằng nhịp điệu của những vũ công thời Trung cổ. Đây là thành phố bằng đá cẩm thạch đen mà tôi đã xây dựng trong mỗi giây phút đã qua trong đời tôi và tôi vẫn đang còn xây dựng nó, nếu tôi còn sống; và tôi vẫn còn đang sống như vẫn còn đang nối liền cuống rốn với một cái vòm từ cung ẩm ướt của một vị thần đã chết.

Giữa đám đông đen và trắng tôi nhìn thấy một cô bé mặc quần áo có màu sắc rực rỡ, nhảy múa cười vui; và tôi rất thích thú nhìn thấy một người đang rất vui vẻ hạnh phúc trong thành phố của tôi, cũng là cuộc đời của tôi. Tôi đến gần cô và hỏi cô là ai. Cô nói cô là thời niên thiếu của vợ tôi. “Em vẫn luôn luôn vui vẻ hạnh phúc như thế à?” tôi hỏi. “Em vui vẻ hạnh phúc,” cô nói, “nhưng em càng vui vẻ hơn hạnh phúc hơn khi thời gian trôi qua.” “Anh có liên quan gì với niềm vui của em không?” Tôi hỏi. “Vâng, có chứ,” nàng nói, “cứ mỗi ngày nàng ở cạnh anh là mỗi ngày nàng sống trong nỗi buồn của hôm nay và nỗi tuyệt vọng cho ngày mai; vì thế, tôi, là quá khứ của nàng, trở nên vui vẻ hơn, hạnh phúc hơn, sáng rực rỡ hơn trong trí nhớ của nàng. Còn anh thì ngược lại, anh rất là sai lầm, khi nghĩ là không thể nào thay đổi quá khứ.” Tôi

khóc; tôi khóc trong im lặng và quay mặt đi.

Tôi đi qua thành phố đá cẩm thạch, thành phố đen kỳ lạ, bằng đôi chân mỏi nhừ và đau đớn. Gần đền thờ Hồi giáo, cạnh công của đầu bên kia, tôi nhìn thấy một chú bé bán hoa màu đen, một chú bé da nhẵn nhéo và mặt có sẹo, đang bán những cái hoa màu đen mà tôi rất thích. Tôi hỏi, “Bao nhiêu?” Hắn trả lời, “hoa này là của anh đấy; chúng nó đã chờ anh từ lâu rồi.” “Em là ai?” tôi hỏi. “Em là tuổi thơ của anh,” hắn nói. “Nhưng trông em có vẻ vui quá; anh nhớ em rất rõ ràng,” tôi nói, “em rất vui vẻ.” “Nhưng bây giờ mình biết chuyện nhiều hơn, phải không?” hắn nói. Tôi cầm bó hoa đen và lê bước hướng về công của thành phố.

“Tôi không phải là vua ở đây,” tôi kêu lên. “Không, anh không phải là vua,” người tu sĩ đã làm lễ chào đời và lễ cưới cho tôi nói, “chúng tôi có một nữ hoàng ở đây,” và ông ta chỉ về hướng một đoàn người lính Ba Tư, những người đã cùng tôi chiến đấu trong quân đội. “Họ đi đâu thế?” Tôi hỏi. “Họ đang mang nữ hoàng của Thành Phố Đen đến đền thờ của chúng tôi,” người tu sĩ nói, “nơi bà được dâng làm lễ cúng tế mỗi tháng Tư.” Đoàn người ngưng lại. Nữ hoàng vén màn lụa qua một bên. “Chào cháu yêu quý,” bà nói với nụ cười buồn. “Chào bà ạ,” tôi nói khẽ. Đoàn người tiếp tục đi, lầm nhấm một câu kinh quen thuộc bằng tiếng Armenian.

Trước khi bước ra khỏi cổng, tôi quay lại nhìn chú bé lần cuối cùng. Hắn đứng đấy nhìn tôi như một đứa trẻ mồ côi bị tôi bỏ lại. “Hãy nhìn cách anh đã đối xử với em,” tôi nói lầm bầm qua nước mắt. Hắn lau nước mắt bằng mu bàn tay nhỏ bé và nói, “Nhìn cách mà người ta đối xử với mình.” Tôi bước ra khỏi cánh cổng màu đen và nghe tiếng cổng đóng sầm phía sau lưng tôi. Cái dao cạo rơi xuống. Trong gương, có một ông già, cằm và cổ của ông ta dính đầy máu.

(Trích tuyển tập Flash Fiction Forward do James Thomas và Robert Shapard tuyển chọn, 80 truyện cực

ngắn.)

Leonardo Alishan (1951-2005)

Leonardo Alishan sinh ra ở Tehran, cha mẹ của ông là người Armenia. Ông đến Hoa Kỳ để học Cao học năm 1973. Ông dạy văn học Ba Tư từ năm 1978 đến 1997 và dạy môn phê bình văn học ở Đại học Utah thuộc Salt Lake City. Văn và thơ của ông đã đăng trên nhiều báo chí cũng như tạp chí trong và ngoài nước. Ông cũng nhận vô số giải thưởng văn chương. Tập thơ đầu tiên của ông Dancing Barefoot on Broken Glass đã xuất hiện ở New York năm 1991. Tác phẩm thứ hai Through a Dewdrop xuất bản ở Glendale, California năm 2002. “Tired Thoughts” được trao giải thưởng People Before Profits Poetry Prize năm 2003

1951

Tác giả: **Richard Bausch**

Nguyễn thị Hải Hà chuyển ngữ

Hết tai họa này đến tai họa khác, bố nói, ám chỉ bé. Bé biết là bé không nên nghe điều này. Nhưng bé cô độc, trong căn nhà của nhà thờ đầy khe hở cho gió luồn vào, sống với bố và Iris, cô giúp việc. Bố là mục sư đạo Episcopal, góa vợ. Những người phụ nữ khác đến, hết người này đến người kia, tất cả đều được tán thành, mặc dù chẳng ai thốt lên một lời nào - Missy bảy tuổi, và bố muốn biết ý kiến của bé bố nên chọn người nào để làm mẹ của bé. Sợ khiếp. Bé nằm trong bóng tối, lo lắng cuộc gặp gỡ sắp đến, các bà các cô nhìn bé, cho đến khi bé chợt hiểu ra là họ cũng rất lo lắng khi ở gần bé, và bé biết mình có thể làm chuyện gì. Có cái gì đó trong lòng bé trở nên cứng rắn lại. Cảm giác này rất tuyệt vời vì nó làm cho bé không còn sợ hãi nữa. Hết các bà dùng nước hoa vào nhà là bé làm giấc lên, quấy nhiễu đến độ họ phải gùm bé.

Một buổi tối vào tháng Tư, Iris đang đứng trên bậc thềm ở cổng sau, hút thuốc. Missy nhìn cô ấy qua màn lưới cửa. “Em nhìn cái gì thế, cô bé kia?” Iris nói. Cô ấy cười to, nhưng tiếng cười có vẻ gì gượng gạo như chẳng có chuyện gì vui đáng phải cười. Trông cô ấy tối đen như những khoảng cách giữa những vì sao, và trong bóng tối tóc và chân mày của cô dường như có màu xanh. “Em có biết tình trạng của em không?”

“Có ạ.”

Iris nhả khói. “Em chưa biết đâu.” Cô tiếp tục hút thuốc và lặng thinh rất lâu, nhìn Missy đăm đăm. “Bé ạ, nếu ông chọn một người nào đó, em có thấy tiếc là sẽ mất tôi không?”

Missy không trả lời. Đó là điều bí mật. Người ta biết cách nói với bé làm bé nghĩ là bé hiểu, nhưng không cả quyết lắm. Bé khôn trước tuổi. Mẹ bé mất đã lâu, từ ngày bé mới ra đời. Đó là lỗi của Missy. Bé không nhớ là có ai nói điều này với bé hay không, nhưng bé đã nhận biết điều này, tận trong xương.

Iris cười, nụ cười rất trắng, nhưng bây giờ Missy nhìn thấy mắt cô ướt. Điều này hấp dẫn bé lắm. Cũng giống như cái cảm giác biết rằng bố mình là mục sư, nhưng ông cứ đi đi lại lại không ngủ được trong những đêm hè oi nồng. Nếu tâm hồn bạn bình an, bạn sẽ không bị khó ngủ. Iris đã nói một câu tương tự với bạn của chị ấy lúc người bạn tát ngang trong lúc đi đến nhà thờ Baptist. Missy nấp đằng sau cửa, lắng tai nghe. Bé thường xuyên làm chuyện này. Bé quan sát tất cả mọi chuyện, tất cả mọi người. Bé thấy khi bố bé dồn ép Iris dựa sát vào vách tường gần cửa trước và dúi mặt bố vào mặt chị ấy. Bé thấy vẻ rối loạn xao xuyến của hai người khi họ dồn ép lẫn nhau. Và sau đó bé nghe Iris nói với cô bạn đạo Baptist. “Ông ta không phải lúc nào cũng nghĩ đến Chúa.” Cô bạn theo đạo Baptist thở gấp, rồi hạ thấp giọng nói nhanh, có vẻ bất an.

Iris ném mẩu thuốc và lắc đầu, nước mắt chảy ràn rụa. Missy cúi chào dù không có ý muốn chào. “Bé con,” Iris nói, “mai sau lớn lên em sẽ trở nên thế nào, em sẽ làm gì? Em sẽ giống như tất cả bọn họ phải không?”

“Không,” Missy nói. Bé không biết tất cả bọn họ là ai.

“Thôi, em sẽ nhớ tôi cho đến khi em *quên* tôi,” Iris nói, lau nước mắt.

Missy mở cửa lưới và nói, “Ôm em đi.” Nói chỉ để mà nói thế thôi.

Khi Iris bỏ đi và uống thuốc độc rồi được chở vào nhà thương, bố của Missy thức suốt năm đêm liền. Nhìn trộm qua khe cửa trong phòng mình, với cái bóng tối lạnh lẽo, tội lỗi phía sau bé, bé thấy bố đứng cúi gằm đầu dưới ánh đèn ở hành lang, những ngón tay luồn vào mái tóc dày của bố. Mặt bố nhăn nhó méo mó. Bóng tối làm bố trông giống như kẻ lạ. Bố đang khóc.

Bé không khóc. Và bé cũng chẳng thấy sợ. Bé cảm thấy mình to lớn và mạnh mẽ. Bé là người đã gây nên tất cả mọi chuyện.

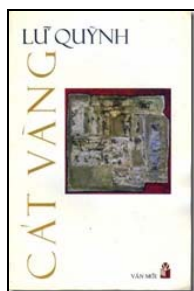
(Trích tuyển tập Flash Fiction Forward do James Thomas và Robert Shapard tuyển chọn, 80 truyện cực ngắn.)

Richard Bausch là nhà văn Mỹ sinh năm 1945. Ông là Moss Chair of Excellence của ban Anh ngữ ở đại học Memphis. Ông tốt nghiệp Cử Nhân ở Đại học George Mason, và Cao học bộ môn Fine Arts ở đại học Iowa. Tác phẩm của ông thường nói về đời sống gia đình. Ông cộng tác với các báo và tạp chí như Harper's, Ploughshares, Esquire, Atlantic, and The New Yorker. Truyện ngắn của ông thường được in trong các tuyển tập như O. Henry Prize Stories and Best American Short Stories.

Nhân định, phê bình

Nhân đọc truyện của Lữ Quỳnh

NGHĨ VỀ KẾT CẤU CHẶT CHẼ Ở THỂ TRUYỆN NGẮN TRẦN VĂN NAM



Tập truyện ngắn “Cát Vàng” của Lữ Quỳnh đã được xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn do Nhóm Ý Thức ấn hành (nhà xuất bản Văn Mới tái bản năm 2006 tại Nam California) gồm 13 truyện ngắn mà toàn bộ đều có liên hệ đến cuộc chiến ở Miền Nam trước 1975. Truyện của Lữ Quỳnh có mặt trong bộ sách “Văn Miền Nam” do nhà xuất bản Thư Ấn Quán ấn hành trong những tháng cuối năm 2009. Và nhân dịp này, người viết bài xin có đôi điều nghĩ về truyện ngắn của ông: sau khi lược qua nội dung toàn thể 13 truyện trong tập Cát Vàng, tiếp theo sẽ bàn về kết cấu của thể truyện ngắn nói chung.

Văn Miền Nam hay Văn Miền Nam Thời Chiến đều có thể thích hợp cho nhan đề, vì thực ra Miền Nam từ 1954 đến 1975 đều là thời chiến. Nhưng Văn Học Miền Nam đa dạng không phải toàn thể văn chương Miền Nam đều viết liên hệ đến chiến tranh thôi, mà còn nhiều khuynh hướng. Dân thân chính trị có, tình ái cá nhân có, triết lý hiện sinh siêu hình và hiện sinh hiểu theo nghĩa tiêu cực

có, tôn giáo có, ước mơ thanh bình có, nỗi buồn chiến tranh có, vị nghệ thuật đi bên lề chiến tranh có, hiện thực xã hội có... Vậy thì Văn Miền Nam thôi, cũng đã đủ là nhan đề tương đắc. Sự đa dạng khuynh hướng đã thể hiện trong bộ sách “Thơ Miền Nam Thời Chiến”, bây giờ sự đa dạng đó lại hiện hữu trong “Văn Miền Nam”. Tuy mỗi nhà văn chỉ có mặt với một truyện, nhưng “tiếng nói” của tất cả truyện là kho tàng chất chứa gần trọn vẹn tâm tình Miền Nam Thời Chiến. Đó là một “giàu có tâm tình” của “Một Phần Tư Thế Kỷ 20” thuộc lịch sử Việt Nam, và nhờ sự “giàu có tâm tình” như vậy thì chắc hẳn bộ sách sẽ là kho tài liệu cho những nghiên cứu mai sau. Và tập truyện Cát Vàng của Lữ Quỳnh (một truyện trong sách có mặt trong sưu tập “Văn Miền Nam”) có thể được xếp vào khuynh hướng Nỗi Buồn Cuộc Chiến, không phải chỉ một truyện mà toàn thể đều thuộc khuynh hướng này. Dành trọn cho trang đầu, tác giả viết: *Có một thời bạn bè tôi đã sống và đã chết như thế*. Nhưng bài viết này chỉ lược qua về nội dung nỗi buồn cuộc chiến, và lưu ý nhiều hơn về kết cấu chặt chẽ ở thể truyện ngắn được thấy trong ba truyện của Lữ Quỳnh. Nội dung 13 truyện ngắn của Lữ Quỳnh đều liên hệ đến cuộc chiến Miền Nam trước đây, như sau theo thứ tự từ đầu đến cuối tập Cát Vàng:

“Cuộc Chơi” nói về cái chết rủi may của những người lính trong thời chiến: hai người bày cuộc rút thăm để thi hành một nhiệm vụ, chắc là thám kích hay đi gỡ mìn gì đó. Người trúng thăm phải lên đường ngay trong đêm thì đã không chết, mà người đàn ông may mắn bắt thăm ở lại thì chết một tháng sau vì đạp phải mìn. Truyện ngắn này có thể phân thành ba hồi: cuộc đối thoại để bắt thăm giữa hai người lính một già một trẻ; cuộc đối thoại giữa người ở lại với thiếu nữ (người lính trung niên này có tình yêu đơn phương hướng về thiếu nữ); thứ ba là cuộc đối thoại giữa người lính trẻ với chủ quán (và người thanh niên này thì thờ ơ với thiếu nữ). Một truyện khá ngắn mà gồm ba hồi như vậy, cũng đã là dấu vết cho ta nhận ra tác giả rất chú trọng về kết cấu. Đây là ví dụ khởi đầu làm cho ta thấy kết cấu chặt chẽ khi viết truyện ngắn của Lữ Quỳnh.

“Bão Đêm” là truyện nói về sự bận rộn ở quân y viện với những người lính bị thương từ mặt trận đổ về, cả trong những đêm mưa bão. Đại ý về nỗi buồn cuộc chiến trong viễn ảnh vô hạn định: bão có thể dứt cuối đêm, nhưng chiến tranh với tử sĩ và thương binh thì không biết đến bao giờ.

“Chỉ Còn Kẽ Ở Lại”, từ ngữ lấy làm nhan đề đã hàm ý về sự mất mát trong chiến tranh. Đây là truyện có kết cấu chặt chẽ. Tác giả sắp xếp truyện theo trình tự làm rõ nét dần dần về nhân vật: Trước tiên, ta biết đó là một thiếu nữ nhỏ nhắn, ngây thơ. Dễ mến khi thoát trông đến nỗi Vĩnh (nhân vật trong truyện) đặt tên nàng là Chim Sẻ. Chim Sẻ thường kể về gia đình nàng, nào mẹ yêu dấu, nào cha bỏ đi Sài Gòn không về nữa, nhất là anh Tuấn đi lính biệt kích nhưng thật hiền, người anh mà lúc nào nàng cũng nhắc đến một cách thương mến. Rồi nàng nhờ chàng làm giùm bài thuyết trình trong trường, nàng đang là nữ sinh trung học. Thấy nàng quá trong trắng, chàng phải giữ lòng đừng lừa dối nàng. Gắn trọn câu truyện, tác giả chủ ý làm nổi bật dáng vẻ ngây thơ của Chim Sẻ, chỉ có một thoáng sững sờ khi Chim Sẻ hôn chàng một cách thành thạo, nhưng tác giả làm ta nghĩ đó chẳng qua chỉ là bản năng tự nhiên khi người ta tỏ tình với nhau. Chỉ ở đoạn cuối, tác giả mới mở ra sự thật qua bức thư gửi cho chàng: nàng tên thật là Nguyễn Thị Lệ. Tất cả người thân mà nàng thường nhắc thì đều đã chết, cha thì mất trong kháng chiến chống Pháp, mẹ thì mất khi máy bay thả bom xuống vùng có cuộc chiến, cuộc chiến mà bà đã từng lo ngại “*đến đời thằng Tuấn con Lệ có còn chiến tranh hay không*”; và anh nàng buồn vì mẹ mất mà đi lính biệt kích. Họ không còn nữa trong cõi đời; và nàng thì bỏ học đã từ lâu, đã là một cô gái hư hỏng, sành sỏi. Nàng phải viết bức thư cho chàng, tự cảm thấy mình không xứng đáng, vì thực sự nàng có tình yêu với chàng và không muốn lừa dối. Kết cấu chặt chẽ qua những câu đối thoại, qua những hành sự, làm cho độc giả cuốn hút theo lời kể về gia đình, về những người thân, cứ tưởng họ còn đang ở trong đời.

“Bóng Tối Dưới Hầm” cũng là một truyện có kết cấu

chặt chẽ, nhưng không kết cấu để Thất-Gỗ một bí mật như truyện trên, mà bố cục theo diễn tiến Chuyện-Gì-Đến-Thì-Đến. Tuy là truyện ngắn, nhưng ta có thể phân ra đến sáu hồi. Hồi một: ba người trong vùng xôi-đậu đang trốn dưới hầm, quân lính Việt Nam Cộng Hoà hành quân lùng kiếm phía trên. Dưới hầm là một cán bộ, một thanh niên mới theo, và một cô gái thường dân sinh sống vùng bất an. Mẹ nàng phía trên hầm nhưng bất tin tức từ lúc họ ở dưới hầm. Thiếu nữ lại có chứng động kinh di truyền có thể làm lộ chỗ ẩn trốn. Hai người đàn ông bàn tính phải đối phó khi nàng lên cơn, họ tưởng nàng đang thiếp ngủ. Hồi hai: kể về lai lịch người cán bộ. Anh ta đi khu chiến từ 1945, từng chia tay với cô gái hát bài “Từ ngày chinh chiến Mùa Thu”, rồi chứng kiến ngay sau đó cái chết của người nhạc sĩ tại bến đò do máy bay oanh tạc. Hồi ba: Ý nghĩ đội nắp hầm lên rồi tung lựu đạn để chạy thoát thân đến với hai người đàn ông. Họ đã sống dưới hầm hơn hai ngày đêm mà bà già và tin tức phía trên thì mù mịt. Cô gái thức dậy gần hồi (vì nàng đã nghe hai người đàn ông thăm kín bàn cách đối phó cơn động kinh của nàng), gần hồi có phải họ sẽ bóp cổ hay đâm chết nàng. Hồi bốn: Tác giả kể về cuộc đời của cô gái, nàng mắc chứng động kinh di truyền từ người cha (ông đã có lần uống rượu, lên cơn điên, cắn miệng ly, nhai mẻ thủy tinh của ly). Từ ngày ông chết, hai mẹ con sống ở vùng quê dưới gọng kìm của hai bên lâm chiến, vì không biết cách nào lên sống trên tỉnh dù anh Ba nàng có lời khuyên (anh Ba đi lính trên tỉnh). Quân đội hành quân, họ chui xuống hầm bí mật để trốn và người đàn ông giữ thiếu nữ như một con tin dưới hầm đó. Hồi năm: Đêm khuya, hai người đàn ông lại bàn tính coi như bà già phía trên đã chết, hỏi nhau đã chuẩn bị sẵn sàng chưa. Kế hoạch của họ sẽ là đội nắp hầm và tung lựu đạn. Cô gái nghe hết đối thoại, và nàng chỉ đoán một cách chủ quan kế hoạch của hai người; nhưng tâm hồn nàng bỗng sáng lạ lùng. Hồi sáu: Gần sáng, người đàn ông còn thiếp ngủ, người thanh niên thức dậy và khám phá cô gái đã chết; nàng tự cắt cổ tay tự tử, do suy nghĩ tự giải quyết cơn động kinh có thể xảy ra. Truyện có tình huống diễn

tiền, xen kẻ việc kẻ về lai lịch các nhân vật, làm cho ta thấy cách giải quyết của họ có thể do nhiều động lực; do phải thi hành cứng rắn (người cán bộ); do hy sinh có tính nhân bản chỉ vì không muốn làm liên lụy cho người khác (cô gái tự tử). Cô gái chết trong yên lặng không ai hay, vì lúc gần sáng cả hai người đàn ông đã thiếp ngủ.

Ngoài ba truyện ngắn Cuộc Chơi, Chỉ Còn Người Ở Lại, Bóng Tối Dưới Hầm, qua đó ta thấy có những kết cấu chặt chẽ, những truyện ngắn khác tuy cũng không phải quá đơn giản, cũng có độ dài tương đương, nhưng thiết nghĩ đúng là truyện ngắn theo thể cách truyện ngắn, không bố cục phức tạp. Như truyện “Bụi Đá” nói về một thanh niên theo cha làm một nghề truyền thống rất đậm bạc của gia đình, nghề đập đá vụn nát cung cấp cho việc xây cất. Anh thấy cần phải thoát khỏi nghề nghèo khổ vô tương lai ấy, nhưng biết làm nghề gì ngoài việc tình nguyện đi lính, dù cha hấn lo lắng có ngày tử trận như con một người cùng xóm. Truyện thứ bảy: “Sông Sương Mù”, truyện về cái nhìn ngây thơ của cô bé trong thành phố Huế thời chiến tranh, trong đó có những người thuộc hai phe sống đan chéo bên nhau. Họ đều là người bình thường trong mắt cô bé, như người lính bạn của cha mỗi buổi chiều thường dẫn cô bé ra sông chơi; hoặc như người đàn ông vẫn thường ngày đi qua đò tại bến sông cô bé giặt quần áo mỗi buổi sáng. Họ đâu có gì khác lạ nhau, đến nỗi cách châm lửa hút thuốc và ném vỏ không của hộp quẹt xuống cỏ cũng giống nhau. Cô bé đâu biết chiến tranh đang hiện diện đâu đó và đã xảy ra: một hôm sau khi mẹ đi chợ sớm, cô bé vừa đến bên sông để giặt chiếu, đạn pháo kích rớt trúng nhà giết chết hai em; và một chiều khác, người ta đồn có một xác dịch bị bắn chết, khi đến nơi cô bé nhận ra người ấy chính là khách qua sông mỗi buổi sáng. Truyện thứ tám: “Ngày Hòa Bình Đầu Tiên”, truyện hai ông cháu từ thành phố chen chúc lên đường trở về quê cũ sinh sông, sau ngày hai phe ký kết hiệp định ngưng bắn. Họ vất vả trên đường xa, khi đến nơi thì quê cũ hiện ra hoang vắng vì bỏ đã quá lâu ngày, hứa hẹn một cuộc khai hoang gây dựng lại, trước hết là sửa

soạn lại bản thờ. Đứa cháu hỏi những tấm ảnh cũ kỹ trên bàn thờ, mới hay người thì chết vì bị quân Pháp phục kích; người thì đi quân dịch chết trong đồn Bồng Sơn. Ông già nói: *“Hy sinh vì Tổ quốc. Đứa nào cũng hy sinh vì Tổ quốc cả. Chỉ có tao là khổ một đời”*. Những người về trước trong làng đến giúp họ. Mấy hôm sau, họ đã biến đám đất hoang trở thành khu vườn màu mỡ. Nhưng cuộc ngưng bắn đã chấm dứt, chiến tranh lại tiếp diễn: *“Những viên đạn đại bác bắt đầu rơi xuống quanh họ”*. Truyện thứ chín: “Mùa Xuân Hư Vô”, truyện về một Mùa Xuân hư vô vì có nhiều người tử trận, phải chăng tác giả ám chỉ đến cái Tết Mậu Thân năm 1968. Nhà chung-sự-vụ không đủ các ngăn tủ ướp xác chờ thân nhân đem đi. Máy bay trực thăng xuống, không có đủ cáng để tải tử thi về phòng. Phải dùng những túi ni-lông đem đi. Quan tài không kịp có cho thân nhân. Phải bó xác bằng vải. Có trường hợp không cho thân nhân gặp xác vì xác không còn toàn vẹn. Một bao mềm nhũn rất nặng ký vì đựng chung cho nhiều xác tan nát. Đó là vài hình ảnh của mùa xuân hư vô. Lão Lang làm việc ở nhà xác, chỉ còn biết lấy thuốc lá và rượu mạnh và giấc ngủ mệt mỏi để xua đi hình ảnh chết chóc cùng mùi tử khí. Truyện thứ mười: “Người Ngồi Đợi Mưa”, truyện một quân nhân đào ngũ, ngồi uống bia ở một quán ngoại ô xa vắng. Anh ta uống rượu tiêu sầu, có vẻ bất mãn thời thế, nhưng cũng tự cảm thấy về việc đào ngũ của mình *“Sống thế này không ra cái gì. Lang thang, chui rúc”*. Truyện thứ mười một: “Cát Vàng”, truyện được tác giả chọn làm nhan đề chung cho cả tập truyện, đó là truyện về cái chết oan trái của một thanh niên tên Chiến mới 20 tuổi, hiền lành, mang lý tưởng sẽ giúp những đứa trẻ bụng ông bệnh tật, có thể anh mong sau này sẽ làm bác sĩ giúp đời. Một bữa anh đang trên đường về nhà thì bị bắt, có thể chỉ vì bị tình nghi, không có bằng chứng gì thì sẽ sớm được thả về. Nhưng thời gian ngắn anh ở trong tù, thành phố bỗng trở nên bãi chiến trường trong ngày đầu năm pháo nổ tràn ngập. Cảnh cửa ngục được súng đạn và sự hỗn loạn mở tung. Chiến theo đám người chạy thoát ra. Từ chỗ tù nhẹ, sớm có ngày được thả, thì bây giờ Chiến

thành người vượt ngục, và anh bị bắn chết khi trên đường chạy về nhà. Bây giờ bên mộ cát vàng của Chiến, tác giả (nhân vật xưng tôi trong truyện) có cảm nghĩ: kẻ trong quân ngũ như mình có thể nghĩ đến hư vô vì cái chết rình rập, còn Chiến đáng lẽ phải ở bên bờ sự sống, với nhiều ước mơ, vậy mà phải xuôi tay, thật là một cái chết oan trái trong thời chiến. Truyện thứ mười hai: “Ngõ Cụt”, truyện một thanh niên biệt danh Thạch Tây lai, luôn bị mặc cảm vì người xung quanh dè bỉu mẹ làm đi lấy Tây trong cuộc chiến tranh trước. Thực sự thì mẹ Thạch bị lính Tây hiếp dâm. Lớn lên, vào trường học, Thạch bị lũ trẻ Việt Nam quấy nhiễu làm nhục nhiều lần. Bị người đời xung quanh bắt thông cảm, bị kỳ thị, cho nên đời hắn như bị đưa đẩy đi vào ngõ cụt, làm ma cô cho lính Mỹ. Buồn chán thấy mãi cái ngõ cụt có động mãi dâm, hắn từ già để giải thoát sự ngao ngán bằng cách đi lính tình nguyện cho Mỹ. Truyện thứ mười ba: “Cõi Yên Nghỉ”, truyện về cô giáo có người chồng là một giáo sư sống hết mình cho lý tưởng, chàng tham dự vào Câu Lạc Bộ Thành Phố đấu tranh đòi chủ quyền dân tộc. Từ hoạt động chính trị trong thành phố, Câu Lạc Bộ chuyển sang giai đoạn hành động. Họ đã ra đi, và Hiên (tên của giáo sư) đã hy sinh ở ven rừng. Lam (tên cô giáo, vợ của Hiên) biết rằng không thể ngăn được người chồng mang nặng lý tưởng. Nàng tìm về “Cõi Yên Nghỉ” bằng những viên thuốc ngủ. Tác giả làm người đọc phân vân không rõ cõi yên nghỉ chỉ là giải pháp giúp nàng khỏi phải trằn trọc hằng đêm, hay là giải pháp giúp nàng “*đi vào giấc ngủ dài cả một đời*”.

Lược qua hết mười ba truyện của Lữ Quỳnh trong tập Cát Vàng, dễ đọc giả dễ nhận ra kết cấu chặt chẽ của ba truyện “Cuộc Chơi”, “Chỉ Có Kẻ Ở Lại”, “Bóng Tối Dưới Hầm” (truyện này có mặt trong bộ sách Văn Miền Nam đã nói trên). Điều ta muốn nêu ra là ở thể truyện ngắn có cần hay không một kết cấu chặt chẽ làm người đọc thấy nó phức tạp (vì vậy mà đọc giả nhận ra có thể phân thành nhiều hồi, giống như kiểu điện-ảnh cảnh này bắc qua cảnh khác không cần báo trước). Ta thử làm một so sánh. Truyện ngắn không phức tạp: ví như một luồng gió đóng

góp vào vùng gió lốc; hay như một hành tinh theo quỹ đạo xoay xung quanh Mặt Trời trong hệ thống Thái Dương Hệ. Và truyện ngắn phức tạp: ví như một lốc xoáy nhỏ trong vòng vĩ đại của bão lớn; hoặc như mỗi hành tinh lại là một hệ thống nhỏ (Mặt Trăng xoay quanh Trái Đất) trong hệ thống lớn là Thái Dương Hệ; nghĩa là hệ thống trong hệ thống, truyện lồng trong truyện, tiểu thuyết nhỏ nằm trong tiểu thuyết lớn. Người hứng thú với loại truyện ngắn phức tạp thường thuộc khuynh hướng tân kỳ, mà cách viết-theo-dòng-ý thức (The Stream of Consciousness Method) là thể loại được ưa dùng. Viết-theo-dòng-ý-thức đã có nhiều sách báo văn chương Tây phương đề cập, và những bậc thầy của cách viết ấy là Marcel Proust trong tác phẩm “Tìm Lại Thời Gian Đã Mất” (*À La Recherche du Temps Perdu*, viết từ năm 1913), và William Faulkner trong tác phẩm “Âm Thanh và Cuồng Nộ” (*The Sound and Fury*, viết năm 1931). Ta biết phim ảnh thể hiện phương pháp đó qua phim “Lão Ngư Ông và Biển Cả” (*The Old Man and The Sea*), hoặc phim “Tuyết Trên Đỉnh Kilimanjaro” (*The Snows of Kilimanjaro*), cả hai truyện đều của Hemingway. Lão ngư ông trên biển một mình, cứ từng chập trên biển lại từng chập hiện ra chuyện trên đất liền trong tâm trí; khi lão mệt mỏi với giấc ngủ chập chờn vì cuộc săn cá quá lâu. Và truyện một người nằm bệnh (do thương tích làm độc) dưới chân núi Kilimanjaro ở Phi châu, cứ từng chập cảnh trong lều tại vùng hoang dã, rồi lại từng chập đến với tâm trí người bệnh sắp chết về chuyện tình phụ ở Paris hay chuyện chiến đấu tại Tây Ban Nha. Còn truyện ngắn không phức tạp mà ta đã ví dụ như một luồng gió trong vùng lốc xoáy, hay như một hành-tinh-không-có-vệ-tinh nên chỉ đơn giản xoay quanh Mặt Trời. Đó là loại truyện ngắn viết theo phương pháp tuyến-thời-gian, xuất hiện trong trật tự trước sau của một truyện dài. Nếu đặt truyện ngắn này vào một truyện dài giả sử như là có truyện dài ấy, thì truyện ngắn đó sẽ là một mảnh ở vị trí nhất định nằm trên tuyến thời gian của toàn thể câu chuyện. Ví dụ ở cuốn “Tess of The D’Urbervilles” của Thomas Hardy thuộc văn học Anh xuất bản năm 1891

(trước năm 1975 ở Miền Nam Việt Nam, có sách dịch tiểu thuyết này với nhan đề “Người Tình Đầu Tiên, Người Yêu Cuối Cùng”, không nhớ tên dịch giả), mà một đoạn ta có thể trích ra thành truyện ngắn đặt tên “Cuộc Thù Tội Đêm Tân Hôn”. Giới hạn đề thành truyện ngắn này, gồm tình tiết đáng buồn như sau: Có một cô gái nghèo làm nghề vắt sữa bò ở một nông trại bên nước Anh. Nàng được một sinh viên gia đình đạo đức và khá giả đem lòng yêu thương và quyết định lấy làm vợ (chàng đến nông trại để nghiên cứu về chăn nuôi bò sữa). Trong đêm tân hôn, nàng thú tội đã thất thân trong quá khứ (mẹ nàng đã từng khuyến tuyệt đối không nên nói sự thật điều này), sau khi chàng cũng thú tội có những sai trái trong đời. Sau khi nghe xong, chàng bỗng thấy nàng là người xa lạ. Đêm tân hôn ấy, người trong vùng thấy hai bóng người đi ra từ khách sạn, chàng đi trước một khoảng xa, nàng đi sau, họ lặng lẽ như hai cái bóng suốt đêm dọc theo con sông dài. Sáng hôm sau, chàng đưa nàng trở về nhà cha mẹ và để lại cho nàng một số tiền lớn, còn chàng lấy vé tàu thủy ngay để đi qua xứ Ba Tây. Tình tiết ấy chỉ là một khúc rẽ đời nhân vật trong tiểu thuyết nổi tiếng này của Thomas Hardy. Cuốn tiểu thuyết rất phong phú về tâm lý, về sự kiện, về nơi chốn phiêu linh, về những trắc trở trải qua trong cuộc đời người con gái thuộc dòng họ D’Urbervilles (từ lúc thất thân với một tên công tử nhà giàu mà gia đình hắn đã giả danh nguồn gốc quý tộc thuộc dòng họ hiệp sĩ D’Urbervilles nay đã sa sút của tổ tiên nàng ngày xa xưa, cho đến khi nàng lên đoạn đầu đài trong một nhà tù vì hành động sát nhân do tiếng vắng gọi huyền bí từ dòng dõi hiệp sĩ).

Nếu những ví dụ như trên trong hai cách viết trong thể truyện ngắn: viết như một tiểu-hệ-thống trong một đại-hệ-thống, và viết như một chặn đường trong tuyến trình thời gian. Cả hai, ta đều thấy trong tập truyện Cát Vàng của Lữ Quỳnh. Tùy theo sở thích của từng người, thích đơn giản theo thứ tự trước sau, hay thích rối rắm cần quy chiếu, mà truyện ngắn với thể kết cấu nào được hâm mộ. Ngoài ra, ta không quên Lữ Quỳnh cũng là một nhà thơ,

cho nên khi gặp dịp thơ mộng thì tác giả hứng khởi làm phát lộ tính chất thi ca đó trong văn. Ví dụ trong truyện “Sông Sương Mù” có những đoạn đầy ắp thi tính, như trò chơi của cô bé thích ngắm những từ từ hiện ra trên sông lúc sáng sớm sương mù: *“lúc đầu chỉ nghe tiếng chèo khuấy nước, tiếp theo là nửa con đò, rồi người lái với vành nón mờ nhạt hơi sương”*. Còn lúc không phải dịp thơ mộng, tác giả có những liên tưởng rất thơ, như khi người thương binh cụt hai chân làm rớt cái mền ẩm xuống đất trong đêm rét lạnh. Anh bị tê liệt, không làm sao lấy mền lên được. Cái mền, như một hạnh phúc đối với anh lúc đó: *“Hắn như con ve sầu với đôi cánh bị dính chặt vào nhựa cây của đám trẻ nghịch ngợm, nhìn vòm trời xanh mà tuyệt vọng”* (trong truyện Đêm Bão).

“Nỗi buồn cuộc chiến” chỉ là một dạng trong đa dạng của Văn Học Miền Nam mà bộ sách “Văn Miền Nam” muốn sưu tập lại đầy đủ đáng vẽ. Nội dung toàn tập truyện của Lữ Quỳnh là như vậy, nhưng tác giả chỉ chọn nhan đề giản dị “Cát Vàng”, thay vì những nhan đề dễ gây lưu ý hơn như “Chiến Tranh Việt Nam và Tôi” (tập thơ của Nguyễn Bắc Sơn); hoặc như “Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp” (tập truyện của Thảo Trường). Nhưng trọng tâm bài này muốn bàn nhiều về kết cấu hình thức hơn là về nội dung truyện ngắn.

TRẦN VĂN NAM

Walnut, California, tháng 8 năm 2009

KHUẤT ĐẦU

NGƯỜI

VÀ

NGƯỜI

Truyện không dài



NGƯỜI GIỮ NHÀ THỜ HỌ

Đây không phải là phần hai của truyện Những Tháng Năm Cuồng Nộ. Nhưng bối cảnh của truyện là ngôi làng An Định với những nhân vật Khử và Thành gầm thét suốt 9 năm đã có ảnh hưởng trực tiếp đến những nhân vật trong truyện này. Dĩ nhiên toàn bộ là hư cấu dù tất cả này mầm từ mảnh đất đầm máu và nước mắt. Nếu cây đời không được xanh tươi mà quái dị, đó không phải là do ý muốn của tác giả.

Chương I

Ngôi nhà của những hồn ma

Ngôi nhà phập phồng như một trái tim rướm máu. Nó hốt hoảng, kinh ngạc và nếu có thể kêu thét lên được thì nó đã rống lên rồi. Sau đó, nó bắt đầu nghiêng qua nghiêng lại như một gã ngồi đồng. Trong tiếng nổ lốp bốp của tre khô, trong tiếng rú thét thanh của mọi người, nó cố sức nâng mình lên như muốn bay. Xương cốt của nó kêu răng rắc, những xà những trính vắn vẹo uốn éo, và rồi nó bay lên thật. Không cao, không xa, chỉ vừa đủ cho nó đáp xuống khoảng sân phía trước, rồi lụn tàn trong chớp mắt như vàng mã.

Nó cháy nhanh đến nỗi ông Sáu Hủ nhà bên, người hay hắc xì khi có mùi gì lạ trong không khí, chỉ kịp hắc xì đến tiếng thứ mười là mở mắt ra đã không còn thấy nó nữa. Thực ra ngôi nhà vẫn còn lù lù đứng đó. Giống như anh ngồi đồng đã được tháo khỏi chiếc khăn đỏ của phù thủy, giờ trông nó ngơ ngác, ngật ngừ. Nó lơ mơ không hiểu là mình đang ở đâu sau khi vừa thoát ra từ địa ngục. Nó hỗn hển thở khói, tường và mái bằng đất đỏ hồng như một con hoẵng vừa mới bị lột da.

Chính cái mái bằng đất gọi là *da cái* trong các ngôi nhà lá mái ở Bình Định đã cứu sống nó. Ngoài việc giữ ấm ngôi nhà trong mùa đông, làm mát trong mùa hè, nhà lá mái còn đủ sức chống chọi được với lửa. Khi cái tai họa khủng khiếp nhất của một đời người ụp xuống, toàn bộ hai mái và hai chái làm bằng tre tranh được sức nóng nâng lên cao, giống như tự nó cởi chiếc áo bị cháy ném đi chỗ khác. Vì thế, coi như thần hỏa chỉ đưa cái lưỡi đỏ rực liếm được có mỗi cái mái rạ bên ngoài mà thôi. Giờ nó giống như một người vừa mới bị cạo trọc đầu. Mà lại cạo một cách tàn nhẫn nên trông nó lem luốc, thật xấu xí.

Ngôi nhà đang ở tuổi bốn mươi, một cái tuổi hãy còn quá trẻ đối với nhà lá mái. Nó được xây cất khi người giữ

nhà thờ họ Phạm mới có hơn mười tuổi. Suốt ngày cậu chỉ tấy máy phá phách khiến những cửa những đục của các bác thợ mộc không cái nào là không bị sút mẻ. Cha cậu nhiều lần đã phải trói cậu vào cột sau khi dùng roi tre đánh đến chực roi quần đít. Nhà cất đến những ba năm mới xong. Trong ba năm đó cậu đã lớn dần cùng với ngôi nhà. Cậu không quấy phá nữa, đã biết cái khổ của một người thợ khi mài một lưỡi bào, một cái đục do cậu làm hư. Cậu đun nước pha chè cho họ uống, gấp lửa cho họ mỗi thuốc, mau mắn và dễ bảo như một anh học việc. Dần dà rồi cậu cũng biết đôi chút về nghề mộc.

Sau này khi đã có vợ, trở thành chủ nhân, những lúc rảnh rỗi ông khoe tài đóng cho bà cái đòn ngời hay cái ghế đầu. Nhưng thành nghề thì chỉ có chú Sáu em ông được cha mẹ cho theo hầy thầy thợ cả. Ba năm mới thành nghề, rồi ba năm trả công cho thầy đã khiến cho quãng đời của hai anh em sống gần nhau chẳng được bao nhiêu. Trong khi ông chăm chút trông coi ngôi nhà mới cất với cái gánh thừa tự đang nặng dần thì ông em theo thầy hết dựng nhà này đến nhà khác. Nhờ vậy, chưa đến hai mươi tuổi, chú đã thành một anh thợ giỏi. Chính chú đã thay cây xà trong buồng vì cô em thứ chín đã chết bằng cách cột dây thòng lọng lên đó rồi dút đầu vào.

Cô em út xinh đẹp nhất nhà, mắt lúc nào cũng ánh lên một nét cười tươi thắm. Khi cô nhoẽn miệng cười là khuôn mặt cô bừng sáng như cả ngôi nhà vừa tháo hết các cửa bằng khoan. Vậy mà cô đã không thiết sống thêm ngày nào nữa, vì chồng cô đã nướng một lúc đến những tám con trâu vào một sòng xóc đĩa chỉ duy nhất có mỗi một con *liềm đen*. Đó là hai mặt đồng tiền không bôi vôi cùng hiện ra một lúc trên cái đĩa ma quái. Anh chồng sau cái chết oan ức của vợ liền được mọi người thêm vào sau cái tên cha sinh mẹ đẻ hai tiếng *Liềm Đen* như đóng dấu trên lưng trâu bò. Ai cũng cầu mong anh bỏ được cái thói cờ bạc, nhất là bỏ cái con liềm đen đáng nguyên rửa áy. Nhưng chắc chị vợ, hoặc là không đủ linh thiêng để phù hộ các con anh, hoặc quá linh thiêng muốn biến anh mau chóng trở thành một thằng ăn mày để trả thù, nên chúng

nào tạt nấy, anh vẫn mê xóc đĩa và vẫn chỉ một con liềm đen mà thôi. Dù biết chắc mười mười đó là chắn trắng tức là liềm trắng, anh vẫn cứ đặt tiền vào con liềm đen. Có người giận quá gạt tay anh ra lấy tiền đặt vào cửa khác, anh vẫn lẩn xả vào đặt liềm đen rồi thua để bị cả sòng ngoại trừ nhà cái, chửi là đồ ngu.

Thực ra, anh cũng ranh ma lắm. Đến sòng bài không khi nào anh đặt tiền ngay. Anh đứng xem bọn nhà cái xóc, cái cách nó úp chén lên đĩa, cách nó lắc cho hai đồng tiền đảo lộn, cách nó đặt đĩa xuống chiếu, cách nó mở khay tức là nhắc đĩa lên. Rồi anh tránh ra xa, nghiêng tai lắng nghe những tiếng động trong lòng chén. Tiếng đục, khô, trầm tức là mặt vôi chạm vào đĩa. Tiếng trong, thanh, nhỏ tức là mặt không bôi vôi. Rất trong là liềm trắng, rất đục là liềm đen, còn nửa trong nửa đục là lẻ. Giữa những tiếng ồn ào của đám con bạc, anh vẫn nghe ra được những âm thanh bí hiểm mong manh như tiếng gọi của ái tình. Nó làm cho tim anh đập lên rộn rã, anh vỗ hai tay kêu đánh bốp, giống như một con chim cất bay lượn trên trời cao đã tìm thấy con mồi, anh vội vàng chen vào đặt cửa. Lần thứ nhất: Trúng! Lần thứ hai: lại trúng! Lần thứ ba cũng trúng! Cứ như thần. Đúng là hôm nay ra ngõ gặp đàn ông! Hên quá! Nhưng đến lần thứ tư: thua. Lần thứ năm cũng thua mà thua lớn thâm cả vốn. Lần thứ sáu thì giao cả vốn lẫn lãi. Nhẫn tui! Mười lần như chục, không thắng nổi một đồng.

Có lần, chính người trong họ nhà anh, lúc ấy anh chưa nổi tiếng là Thường Liềm đen, nhờ anh đi mua một cái hòm cho người chết. Mang một bọc tiền, không hiểu ma đưa lối quỷ đưa đường thế nào, anh lại chui vào sòng bài. Anh cũng chỉ muốn xem thôi. Nhà cái mời đặt cửa, anh lắc đầu. Nhưng tai anh vẫn nghe ra. Rõ ràng là những âm thanh rất trầm, rất nồng nàn vang lên rất khê trong lòng chén. Đúng là tiếng gọi âu yếm của con liềm đen, nó hỗn hên như tiếng gọi của người tình cũ. Tuy vậy anh vẫn không đặt, chỉ nói cho người bên cạnh và giúp hấn ta trúng. Lần sau hấn ngược mắt lên hỏi liềm đen hã, anh gật và lại trúng. Nhìn thấy hấn hai tay gom tiền cho vào túi anh nuốt nước bọt.

Nhưng muộn rồi, phải đi mua hòm thối, anh quay ra. Hắn lại cầm cả năm tiền hỏi ý anh và rất bất ngờ anh cũng đặt một ít tiền vào con liềm đen như một cách trả lời. Cả hai đều trúng. Anh trúng ít còn hắn trúng to. Rồi lại tiếng hồn hên, thăm thì của con liềm đen và anh lại trúng. Cứ như người chết đang nằm chờ cái áo quan lạnh lẽo kia đang phù hộ anh. Xin cho con một cây nữa thối. Anh đặt tất cả những tiền ăn được, định phồng một cú rồi chuồn. Nhưng lần này người chết lại chơi khăm khiến anh không trúng. Chẳng lẽ mất toi cả buổi mà chẳng được đồng nào, anh lại lao vào đặt cửa và không đợi lâu, ai cũng biết rõ mười mười là anh sẽ nhẵn túi. Gặp một con bạc khát nước như anh, bọn nhà cái coi như những kẻ đi săn gặp được một con nai cú giương mắt ngó đèn. Chúng khui toàn lẻ và người nhà anh phải bỏ tiền ra mua chiếc hòm khác nếu không muốn người chết sinh thối. Với máu mê như bị quỷ ám ấy, dĩ nhiên là anh rạc rài đến nỗi phải đến lạy cha mẹ vợ xin gửi nhờ cháu ngoại để đi làm ăn xa, kỳ thực là nhập vào cái đám ăn mầy chúa vừa mới đi qua làng.

Ông chú Sáu ấy sau này chết trong một tai nạn chìm đò. Trong một ngày cuối năm ai cũng vội vàng chen lấn trên một chiếc sông nhỏ nên chỉ mới ra đến giữa giòng đã bị lật úp. Người ta hốt hoảng bầu lấy nhau, ngay cả người biết bơi mà không lặn xuống để thoát ra cũng bị chết chùm. Khi xác được vớt lên, nhiều bàn tay còn nắm chặt tóc hay quần áo của người khác. Chú Sáu lúc ấy lại mang một cái hòm đồ nghề khá nặng không cởi ra được nên đành chết theo nghiệp. Xác chú được vớt lên nhưng không được đem về nhà, chỉ liệm trên bờ sông rồi đưa đi chôn ngay. Đã vậy còn không được vun đất cao thành mộ, không được lập bàn thờ trong ba năm. Tất cả những việc bắt nhẵn ấy là để ngăn ngừa chú trở về rù người khác trong nhà chết thay, vì chú đã hoá thành ma da. Bà thủ bản thương nhớ người em chồng ấy khôn nguôi. Chính chú đã cất nhà bếp, chuồng heo cho bà. Một điều chị Năm, hai điều chị Năm rất chi ngọt ngào. Người như thế mà trời

không cho sống lâu, cũng chẳng cho một đứa con nào để nối dõi. Làm ma da quanh năm suốt tháng ở dưới sông lạnh lẽo. Lại còn bị người sống thù ghét nguyên rủa. Người hiền như thế sao lại phải chết ác như vậy?

Mặc dù các thầy ở chùa Thiên An đã lập đàn giải oan đến những ba ngày, nhưng con ma thần vòng và ma da như vẫn còn lảng vảng xung quanh nhà họ Phạm. Dù chưa già, bà vẫn xuống tóc và thỉnh tượng Quan Âm về thờ bên cạnh bức hình Quan Công.

Hai người thứ bảy và tám không có được cái may mắn làm người. Họ chỉ là một vệt máu mới tượng hình chưa biết là trai hay gái đã vội rời khỏi bụng mẹ. Liên tiếp ba người con gái của nhà họ Phạm được sinh ra đã khiến người cha cứ phải thờ dài. Cái tội không nối được giống dòng là tội bất hiếu lớn nhất của một người đàn ông. Ba bà chị đi lấy chồng đã mang theo hết một nửa gia tài để làm của hồi môn. Rồi ba chàng rể nếu không đánh bạc thì cũng vợ to vợ nhỏ, chỉ mong sao cái nhà họ Phạm suốt mấy đời độc đinh đến đời này là tiêu để mà chia nhau nửa cái gia tài còn lại. Rốt cuộc trong tám người con của dòng họ Phạm chỉ có mỗi mình ông là còn sống như một cây cột cái để chống đỡ từ đường. Đội cả dòng họ trên đầu nặng lắm, ông nói, nhưng biết trút cho ai!

Tuy nhà cháy, nhưng mười sáu cây cột kiềng kiềng vẫn còn vững chắc như bốn con voi đục cùng đứng sát vào nhau. Ông nhớ mỗi cây cột phải mất đến hai mươi bốn ngày mới làm xong. Từ gỗ vuông đẽo tròn mất tám ngày. Từ tròn gọt dũa cho trơn láng thêm tám ngày. Rồi từ láng đến bóng thêm tám ngày nữa. Đây là lúc những đứa bé có thể góp một tay mà không bị ai rầy la. Sau khi người thợ cả gặt đầu ưng ý, cây cột được cắm thẳng một đầu vào bờ lúa. Bọn chúng cứ việc tròng dây vào mà lắc cho đến khi mỏi tay. Phải mất bốn ngày để lúa thay giấy nhám hợp cùng bọn trẻ chà cho sạch bóng. Rồi thêm bốn ngày nữa cho một đầu khác. Đó là chưa kể khi nhà dựng xong lại phải dùng lá chuối khô lau từ gốc đến ngọn. Bọn trẻ lại

được phép đi cắt tàu chuối quấn đầy mình rồi leo từ trên cao tuột xuống mỗi ngày hàng trăm bận. Có như thế cột mới bóng lạnh như thoa dầu mà không phải dầu. Rồi những xà, những trính, những chày, những cối, những chày trở nào nai công, nào nho sóc, những cửa sổ đầy qua đây lại, những cửa bằng pha có thể tháo ra cho sáng sửa trong những dịp cưới hỏi, giỗ tết.

Đó chỉ mới là cái khung nhà bên trong như một bộ xương. Còn phải gọi thợ làm *da cái* đến để làm mái ngoài. Họ đắp đất trộn rom lên những tấm mê như đắp thịt da. Rồi họ dựng trụ thả đòn tay, làm rui mè, lợp tranh như mặc áo. Tranh là lúa tháng ba được gặt phơi hai nắng và phải được thợ giỏi đánh cho thật chắc thật dày. Thợ lợp nhà phải biết dựng bốn góc vênh lên như đình chùa. Muốn vậy phải chồng tranh hàng ba, có khi hàng tư mới có được độ dày. Sau cùng là cắt đuôi tranh. Cái công đoạn này tưởng dễ nhưng thật ra rất khó. Cắt sao cho thẳng như chằng dây, cho bốn góc cuộn lên như đuôi rồng, cắt như lấy ván dựng vậy, và cái công việc làm đẹp cho ngôi nhà, như khai quang điểm nhãn ấy không ai qua được ông hai Cần. Ngôi yên trên một chiếc ghế đầu, mắt ngược lên để canh chừng lưỡi dao, rất nhẹ nhàng, từ tốn, ngọn dao răng cưa bén như liềm gặt của ông đưa tới đâu là những cọng rạ thừa lả tả rụng xuống. Hai ngày sau, như một người vừa được húi tóc, mái nhà vàng ửng tinh tươm phơi cái gáy dựng ngược lên trông thật sượng mắt.

Không ở đâu có những ngôi nhà lá mái công phu và những thợ cắt tranh tài giỏi như ở An Định.

Vậy mà, một trong năm cái nhà đẹp nhất làng đã bị bom xăng của giặc đốt. Tưởng chừng như cũng đốt cháy luôn cả lòng ông thủ bản, nhưng tuy ngoài mặt, ông ràn rụa nước mắt mà trong bụng lại mừng thầm. Ông đâu còn nhà cao cửa rộng nữa mà nâng lên hàng địa chủ!

Ba ngày sau ông mới dám bước vào nhà. Sức nóng khủng khiếp của bom xăng đặc đã làm cho bao nhiêu chén bát sành sứ đều rạn nứt. Những chân đèn, lư hương bằng

đồng thau vàng chói như vàng thật đã trở nên đen sạm, lem luốc, như được vớt từ đáy ao lên. Các tấm liễn cần xa cừ, ốc rời ra chữ còn chữ mất. Các tấm hoành với những đại tự được thếp vàng đã trở nên đen xỉn. Chiều mền tự mục nát đung vào mủn như tro. Bao nhiêu áo quần còn lại đều không mặc được khiến cô con dâu ngồi khóc rầm rức. Ông nói, thôi nín đi, còn sống được là may lắm rồi. Cô con dâu không dám nói gì, đứng dậy lau nước mắt giúp cha chồng dọn dẹp.

Cô gom tất cả những gì đã cháy hay sắp cháy ra đổ trước sân. Giờ chỉ còn lại bộ ván gỗ trước bàn thờ, cái giường không còn chiếu của cha chồng và một cái rương xe giống như một cái sập gụ của mẹ chồng lúc còn sống dùng làm giường ngủ. Ngôi nhà trống toang hoác, phơi hết cả bí mật riêng tư của mình ra trông rất tội nghiệp.

Cái bàn thờ chạm trổ công phu với bộ ngũ có con sư tử, cặp chân đèn to cao, hai cây sập ong mỗi lúc thấp lên thơm ngào ngạt. Cái độc bình sứ giang tây, cái cổ bông có hình con cá chép, bộ ấm tách nước men xanh. Tất cả làm nên cái thế giới linh thiêng với bốn mươi hai hộp đựng bài vị phủ khăn đỏ. Đó là nơi chôn đi về từ ông tổ mấy trăm tuổi đến những đứa trẻ mới sinh. Trên cao là trang thờ vừa Quan Công vừa Phật với hai con rồng châu cái mặt nguyệt đã đen xỉn vì khói nhang. Một cái chuông tối nào cũng vang lên đúng 42 tiếng đều đặn không sót một tiếng nào như thể là điểm danh 42 linh hồn người chết. Vợ ông lúc nào cũng hiện ra đầu tiên với cái nhìn vừa bàng hoàng vừa tức giận, mặc dù tiếng chuông dành riêng cho bà là tiếng sau cùng.

Dù hễ còn đủ cả, nhưng cái vẻ huyền bí đến nỗi các cô dâu lần đầu đứng trước bàn thờ gia tiên không ai dám ngược nhìn, đã không còn nữa. Ngọn lửa với những cái lưỡi dài sau khi nuốt trọn bộ cửa bằng khoan đã liếm lên các cây cột. Tuy chưa đốt được vì gỗ kiêng kiêng cứng như sắt nhưng lửa ầm ầm vẫn toả hơi nóng làm cho cái cung phủ bé nhỏ của nhà họ Phạm xơ xác đến thảm hại.

Như thế này, không biết các linh hồn có chịu đi về, lui tới như mọi khi?

Ngày hôm sau, cả một bụi cây ở góc vườn bị ông chặt sát gốc. Rồi hai cha con cùng làm mâm trí, trộn đất với rơm, ề ạch mãi cũng làm xong được tấm vách thay hàng cửa bằng khoan đã cháy. Ông chừa một cái lỗ bằng miệng thúng đủ hai cha con chun vào. Như vậy, bốn bức tường bằng đất, mái cũng bằng đất, nên trông từ xa, ngôi nhà giống như một ngôi mộ to tướng. Mà cũng phải thôi, bốn mươi hai người chết, nếu chôn chung một mồ chắc cũng phải to như thế. Đứng nhìn cái ngôi nhà lạ lùng với một cái lỗ như một cái hang, cô con dâu hỏi, chẳng lẽ ông bà tổ tiên nhà mình cũng chui vào như thế này sao cha? Ông gắt, chết rồi thì đi về bằng cách gì mà chẳng được. Tuy nói vậy, nhưng bụng ông cũng thấy hơi bất kính. Trước đây, trong những ngày giỗ chạp, các cửa bằng khoan được tháo hết, ánh sáng ủa vào làm cho những thứ bằng đồng sáng lên rực rỡ. Toàn bộ cây gỗ ngay cả những cây tre cũng lên nước ngời ngời. Chén bát được chùi rửa sạch bóng. Những cổ bông dây chuỗi, bưởi, cam, quýt. Những bình hoa vạn thọ vàng rực. Sạch sẽ và thơm tho như thế mà vẫn còn sợ bất tội, hướng hồ là rách nát nhem nhuốc như thế này. Thì thôi, tội lệ gì ông cũng đành chịu, giặc giã như thế này còn biết tính sao.

Những lúc như thế này ông thấy nhớ người vợ tội nghiệp. Phải như có bà, mọi sự có thể đã được thu dọn vén khéo và ngôi nhà hẳn còn một chút ấm áp. Bà đã bỏ ông mà đi một cách tức tưởi oan nghiệt còn hơn cô em thứ chín của ông.

Buổi sáng hôm ấy, chiều đứa cháu ngoại, bà đã leo lên cây cau cạnh nhà thờ, cây cau to nhất, cao nhất để bắt tổ sáo. Việc leo cau đối với bà dễ dàng còn hơn đi chợ. Bà đã leo cau từ lúc tám tuổi, nhẹ nhàng, thoăn thoắt, còn dám chuyển từ cây nọ sang cây kia. Cha mẹ bà có cả một vườn cau đến mấy trăm cây, lúc chưa lấy chồng chỉ mỗi một mình bà leo lên bẻ buồng. Bà thuộc lòng từng cây một. Cây nào cau ngon để dành bán cho những người kén ăn, cây nào cau thường để bán sỉ. Bà nhớ buồng nào bẻ trước

buồng nào bề sau. Chưa khi nào bà leo lên mà phải trở xuống tay không vì cau chưa tới lứa.

Khi lấy chồng, của hồi môn của bà là một trăm cây cau con. Chính bà thuê người đào lỗ, xẻ mương dẫn nước để trồng. Chẳng bao lâu, khu vườn lộn xộn không được ai chăm sóc trở thành một vườn cau lúc nào cũng xanh mát. Cả một trời chim đã bay về tranh nhau làm tổ. Nhiều nhất là chim sê, chim cu. Giống như những kẻ hạ lưu trong thế giới loài chim, chúng chỉ dám xây nhà trên những buồng cau đầy những cọng râu xồm xàm như râu hát bội. Chim sáo, chim cuống và một đôi khi chim nhồng như những kẻ thượng lưu, rất thích làm tổ trên ngọn. Cây cau to nhất, cao nhất với những tàu lá xanh đen là nơi chúng ưa thích nhất. Vì vậy chúng thường đánh nhau và bao giờ một đôi vợ chồng sáo nâu cũng chiến thắng.

Chẳng riêng gì chim sáo mà ngay cả ông Khứ công an thôn cũng rất thích cây cau ấy. Đã có lần ông xin (thực ra là lệnh) ông thủ bản cây cau to ấy để làm trụ cờ. Ông thủ bản run run gật đầu, quên mất rằng chính vợ ông mới có quyền cho hay không. Đang lúc đưa những nhát rựa vào gốc cau thì vợ ông đi chợ về. Bà bảo thà đi tù chứ nhất định không để cho ông Khứ chặt cây cau ấy. Sau một hồi năn nỉ bà chịu để ông ta chặt một cây khác. Nhưng ông Khứ chê nhỏ không thềm. Bà lớn tiếng bảo, không thềm thì thôi, bà hãy còn cau có chỗ cho chim đậu.

Ông Khứ tức giận bỏ đi. Để che dấu vợ mấy nhát rựa vừa rồi, ông âm thầm lấy đất sét trộn tro, đắp vào như băng bó vết thương. Từ ấy, cây cau dưới nắng mưa, cũng như con người, những vết chém bị nhiễm trùng, mỗi ngày một ít lặng lẽ ăn sâu vào thân. Tuy vẫn còn giữ được cái màu xanh như bao cây khác nhưng ruột gan nó đã rỗng dần. Chính ông cũng không ngờ là tự mình đã báo trước cho người vợ một cái chết thảm. Vì chim sáo vẫn làm tổ, vì vườn cau là nơi chốn bình yên nhất mặc dù chiến tranh đang đến hồi khốc liệt, và vì đứa cháu ngoại được bà cưng nhất, nên bà đã quyết định leo lên mặc dù bà không thích

những tiếng thét gào của lũ sáo khi bị cướp mất con. Lúc ấy trời lặng gió, lúa ngoài đồng đang trĩu cùng với hương cau thơm ngát, ông đang ngồi uống trà trên chiếc chõng tre dưới một bụi trúc đầy tổ chim đông đúc. Đứa cháu hồi hộp đi theo bà. Nó đang nghĩ tới những con sáo với cái mỏ vàng như nghệ há họng ra để nuốt lấy những con cào cào mà nó sẽ bắt đầy cả xâu.

Như thường lệ, bà cất một tay chuối khô, tước hết lá, đánh lại thành hình số tám. Bà xỏ hai bàn chân luôn đi chân đất, ôm lấy cây cau chậm rãi leo lên. Đứa cháu giữa cổ trông theo. Từng nấc, từng nấc một thật chắc chắn, bà tiến dần đến cái tổ nằm giữa những tàu lá to, dày. Sáo cha sáo mẹ bắt đầu gào lên. Chúng nó bay quanh bà, lượn sát đầu bà như máy bay khu trục. Chúng tuyệt vọng, điên cuồng khi bà thò tay vào nắm lấy tổ sáo. Và đúng lúc ấy cây cau bỗng thét lên lời chào vĩnh biệt. Không có một mụ di ghê nào cầm rựa chặt nhưng nó vẫn ngã xuống. Nó mang theo bà hãy còn ôm cái cổ hủ với những buồng cau non. Và cũng như những buồng cau văng tung toé trong vườn khi chạm đất, bà buông xuôi hai bàn tay, chiếc khăn trùm đầu bay mất để lộ cái sọ tròn rạn vỡ. Mắt bà vẫn mở trừng trừng, in cả vườn cau xanh và cả nỗi bàng hoàng. Trong giây phút nghiêng ngã cuối cùng bà vẫn không hiểu vì sao cây cau đẹp nhất, mạnh khoẻ nhất lại có thể gãy đổ dễ dàng như thế.

Ông thủ bản đã đuổi cả hai mẹ con, cảm không bao giờ được về nhà này nữa ngay cả lúc ông chết.

Sau này nghĩ lại ông thấy chính ông phải giận mình chứ không thể giận con giận cháu. Chính ông quá sợ ông Khử nên mới ra nông nổi ấy. Nếu ông mạnh mẽ cương quyết như vợ ông thì làm sao bà có thể ngã xuống dù phải khó khăn lắm (vì phải lên tận ngọn) để bắt chim sáo cho cháu. Ừ, việc gì mình lại sợ nó như thế nhỉ? Nó vừa lùn vừa xấu, hai hàm răng vàng ệch cấu bần lúc nào cũng phòi ra vì hai cái môi vừa mỏng vừa nhỏ không đủ che kín dù răng đã cắn chặt. Nó cũng chẳng học hành gì, chỉ vẽ vẽ năm ba chữ bình dân, cũng chẳng có võ nghệ gì dù ngày trước vẫn tập cầm thương múa một vòng trên sân khấu khi

được chọn làm quân sĩ.

Chính bà vợ ông, hôm ấy đã mắng ông: này tôi hỏi ông, có phải ông lấy vợ nó không mà ông sợ đến như vậy? Không lấy hả? Không thì việc gì phải sợ. Ông làm thủ bản giữ việc cúng đình, mà đình phá rồi còn sợ ai nữa? Ông chỉ nhỏ nhẹ, tôi lạy bà, bà im cái mồm giùm cho. Nó mà nghe được thì chẳng những tôi đi tù mà bà cũng còn bị nó đóng gông chứ ở đó mà lý sự. Nó muốn ai sống là sống, muốn ai chết là chết bà không biết à. Thực ra tôi muốn cho nó cả vườn chứ không chỉ một cây đó thôi. Cho nó chặt tuốt để may ra nó làm ngơ không đưa nhà mình vào *diện* địa chủ.

Khi cả xã dựng lên câu khẩu hiệu vĩ đại TÍCH CỰC CHUẨN BỊ TỔNG PHẢN CÔNG và ĐÁ ĐẢO CAN THIỆP MỸ thì ông Khứ lệnh cho du kích đến chặt sạch. Ông thủ bản cũng chẳng buồn lấy một cái cỏ hủ nào để làm gỏi như trước đây ông vẫn ao ước. Trước đó, trong những đêm trăng mờ, những thân cau trắng đứng song song như những bóng ma làm cho ông mỗi khi thức giấc nhìn ra phải giật mình. Dường như những người đã chết trong họ tộc ông đều về đứng dựa lưng từng người một vào những cây cau ấy như đã từng đứng sắp hàng lặng lẽ bên cạnh những cái bài vị trên bàn thờ. Không một tiếng động nào nhưng ông nghe như vọng lại từ trăm năm những tiếng rì rầm cùng những tiếng thở than rất khế. Ông sợ những tàu cau già chưa chịu rơi xuống đất, cứ lủng lẳng lắc lư trong gió như đó là bóng hình của cô em út đang dựa dưới xà nhà. Ông vẫn còn thấy vợ ông một tay ôm cây cau một tay cầm tổ chim ngả xuống với đôi mắt mở to tuyệt vọng. Cho nên, chặt hết cả vườn cau ông lại mừng.

Nhưng rồi, vườn cau không còn nữa ông lại thấy buồn. Nắng như nước chảy vào chỗ trũng, sáng đến chói mắt, nóng đến khô người. Chim chóc bỏ đi, ngay cả thằn lằn rắn mỗi cũng rất khó tìm. Giờ đây ngôi nhà bị cạo trọc mái càng làm cho khu vườn của dòng họ Phạm thêm hoang lạnh trống vắng.

Nằm mãi trong nhà với bóng tối và những bài vị trên bàn thờ, ông cảm giác như mình đã chết mà chưa chôn. Ông chẳng muốn động đậy chân tay, ngay cả thở ông cũng để mặc cho lỗ mũi và hai lá phổi muốn làm gì thì làm. Đã năm mươi năm sống ở đời, lúc này được gọi là tri thiên mệnh, ông thấy cái chết đã đứng lấp ló trong góc nhà, chờ chờ trên các bài vị mờ ảo dưới ánh đèn dầu phụng. Thật dễ dàng là treo một sợi dây lên xà nhà như cô em thứ chín. Có khó khăn gì đâu, chỉ một chân hất nhẹ cái ghế là xong ngay. Nếu sợ xóm làng kinh hãi khi thấy cái lưỡi thè ra thì chụp lên đầu một cái khăn. Nhưng làm sao ông lại có thể chết được trong khi bốn mươi hai cái bài vị trên bàn thờ chưa biết giao lại cho ai. Đó là chưa nói tới 16 cây cột quen thuộc không muốn để ông chết.

Ông ngồi dậy, chui ra ngoài. Cái lỗ nằm sát đất nên ông phải khom lưng xuống mới bò ra được. Trông cứ như con chó. Rồi cái vẻ nhìn trước ngó sau lại giống hệt một thằng ăn trộm. Chưa bao giờ ông thấy tình cảnh của mình ô nhục như thế. Đường đường một thủ từ họ Phạm mà ra vào nơi chốn linh thiêng lại bắt chước con vật bốn chân. Ông lừng thững đi ra ngõ. Muốn ghé nhà ông Sáu Hủ bên cạnh uống chén nước nhưng lại sợ làm khổ ông bạn già. Ra quán Sáu Chơi làm một ly giải sầu lại ngại làm cửa hàng bà ta ế ẩm. Chưa đến nỗi chủ như tát nước vào mặt nhà tổng Bá, nhưng gặp ông, ai cũng quay mặt đi. Vạn bất đắc dĩ, có phải nói đôi câu thì họ ngó trước trông sau, làm như ông đang mang trong mình cả khối vi trùng dịch hạch. Ông cứ bị hăm he đưa lên địa chủ thì họ đại gì mà dây vào ông cho mang cái tội *liên quan*

Cô con dâu còn tệ hơn nữa. Nó bị ghép đủ thứ tội, nào buôn gian bán lận, nào đầu cơ tích trữ. Nghề của nó là buôn bán hành tỏi, một cái nghề bất đắc dĩ vì không biết làm gì hơn ngoài việc cấy hái. Chồng đi bộ đội, con cái không có, việc buôn bán khởi sự cũng chỉ để cho vui, cho bớt cái thì giờ làm dâu trống vắng dài dằng dặc. Không ngờ, tỏi mua gom từ các vùng quê đem lên Đập Đá bao

nhieu cũng bán hết. Người ta ăn tỏi để chống sốt rét. Người không ăn được thì đập tỏi cột vào tay. Chẳng biết có hiệu nghiệm gì không chứ người nào mặt cũng vàng ệch, lúc nào cũng cảm thấy lạnh như từ trong xương sống lạnh ra.

Nó mua tỏi mới nhỏ, thuê người khác gánh về nhà, rải ra sân phơi thật khô rồi bóc vỏ ngoài, cắt rế, xâu lại thành chùm. Cứ mười củ nhỏ thành một chục, mười chục xây tròn thành một trăm rất đẹp. Để hấp dẫn khách mua hàng, nó xoay những củ to, trắng ra bên ngoài, giấu những củ nhỏ, sứt cuống vào bên trong. Ai cũng làm như vậy nếu không muốn hàng của mình bị mất giá. Nhưng cô Thanh bảo như thế là gian lận, là phỉnh gạt nhân dân. Mỗi năm chỉ có một mùa tỏi, nếu bỏ vốn ra mua để có mà bán quanh năm thì lại bảo là đầu cơ tích trữ. Thỉnh thoảng ông Khứ cho du kích đến soát nhà, nếu dư ra hơn một trăm củ là bị tịch thu ngay! Tội nghiệp, nó phải nhờ ông anh rể nhiều lần đem giấu ở chỗ khác

Không bắt được nhưng bọn họ vẫn ghép nó vào hàng buôn gian bán lận, tiền muôn bạc gánh cân phải khấu trừ bằng cách kê thuế thật nặng. Mặc dù không làm ra hạt thóc nào nó vẫn phải nộp hai tấn lúa vì có đủ *khả năng*. Cọng với ba tấn nông nghiệp của riêng ông là thành năm tấn, trong khi thu hoạch chưa được 500 ký! Cho nên, dù chưa bị đưa lên địa chủ, cha con ông vẫn sẽ bị đem ra đấu vì cái tội thiếu thuế! Tức là cái tội ừ lì phản cách mạng! Như con cá đặt trên vĩ, lật phía nào cũng bị lửa nướng chín. Đã bị ghi đích danh vào bản án ấy tức là vào cái kho tẩm tối mệnh mông của ganh ghét hận thù, của nhỏ nhen bần tiện, của ngu dốt bạo ngược, thì dù có chết vẫn chưa được yên thân.

Thầy giáo Hiên bị bắn rồi mà vẫn gọi là thằng Việt gian. Ông tổng Bá thất cổ mà vẫn chưa được phép chết. Ai cho mày trốn nợ nhân dân? Còn ông, thằng thủ bản ăn hết cả cái đình làng An Định hãy đợi đấy mà trả lời với nhân dân. Mà nhân dân là ai nếu không phải cái thằng cha chạy hiệu gặp thời hò hét đó. Lúc nào ông cũng nghe lũng bùng trong tai những tiếng quát tháo, những câu tra hỏi; để đâu,

chôn dấu ở đâu, vàng của đình cả trăm lượng giờ biến đi đâu hết, hả, hả? Ông lơ mờ thấy cái ngày mình bị bắt quỳ trên những đám mễ chai không còn xa. Dân làng được mời tới thực ra là được các tổ trưởng tổ phó đi từng nhà nhắc nhở như lừa những con chó ốm đói ra khỏi chuồng. Bọn họ ngồi cho hỏ trên nền đất, quần xà lỏn nhiều khi không ôm hết cái háng mốc xỉ, đàn bà đứng sau lưng áo không che hết cái bụng xề, cứ thấy các cán bộ vung tay lên hô dả đảo là hô theo. Tiếng hô càng to, sức mạnh nhân dân càng lớn. Thằng chả đứng vung tay múa chân như lão phù thuỷ Ba bắt quyết trừ tà. Thần chú là lời cao xa của đảng còn tà ma là địa chủ phản động. Khi ông cử Vân, ông tổng Bá bị xoá sổ trên cũi đòi thì lại đến lượt ông. Là một tên tử tội dự bị, ông cảm thấy cái lưỡi gươm không phải công lý mà là phi lý đang treo tồn teng suốt ngày đêm trên đầu mình.

Nhân dân, nhân dân, hai tiếng ấy lúc đầu nghe rất chi là thân thiết ruột rà, giờ nghe như tiếng găm của con sư tử!

GIỚI THIỆU SÁCH BẢO

Phạm văn Nhân phụ trách

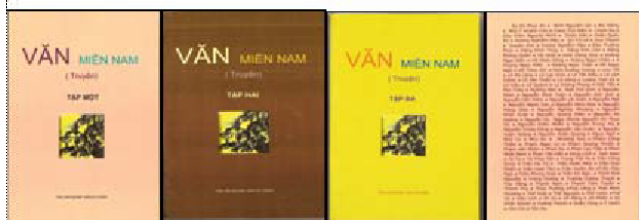
LTS: Tác giả muốn giới thiệu sách trên TQBT xin gửi về địa chỉ:

2004 Heather st.

Amarillo, TX 79107.

(Xin đừng gửi về địa chỉ PO Box)

VĂN MIỀN NAM (ba tập)



(Tập Một . Tập Hai. Tập Ba và bìa sau gồm tên của 117 tác giả)

Tháng 8 năm 2009, nhóm chủ trương *Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam* đã cho phát hành bộ sách khá đồ sộ có tên: **VĂN MIỀN NAM** . Gồm ba tập: Tập 1, 2 và 3. Mỗi tập dày 550 trang . Tổng cộng 1650 trang ,với hai loại bìa : bìa cứng (hard cover) và bìa mềm (soft cover).

Đây là một công trình sưu tầm khá vất vả của những bạn bè trong và ngoài nước. Được biết theo như nhà văn Trần Hoài Thư cho hay là sẽ phát hành tiếp bộ **VĂN MIỀN NAM** tập 4 cũng dày khoảng 500 trang, gồm những nhà văn còn sót lại mà bạn bè đã cố gắng sưu tầm thêm.

Bộ sách gồm có tất cả 117 tác giả. Mỗi tác giả chỉ đi một truyện từ các tạp chí văn học nổi tiếng ở Sài Gòn như Bách Khoa, Văn, Văn Học, Thời Tập, Khởi Hành, Trình Bày, Sáng Tạo, Ý Thức, Giữ Thơm Quê Mẹ, Gió Mới, Mai, Văn Nghệ (trích...)

Được biết sau những lần phát hành thành công THƠ MIỀN NAM tập 1 và 2 (2006-2007) THƠ TÌNH MIỀN NAM (2008) . THƠ TỰ DO MIỀN NAM (2008), THƠ LỤC BÁT MIỀN NAM (2008), bạn bè và độc giả gần xa đề nghị phát hành VĂN MIỀN NAM. Thế là nhóm chủ trương tìm kiếm, sưu tầm tất cả những truyện ngắn đã đi trên các tạp chí văn trước 1975 với mục đích bảo tồn nguồn văn học miền nam đã bị mai một bởi một lý do thật đơn giản :“văn hóa đồi trụy”, “văn chương thực dân kiểu nói” cho nên đã bị thiêu hủy sau năm 1975. Nhưng với bộ sách đã sưu tầm gồm những truyện ngắn độc giả sẽ thấy một nền văn học miền nam tự do và rất nhân bản. Mà, một thời rất quen thuộc trên các tạp chí xuất bản ở Sài Gòn.

Độc lại những tác giả trong bộ sách VĂN MIỀN NAM phát hành trong tháng 8-2009. Tôi thấy có những tác giả chỉ sáng tác “một truyện” như Cách Cửu (Thư Từ Tuy Hòa). Hay Chinh Ba (Cái Xương Cụt). Cũng đủ cho ta thích thú khi đọc truyện của hai tác giả trên. Cũng như Chu Trầm Nguyên Minh, một nhà thơ hơn là nhà văn (Ngày Về Của Người Mất Trí). Về truyện của CTNM đứng một góc cạnh nào đó, người đọc cho là truyện viết rất phản động, nhưng tạp chí Văn Học vẫn cho đăng, chính quyền thời ấy vẫn không kiểm duyệt. Tự do sáng tác là ở chỗ đó.

Tuy nhiên, vì là những truyện ngắn được sưu tầm và do bạn bè đánh máy lại , cho nên vẫn còn một vài khuyết điểm nhỏ, không thể không có trong khi gõ máy có vài chữ sai (dấu). Độc giả cũng dễ thông cảm được.

Được biết nhà văn Trần Hoài Thư mới cho hay là đang tiếp tục thực hiện tập 4 gồm những nhà văn còn sót tên trong ba tập trên.

Độc giả cần tìm đọc lại những sáng tác cũ của những cây bút cũ miền Nam nên tìm đọc qua ba bộ sách này.

Giá bán ghi: Bìa mềm: 30 đô la / cho mỗi tập, kể cả cước phí (Hoa Kỳ). Ngoài Hoa Kỳ 35 đô la/ cho mỗi tập. Còn bìa cứng: 35 Đô la/ mỗi tập. Ngoài Hoa Kỳ \$40/mỗi tập

Kể cả cước phí.

Địa chỉ: Thư Án Quán

P.O.Box 58

South Boud Brook, NJ08880

Hay E. Mail:

tranhwaithu@verizon.net



Những Tháng năm Cuồng Nộ của nhà văn **Khuất Đầu** (truyện dài). Thư Án Quán xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2009. Khuất Đầu, nhà văn trong nước. Trước năm 1975, tác phẩm đã in: Khúc Sinh Ca Của Đồng Lúa Trỗ (Thơ-1970). Người Tử Tù (Truyện 1970). Người Giữ Nhà Thờ Họ (2008). Những Con Đom Đóm (tập Truyện 2009). Được biết nhà văn Khuất Đầu sinh năm 1940 tại Bình Định

Những Tháng năm Cuồng Nộ của anh là một truyện dài, bối cảnh trong truyện anh viết thuộc liên khu 5 (Nam Ngãi Bình Phú) mà Bình Định là quê hương. Nhân vật chính trong truyện là một cậu bé mới sinh ra bỏ trôi sông trong lòng một chiếc nắp bầu có trét dầu rái. Và được một người đàn bà đãi cát tìm hén (nghèo khổ) vớt được và nuôi nấng từ những giọt sữa của một con chó cái. Nhân vật tôi (đứa bé) lớn dần, có lẽ cũng cùng một năm sinh của tác giả, nhưng khác với tác giả về số phận. Nhân vật tôi ấy lớn lên và trở thành một nhân chứng sống từ những năm 1940 trong vùng Liên Khu 5. Tác giả đưa lên những sự kiện từ một làng nhỏ ở xã An Định (Bình Định). Truyện gồm 17 chương với một chương kết. Gồm 215 trang. Nhân vật tôi bị thả trôi sông trong cái vỏ bầu ấy trở thành một nhân chứng sống từ thời VM cho đến năm Ngô thủ tướng về nắm chính quyền rồi cuối cùng là 30-4 1975.

Một giai đoạn lịch sử dài từ năm 1940 cho đến 1975

Cuối truyện, trong đoạn kết, tác giả viết: *...Từ một đứa bé bị thả trôi sông, trải qua sáu mươi năm, trở thành một ông già, quãng thời gian thật dài. Những tháng năm cuồng nộ đã đi qua đời tôi như một bầy ngựa điên. Nhiều lúc tôi tưởng đã bị chúng giẫm đạp cho nát tan. Tôi, bị tung lên, bị quật xuống, bị đá qua bên này, bị đạp qua bên nọ.*

Nhưng cuộc đời dù khốc liệt đến đâu vẫn có cách san sẻ riêng của nó. Tôi kể ra đây câu chuyện cuối cùng để kết thúc những trang hồi ký buồn nhiều hơn vui này..."

Vâng, buồn nhiều hơn vui của một đứa trẻ bị bỏ trôi sông (Hi vọng cho nó được sống) . Từ một làng quê nhỏ bé, An Định, tưởng sẽ được yên ổn trong thôn xóm...nào ngờ “trở thành một đồng bèo nhèo; thay vào đó lại phải tung hê những Bảo Đại và Ngô chí sĩ (Nguyễn Lệ Uyên đọc Những Tháng năm Cuồng Nộ). Đọc hết tập truyện dài 215 trang , tôi nghĩ nhân vật tôi trong truyện, mong rằng không phải là tác giả như nơi trang sau của tập truyện có ghi: cùng tuổi với nhân vật nhưng không cùng số phận.

Trình bày bìa: Nguyên Minh.

Tranh Đinh Cường

Thư Án Quán xuất bản đầu tiên tại Hoa Kỳ năm 2009.

Dành tặng thân hữu của TQBT và tác giả.



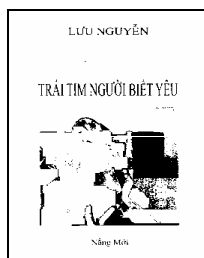
Đường Ta Đi. Truyện dài của **Đặng Đình Túy**. Đường Ta Đi giải nhì đồng hạng kỳ II giải văn học 2004 do hội Quốc tế Y sĩ Việt Nam Tự Do tổ chức. Sách dày 301 trang kể luôn phần phụ lục. Không thấy ghi giá bán.

Truyện gồm có ba phần. Được chia Phần I, phần II và phần III. Trong mỗi phần còn có những mục nhỏ được đánh dấu theo số thứ tự để đọc giả dễ theo dõi.

Lời Giới thiệu: Phạm Hữu Trác. Và lời bạt: Hồ Trường An.

Truyện viết về hai anh em họ. Lớn lên từ cuộc chiến. Và, cũng từ cuộc chiến này mà hai anh em mỗi người tự chọn cho mình một hướng đi. Người bên này (nhân vật Đạo). Người bên kia(nhân vật Thanh-chiến binh CS- vai em). Một câu chuyện xem ra rất bình thường trong cuộc chiến. Nhất là trong cuộc chiến Việt Nam. Cũng thường xảy ra trong một gia đình. Con bên này, cha bên kia. Hay anh em cũng bên này và bên kia. Nhưng với ngòi bút của Đặng Đình Túy : Đường Ta Đi hấp dẫn người đọc ngay từ Phần I (Bên Kia Núi) cho đến hết trang 301. Thế hệ của Đạo (hay của tác giả?) gần giống như nhân vật trong truyện dài của Khuất Đầu, sinh ra và lớn lên trong thời kỳ mà đất nước gặp quá nhiều nhiều nhương (Pháp thuộc, Việt minh, Quốc gia, Cộng sản). Một nhân chứng và cũng là một cuộc đời có quá nhiều khổ đau của thế hệ tác giả (thế hệ chiến tranh- chữ của Trần Hoài Thư).

Sách không có ghi địa chỉ tác giả. Tuy nhiên Thư Quán Bản Thảo xin giới thiệu với độc giả cần tìm đọc Đường Ta Đi . Qua địa chỉ email của tác giả: dang138dt@yahoo.com



Trái Tim Người Biết Yêu là tập thơ của **Lưu Nguyễn**. Do Nắng Mới xuất bản. Bia Đình Cường. Phụ bản: Thái Tuấn, Võ Đình, Đình Cường. Và một phủ bản nhạc Vĩnh

Điện phổ thơ Lưu Nguyễn.

Tập thơ dày 132 trang. Gồm 65 bài thơ . Đa phần trong tập thơ là thể thơ Tự Do. Được biết đây là tập thơ thứ ba của nhà thơ Lưu Nguyễn. hai tập trước là Tri Âm (1990), Ngày Qua Rất Vội (1993). Trái Tim Người Biết Yêu (2009). Thơ Lưu Nguyễn trong sáng. Những con chữ không cầu kỳ. Hấp dẫn người đọc.

Giá bán 15 Gia kim/Mỹ kim.

Độc giả muốn có tập thơ xin liên lạc với tác giả:

2154 Armel

La Salle, QC . H8N 1L2. Điện thoại: (514) 931-7995.

Chúng tôi xin trích một bài trong tập Trái Tim Người Biết Yêu gửi đến độc giả TQBT

Lòng ta Giọt Rượu Trần Ly

Xin người

một đóa bình yên

xin ta

một nụ ưu phiền

lãng quên

xin cho “chân cứng đá mềm”

mà đi

cho hết mộng mênh dòng đời

thôi thì

thôi nhé người ơi

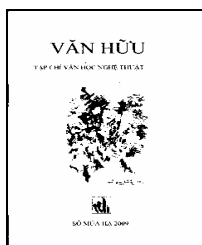
trăm năm cũng thế

cuộc chơi

sá

gì

lòng ta giọt rượu trần ly



Văn Hữu Mùa Hạ 2009. Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật do nhà văn nữ Thu Hương chủ trương miền tây Bắc Hoa Kỳ. Tranh bìa: Mùi Quý Bồng. Và nhiều minh họa của Mùi Quý Bồng, Lê Thị Thu Hương, Trần Thế Phong, nhóm minh họa Trung Vương.

Tạp chí văn Học này không thấy ghi số thứ tự cho mỗi lần xuất bản . Chỉ ghi theo mùa. Số mùa Hạ gồm nhiều cây viết khá quen thuộc ở hải ngoại. Có cả phần song ngữ (Việt Anh) từ trang 126 đến trang 155.

Giá bán 5 Mỹ kim. Địa chỉ liên lạc:

vanhuu08@yahoo.com

hay: Lê Thị Thu Hương.

1526 Alki Ave. SW # 406

Seattle, WA 98116



Văn Hóa Việt Nam số 45 Mùa Hè 2009. Tiêu chí của tờ báo: Tạp Chí Bảo Tồn, Phát Huy Văn Học, Nghệ Thuật. Ba tháng phát hành một kỳ. Chủ nhiệm Phạm Quang Tân. Chủ bút Lê Cần Thơ. Và họa sĩ Phạm Mộng Chương trình

bày bìa.

Tạp chí Văn Hóa Việt Nam phát hành tại Houston, TX.

Không thấy ghi giá bán.

Ngoài những sáng tác văn học thơ văn ra còn có những mục Khảo luận. Quê Hương Trong Trí Nhớ. Tinh Hoa Đất Mẹ. Và Nam Quốc Sơn hà Nam Đế Cư. Ngoài ra trong số này còn có Tưởng Niệm Cụ Nguyễn Văn Vĩnh.

Tạp chí qui tụ nhiều cây viết tên tuổi ở Houston. Và trong tiêu bang TX.

Độc giả muốn có Văn Hóa Việt Nam xin liên lạc với anh Phạm Quang Tân qua địa chỉ e mail: tanpham99@hotmail.com hay số phôn: 281-826-0415.

Chúng tôi thành thật cảm ơn những tác giả đã gởi sách và tạp chí đến TQBT. Dù sớm hay muộn, chúng tôi cũng lần lượt giới thiệu sách của quý bạn trên TQBT

GIỮA CHÚNG TÔI VÀ THÂN HỮU/BẠN ĐỌC

*Thư quán bản thảo là tạp chí thuần túy văn học nghệ thuật. Mong được chia sẻ cùng quý bạn về văn chương chữ nghĩa. Xin đừng thắc mắc tại sao tạp chí TQBT lại sống đến bây giờ, trong khi tạp chí không bán, không nguồn lợi nhuận nào khác như quảng cáo hay tài trợ chẳng hạn. Bởi chúng tôi dùng sức mình, mồ hôi của mình cộng vào những sáng kiến để làm tiết kiệm phí tổn trong việc in ấn. Nếu quý bạn cảm thấy áy náy khi nhận báo, xin gửi về tòa soạn tem thư, tùy tâm, tùy hỷ. Nếu vì lý do gì đó, quý bạn không còn muốn nhận báo nữa, cũng xin mở rộng lòng, cho chúng tôi biết tin, hoặc bằng cách viết trên bao thư *Return to the sender* để Sở Bưu điện trả lại chúng tôi, hầu giúp chúng tôi tiết kiệm tiền giấy mực và cước phí ngày càng gia tăng khủng khiếp... Chúng tôi hết sức cảm ơn.*

Thư của nhà thơ Lâm Hảo Khôi (Úc)

Đọc trong TQBT số 38 trong bài viết của Trần bang Thạch (tr.27) tôi thấy có phần nhỏ về Nguyễn văn Ba, cần nói lại cho đúng.

-Nguyễn văn Ba học SPCN ở đại học Cần thơ,tốt nghiệp cử nhân khóa đầu tiên của ĐHCTVà nhiều người cùng khóa được nhận làm Giảng nghiệm viên(hay là Phụ khảo) giúp sinh viên thực tập các môn học ở phòng thí nghiệm.Do đó không nên gọi là giáo sư được.Bởi đa số giáo sư đại học lúc đó đều có bằng tiến sĩ(hay ít ra là Cao học).Tôi thấy trong các bài viết trước đây về Ng.v. Ba người viết hay nói "ông từng là GS viện đại học Cần thơ" điều này không đúng và không nên nói như vậy.

_ Tên lúc đi học của Ng. văn Ba là Thái minh Kiệt (chứ không phải T. anh Kiệt) như đã dẫn.

- Chúng tôi ghi nhận ý kiến của anh. Thành thật cảm ơn.

Đính chánh:

Nhà thơ Khuất Đầu cho biết là trong Trường thi *Khúc sinh ca của đồng lúa trở* , có một đoạn thi vì đánh máy sai ghi thời điểm sáng tác là 1978 đã tạo nên một sự nhận định nhầm lẫn trong bài viết của tác giả Trần văn Nam trong TQBT số 36 chủ đề Giới Thiệu Khuất Đầu. Thật ra là năm 1968. Chúng tôi đã chuyển lời yêu cầu đính chánh về nhà nhận định văn học Trần Văn Nam và được ông cho biết như sau qua E Mail (xin giữ nguyên văn):

Toi se ghi nguyen van loi yeu cau dinh chinh cua chi C. L.L.H ve sai lam thoi diem sang tac nam 1978 trong tho Khuat Dau. Va cung ghi luon E.mail cua anh cho biet nha tho Khuat Dau chi sang tac nhung bai tho ay den nam 1970 ma thoi. Se ghi-chu duoi bai toi da viet ve tho Khuat Dau, khi co dip (dang lai, hoac in trong sach cua toi trong tuong lai).

Ghi chú của tòa soạn: Chúng tôi nhận bản đánh máy gửi từ VN do một thân hữu chuyển, Có sao để vậy không hề biên tập một chữ. Xin ghi chú để tránh ngộ nhận và cũng để kêu gọi các thân hữu xin vui lòng cẩn thận kiểm soát lại bài vở trước khi gửi về tòa soạn.

Thư của nhà thơ Tường Phong.

Huế, sáng thứ tư 5 tháng 8, 2009
(Rằm tháng Sáu năm Kỷ sửu)
Bạn Đ. Thân mến,

...N vô bệnh viện 8 ngày mà thấy quá dài. Viện nóng bức quá chừng, N chịu không nổi. N đành về nhà , khám bác sĩ tư, và điều trị tại nhà . N bị bệnh đau và rối loạn ở não bộ, thần kinh suy nhược, nên đau rất dai dẳng, đau mà như không đau, đi đứng trong nhà khó khăn, rất là khổ.

Vừa rồi, Trần Hoài Thư có in tập "Thơ Tình Miền Nam"

gần 724 trang, bìa cứng, có trích thơ tình của 150 tác giả - sắp theo vần ABC - trong đó có Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Vũ Hữu Định, Thanh Tâm Tuyền, Cao Thoại Châu, Du Tử Lê, Đinh Cường, Nguyên Sa v.v... và v.v... N. rất thích hai bài Vĩnh Viễn và Nửa Mặt in trong đó ở các trang 103, 104. Tường Phong được trích 3 bài: Ngoài muôn dặm (1968), Khi trở lại Đà Nẵng (1972) và Trăng Thu ở Phú Quốc (1974)...

Độ này Huế trời nắng nóng lắm. Nóng làm N. mất tinh thần. N. ở nhà luôn chứ không ra khỏi cửa. Bệnh hoạn là nguyên nhân chính, khiến N. càng lúc càng xa với đời sống bên ngoài...

LTS: Tường Phong là bút hiệu của giáo sư Nguyễn Đình Niên, nguyên giáo sư trường Đồng Khánh (Huế), Võ Tánh (Nha Trang)... Vì có một số bạn đọc hỏi thăm tin tức nhà thơ Tường Phong nên chúng tôi mạn phép đăng lại một phần lá thư của ông gửi cho một người bạn đề các thi hữu bạn bè hay học trò của ông biết được phần nào hoàn cảnh của ông bây giờ.

TQBT cầu chúc nhà thơ sớm bình phục.

Địa chỉ của giáo sư Nguyễn Đình Niên/ nhà thơ Tường Phong:

39 Thanh lam bờ

Tây Lộc, Huế

ĐT: (054) 3539362

Email:

Niengnguyen2006@yahoo.com.vn

Bộ sách Di sản văn chương miền Nam

Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (tập I, tái bản)

Bìa cứng, khâu chỉ, dày 860 trang

Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến (tập II)

Bìa cứng, khâu chỉ, dày 740 trang

Một Thời Lục Bát Miền Nam

Bìa mềm, dày 600 trang

Thơ Tự Do Miền Nam

Bìa mềm, dày 660 trang

Thơ Tình Miền Nam

Bìa cứng, dày 710 trang

Văn Miền Nam Thời Chiến Tập I, II, III

Sắp xuất bản:

Văn Miền Nam Thời Chiến tập IV

Địa chỉ liên lạc:

Thư Ân Quán

P.O Box 58

South Bound Brook, NJ 08880

E mail: tranhuaithu@verizon.net